

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LÊ THỊ NƯƠNG

ĐỀ TÀI THÔN QUÊ  
TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**LÊ THỊ NƯƠNG**

**ĐỀ TÀI THÔN QUÊ  
TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam  
Mã số: 62 22 01 21**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. GS.TS. LÃ NHÂM THÌN**
- 2. TS. TRẦN QUANG DŨNG**

**HÀ NỘI - 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những kết quả và số liệu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trên bất cứ tài liệu nào.*

*Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2018*

**Tác giả luận án**

**Lê Thị Nương**

## LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đến nay tôi đã hoàn thành Luận án với đề tài nghiên cứu “*Đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam*”.

Tôi xin chân thành gửi tới GS.TS. Lã Nhâm Thìn và TS. Trần Quang Dũng lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc. Các thầy đã trực tiếp hướng dẫn khoa học, giúp đỡ, động viên tôi hoàn thành luận án này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong tổ bộ môn Văn học dân gian và Văn học trung đại Việt Nam, khoa Ngữ văn, Phòng Sau Đại học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của tập thể lãnh đạo, cán bộ giảng viên khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức đã tạo mọi điều kiện cho tôi được học tập và hoàn thành luận án.

Tôi cũng xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới người thân và bạn bè thân thiết đã luôn động viên, chia sẻ, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình hoàn thành luận án.

Do một số hạn chế nhất định, bản Luận án chắc chắn vẫn còn những thiếu sót. Tác giả Luận án rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để vấn đề nghiên cứu hoàn thiện hơn.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

*Hà Nội, tháng 7 năm 2018*

**Tác giả Luận án**

**Lê Thị Nương**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Đóng góp của luận án.....	4
6. Cấu trúc luận án.....	5
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI.....</b>	<b>6</b>
1.1. Những hướng nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	6
1.1.1. <i>Nghiên cứu chung về văn học trung đại đề cập đến đề tài thôn quê.....</i>	<i>6</i>
1.1.2. <i>Nghiên cứu các tác gia, tác phẩm đề cập đến đề tài thôn quê.....</i>	<i>9</i>
1.1.3. <i>Nghiên cứu các yếu tố thi pháp đề cập đến đề tài thôn quê.....</i>	<i>21</i>
1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài.....	24
1.2.1. <i>Lý thuyết về mối quan hệ giữa văn hóa và văn học.....</i>	<i>24</i>
1.2.2. <i>Lý thuyết phê bình sinh thái.....</i>	<i>27</i>
Tiểu kết Chương 1.....	31
<b>Chương 2. KHÁI QUÁT ĐỀ TÀI THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>32</b>
2.1. Khái niệm và tiền đề xuất hiện đề tài thôn quê.....	32
2.1.1. <i>Khái niệm đề tài thôn quê.....</i>	<i>32</i>
2.1.2. <i>Những tiền đề xuất hiện đề tài thôn quê.....</i>	<i>34</i>
2.2. Quá trình phát triển của đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam.....	41
2.2.1. <i>Giai đoạn từ thế kỷ X - XIV.....</i>	<i>41</i>
2.2.2. <i>Giai đoạn từ thế kỷ XV- XVII.....</i>	<i>43</i>
2.2.3. <i>Giai đoạn từ thế kỷ XVIII - XIX.....</i>	<i>46</i>
2.3. Kết quả thống kê, phân loại đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam.....	49

2.3.1. <i>Tiêu chí thống kê, phân loại</i> .....	49
2.3.2. <i>Kết quả thống kê, phân loại</i> .....	51
Tiểu kết Chương 2.....	54
<b>Chương 3. ĐỀ TÀI THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ NỘI DUNG CẢM HỨNG</b> .....	<b>55</b>
3.1. Bức tranh thôn quê .....	55
3.1.1. <i>Thiên nhiên thôn quê</i> .....	55
3.1.2. <i>Cuộc sống thôn quê</i> .....	74
3.2. Tình cảm, thái độ của tác giả với thôn quê .....	88
3.2.1. <i>Thú quê ẩn dật</i> .....	88
3.2.2. <i>Con người với tình quê, duyên quê</i> .....	94
3.3. <i>Đề tài thôn quê - những khác biệt giữa các vùng miền</i> .....	97
Tiểu kết Chương 3.....	103
<b>Chương 4. ĐỀ TÀI THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN</b> .....	<b>104</b>
4.1. Không gian, thời gian nghệ thuật .....	104
4.1.1. <i>Không gian nghệ thuật</i> .....	104
4.1.2. <i>Thời gian nghệ thuật</i> .....	116
4.2. Ngôn ngữ nghệ thuật.....	125
4.2.1. <i>Điển cố thi liệu Hán học</i> .....	125
4.2.2. <i>Ngôn ngữ văn học dân gian gắn với đời sống thôn quê</i> .....	129
4.2.3. <i>Ngôn ngữ đời sống hàng ngày của người dân thôn quê</i> .....	132
4.3. Giọng điệu nghệ thuật.....	137
4.3.1. <i>Giọng trữ tình</i> .....	138
4.3.2. <i>Giọng tự sự</i> .....	141
4.4. <i>Đề tài thôn quê - những khác biệt giữa thơ chữ Hán và chữ Nôm</i> .....	143
Tiểu kết Chương 4.....	146
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>148</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ</b> .....	
<b>LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	<b>152</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>153</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>164</b>

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

BVAT	Bạch Vân am tập
BVQNTT	Bạch Vân quốc ngữ thi tập
HĐQÂTT	Hồng Đức quốc âm thi tập
QÂTT	Quốc âm thi tập
U'TTT	Úc Trai thi tập

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

**1.1.** Trong tiến trình văn học dân tộc, văn học trung đại có một vị trí quan trọng và góp phần không nhỏ vào việc tạo dựng diện mạo và thành tựu cho nền văn học nước nhà, đặc biệt là thơ ca. Khởi nguyên là một nền văn học mang những tính chất đặc thù của văn chương Nho giáo, văn học trung đại Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng ít nhiều ảnh hưởng tính cao nhã, quy phạm. Bên cạnh các văn thơ tổ chức, thơ vịnh sử, thơ đi sứ... thơ về thôn quê đã đưa văn học trở về với ngọn nguồn văn hóa giàu tinh thần dân tộc. Mảng thơ này đã tạo nên một gam màu bình dị, mộc mạc trong bức tranh đa sắc của thơ trung đại. Những văn thơ về thôn quê còn ẩn chứa nhiều giá trị sâu sắc về tư tưởng, văn hóa, mà nền tảng sâu xa là tinh thần tự tôn, tự cường dân tộc, tình yêu quê hương đất nước. Do vậy, nghiên cứu về đề tài thôn quê trong thơ trung đại sẽ là một hướng tiếp cận mới nhìn từ cội nguồn văn hóa dân tộc, cho thấy xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa của văn học trung đại Việt Nam.

**1.2.** Phần lớn các nho sĩ trung đại đều xuất thân từ “cửa Khổng sân Trình”, vừa tiếp thu những điển phạm của văn chương Nho giáo, vừa hướng tới khám phá vẻ đẹp quen thuộc, gần gũi của thôn quê làng Việt. Tầng lớp trí thức phong kiến Việt Nam, dù ở môi trường cung đình quý tộc hay về môi trường thôn quê, trong căn cốt tâm hồn và tình cảm của họ vẫn không tách rời với cái nôi văn hóa làng mạc ngàn đời của dân tộc. Điều đó cũng thể hiện sự thay đổi quan niệm thẩm mỹ và tư duy nghệ thuật của nhà thơ. Đối tượng thẩm mỹ của văn học không chỉ “tầm chương trích cú” mà cái đẹp còn được chung cất lên từ chính cuộc sống đời thường bình dị, dân dã. Thôn quê đẹp tự nhiên, thuần phác, là nơi khơi nguồn cảm hứng thơ ca trong trẻo của thi nhân. Xét về không gian địa lý, thôn quê là quê hương bản quán, là nơi các thi nhân quay trở về ẩn náu, lánh xa bụi trần. Xét về giá trị tinh thần, thôn quê là chốn ngơi nghỉ thân quen, gần gũi, là nơi di dưỡng tâm hồn nhà thơ. Sự xuất hiện đề tài thôn quê trong thơ trung đại là một quy luật tự nhiên và tất yếu. Nghiên cứu về đề tài thôn quê trong suốt tiến trình phát triển của văn học trung đại sẽ giúp chúng ta tìm ra những giá trị sâu sắc của người xưa ẩn sau những câu thơ bình dị, dân dã.

**1.3.** Việc nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại có ý nghĩa thực tiễn đối với việc giảng dạy và nghiên cứu văn học trong nhà trường. Nhiều tác giả viết về đề tài thôn quê được lựa chọn, giảng dạy trong chương trình các cấp. Vậy nên,



luận án nghiên cứu đề tài thôn quê góp phần bổ sung những nghiên cứu, những tư liệu nhất định cho việc giảng dạy văn học trong nhà trường. Mặt khác, tìm hiểu đề tài thôn quê trong thơ trung đại còn góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, văn học truyền thống của dân tộc. Bởi suy cho cùng, tìm hiểu giá trị di sản thơ ca trung đại là tìm về vẻ đẹp tinh thần dân tộc đã được tinh lọc hàng nghìn đời nay qua bức tranh thôn quê cũng như cuộc sống, xã hội của người dân lao động.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tìm hiểu những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự hình thành và phát triển của đề tài thôn quê, những quan niệm văn học trong văn chương nhà nho ảnh hưởng đến đặc điểm cơ bản của đề tài thôn quê.

- Nghiên cứu các đặc điểm của đề tài thôn quê ở hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Từ đó, luận án hướng tới phác họa bức tranh thôn quê Việt Nam thời trung đại cũng như đời sống tinh thần phong phú của các thi nhân qua thơ viết về thôn quê.

- Xác định vai trò và vị trí của thơ về thôn quê trong tiến trình phát triển chung của văn học trung đại, quy luật vận động theo tinh thần dân tộc hóa, dân chủ hóa của thơ ca trung đại Việt Nam.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam từ thế kỉ XIII đến hết thế kỉ XIX. Trong suốt tiến trình đó có nhiều tác giả viết về thôn quê, tuy nhiên đề tài lựa chọn những tác giả tiêu biểu cho các vùng miền, có đóng góp cho từng giai đoạn phát triển của văn học. Cụ thể là 285 bài thơ của các tác giả: vua Trần và nho sĩ thời Trần, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bảo, Thái Thuận, Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức, Cao Bá Quát, Phan Thúc Trực, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Khuyến.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

#### *3.2.1. Phạm vi tư liệu khảo sát*

Nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam, luận án căn cứ vào các tư liệu sau:

+ *Thơ văn Lý - Trần - Tập III* (1978), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

+ *Thơ văn Lý - Trần - Tập II (Quyển thượng)*, (1989), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- + *Ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn* (1998), Nxb Giáo dục.
- + *Hợp tuyển thơ Nguyễn Trãi* (2009), Nxb Hội Nhà văn.
- + *Nguyễn Bảo, nhà thơ - danh nhân văn hóa (1991)*, Nxb Văn hóa, Sở Văn hóa thông tin Thái Bình.
- + *Thái Thuận - Lữ Đường thi* (2001), Nxb Văn học.
- + *Hồng Đức quốc âm thi tập* (1982), Nxb Văn học.
- + *Tổng tập Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm* (2015), Nxb Văn học.
- + *Gia Định tam gia* (2003), Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
- + *Cao Bá Quát toàn tập - Tập 1* (2004), Nxb Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
- + *Cao Bá Quát toàn tập - Tập 2* (2012), Nxb Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
- + *Cẩm Đình thi tuyển tập* (2011), Nxb Khoa học xã hội.
- + *Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm* (1990), Nxb Tp Hồ Chí Minh.
- + *Nguyễn Khuyến - Tác phẩm* (1984), Nxb Khoa học xã hội.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng thêm các tài liệu khác có liên quan để phục vụ cho việc so sánh như:

- + *Đường thi tam bách thủ* (2000), Nxb Hội Nhà văn.
- + *Văn học cổ điển Hàn Quốc* (2009), Nxb Văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh.
- + *Thơ Basho và Haiku* (1994), Nxb Văn học, Hà Nội.

Trong tầm khả năng bao quát tư liệu của mình, chúng tôi khảo sát cơ bản các tư liệu nêu trên để phân loại, đánh giá theo nội dung nghiên cứu khoa học của luận án. Đối với các văn bản thơ chữ Hán, luận án không đi sâu vào việc tìm hiểu văn bản học, mà trên cơ sở bản dịch nghĩa để khảo sát nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

### 3.2.2. Phạm vi khoa học

- Diễn tiến và vị trí của đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam.
- Nội dung cảm hứng và phương thức thể hiện của đề tài thôn quê.
- Những tương đồng và khác biệt của đề tài thôn quê giữa thơ chữ Hán với chữ Nôm, giữa các vùng miền.

## 4. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết vấn đề của luận án, chúng tôi sử dụng kết hợp các phương pháp chủ yếu sau:

- 4.1. Phương pháp hệ thống:** Phương pháp hệ thống là phương pháp đặt các

đối tượng nghiên cứu trong chính thể cấu trúc để tìm ra những quy luật phát triển. Chúng tôi đặt đề tài thôn quê trong hệ thống các hệ quy chiếu khác nhau để nhận thấy quá trình hình thành và phát triển của thơ thôn quê trong suốt tiến trình văn học trung đại. Với phương pháp này, người viết sử dụng các thao tác khảo sát, thống kê, phân loại các bài thơ viết về đề tài thôn quê theo từng giai đoạn cụ thể.

**4.2. Phương pháp phân tích - tổng hợp:** Phương pháp phân tích - tổng hợp là phương pháp phân tích các yếu tố, bộ phận của đối tượng để dẫn đến những kết luận, tổng hợp mang tính khái quát về đối tượng. Các tác phẩm thơ thôn quê là đối tượng phân tích - tổng hợp chủ yếu của luận án. Trên cơ sở phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản, luận án đưa ra những kết luận xác thực, rút ra những vấn đề mang ý nghĩa lí luận.

**4.3. Phương pháp so sánh - đối chiếu:** So sánh các tác giả, tác phẩm viết về thôn quê trong thơ chữ Hán và chữ Nôm; so sánh đề tài thôn quê ở các giai đoạn khác nhau; so sánh các tác gia tác phẩm trung đại Việt Nam với các nước trong khu vực văn hóa chữ Hán; so sánh văn học trung đại với văn học hiện đại (khi cần thiết).

**4.4. Phương pháp tiếp cận liên ngành:** Phương pháp tiếp cận liên ngành là phương pháp vận dụng, kết hợp thành tựu của các bộ môn có liên quan đến đối tượng nghiên cứu như: văn hóa, lịch sử, triết học, xã hội học... để thấy được những ảnh hưởng, tác động tới đối tượng nghiên cứu.

**4.5. Phương pháp văn học sử:** Phương pháp văn học sử là phương pháp đặt vấn đề nghiên cứu trong toàn bộ quá trình phát triển của văn học dân tộc. Với phương pháp này, chúng tôi nghiên cứu đề tài thôn quê trong chiều đồng đại và lịch đại để thấy được những đặc điểm riêng và đóng góp của từng giai đoạn, từng tác giả. Từ đó, vị trí của đề tài thôn quê được xác định cụ thể hơn.

## **5. Đóng góp của luận án**

**5.1.** Luận án tổng hợp, hệ thống về mặt tư liệu thơ viết về đề tài thôn quê trong bảy thế kỷ phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

**5.2.** Luận án chỉ ra đặc điểm và diện mạo của đề tài thôn quê về nội dung cảm hứng và phương thức thể hiện thơ trung đại Việt Nam, chiều sâu văn hóa, tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần nhân bản. Luận án làm nổi bật đặc điểm riêng của thơ thôn quê ở mỗi vùng miền qua các tác giả tiêu biểu.

**5.3.** Qua đề tài thôn quê, luận án góp phần bổ sung và làm rõ đặc điểm và xu hướng phát triển của thơ trung đại Việt Nam theo tinh thần dân tộc hóa, dân chủ hóa.

**5.4.** Luận án đặt thơ trung đại Việt Nam trong sự đối sánh với thơ trung đại

các nước có ảnh hưởng qua lại với văn hóa Hán để thấy được điểm chung và nét đặc trưng riêng biệt của thơ viết về đề tài thôn quê Việt Nam.

5.5. Phụ lục các bài thơ về thôn quê của luận án là tư liệu khảo cứu hữu ích cho những người nghiên cứu, giảng dạy, những người quan tâm tới thơ trung đại Việt Nam nói chung, thơ viết về đề tài thôn quê nói riêng.

## **6. Cấu trúc luận án**

Ngoài các phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo*, *Phụ lục*, phần *Nội dung* chính của luận án được trình bày theo 4 chương:

**Chương 1:** Tổng quan vấn đề nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài.

**Chương 2:** Khái quát đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam.

**Chương 3:** Đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam nhìn từ nội dung cảm hứng.

**Chương 4:** Đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam nhìn từ phương thức thể hiện.

## Chương 1

# TỔNG QUAN VĂN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

### 1.1. Những hướng nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong các thập niên gần đây, nhiều học giả đã dày công phiên âm, chú giải, nghiên cứu thơ trung đại Việt Nam. Nhiều công trình đã đi sâu tìm hiểu, đánh giá đúng vị trí của các thi nhân trong nền văn học nước nhà. Trên cơ sở tài liệu đã tham khảo có liên quan đến luận án, chúng tôi tập trung tìm hiểu các công trình nghiên cứu theo các hướng khác nhau có đề cập tới đề tài thôn quê. Dù các công trình nghiên cứu trước đây chưa có sự khu biệt cụ thể, chính xác về khái niệm thôn quê, nhưng những tìm hiểu về thiên nhiên, con người, cuộc sống thôn quê, những đánh giá đề cao tính chất *bình dị, dân dã, mộc mạc* của thơ trung đại Việt Nam... được xem là những nhận định có giá trị khi nghiên cứu đề tài này.

#### 1.1.1. Nghiên cứu chung về văn học trung đại đề cập đến đề tài thôn quê

Việc nghiên cứu thơ trung đại khởi nguồn từ việc dịch thuật, tuyển thơ, bình phẩm. Cho đến nay, các công trình nghiên cứu về di sản thơ trung đại của dân tộc rất phong phú và đa dạng. Trong đó, đề tài thôn quê đã được nhắc đến qua một số công trình nghiên cứu mang tính khái quát về lịch sử văn học, về khuynh hướng phát triển của thơ ca dân tộc. Mặc dù đề tài thôn quê chưa được nghiên cứu như một đối tượng riêng biệt, nhưng các nhận định về sự hình thành cũng như biểu hiện của văn học viết về đề tài thôn quê được xem là các công trình mở đường cho việc tìm hiểu đề tài thôn quê.

Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* có nêu những điều kiện phát sinh chữ Nôm gắn liền với môi trường thôn quê: “Nhìn từng cá nhân, từng văn nghiệp thì, vấn đề năng khiếu và cảm hứng đặt ra ngoài: có sáng tác Nôm là khi có quãng đời lui về thôn quê, sống lẫn lộn với bình dân” [123, tr.34]. Tác giả lý giải những chặng đường “phong trần” hoặc “lỡ thời thất thế” của các thi nhân trung đại ở chốn quê là yếu tố để sáng tác thơ Nôm. Từ đó, nhà nghiên cứu khẳng định vai trò của ngôn ngữ đời sống thôn quê đã tác động đến thi hứng của nhà thơ trung đại: “Do đó, có chuỗi ngày hòa mình vào cuộc sống bình dân, có dịp thâm giá và yêu mến ngôn ngữ bình dân, và thấy sự hứng thú sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ” [123, tr.35]. Dù chưa khẳng định sự tồn tại một dòng thơ viết về thôn quê, nhưng

tác giả công trình đã có nhận định khá chính xác về nguyên do khách quan tạo nên dòng thơ Nôm đậm đà tinh thần dân tộc, gắn gũi với đời sống thôn quê. Sự hình thành và phát triển thơ Nôm gắn liền với những biểu hiện của vẻ đẹp bình dị, mộc mạc thôn quê.

Đinh Gia Khánh trong cuốn *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)* đã nêu vai trò của sự xuất thân của tầng lớp nho sĩ có ảnh hưởng đến sáng tác văn học: “Họ là những người trí thức phần lớn xuất thân từ địa chủ thứ dân. Một số ngày càng nhiều lại xuất thân từ nông dân và thợ thủ công. Là những người tương đối gần với các tầng lớp nhân dân hơn là quý tộc, họ tiếp thu được nhiều hơn tư tưởng của nhân dân về những vấn đề đặt ra cho dân tộc ta lúc bấy giờ” [87, tr.72]. Nghiên cứu này đã khẳng định nguồn gốc xuất thân của các nhà nho cũng là yếu tố tạo nên những đặc trưng riêng của nhà nho trung đại Việt Nam.

Trần Đình Hượu trong công trình *Nho giáo và văn học trung cận đại Việt Nam* đã nhận thấy xu hướng sáng tác của các nhà nho trung đại gắn liền với cuộc sống ẩn dật chốn quê: “Những người chán nản với thực tế của chế độ chuyên chế, chán nản với chông gai, bụi bặm của con đường công danh, rút lui về ẩn dật ở nông thôn, vui với gió trăng, nước non, cây cỏ, với tình bà con, xóm làng thường là những người có cơ hội cảm thông với nông dân lao động, thấy cái hay, cái đẹp của thứ văn chương dân gian mà trước kia họ vẫn coi thường” [74, tr.53]. Theo nhận định của tác giả công trình, nhà nho trung đại Việt Nam trải qua những thăng trầm trên con đường công danh, đến khi thất thế thường tìm về làng quê chốn cũ để di dưỡng tâm hồn, bảo toàn danh tiết. Đó cũng là nơi khơi nguồn cảm hứng sáng tác về thôn quê. Sự xuất hiện đề tài thôn quê trong thơ nhà nho trung đại xuất phát từ yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Đây là công trình nghiên cứu có vai trò quan trọng trong việc lý giải tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trong các sáng tác về thôn quê.

Khi nghiên cứu về giai đoạn đầu tiên của văn học trung đại, nhà nghiên cứu Nguyễn Phạm Hùng trong cuốn *Văn học Lý Trần - nhìn từ thể loại* đã có những phát hiện về sự xuất hiện của hình ảnh thôn quê trong thơ thời Trần: “Thi sĩ Thịnh Trần phần lớn là vua chúa, quan lại, nho sĩ trí thức, nhưng thơ ca của họ dành tình cảm lớn lao đối với cuộc sống nơi thôn dã, thanh thoi, bình dị” [66, tr.80]. Tác giả khẳng định khuynh hướng văn học mang đậm tinh thần dân tộc, dân chủ của các vua Trần. Đồng thời, công trình nghiên cứu cũng cho thấy thơ về thôn quê xuất hiện từ rất sớm trong sáng tác của các thi sĩ thời Trần. Bên cạnh đó, tác giả công trình cũng đã đánh giá và phân tích về hình ảnh thôn quê trong một số sáng tác của vua

Trần Thánh Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Trần Nguyên Đán. Những phân tích đó bước đầu cho thấy sự mở rộng về phạm vi đề tài trong thơ trung đại.

Trong cuốn *Khảo và luận về một số tác gia tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, Bùi Duy Tân cũng nhận thấy vai trò của môi trường nông thôn đối với nhà nho trung đại: “Nông thôn và cuộc sống ở nông thôn, cái nôi của nền văn hóa, văn nghệ dân tộc, nơi bảo vệ và nuôi dưỡng những truyền thống tốt đẹp và lâu đời của dân tộc, không những là chỗ ẩn náu của nhà thơ khi thấy mình bất lực trước thời cuộc, mà còn là nơi góp phần bồi dưỡng và phát huy niềm ưu ái ở nhà thơ” [154, tr.300]. Tác giả công trình đã khẳng định môi trường nông thôn không chỉ là cái nôi văn hóa dân tộc mà còn góp phần tạo nguồn cảm hứng thi ca về cuộc sống điền viên, dân dã. Ngoài ra, tác giả còn đề cao vai trò và vị trí của thơ ca trung đại trong việc truyền tải được các giá trị truyền thống dân tộc, ở đó có những vần thơ viết về thôn quê.

Nghiên cứu về nhà nho trung đại Việt Nam, Trần Nho Thìn lại có góc nhìn từ chiều sâu lịch sử, văn hóa để tìm hiểu và phân nào lý giải sự quan tâm của nhà nho trung đại đến nông thôn và nông dân: “Sống trong một xã hội nông nghiệp thì việc quan trọng mà bậc trí thức phải làm là quan tâm đến nông nghiệp. Nhưng dù ý thức được tầm quan trọng của nông nghiệp, các nhà nho không tham gia vào nông nghiệp mà họ lo đi tìm “văn hóa” cho đường lối cai trị nông dân” [177, tr.355]. Đối với tác giả, phản ánh thực tại vấn đề thôn quê trong thơ trung đại cũng là một trong những đặc trưng của nhà nho trung đại, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến đời sống của muôn dân.

Đinh Thị Khang đã có những phát hiện về hình ảnh thôn quê thanh bình trong thơ thời Trần, đặc biệt là thơ đi sứ: “Đây là tiếng nói thâm thía của nhà thơ đối với cố hương. Chốn quê nghèo luôn là niềm day dứt và cảm xúc chân thực của tác giả” [173, tr.58]. Trên cơ sở phân tích các tác phẩm tiêu biểu của các vua Trần, tác giả đã khẳng định sự xuất hiện bóng dáng đồng quê trong thơ: “Đằng sau chốn lụa là gấm vóc, lầu son bệ ngọc, cung điện đền đài trong thơ đời Trần đã thấp thoáng bóng nhà dân, cảnh đồng lúa, tiếng sáo trẻ trâu, những nông tằm chín, bát canh cua béo và mùa lúa sớm... một thiên nhiên bình dị đã được thể hiện gần gũi, chân thật, sinh động và hấp dẫn” [173, tr.60]. Những công trình nghiên cứu đã nhận thấy mối quan hệ mật thiết giữa thi nhân trung đại và môi trường thôn quê, tiền đề hình thành những vần thơ bình dị, gần gũi với đời sống thôn quê.

Ngoài ra, nhiều công trình của các tác giả như Mai Cao Chương, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Hữu Yên, Nguyễn Đăng Na, Lã Nhâm Thìn, Đoàn

Lê Giang, Đoàn Thị Thu Vân, Trần Thị Hoa Lê, Nguyễn Thanh Tùng... đã góp phần làm sáng tỏ những đặc điểm của nhà nho trung đại Việt Nam đối với sự hình thành và phát triển thơ ca trung đại viết về thôn quê.

Các công trình nghiên cứu về đề tài thôn quê được thể hiện ở nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, đặc biệt các tác giả chú ý đến xu hướng phát triển của văn học trong sự tương quan với các vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội. Các nhà nghiên cứu đã phân tích và lý giải những vấn đề tiêu biểu về nhà nho trung đại với vị thế xuất thân và gần gũi, chăm lo đến cuộc sống của người dân. Đây là những nhận định, đánh giá có ý nghĩa góp phần định hướng đề tài luận án đi sâu tìm hiểu các giá trị của thơ ca trung đại Việt Nam trong tiến trình phát triển của nền văn học trung đại. Tuy nhiên, các công trình chủ yếu mang tính giới thiệu, giải thích, khái lược những vấn đề có liên quan đến đề tài thôn quê mà chưa coi đây là đối tượng trung tâm để nghiên cứu.

### ***1.1.2. Nghiên cứu các tác gia, tác phẩm đề cập đến đề tài thôn quê***

Nhiều công trình nghiên cứu theo hướng tiếp cận đặc điểm cũng như những đóng góp của mỗi tác giả trong tiến trình phát triển của văn học trung đại. Với hướng nghiên cứu này, *luận án tìm hiểu các công trình nghiên cứu theo tiến trình xuất hiện của các tác giả trung đại Việt Nam*. Đầu tiên là các công trình nghiên cứu về các thi sĩ thời Trần và kết thúc là các công trình nghiên cứu về tác giả Nguyễn Khuyên.

Cuốn *Thơ văn Lý - Trần* (Quyển thượng) do Nguyễn Huệ Chi chủ biên đã tập hợp các tác phẩm tiêu biểu của các nho sĩ thời Lý - Trần. Các tác giả công trình đã khẳng định vai trò lịch sử cũng như các giá trị đặc trưng trong thơ của các nho sĩ thời kỳ này. Trong bài giới thiệu về nhà thơ Trần Quang Triều, tác giả công trình nhận thấy: “Ông vui với thiên nhiên và cuộc sống trù phú của dân chúng nơi thôn dã... Ông có những nhận xét tinh tế về nét riêng của thiên nhiên nước ta” [17, tr.608]. Sự xuất hiện hình ảnh thôn dã trong thơ thời kỳ này đã sớm khẳng định sự hình thành một dòng thơ hướng về vẻ đẹp bình dị là điều mà công trình nghiên cứu đã khẳng định.

Nguyễn Hữu Sơn trong bài “*Căn rễ văn hóa của nền văn học thời Lý - Trần*” (trong cuốn *Văn học Việt Nam thế kỷ X - XIX - những vấn đề lý luận và lịch sử*) đã nhận thấy “căn rễ văn hóa” của văn học thời kỳ này từ thơ của các vua Trần: “Trần Nhân Tông có được những vần thơ đề vịnh làng cảnh quê hương như vẽ, như tạc, như tiếng vọng chiều quê thanh bình” [197, tr.94]. Tác giả đã đề cao giá trị những vần thơ đề vịnh của vị vua tiêu biểu nhà Trần luôn hướng ngòi bút tới cuộc sống



làng quê.

Đáng chú ý là bài viết “*Chât Đại Việt trong Úc Trai thi tập*”, Lê Trí Viễn đã khai thác tập thơ chữ Hán với những nét mộc mạc, gần gũi trong con người Úc Trai. Tác giả công trình đã nhận thấy: “Ngay từ thời còn tìm đường, một cuộc sống gần thiên nhiên với suối rừng, mai trúc, trong cảnh sinh hoạt nông thôn cấy muống ươm sen, áo bô quen cật, dưa muối nài chi đã như một ước hẹn thề bồi từ thuở nào” [145, tr.517]. Người viết đã nhận thấy Úc Trai là một người luôn canh cánh nỗi tiên ưu, luôn đau đáu tư tưởng “trí quân trạch dân”, đồng thời cũng khẳng định một niềm vui sống của thi nhân: “Biết sống lành mạnh vui tươi, giữa cuộc sống của nông thôn lao động, với mọi cảnh vật thiên nhiên” [145, tr.518]. Nhà nghiên cứu đã tinh tế nhận thấy sự gần gũi, thân mật giữa Nguyễn Trãi với người lao động: “Cái nhìn của Nguyễn Trãi đối với sự lao động sản xuất ở nông thôn, tuy chưa xa cái khí vị “cày Sắn câu Vị”, nhiều nhất cũng mới “cày ruộng cuốc vườn”, tát ao thả muống... nhưng đã có gì rất gần gũi chan hòa với “mấy đừa thôn dân” [145, tr.519]. Như vậy, qua những vần thơ chữ Hán giàu tính quy phạm, cao nhã, tác giả bài viết đã tìm ra vẻ đẹp mộc mạc trong tâm hồn Úc Trai trong sự gắn bó với cảnh vật, con người thôn quê.

Trong bài viết: “*Muống đá để ngời*”, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã nhận định về cuộc sống của vị chân nho trong thơ chữ Hán Nguyễn Trãi: “...làm bạn với người đánh cá, lao động với thôn dân, thả rau muống ở ao nhà, cuốc đất chùa ươm mồng toi, đốt củi bách pha trà và nấu canh bằng trái núc nác” [145, tr.613]. Theo quan điểm của tác giả bài viết, những vần thơ về thôn quê của Nguyễn Trãi được khơi nguồn cảm hứng từ chính cuộc sống thường nhật của nhà thơ chôn thân dã, yên bình.

Bên cạnh những nghiên cứu về thơ chữ Hán, cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu về *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi liên quan đến đề tài thôn quê. Đó là các công trình của Xuân Diệu, Mai Trân, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, Đặng Thanh Lê, Lã Nhâm Thìn... Các tác giả đã nghiên cứu ở nhiều góc nhìn khác nhau để thấy được giá trị đa tầng của tác phẩm thơ về thôn quê. Trong đó, một số bài viết về thiên nhiên đã có những đánh giá xác thực và có nhiều gợi mở cho chúng tôi khai thác đề tài này.

Trong bài: “*Quốc âm thi tập, tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam*”, Xuân Diệu đã phát hiện ra những hình ảnh quen thuộc với cuộc sống thôn quê: “Chúng ta thấy có rau muống, dọc mùng, đậu kê, kê khoai, mồng toi, núc nác, củ ấu, cây sen... từ năm sáu trăm năm trước gửi đến cho chúng ta hôm nay” [145,

tr.712]. Tác giả bài viết cho thấy những hình ảnh dân dã, mộc mạc trong thơ quốc âm Nguyễn Trãi đã đem lại giá trị độc đáo cho thơ trung đại và vẫn rất gần gũi với người đọc ngày nay. Trong một công trình khác, Xuân Diệu đã nhận thấy: “Một mặt Nguyễn Trãi phơi phới bay bay bằng tâm hồn, mặt nữa Ông cụ nói tới công việc đồng áng nhà nông, và quý báu biết bao! Ta thử hỏi các nhà thơ Việt Nam xưa trước, ai đã nói được thấm thiết trong thơ Nôm như Nguyễn Trãi, về rau cỏ sản vật thường ngày của quê hương đất nước mình” [29, tr.32]. Đó là những hình ảnh quen thuộc, bình dị trong sáng tác của một nhà nho uyên bác. Đồng thời, công trình cũng khẳng định vai trò mở đường của Nguyễn Trãi trong việc phản ánh cái bình dị trong thơ Nôm trung đại Việt Nam.

Bùi Duy Tân khi tìm hiểu về thơ thiên nhiên Nguyễn Trãi cũng đã nhận thấy: “Ở đây, thiên nhiên bao giờ cũng mang trong lòng nó hương sắc, bầu trời, không khí, cảnh vật... của quê hương, xứ sở và một mảnh tâm hồn của nhà thơ” [155, tr.198]. Đồng thời, tác giả cũng khẳng định: “Nguyễn Trãi chưa hẳn là nhà thơ viết nhiều về thiên nhiên nhất trong lịch sử văn học, nhưng ông là nhà thơ viết hay nhất về thiên nhiên” [155, tr.198]. Trong công trình này, nhà nghiên cứu đã tìm thấy cội nguồn làm nên giá trị thơ ca của Nguyễn Trãi đó là vẻ đẹp của quê hương, đậm đà tinh thần dân tộc.

Các tác giả cuốn *Giáo trình văn học trung đại* (Tập 1) đã có những nhận định quý giá, làm cơ sở khoa học cho đề tài luận án. Lã Nhâm Thìn đã phát hiện bức tranh mộc mạc không cần tô vẽ trong thơ Nguyễn Trãi bên cạnh bức tranh thiên nhiên hoành tráng, kỳ vĩ: “Thiên nhiên bình dị dân dã, từ quả núc nác, lạnh mòng toi, bèo rau muống, rảnh mùng, “ngõ cày đất ải”... vốn gần gũi quen thuộc với nông dân, với thơ ca dân gian nhưng lại có phần xa lạ với văn chương bác học. Nguyễn Trãi đã đưa được những thứ ấy vào thơ một cách tự nhiên, trở thành ngôn ngữ nghệ thuật, tạo nên những rung động thẩm mỹ... cái bình dị, đời thường cũng trở thành đối tượng của cái đẹp” [173, tr.129]. Tác giả đã khẳng định giá trị thẩm mỹ của những hình tượng nghệ thuật mang vẻ đẹp bình dị, dân dã trong thơ nhà nho trung đại Việt Nam.

Các tác giả phương Tây đã có những công trình nghiên cứu về văn hóa và văn học phương Đông, trong đó có thơ ca trung đại Việt Nam. Viết về Nguyễn Trãi, trong bài “*Tựa Nguyễn Trãi và Quốc âm thi tập*”, nhà nghiên cứu Richard Feray đã có một nhận định tinh tế về con người và thơ văn thi nhân: “Qua sự tiếp xúc với thiên nhiên, gần gũi với “đám dân đen” mà ông yêu mến và thông hiểu biết mấy, có

những lúc đã hài lòng khi phát hiện ra rằng cuộc đời là đáng sống nếu như không đáng...ca ngợi” [145, tr.1183]. Nhận định cho thấy mối liên hệ giữa hiện thực đời sống “đám dân đen” nơi thôn quê với nguồn cảm hứng của thơ ca Nguyễn Trãi. Cùng quan điểm ấy, N.I. Niculin trong bài “*Đất nước và thiên nhiên trong thơ văn Nguyễn Trãi*” đã nhận thấy: “Sự quan tâm thường xuyên lớn lao của Nguyễn Trãi đối với cuộc sống và cảnh bản cùng của người dân là yếu tố quan trọng, là nội dung cơ bản trong thế giới quan của ông” [145, tr.794]. Đó cũng chính là điểm gặp gỡ của học giả Tôndôri Đeduê khi viết về Nguyễn Trãi: “Và kia là cảnh đồng nội với công việc cày bừa, gieo vãi, tưới nước, chăm cây... Cái khung cảnh nhỏ này chúng ta không được phép coi thường, bởi vì trong đó mở ra những khả năng toàn diện của con người” [145, tr.1186]. Các độc giả nước ngoài đã đánh giá và đề cao những vần thơ “đồng nội” của Nguyễn Trãi trong việc thể hiện tư tưởng tâm hồn thi nhân.

Như vậy, các nhà nghiên cứu cho thấy QATT không chỉ là tập thơ đầu tiên thành công về nghệ thuật sử dụng chữ Nôm mà còn là tác phẩm Nôm đầu tiên xuất hiện vẻ đẹp thôn quê bình dị, dân dã. Mặc dù các công trình chưa đi sâu nghiên cứu, phân tích và nhận diện đầy đủ về đề tài thôn quê nhưng đã định hướng và khẳng định vị trí của QATT đối với sự phát triển của thơ ca trung đại Việt Nam.

Tìm hiểu về thơ Nguyễn Bảo, Bùi Duy Tân nhận thấy chiều sâu giá trị của những vần thơ về thôn quê: “Yêu nước đối với ông là tình yêu quê hương, ruộng đồng, làng mạc, sinh hoạt thôn dã, nơi mà cuộc sống của nhân dân được nuôi dưỡng như trong cái nôi êm ấm và quen thuộc đã bao đời” [152, tr.65]. Nguyễn Huệ Chi cho rằng: “Nhiều bài thơ tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Bảo cũng thể hiện được những nỗi mừng vui, lo lắng đối với đồng ruộng, mùa màng” [57, tr.1107]. Thậm chí người viết còn khẳng định: “Có thể xem Nguyễn Bảo là một trong những nhà thơ viết về sinh hoạt nông thôn rất sớm trong lịch sử văn học Việt Nam. Ngòi bút ông không chút bàng quan mà đầy thiện cảm trong khi miêu tả nông dân và cuộc sống đồng ruộng” [57, tr.1107]. Các nhà nghiên cứu đã khẳng định vị trí của thơ thôn quê Nguyễn Bảo trong nền thơ ca dân tộc thế kỉ XV.

Nghiên cứu *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức, nhiều công trình đã nhận diện một mảng thơ thôn quê bình dị bên cạnh thơ ca tụng thù tạc vương triều. Các nhà nghiên cứu khẳng định những đóng góp về giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm trong nền văn học dân tộc. Trong đó, có nhiều công trình nghiên cứu đánh giá cao thi tập của các thi nhân thời Hồng Đức ở phương diện bình dị, dân dã. Nghiên cứu về tác phẩm này, trước

hết chúng ta phải kể đến “Lời giới thiệu” công phu của Bùi Văn Nguyên: “Đây là tác phẩm cung đình lại do vua chỉ đạo nên trước hết phải toát lên tinh thần “trung quân ái quốc”. Tuy nhiên *Hồng Đức quốc âm thi tập* cũng có những nét mô tả đời sống nhân dân trong thôn xóm, trong đồng ruộng, mặc dù còn sơ sài nhưng rất quý. Các nhà thơ ở đây đã chú ý đến hình dáng “con trâu”, “đụn củi”, đến “com trắng”, “cá tươi” của người bình dân” [37, tr.22]. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu còn khẳng định mảng đề tài về đời sống thôn quê có một vị trí quan trọng góp phần tạo nên giá trị tập thơ: “Hãy lướt qua những chỗ thù phụng tầm thường, những chỗ dễ dãi về niêm luật, về lời thơ, về hiệp vần, chúng ta sẽ đọc được những câu thơ sống động đậm đà màu sắc dân tộc, đậm đà tình cảm yêu thiên nhiên đất nước, yêu con người trong sáng, con người lao động” [37, tr.32]. Cụ thể hơn, tác giả còn nhận thấy: “Các nhà thơ ở đây đã chú ý đến hình dáng con trâu, đụn củi, đến com trắng, cá tươi của người bình dân (*Tứ thú tương thoại*), đã chú ý đến sự cần cù của nông dân khi họ chuẩn bị đi cày cấy từ lúc tinh mơ” [37, tr.22]. Tác giả cho thấy giá trị ẩn tàng đằng sau những câu thơ mang tính ca tụng thù tạc của vua và quần thần trong thời kì thái bình thịnh trị là cuộc sống thôn quê phong phú, sinh động.

Nhà nghiên cứu Mai Cao Chương đã nghiên cứu những thành tựu cũng như những hạn chế của tập thơ. Tác giả nhấn mạnh những giá trị mà tập thơ đạt được: “Có một số bài thể hiện được tình cảm chân thực của nhà thơ đối với cảnh vật, trong đó đáng chú ý là những bài lấy cảnh vật thiên nhiên có màu sắc dân tộc. Các nhà thơ đã có sự rung cảm chân thành” [87, tr.129]. Bài viết cho thấy yếu tố dân dã bình dị, đời thường được thể hiện trong sáng tác của các nho sĩ cung đình. Nhà nghiên cứu Bùi Duy Tân cũng đã có nhận xét tinh tế: “Lê Thánh Tông là một trong những tác gia có nhiều thơ viết về thiên nhiên và đề vịnh phong vật đất nước... Thơ đề vịnh thiên nhiên phong cảnh của Lê Thánh Tông không thiếu vẻ nên thơ, mỹ lệ, hoành tráng của non sông đất nước, nhưng cũng tràn ngập xúc cảm, chân tình về thực tiễn xã hội, về cuộc sống con người” [154, tr.126]. Bài viết đã phát hiện ra bức tranh hiện thực cuộc sống phong phú trong bức gấm hoa thù tạc cung đình của Hội Tao đàn.

Tiếp cận nghiên cứu từ góc nhìn thể loại, Lã Nhâm Thìn cũng khẳng định: “So với QÂTT, hiện thực xã hội, đất nước con người trong HĐQÂTT phong phú và đa dạng hơn. Tác phẩm đề cập đến nhiều mặt của cuộc sống xã hội, chủ yếu là cuộc sống nông thôn, như cảnh sinh hoạt (7 bài), cảnh lao động với những công việc đồng áng, sông nước (10 bài)” [171, tr.107]. Ngoài ra, nhà nghiên cứu cũng khẳng

định xu hướng dân tộc hóa về đề tài trong HĐQATT: “Tác phẩm đề cập đến nhiều mặt của xã hội, chủ yếu là cuộc sống nông thôn. Điều đáng lưu ý là tất cả những bài thơ có đề tài, chủ đề cuộc sống xã hội đều là những bài thơ vịnh. Mặc dù vậy hiện thực cuộc sống vẫn hiện lên khá chân thực và sinh động” [171, tr.107]. Đây là nhận định có ý nghĩa gợi mở cho hướng nghiên cứu của luận án khi tìm hiểu giá trị tác phẩm HĐQATT. Nghiên cứu theo khuynh hướng sáng tác của văn học trung đại, tác giả Đinh Thị Khang cũng đã có những nhận định xác đáng về HĐQATT: “Có nhiều đồ vật tầm thường trở thành đối tượng cho thơ vịnh (từ cái quạt, cái đu, cái ấm đun nước, cái chổi, cái rế, cái nhà dột đến con rận, con bù nhìn...). Nhiều nội dung mang tính “phi chính thống” đã được thể hiện trong những tác phẩm giàu giá trị nhân văn” [173, tr.32]. Nghiên cứu theo hướng tiếp cận dân tộc hóa thể thơ Nôm Đường luật, Trần Quang Dũng khẳng định: “Xu hướng dân tộc hóa thể loại ở bức tranh thôn quê trong HĐQATT, bên cạnh một bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị, còn phải nói đến bức tranh cuộc sống nơi thôn dã với công việc đồng áng, sông nước, chài lưới, câu đằm của người bình dân” [35, tr.29]. Như vậy, hầu hết các tác giả đều khẳng định và đề cao giá trị của những vần thơ Nôm cung đình mà giàu sắc thái dân tộc trong văn học nửa sau thế kỉ XV.

Nghiên cứu về *Bạch Vân am tập* của Nguyễn Bình Khiêm, tác giả Nguyễn Huệ Chi đã khẳng định những đóng góp của thi nhân trong thơ chữ Hán: “Ông đã đem vào trong thơ chữ Hán vô số đề tài về những vật tầm thường, bắt gặp thường ngày trong cuộc sống quanh mình: những cây khế, cây cau, cây chanh, cây nứa, cây song, cây xương bồ, cây râm bụt, củ gừng, khoai lang... những con bò, con trâu, đom đóm, ve sầu, con ếch... những cái chày, cái cối, cái chổi, con dao” [165, tr.427]. Tác giả Lã Nhâm Thìn cũng có những khái quát khi phân tích bài thơ *Trung Tân ngụ hứng* của Nguyễn Bình Khiêm: “Bài thơ đã thể hiện một cách tập trung một số chủ đề lớn của thơ Nguyễn Bình Khiêm: Tình yêu thiên nhiên; cuộc sống nơi thôn dã, cuộc sống thanh cao đạm bạc của nhà thơ” [165, tr.454]. Các công trình nghiên cứu đều nhận thấy những hình ảnh dân dã quen thuộc được thể hiện trong thơ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Đồng thời, các tác giả cũng khẳng định những đóng góp của Bạch Vân cư sĩ trong việc dân tộc hóa thể thơ chữ Hán vốn mang tính quy phạm công thức.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về thơ chữ Hán, có nhiều công trình nghiên cứu về thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm. Ngoài việc đề cao tính triết lý, giáo huấn, các tác giả cũng đặc biệt nhấn mạnh tính bình dị, mộc mạc của tập thơ.

BVQNTT của Nguyễn Bình Khiêm là tập thơ Nôm tiêu biểu ở thế kỉ XVI. Có nhiều công trình nghiên cứu đã tiếp cận từ các hướng khác nhau để khẳng định giá trị tác phẩm. Trong quá trình tuyển tập và nghiên cứu về thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, tác giả Đinh Gia Khánh cho rằng: “Có thể tập hợp những nét tản mạn thành một bức tranh về phong cảnh thiên nhiên, đặc biệt là về cách sinh hoạt của xã hội ta, của dân tộc ta ngày xưa, có thể tìm thấy những tư liệu về dân tộc, xã hội học khá phong phú” [86, tr.35]. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu cũng khái quát: “Qua thơ Nôm, lại có thể thấy tác giả miêu tả lối sống của mình khi ở Trung Am, tức là lối sống của một ông già ở thôn quê. Thường thì lời thơ rất đậm đà phong vị thôn quê” [86, tr.37]. Trong cuốn *Nguyễn Bình Khiêm về tác gia tác phẩm* do tác giả Trần Thị Băng Thanh và Vũ Thanh tuyển chọn và giới thiệu, có đến 16 bài nghiên cứu về tập thơ này. Tuy nhiên, những bài nghiên cứu chủ yếu đề cập khái quát về các vấn đề nội dung tư tưởng, ngôn ngữ nghệ thuật, chất triết lý của tác phẩm. Trong đó, một số tác giả như Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Đặng Thanh Lê, Lã Nhâm Thìn... cũng đã phát hiện và khẳng định giá trị của tập thơ Nôm trong quá trình dân tộc hóa văn học.

Tác giả Bùi Duy Tân khẳng định: “Nguyễn Bình Khiêm chủ yếu sống ở nông thôn, trải qua nhiều năm “từ ông già tóc bạc đến đứa trẻ tóc vàng đều quen biết họ tên”, ông được sống gần gũi với thôn quê. Vậy nên, dù xuất thân là một nhà nho chính thống nhưng đề tài thôn quê đã thấm vào ông từ trong tiềm thức: “Nhà thơ không chỉ say mê cảnh sắc tươi đẹp và không khí yên tĩnh của nông thôn với tình cảm của người trí thức ẩn dật: Trải đời ở thôn dã, nhà thơ rất có cảm tình với nếp sống chất phác và sinh hoạt giản dị của nhân dân” [153, tr.332]. Trong một công trình khác, nhà nghiên cứu cũng cho rằng: “Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện rất chân thực những nét sinh hoạt đầy phong vị dân tộc của quê hương đất nước, qua việc miêu tả lối sống ẩn dật của mình. Trong tâm trí nhà thơ, nông thôn trong sạch là nơi duy nhất giữ được những nét sinh hoạt thuần hậu, chất phác” [154, tr.300]. Tác giả công trình đã chỉ ra mối quan hệ giữa cuộc sống ẩn dật và sự xuất hiện của những vần thơ mang đậm phong vị đồng quê, mộc mạc.

Nhà nghiên cứu Đặng Thanh Lê cũng nhận thấy Nguyễn Bình Khiêm có những kế thừa và phát huy so với hai tập thơ Nôm trước đó: “Một cách chắc chắn Nguyễn Bình Khiêm thấy rõ chỗ thành công và chưa thành công của các tác giả đi trước, ông lại đưa thơ Nôm trở về với đời sống dân dã” [165, tr.560]. Lã Nhâm Thìn trong cuốn *Văn học trung đại Việt Nam* (tập 1) đã có những kết luận xác thực: “Nguyễn Bình Khiêm có một cuộc sống gắn bó sâu sắc với nông thôn, rất chân tình

thuần hậu. Ông gắn bó với nông thôn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Cảnh đời bình dị nơi thôn dã được nhà thơ nhắc tới một cách thanh cao, thi vị” [113, tr.169]. Các nhà nghiên cứu đều nhận thấy thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm không chỉ thể hiện chất triết lý, giáo huấn mà còn thể hiện sâu sắc đời sống thôn dã.

Nhân 400 năm ngày mất của Nguyễn Bình Khiêm, Thomas Engelbert đã nhận định: “Không còn nghi ngờ gì nữa, việc treo ấn từ quan trở về với cuộc sống thôn dã ở quê hương mình - cội nguồn cuộc sống của ông mà ông đã thể hiện tình yêu đó qua những bài thơ Nôm - là động lực cho hành động nói trên của Nguyễn Bình Khiêm” [165, tr.657]. Như vậy, các tác giả nước ngoài dù mới giới thiệu khái quát về sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm nhưng đã nhận thấy đây là nhà nho tiêu biểu của thời trung đại, là người luôn hăm hở với tư tưởng trung quân ái quốc và có một mảng sáng tác dành riêng cho thôn quê với tình cảm chân thành, gắn bó. Tuy nhiên, đề tài thôn quê vẫn chưa được tiếp cận theo hướng trở thành một vấn đề riêng, độc lập để từ đó góp phần khẳng định vai trò, vị trí của thi nhân trong nền văn học dân tộc.

Từ thế kỉ XVIII, thơ ca trung đại phát triển ngày càng mạnh mẽ và được kết tinh ở nhiều tác giả tiêu biểu ở các vùng miền khác nhau của đất nước. Chúng ta có thể kể đến các tác gia có nhiều sáng tác tiêu biểu về đề tài thôn quê như: Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức, Cao Bá Quát, Phan Thúc Trực, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Khuyến. Các công trình nghiên cứu tập trung vào việc phân tích và xác định vai trò, đóng góp của từng tác giả đối với sự phát triển của thơ ca trung đại.

Khi phân tích tấm lòng yêu dân, lo đời đầy trăn trở của Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Lộc nhận thấy: “1777, được bổ nhiệm làm Đốc trấn Lạng Sơn. Ở đây ông chiêu dụ dân lưu tán khai khẩn đất hoang, tự mình đôn đốc việc cày bừa, nên công việc có kết quả tốt đẹp” [57, tr.1083]. Trần Thị Băng Thanh cũng đánh giá cao vai trò của thi sĩ họ Ngô về vấn đề nông dân: “Ông đã rất ưu ái khi nói và nghĩ về người nông dân. Có lẽ ông là người sớm nhất phát hiện ra vấn đề nông dân một cách hệ thống và sâu sắc” [164, tr.44]. Người viết đã tuyển chọn, biên dịch dựa trên chính văn bản thơ để đưa ra những nhận định xác đáng về giá trị của thơ Ngô Thì Sĩ. Đặc biệt, tác giả công trình nhấn mạnh về hình tượng người nông dân trong sáng tác của nhà thơ.

Trong lời giới thiệu *Gia Định tam gia*, tác giả Huỳnh Văn Tới - Bùi Quang Huy cũng ca ngợi sự am hiểu sâu sắc của Trịnh Hoài Đức về lịch sử, địa lý, văn hóa của vùng đất phương Nam. Đặc biệt, các tác giả nhấn mạnh đóng góp của Trịnh Hoài Đức trong sáng tác thơ ca: “Nổi bật trong văn chương Trịnh Hoài Đức là tình yêu sâu nặng đối với quê hương, đất nước. Ông đã viết khá nhiều bài thơ về từng

vùng quê cụ thể: Trấn Biên, Gia Định, Hà Tiên... Cùng với quê hương, cuộc sống bình thường đã đi vào thơ văn Trịnh Hoài Đức vừa ngọt ngào, thân thuộc vừa thiết tha, yêu thương” [4, tr.9]. Triều Dương cũng cho rằng: “Những cảnh đẹp thiên nhiên thường gắn liền với công việc của dân cày, dân chài, người đi săn bắn, người làm nghề tầm tang... Tác giả thiên về ghi dáng dấp khỏe khoắn, thái độ hồ hởi của họ trong lao động với một thiện cảm rõ rệt” [57, tr.1823]. Các tác giả công trình đã phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của Trịnh Hoài Đức và đi đến kết luận về nội dung chủ đạo trong thơ của ông. Đó chính là thiên nhiên và con người thôn quê phía Nam đất Việt. Từ góc độ đề tài thôn quê, công trình có ý nghĩa hoàn thiện và bổ sung thêm bức tranh toàn cảnh của thôn quê trên ba miền của tổ quốc.

Vũ Khiêu trong lời giới thiệu tập thơ chữ Hán của Cao Bá Quát đã trích lược các chặng đường thơ đầy thăng trầm của thi sĩ miền Bắc. Tác giả vừa đánh giá cao một nhà nho tài hoa bản lĩnh vừa khẳng định tâm hồn thơ đầy sâu lắng “Cao Bá Quát có một tấm lòng yêu quý đặc biệt đối với quê hương” [88, tr.12]. Cụ thể hơn, tác giả Hoàng Hữu Yên cũng đã nghiên cứu và tìm thấy những cảm xúc thân thương gắn gũi với quê hương của thi sĩ họ Cao: “Thơ trữ tình Cao Bá Quát còn khơi dậy trong lòng người đọc tình cảm thân thương triu mến rất con người đối với vợ, với con, với anh, với chị, với bạn bè, với học trò và với quê hương làng xóm” [94, tr.248]. Nguyễn Lộc cũng có nhận định tinh tế và sâu sắc: “Hình ảnh quê hương trong thơ Cao Bá Quát là hình ảnh một cuộc sống giản dị của những người thuộc tầng lớp dưới với những cảnh hết sức quen thuộc như xóm chợ, bờ tre, ruộng vườn, bụi cây, ao cá...” [104, tr.541]. Các công trình nghiên cứu đều nhận thấy tình quê đậm đà, giản dị của Cao Bá Quát trong số lượng thơ chữ Hán đồ sộ của thi nhân.

Nghiên cứu về thơ chữ Hán của Phan Thúc Trục, đã có nhiều công trình nhận thấy đóng góp của thi sĩ họ Phan trong việc phản ánh bức tranh thôn quê miền Trung. Trong *Cảm Đình thi tập*, tác giả Nguyễn Thị Oanh cho rằng: “Trong thơ văn xuất hiện nhiều bức tranh sinh hoạt đời thường của người dân, nhiều cảnh trí thiên nhiên ở mọi miền đất nước mang nhiều dấu hiệu gắn với bút pháp hiện thực, rất giàu tính nhân văn và chất trữ tình” [129, tr.22]. Đồng thời, tác giả cũng lý giải nguyên nhân xuất hiện bức tranh hiện thực trong thơ Phan Thúc Trục: “Có lẽ thời gian sống ở quê, hàng ngày gắn gũi với cuộc sống và sinh hoạt của người dân quê nên thơ của ông là bức tranh hiện thực đa màu sắc, giúp chúng ta hình dung được sự biến động trong cảm thụ thế giới nghiêng về phía phản ánh hiện thực khách quan của văn chương nhà nho đầu thế kỉ XIX và cả giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX” [129,



tr.25]. Trong một Hội thảo về Phan Thúc Trục, các tác giả đều khẳng định những đóng góp của thi nhân về việc đưa cái đời thường bình dị vào thơ chữ Hán. Vũ Thanh trong bài “Về tác giả Phan Thúc Trục và giá trị thơ văn của ông” đã nhìn thấy vẻ đẹp độc đáo mà bình dị trong thơ thi sĩ họ Phan: “Cuộc sống đời thường hiện hữu giản dị và đầy xúc động. Thơ ông như nhật ký, như những thiên phóng sự đầy tính thời sự. Từ chuyện dạy con, đi ngủ, bị đau chân, thăm bạn... đến cảnh trồng bông, trồng khoai, bừa cỏ gieo rau, chuyện tắm mưa gặt lúa, gà mẹ ấp vịt con... đều được ông ghi chép lại với một tình cảm tha thiết” [78, tr.488]. Qua phân tích, tác giả nhấn mạnh: “Thế giới của cái bình thường, hàng ngày trong thơ ca của Phan Thúc Trục hết sức phong phú và gần gũi. Cuộc sống đời thường hiện hữu giản dị và đầy xúc động” [78, tr.488]. Trong bài “Cái thực trong thơ Phan Thúc Trục”, tác giả Nguyễn Thị Thanh Chung đã nhận xét: “Có một nét gì đó rất điển hình cho thiên nhiên và con người nơi ông đã sinh ra và lớn lên. Thi nhân xứ Nghệ yêu những đứa con, yêu gia đình, yêu làng xóm quê hương, yêu công việc đồng áng” [78, tr.362]. Qua phân tích, các tác giả đã đi đến kết luận và nhấn mạnh về đóng góp của Phan Thúc Trục trong nền thơ ca dân tộc theo xu hướng dân tộc hóa văn học.

Ở công trình nghiên cứu về thi nhân Đặng Huy Trứ, tác giả Nguyễn Hữu Sơn nhận định: “Thơ chữ Hán của Đặng Huy Trứ hòa quyện nhuần nhuyễn với tư duy dân gian, phản ánh những sinh hoạt đời thường. Đó là một đóng góp mới mẻ của Đặng Huy Trứ đối với dòng thơ chữ Hán, đối với tư duy văn học thế kỉ XIX và thời trung đại Việt Nam nói chung” [142, tr.82]. Tác giả công trình nghiên cứu đã nhấn mạnh những đóng góp của thi sĩ họ Đặng về chất hiện thực trong dòng thơ chữ Hán thế kỉ XIX. Phạm Tú Châu cũng khẳng định: “Thơ ông bày tỏ tấm lòng quan tâm đến đời sống người dân thường ở nông thôn, chung niềm vui nỗi buồn với họ, từ bác thợ cày, phụ nữ nuôi tằm, chị vú nuôi trẻ... Qua nhiều bài thơ, tác giả đã khắc họa nhiều mặt đời sống phong phú ở miền quê” [57, tr.391]. Các công trình đã cho thấy cảm hứng về vẻ đẹp đời thường ở thôn quê trong sáng tác của Đặng Huy Trứ.

Có nhiều công trình nghiên cứu về thơ Nguyễn Khuyến ở các góc độ phiên âm, chú giải, thẩm bình... về thơ thôn quê. Thơ Nguyễn Khuyến trở thành đối tượng quan tâm, nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu. Điềm qua một số công trình tiêu biểu, chúng ta sẽ nhận thấy vị trí và đóng góp của nhà thơ kết thúc vẻ vang thời kì văn học trung đại.

Trong lời giới thiệu về văn thơ Nguyễn Khuyến, nhóm tác giả Hoàng Ngọc Phách - Lê Thước - Lê Trí Viễn cho rằng: “Chúng ta sẽ ngạc nhiên sung sướng khi

thấy lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà - đây nói văn viết - đời sống người nông dân được nói đến một cách chính xác, mặc dù mới chỉ là một vài nét sơ sài” [130, tr.13]. Nguyễn Văn Huyền là người tuyển chọn công phu các sáng tác của Nguyễn Khuyến, nhà nghiên cứu cũng đã có nhận định xác đáng về thơ cụ Tam nguyên: “Những bài thơ mùa thu của ông là những bức tranh lụa, gam lạnh, vẽ vờn. Còn thơ mùa hè là những bức sơn dầu, hoặc sơn khắc, tô phết nhiều màu nóng, khắc họa nhiều mảng, nhiều góc cạnh, tương phản, gân guốc, sù sì như cuộc sống cần lao trong hoàn cảnh khắc nghiệt thờ ầy” [72, tr.63]. Nguyễn Lộc trong cuốn *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII đến hết XIX* đã khái quát giá trị toàn bộ thơ văn Nguyễn Khuyến trên cả hai mảng thơ chữ Hán và chữ Nôm: “Nhưng làm nên cái độc đáo của riêng nhà thơ thì chủ yếu là những vản thơ Nguyễn Khuyến viết về nông thôn, bao gồm những vản thơ viết về con người, cảnh vật thiên nhiên và về phong tục tập quán. Về phương diện này không có một nhà thơ nào đương thời viết được bằng ông, và trước đó, trong lịch sử văn học Việt Nam cũng chưa ai viết được như ông” [104, tr.748]. Nguyễn Phạm Hùng trong cuốn *Trên hành trình văn học trung đại* đã nhận thấy sự khác biệt của thơ Nôm Nguyễn Khuyến so với các tác giả trước đó: “Thơ Nôm Nguyễn Khuyến quả thật là một sự phong phú, vì nó bắt đầu hướng tới những bình diện bộn bề của đời sống” [68, tr.599]. Như vậy, các tác giả tiếp cận thơ Nguyễn Khuyến từ góc độ văn bản học và đã tìm ra được giá trị hiện thực trong tác phẩm của Tam nguyên Yên Đổ.

Nghiên cứu về Nguyễn Khuyến, Vũ Thanh nhận định: “Nguyễn Khuyến đã bỏ lại sau mình những tầm chương, trích cú, những vay mượn ồn ào, những vản thơ quý phái tẻ nhạt, đưa văn học về với cội nguồn dân tộc, với làng quê, với người nông dân nghèo khó vất vả” [167, tr.30]. Nhà nghiên cứu có những khái quát tinh tế: “phải đến Nguyễn Khuyến, văn học mới thực sự bước xuống đồng ruộng, đến với người dân nơi thôn dã và từ cuộc sống lam lũ mà cũng không kém phần thơ mộng của làng cảnh Việt Nam, thơ ca mới được kết tinh trở nên chân thực, chi tiết, sinh động đến như vậy” [167, tr.33]. Người viết còn tìm hiểu và phân tích cụ thể hơn để nghe được âm thanh của cuộc sống thường nhật nơi thôn dã trong thơ Tam nguyên Yên Đổ: “Một tiếng trẻ bi bô học bài, tiếng ếch kêu rền như tiếng trống của trẻ nhỏ, tiếng chim ríu rít trên cành tre, một đêm trăng trữ tình, một con trâu già cọ góc phì hơi nằng... hay nỗi lo lắng trước cảnh hạn hán, lụt lội, mất mùa...” [167, tr.328]. Trong cuốn *Nguyễn Khuyến - Tác phẩm chọn lọc* do tác giả Lại Văn Hùng giới thiệu và tuyển chọn cũng có những nhận định nhấn mạnh sự xuất hiện của

“cảnh sắc thôn quê” trong thơ Nguyễn Khuyến: “Thơ chữ Hán Nguyễn Khuyến vẫn tiếp tục dòng thơ chữ Hán truyền thống, cũng là ngâm vịnh, thù tạc, tặng tiễn, cũng là những cảnh sắc thôn quê - nơi ông gắn bó ân nhàn” [65, tr.16]. Nghiên cứu Nguyễn Khuyến từ góc nhìn văn hóa, tác giả Trần Nho Thìn cho rằng thi nhân vẫn chưa thoát khỏi công thức ước lệ của văn chương nhà nho, song tác giả vẫn khẳng định: “Nhưng cũng phải thừa nhận rằng việc miêu tả cuộc sống hằng ngày là một dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự chuyên mình trong nguyên tắc nhìn nhận và phản ánh thực tại của văn chương nhà nho” [176, tr.566]. Trong bài viết “Từ những biến động trong nguyên tắc phản ánh thực tại của văn chương nhà nho đến bức tranh sinh hoạt nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến”, tác giả cũng nhận thấy: “Với tư thế bình dân, phi nho của mình, Nguyễn Khuyến có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử văn học Nôm phản ánh một cách khá cụ thể sinh động bức tranh sinh hoạt hàng ngày của làng quê vào trong thơ ông” [176, tr.564]. Từ góc độ văn hóa học, tác giả nhận thấy bức tranh nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến chính là biểu hiện quá trình chuyển biến trong nguyên tắc nhìn nhận và phản ánh thực tại của văn chương nhà Nho. Đó cũng là quá trình dân tộc hóa thể loại, hướng văn chương đến gần hiện thực cuộc sống.

Nguyễn Khuyến là một tác giả tiêu biểu của thơ ca trung đại nửa cuối thế kỉ XIX, đề tài thôn quê đến giai đoạn này được thể hiện một cách phong phú và mở rộng đa chiều. Qua việc cảm nhận về một bài thơ của Nguyễn Khuyến, N.I. Niculin đã nhận thấy: “Bước ngoặt quyết định hướng đến những hình tượng của đời sống mang sắc thái dân tộc, sự hòa quyện tài tình chúng lại với nhau, đó là nét tiêu biểu cho thơ Nguyễn Khuyến; đồng thời cuộc sống Việt Nam ùa vào thơ ông qua những đường kênh cuộc đời riêng, qua kinh nghiệm sống của chính bản thân nhà thơ” [167, tr.271]. Và cụ Tam nguyên Yên Đổ chính là người: “yêu mến cái đẹp riêng của quê hương đất nước mình mà ông suốt đời gắn bó và thuộc lòng hơn cả sách vở” [167, tr.271]. Các công trình nghiên cứu về Nguyễn Khuyến phong phú ở cả chữ Hán và chữ Nôm. Dù ở góc độ nào, các tác giả đều nhận thấy vẻ đẹp sâu sắc, đậm đà tinh thần dân tộc trong thơ cụ Tam Nguyên chính là bức tranh đời sống thôn quê bình dị, tinh tế.

Với hướng nghiên cứu về các tác giả tác phẩm, các công trình đã đề cập đến một số tác giả tiêu biểu cho các giai đoạn của văn học trung đại. Hướng nghiên cứu này đã có đóng góp nhất định khi xác định, nhận diện một số tác giả tiêu biểu viết về thôn quê. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tác giả có những vần thơ đặc sắc về thôn quê

chưa được đánh giá thỏa đáng. Trên cơ sở đó, luận án nghiên cứu, khảo sát hệ thống các tác giả trung đại để thấy được bức tranh toàn cảnh về thôn quê ở từng thời kỳ khác nhau.

### ***1.1.3. Nghiên cứu các yếu tố thi pháp đề cập đến đề tài thôn quê***

Ngoài yếu tố về nội dung cảm hứng, yếu tố về nghệ thuật trong thơ trung đại cũng là đối tượng nghiên cứu của các nhà nghiên cứu. Các yếu tố nghệ thuật có vai trò khẳng định lại sự hình thành và phát triển một mảng thơ bình dị, dân dã vượt ra ngoài những quy phạm của văn học trung đại. Ở góc độ thi pháp học, các công trình nhận thấy những tiếp thu và sáng tạo của nhà thơ trung đại khi viết về thôn quê.

Khi nghiên cứu các mô hình không gian trong thơ trung đại, tác giả Trần Đình Sử đã đề cập đến không gian đồng nội trong thơ nhà nho trung đại Việt Nam: “Bên cạnh không gian mở, không gian khép, đối lập không gian để tạo thành sự đối lập giữa thanh cao và phàm tục, ngoài đời và trong đời, các nhà thơ ở ẩn trong khi mở rộng cửa đón thiên nhiên, hoa đồng cỏ nội, vượn hạc đến tìm, thì cũng khép cửa trước đám khách tục vãng lai, cao quan hậu lộ để giữ gìn thanh thân cho tâm hồn” [150, tr.217]. Tác giả đã nhấn mạnh mối liên hệ giữa không gian thôn dã đến cảm xúc, tâm hồn thơ trong sáng tác của nhà nho trung đại.

Có nhiều công trình phân tích và khái quát về hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ để khắc họa vẻ đẹp thôn quê đã góp phần tạo nên thành công trong sáng tác của thơ trung đại: “Nhà thơ vẫn dùng những ước lệ cũ nhưng ý tứ thì đã khác, nó mang một nội dung sinh hoạt” [30, tr.223]. Tác giả Xuân Diệu đã đề cao sự chuyển biến về quan niệm thẩm mỹ trong văn chương nhà nho trung đại. Viết về hình tượng nghệ thuật, tác giả Lã Nhâm Thìn đã phân tích cụ thể QÂTT và khẳng định: “Trong QÂTT có nhiều hình tượng nghệ thuật được xây dựng trực tiếp từ chất liệu đời sống: ao bèo, bè muống, lạnh mùng, hàng kê, luống cày, bày cá, con lợn, con mèo” [171, tr.134]. Từ góc độ hình tượng nghệ thuật, các tác giả nhận thấy sự chuyển biến, phát triển của thơ trung đại theo hướng dân tộc hóa văn học.

Đỗ Văn Hỷ trong bài “*Tính hàm súc trong thơ Úc Trai*” cũng có nhận định mang tính khái quát về vai trò của không gian thôn dã xuất hiện trong thơ nhà nho trung đại: “Thi học của phương Đông, cụ thể là thi học của Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ và Nhật Bản đã cho thấy: thơ ca của mỗi nước đều bị quy định bởi không gian và thời gian mà nó xuất hiện” [145, tr.531]. Như vậy, tác giả đã phân tích sự khu biệt về không gian có ảnh hưởng đến sự khác biệt của tác phẩm văn học.

Trong khi đó, tác giả Trần Nho Thìn tiếp cận không gian thơ trung đại trong

sự đối sánh với không gian văn học dân gian: “Không gian lao động sản xuất như cảnh cày cấy, tát nước, gieo mạ, thu hoạch, cảnh được mùa, mất mùa, hạn hán, lụt lội,... So với văn học dân gian (...) thì trong văn học viết hình tượng không gian này rất mờ nhạt, lại thường mang tính chất ẩn dụ. Ngụ tiếu canh mục chỉ là không gian ẩn dật thuần túy chứ không có tính chất tái hiện hiện thực lao động” [176, tr.26]. Về thời gian trong thơ trung đại, tác giả công trình cũng có nhận định xác đáng: “con người nhậm tính bước đi của thời gian bằng nhịp đi của bốn mùa, của cỏ hoa, cây lá, của tuần trăng, con nước, mùa rẫy...” [176, tr.30]. Trên cơ sở khái quát những đặc điểm của thơ ca trung đại, tác giả đã nhận thấy sự xuất hiện của không gian ẩn dật và thời gian gần gũi hơn với nhịp sống đời thường. Khi nghiên cứu về Nguyễn Trãi, tác giả công trình cũng nêu ảnh hưởng của ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ dân gian trong sáng tác văn học viết: “Nguyễn Trãi rất am hiểu ngôn ngữ đời sống, am tường tục ngữ, ca dao - sự am tường của người từng trải, lăn lộn giữa cuộc sống nhân gian” [177, tr.356]. Nguyễn Trãi là người đã tạo nên dấu mốc đầu tiên cho sự trỗi dậy mạnh mẽ của văn học bác học đi sâu và khám phá hiện thực cuộc sống, những giá trị văn hóa của dân tộc. Những đánh giá về các yếu tố không gian, thời gian, ngôn ngữ trong thơ trung đại đã góp phần định hướng cho đề tài luận án.

Nguyễn Huệ Chi đánh giá cao sự phát triển hệ thống khái niệm mới trong thơ chữ Hán thế kỉ XV-XVII: “Thơ chữ Hán Nguyễn Bình Khiêm cung cấp cho người đọc một hệ thống khái niệm cảnh vật đa dạng hơn một bước so với thơ chữ Hán Nguyễn Trãi. Phải xem đó là nguồn văn thi liệu “thuần Việt” trong khối lượng thơ chữ Hán - Việt dồi dào điển cố “Hán Đường” của tác giả” [20, tr.183]. Ý kiến đánh giá này có ý nghĩa định hướng để chúng tôi tiếp tục tìm hiểu nguồn thi liệu thuần Việt của các tác giả ở giai đoạn sau.

Nguyễn Lộc nhận thấy yếu tố hiện thực trong hình tượng thơ Cao Bá Quát: “Hình tượng trong thơ Cao thường bay bổng, lãng mạn, nhưng trong những bài viết về cuộc sống nghèo khổ của nhân dân, về quê hương của nhà thơ thì ông lại sử dụng rất nhiều chi tiết hiện thực gợi cảm” [57, tr.211]. Phạm Tú Châu cũng khẳng định đóng góp về mặt nghệ thuật của Đặng Huy Trứ trong thơ chữ Hán: “Thơ Đặng Huy Trứ tuy chưa sánh được với các nhà thơ cự phách về mặt nghệ thuật nhưng mặt mạnh của ông lại là đưa được những hình ảnh hiện thực sinh động, cá thể, giàu sắc thái địa phương vào thơ” [57, tr.391]. Các nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh hình ảnh giàu sắc thái hiện thực trong thơ các thi sĩ ở giai đoạn văn học thế kỉ XVIII - XIX.

Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra các phương diện nghệ thuật của thơ trung

đại khi phản ánh đề tài thôn quê. Từ sáng tác của thơ thời Trần đến Nguyễn Khuyến đã có bước tiến đáng kể về hình ảnh, không gian, thời gian, ngôn ngữ. Mặc dù chưa có công trình nào chuyên sâu nghiên cứu về đề tài thôn quê, thậm chí có bài chỉ nói lướt qua về hình ảnh thôn quê trong thơ trung đại, nhưng sự đóng góp của các công trình nghiên cứu đã đem lại nhiều gợi mở thú vị và là cơ sở khoa học để chúng tôi tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu về đề tài thôn quê.

Trong những năm gần đây, đã có một số luận văn Thạc sĩ đã đề cập đến đề tài thôn quê ở một số tác giả tiêu biểu của thơ trung đại Việt Nam. Đề tài “*Thơ viết về thôn quê trong thơ Nôm Đường luật*” của tác giả An Thị Thúy (2004), trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả luận văn đã khái quát những bài thơ Nôm viết về thôn quê và phân tích một số bài tiêu biểu. Tuy nhiên, do giới hạn về mặt tư liệu nên tác giả cũng mới chỉ khái quát những vấn đề cơ bản về thôn quê chủ yếu ở một số giả như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến. Luận văn chưa chỉ ra được tiến trình phát triển của đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam, những điểm tương đồng và khác biệt của từng tác giả.

Luận văn “*Chủ đề nông thôn trong Đặng Hoàng Trung thi sao của Đặng Huy Trứ*” của tác giả Nguyễn Minh Huệ (2011), trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng là một đóng góp cụ thể khi nghiên cứu về đề tài thôn quê. Tác giả đã phân tích các phương diện nội dung và nghệ thuật trong một tác giả cụ thể ở thế kỉ XIX. Tuy nhiên, do giới hạn về phạm vi nghiên cứu nên tác giả Luận văn chưa thể hiện được những đặc điểm cơ bản của đề tài thôn quê trong thơ trung đại.

Như vậy, các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam đã được các nhà nghiên cứu đề cập đến ở một số khía cạnh cụ thể về nội dung và nghệ thuật. Dù chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về đề tài thôn quê trong suốt tiến trình văn học trung đại nhưng những phát hiện đó đã khẳng định sự tồn tại một dòng thơ mang dấu ấn văn hóa dân tộc.

Khái quát lại các công trình nghiên cứu về các tác giả thơ trung đại tiêu biểu viết về đề tài thôn quê, chúng ta có thể khẳng định:

- Các công trình đã chỉ ra một cách khái quát bức tranh về thiên nhiên, con người, nếp sống văn hóa, sinh hoạt, phong tục tập quán hàng ngàn đời nay của nông thôn Việt Nam được thể hiện qua một số tác giả tiêu biểu.

- Các tác giả công trình cũng gặp nhau ở nội dung làm sống lại một thôn quê làng Việt xưa từng gắn bó mật thiết đối với mỗi con người, là cái nôi cội nguồn các giá trị văn hóa dân tộc. Những hình ảnh thôn quê mang vẻ đẹp thi vị, tao nhã ở thơ

chữ Hán và mộc mạc, giản dị, đời thường ở thơ Nôm.

- Nhiều bài viết, nhiều nhận định của các học giả mang tính chất khái quát và làm tiền đề khoa học cho người viết khi quyết định khai thác đề tài này. Tuy nhiên, các công trình cũng chỉ mới đề cập đến một số phương diện của đề tài thôn quê ở một số tác giả tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam vẫn là đề tài còn đang bỏ ngỏ nhiều vấn đề để chúng tôi tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu.

Trên cơ sở kế thừa những gợi mở bước đầu của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi sẽ tập trung giải quyết vấn đề của Luận án ở những điểm chính sau:

**Thứ nhất:** Tìm hiểu những vấn đề chung về đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam.

**Thứ hai:** Phân tích cảnh vật thiên nhiên và cuộc sống, xã hội, con người thôn quê trong thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

**Thứ ba:** Đánh giá những thành tựu nghệ thuật thể hiện đề tài thôn quê trong thơ trung đại.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài**

### **1.2.1. Lí thuyết về mối quan hệ giữa văn hóa và văn học**

Đề tài thôn quê phản ánh đời sống văn hóa của nông thôn Việt Nam và ngược lại văn hóa làng quê ảnh hưởng tới tới cách cảm, cách nghĩ, cách thể hiện của các thi nhân thời trung đại khi viết về quê hương làng cảnh. Lí thuyết về mối quan hệ giữa văn hóa và văn học có ý nghĩa thiết thực đối với việc nghiên cứu đề tài luận án.

A.J. Gurevich từng cho rằng: “Bức tranh thế giới hoặc những yếu tố của nó được thể hiện trong mọi hệ thống kí hiệu tác động trong xã hội. Do đó, một điều hết sức tự nhiên là ta đi tìm những dấu vết của nó trước hết trong những tác phẩm văn học nghệ thuật” [1, tr.39]. Trong đó, văn học là một thành tố quan trọng cấu tạo nên nền văn hóa dân tộc. Văn học không chỉ phản ánh đời sống tinh thần mà còn khắc họa được bức tranh cuộc sống xã hội, lao động sản xuất, phong tục tập quán của nhân dân.

Nhắc đến nền văn hóa Việt Nam truyền thống chính là nhắc đến đời sống nông thôn gắn với cộng đồng văn hóa làng xóm. Không phải ngẫu nhiên, trong Tiếng Việt, khái niệm truyền thống văn hóa dân tộc gắn liền với “làng nước”. Văn học viết về thôn quê chính là thể hiện tinh hoa văn hóa, lòng tự hào và tự tôn của dân tộc. Bởi làng xã Việt Nam là nơi kết tinh các giá trị nhân sinh, nhân văn và có vai

trò quan trọng trong lịch sử nước nhà: “Làng xã Việt Nam - nổi bật với những nét độc đáo của nó, với vị trí quan trọng của nó trong lịch sử, mà nếu không hiểu được, người ta sẽ không thể hiểu được kết cấu của xã hội Việt Nam cũ, văn hóa và văn minh Việt Nam, không hiểu được lịch sử Việt Nam, và những truyền thống của lịch sử Việt Nam” [117, tr.2]. Trong tâm thức của cư dân nông nghiệp thời xưa, các hiện tượng thiên nhiên luôn có sự tác động đến sản xuất nông nghiệp, con người sớm có ý thức sùng bái thiên nhiên như các vị thần. Những tác phẩm văn học dân gian về Thần Đất, Thần Nước, lễ cầu mưa, cúng lúa mới... là minh chứng cho các khái niệm sơ khai về sự gắn bó giữa con người và thiên nhiên. Có thể nói, đề tài về thiên nhiên và cuộc sống thôn quê là dòng trường lưu trong trẻo của kho tàng văn học dân gian, là tiền đề văn hóa cho sự hình thành và phát triển của văn học viết.

Từ thế kỉ X, vua Lê Hoàn thường long trọng làm lễ “Tịch điền” và tự vua xuống cày ruộng trước toàn dân để bắt đầu mùa vụ mới vào ngày đầu xuân. Điều đó cho thấy triều đại nhà Tiền Lê đề cao và quan tâm đến nông nghiệp và đời sống của người nông dân. Các triều đại kế tiếp cũng luôn đề cao vai trò của nông nghiệp lúa nước, tổ chức các nghi lễ thể hiện sự biết ơn của con người với đất đai, ruộng vườn mà cha ông để lại. Bởi những vùng đồng bằng lúa nước là nơi tập trung dân cư từ ngàn xưa, là nơi bảo tồn nhiều giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc gắn với cuộc sống lao động của người dân. Trong tiềm thức văn hóa dân tộc, ruộng vườn, làng xã trở thành chốn linh thiêng thanh tịnh và gắn bó mật thiết với con người. Điều này cũng lý giải vì sao mỗi khi các thi nhân thất thế, chán nản lại muốn quay trở về quê hương bản quán để tìm sự chở che, an ủi, thanh thản trong tâm hồn. Hơn nữa, mỗi tác phẩm văn học trung đại là kết tinh giá trị văn hóa của mỗi thời đại: “Văn học chịu ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường văn hóa của một thời đại và truyền thống văn hóa độc đáo của một dân tộc, đồng thời thể hiện cả nội hàm tâm lý văn hóa độc đáo của một thời đại và một cộng đồng dân tộc” [7, tr.5]. Những tác gia lớn của văn học trung đại viết về thôn quê cũng đồng thời là những nhà văn hóa như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến... Hơn nữa, do đặc tính “Văn - sử - triết” bất phân của văn học trung đại, nên văn học là sự kết tinh giá trị tổng hợp của các giá trị xã hội đương thời. Sống trong một xã hội nông nghiệp, các bậc trí thức đương thời cũng phải quan tâm và phản ánh đời sống nông nghiệp của nhân dân. Đó là tư tưởng thân dân, kinh bang tế thế của văn chương nhà nho.

Do đặc thù của nhà nho trung đại Việt Nam vốn đề cao gốc tích, dòng họ, tổ tiên nên ngòi bút luôn hướng về làng quê với tấm lòng thiết tha, sâu lắng. Đoàn Lê



Giang cho rằng: “So với các nước trong khu vực, nhà nho Việt Nam thiên về tính chất nông dân nhiều nhất, trong khi đó nhà nho ở Trung Quốc, người võ sĩ ở Nhật Bản có tính chất thương nhân, thị dân đậm nét hơn. Điều này cũng phản ánh rõ nét trong thơ văn mỗi nước” [198, tr.233]. “Tính chất nông dân” đó chính là một trong những thước đo chiều sâu văn hóa, tư tưởng và tâm hồn của nhà nho thời trung đại. Theo Trần Đình Hượu: “Nho sĩ là một tầng lớp trí thức có tính chất thứ dân. Sĩ là dân nhưng được vị nể hơn vì tầng lớp có học đứng đầu tứ dân. Nho sĩ gắn với cuộc sống nông thôn, không dính líu với đời sống kinh doanh, sản xuất của đô thị” [74, tr.123]. Giá trị truyền thống độc đáo của mỗi dân tộc được thể hiện trong văn học cho thấy đặc sắc riêng giữa các quốc gia đồng văn. Trong quá trình hình thành và phát triển của văn học khu vực Đông Á, các nước ngoại vi không tránh khỏi sự ảnh hưởng của nền văn học chữ Hán. Tuy nhiên, bản sắc văn hóa của từng dân tộc tạo nên điểm riêng biệt và không bị đồng hóa, bởi vì: “Muốn tồn tại bên cạnh nền văn hóa lớn như văn hóa Trung Quốc thì các quốc gia láng giềng luôn luôn phải có ý thức đề cao văn hóa dân tộc, khẳng định sự độc lập về văn hiến như là cái gốc của nền độc lập dân tộc” [47, tr.55]. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, những giá trị văn hóa truyền thống quê hương làng Việt vẫn luôn được lưu giữ đằng sau mỗi lũy tre làng giản dị mà thân thuộc. Đó không chỉ là không gian sinh sống của cư dân nông nghiệp mà còn là quê hương bản quán, khơi gợi nhiều giá trị văn hóa dân tộc.

Trong một xã hội nông nghiệp với tư tưởng “dĩ nông vi bản”, một vị hoàng đế mẫu mực, đức độ phải chăm lo cho nông nghiệp, chăm lo cho cuộc sống của muôn dân. Vì vậy, nhà nho trung đại thường mang tư tưởng “trí quân trách dân”, đề cao các vị tiên đế có tinh thần thân dân, trọng nông. Tư tưởng đó được thể hiện đầy cảm xúc sau những câu thơ về đề tài thôn quê. Điều đó cũng khẳng định quy luật: “Con người với tính cách là một thực thể văn hóa bao giờ cũng tồn tại trong ba mối quan hệ căn bản: quan hệ với môi trường tự nhiên, quan hệ với xã hội và quan hệ với chính bản thân mình” [176, tr.18]. Mỗi tác phẩm văn học được chất lọc và kết tinh của các mối quan hệ căn bản đó.

Ngoài sự hình thành từ chiều sâu văn hóa dân tộc, thơ thôn quê trung đại Việt Nam còn ảnh hưởng văn hóa của văn học Trung Quốc. Các tư tưởng Nho, Phật, Lão ít nhiều có sự hiện diện trong các trang thơ về thiên nhiên cảnh vật, về cuộc sống con người thôn quê. Nhưng có lẽ, nét đặc sắc trong những trang thơ nhà Nho chính là vẻ đẹp bình dị, hồn hậu, trong trẻo trong đời sống tinh thần của người dân thôn quê. Từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần thôn quê đều được thể hiện phong

phú và tinh tế trong thơ ca trung đại.

### ***1.2.2. Lý thuyết phê bình sinh thái***

Phê bình sinh thái là một khái niệm của phương Tây xuất hiện từ những năm 70 của thế kỉ XX. Hạt nhân của lý thuyết phê bình sinh thái là nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và con người trong bối cảnh môi trường đang khủng hoảng mang tính toàn cầu. Từ đó, phê bình sinh thái hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn nếu như biết coi trọng sự hiện diện của môi trường tự nhiên xung quanh. Đề cao sự ảnh hưởng qua lại giữa con người và môi trường tự nhiên cũng chính là điểm gặp gỡ giữa tư tưởng phương Tây và phương Đông. Hướng đến những giá trị chung của con người và thiên nhiên chính là sự kết nối khoảng cách giữa không gian và thời gian, giữa Đông và Tây, giữa cổ và kim.

Hàng nghìn năm trước đây, nhà nho trung đại phương Đông nêu cao lối sống hòa hợp tự nhiên, thuận theo tự nhiên, đề cao cốt cách thanh đạm của con người. Tư tưởng “Thiên nhân hợp nhất” đã trở thành niềm cảm hứng vô tận trong sáng tác thi ca của các thi sĩ Trung Hoa cổ đại. Thiên nhiên và con người luôn có mối liên quan, nương tựa vào nhau và dung hòa nhau. Người phương Đông coi trọng môi trường tự nhiên và sống hài hòa với tự nhiên, tư tưởng này đã trở thành triết lý ứng xử thời thế của các thi sĩ trung đại. Văn học trung đại thể hiện quan niệm tư tưởng thời trung đại: con người hướng tới tự nhiên, hòa hợp với tự nhiên, hòa đồng giữa tiểu vũ trụ với đại vũ trụ. Lý thuyết phê bình sinh thái rất phù hợp và hiệu quả với nghiên cứu của văn học trung đại nói chung, với đề tài thôn quê nói riêng.

Trong khi đó, phê bình sinh thái (ecocriticism) là thuật ngữ xuất hiện trong thời kỳ hiện đại, phát triển mạnh mẽ ở các nước phương Tây và Mỹ. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên là vấn đề chủ yếu của phê bình sinh thái. Các tác giả đề cao vai trò của con người trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trường tồn của môi trường tự nhiên. Theo đó: “Nhiệm vụ trọng tâm của phê bình sinh thái là qua văn học thể hiện thái độ của mình về văn hóa ứng xử của con người đối với tự nhiên. Các nhà sinh thái đi tìm câu trả lời và giải pháp về mặt tư tưởng: văn hóa xã hội quyết định thái độ, hành vi của con người đối với tự nhiên” [124, tr.27]. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra con người hiện đại có khát vọng chinh phục, làm chủ, cải tạo tự nhiên, không còn tâm thế ẩn dật, nương tựa vào tự nhiên. Vậy nên, những biến đổi về sinh thái con người đang đối mặt không phải bắt nguồn từ hệ thống sinh thái mà từ chính cách ứng xử của con người đối với tự nhiên. Theo quan niệm văn hóa phương Tây truyền thống, con người và tự nhiên là hai đối tượng riêng biệt luôn

trong vị thế đối lập giữa chủ thể và khách thể. Với vị thế đó, con người trong tư thế chế ngự, mong muốn chiếm lĩnh, khai thác tự nhiên. Do đó, để giữ sự cân bằng, hài hòa giữa “đại vũ trụ” và “tiểu vũ trụ”, văn học sinh thái hướng tới mối quan hệ tác động qua lại giữa hai đối tượng, con người và tự nhiên đứng ngang nhau trong vũ trụ. Văn học sinh thái là một bộ phận quan trọng của văn hóa sinh thái, phản ánh tinh tế và sâu sắc mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên. Đặc biệt, văn học sinh thái coi sự hài hòa giữa con người và tự nhiên là nguyên tắc cơ bản của lí luận sinh thái, phê bình sinh thái. Có thể vận dụng quan điểm này khi tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, nhất là tự nhiên nơi thôn dã trong văn học viết về đề tài thôn quê.

Văn học sinh thái (ecoliterature) là thông qua văn học để thẩm định lại văn hóa nhân loại, thái độ, hành vi của nhân loại đối với tự nhiên. Việc nghiên cứu văn học trước đây thường chú trọng vào thế giới tư tưởng, cảm xúc, các mối quan hệ của con người mà ít đề cập đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Vậy nên, những quan niệm cơ bản và cốt lõi nhất của phê bình sinh thái sẽ là những chỉ dẫn hướng tới phê bình sinh thái trong văn học. Vận dụng một dạng thức lí luận phê bình mới thời hiện đại để tìm hiểu các tác phẩm văn học thời trung đại chính là cách chúng ta thẩm định lại những giá trị của di sản thơ ca của dân tộc, những tư tưởng mang tầm thời đại.

Theo đó, con người và thiên nhiên vũ trụ có mối quan hệ cộng sinh, con người không thể coi là chủ thể của muôn loài, mà là một thành viên trong muôn loài, bình đẳng trong thế giới tự nhiên. Nhà khoa học môi trường và lãnh đạo về sinh thái bền vững David Suzuki cho rằng con người và tự nhiên không thể tách rời trong quá trình sinh tồn và phát triển: “Trong suốt lịch sử loài người của chúng ta, con người đã hiểu rằng chúng ta là một phần của tự nhiên, trong đó mọi thứ được kết nối với mọi thứ khác và không có gì tồn tại trong sự cô lập” (*Throughout the history of our species, human beings have understood that we are a part of nature, in which everything is connected to everything else and nothing exists in isolation*) [204, tr.10]. Từ đó, ông cũng nhấn mạnh ý thức của con người đối với sự tồn vong môi trường sinh thái: “Cách chúng ta nhìn thế giới sẽ định hình cách chúng ta đối xử với nó” (*The way we see the world shapes the way we treat it*) [204, tr.11]. Đây là điểm gặp gỡ của minh triết phương Đông và văn minh phương Tây về vấn đề sinh thái tinh thần (spirituale ecology). Sự khủng hoảng của môi trường chính là sự khúc xạ cách ứng xử của con người với tự nhiên.

Sau khi nhân loại đối diện với tai họa sinh thái, các nhà phê bình sinh thái đã định vị lại vị trí của con người trên trái đất, đồng thời đánh giá lại những tác phẩm văn học có ý nghĩa đề cao vai trò của tự nhiên trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người. Đó là những tác phẩm văn học đề cao ý thức của con người với tự nhiên, coi tự nhiên là chốn ẩn nấp, là nơi nuôi dưỡng tâm hồn thi nhân. Nhà văn có mối quan hệ đặc biệt với tự nhiên, tìm thấy sự đồng cảm, những giá trị tinh thần quý giá của tự nhiên. Mối quan hệ tương hỗ giữa con người và tự nhiên chính là vấn đề phê bình sinh thái hướng tới. Hơn nữa, văn học sinh thái còn xem xét sự ảnh hưởng của tự nhiên đến sự sinh tồn và đời sống tinh thần của con người. Nghiên cứu phê bình sinh thái chính là cách chúng ta tiếp cận môi trường sống có ảnh hưởng, chi phối đến không gian nghệ thuật trong sáng tác của nhà văn. Tác phẩm văn học phản ánh không gian thực hay không gian hư cấu đều ít nhiều thể hiện những trải nghiệm của nhà văn với không gian đó. Đây cũng là mã khóa để người đọc có thể hiểu hơn về giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm văn học.

Vì vậy, Đỗ Văn Hiếu đã đưa ra nguyên tắc thẩm mỹ trong nghiên cứu văn học: “Chủ trương của mỹ học sinh thái là thống nhất hài hòa giữa con người và tự nhiên, con người và xã hội, con người và bản thân chứ không phải là con người chiếm hữu, chinh phục và cải tạo tự nhiên, không chủ trương quan điểm lao động sáng tạo ra cái đẹp” [58, tr.50]. Như vậy, lý thuyết về phê bình sinh thái trong văn học đã có bước phát triển mới khi nghiên cứu con người và tự nhiên trong cái nhìn tổng thể, tự nhiên và con người luôn đặt trong sự đối sánh, tác động qua lại.

Đối với văn học trung đại Việt Nam nói riêng và văn học trung đại trong khu vực Đông Á nói chung, thiên nhiên có một vị trí đặc biệt trong sáng tác của nhà nho và xuất hiện nhiều trong thơ ca. Thiên nhiên được khắc họa ở nhiều góc độ và nhiều sắc thái khác nhau, từ hùng vĩ đến bình dị, từ thơ mộng đến quạnh hiu... Dù được phản ánh phong phú, sinh động trong văn học, thiên nhiên vẫn luôn thể hiện vai trò góp phần thể hiện tư tưởng “ngôn chí” và “tải đạo” của nhà thơ. Do đó, thiên nhiên không chỉ là môi trường sống ẩn nấp thanh tịnh, gắn bó thân thiết với thi nhân mà thiên nhiên còn là bầu bạn tri kỉ, hô ứng tâm hồn nhà thơ. Từ góc nhìn phê bình sinh thái, thôn quê chính là môi trường sinh thái về tự nhiên và sinh thái về tinh thần. Về với môi trường thôn quê, con người tìm thấy niềm an ủi, sự thanh tĩnh trong tâm hồn sau những thăng trầm của cuộc đời. Môi trường thôn quê còn là cội nguồn của những tình cảm tốt đẹp gắn với quê hương bản quán của mỗi con người. Điều đó cũng lý giải phần nào sự nâng niu, yêu mến của thi nhân đối với thiên nhiên thôn

quê.

Văn học trung đại Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng và phát triển trong nền văn hóa phương Đông. Văn học chú trọng hướng tới thiên nhiên, cổ nhân coi thiên nhiên là một đối tượng thẩm mỹ quan trọng trong sáng tác thơ văn. Thiên nhiên có khi mang vẻ đẹp biểu tượng trong thơ Thiên; có khi gần gũi quen thuộc trong thơ thời Trần; có khi là bầu bạn trong thơ Nguyễn Trãi; có khi là chốn ẩn náu trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm; có khi là làng quê mộc mạc trong thơ Nguyễn Khuyến... Các thi nhân đều coi thiên nhiên là nơi để tỏ bày thi hứng và luôn nâng niu, trân trọng thiên nhiên với cảm xúc chân thành nhất. Chính vì vậy, những vần thơ về thôn quê là minh chứng cụ thể, rõ ràng nhất cho mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Đây cũng là giá trị nhân văn cao đẹp của thơ ca trung đại Việt Nam được nhìn nhận từ góc độ phê bình sinh thái.

## Tiểu kết Chương 1

Nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại đã được thể hiện ở nhiều công trình ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử văn học. Điều đó khẳng định sự hiện diện của đề tài thôn quê bên cạnh các đề tài mang tính quan phương chính thống của văn chương Nho giáo. Khi tiếp cận đề tài theo hướng lịch sử hình thành và phát triển của văn học trung đại, các nhà nghiên cứu đã sớm nhận thấy sự xuất hiện một mảng thơ bình dị, dân dã bên cạnh thơ ca mang tính quan phương, chính thống. Hơn nữa, các công trình nghiên cứu về tác gia, tác phẩm đã khẳng định vị trí và đóng góp của các tác giả trung đại khi viết về thôn quê. Các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh những đóng góp ở phương diện nghệ thuật trong thơ thôn quê. Từ đó, các công trình nghiên cứu đã khẳng định vai trò, vị thế của một mảng thơ giàu giá trị văn hóa, truyền thống trong nền văn học dân tộc. Nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt nam, luận án xác định cơ sở lí thuyết của đề tài là lí thuyết về mối quan hệ giữa văn hóa và văn học, lí thuyết về phê bình sinh thái. Văn học là một thành tố của văn hóa, nên văn học trung đại nói chung, thơ ca nói riêng là sự kết tinh từ cội nguồn văn hóa, lòng tự hào dân tộc. Cơ sở lý thuyết phê bình sinh thái góp phần thẩm định lại giá trị mang tầm thời đại của thơ trung đại Việt Nam khi viết về thôn quê. Đây là những vấn đề có ý nghĩa làm nền tảng để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu đề tài thôn quê ở những chương sau.

## Chương 2

## KHÁI QUÁT ĐỀ TÀI

## THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

## 2.1. Khái niệm và tiền đề xuất hiện đề tài thôn quê

## 2.1.1. Khái niệm đề tài thôn quê

## 2.1.1.1. Khái niệm đề tài

Trong văn học nói chung, thơ ca nói riêng, khái niệm đề tài được hiểu gần đồng nhất với khái niệm chủ đề. Từ “*thema*” trong tiếng Anh bao gồm cả hai nét nghĩa đề tài và chủ đề. Tuy nhiên giữa hai khái niệm này vẫn có nét khu biệt.

Về khái niệm **chủ đề**, *Từ điển thuật ngữ văn học* nêu định nghĩa: Chủ đề (tiếng Anh: *theme*, tiếng Pháp: *sujet*) là “Vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được tác giả nêu lên, đặt ra qua nội dung cụ thể của tác phẩm văn học” [53, tr.52]. Theo Lại Nguyên Ân trong *Từ điển Văn học*, chủ đề là “vấn đề (triết lý, xã hội, đạo đức và các loại hình tư tưởng khác) được đặt ra trong tác phẩm” [57, tr.267]. Như vậy, chủ đề là vấn đề trung tâm, chủ yếu được đặt ra trong tác phẩm, là hạt nhân cơ bản của nội dung tác phẩm: “Chủ đề bao giờ cũng được hình thành và được thể hiện trên cơ sở đề tài. Tác phẩm văn học có thể gồm một hoặc nhiều chủ đề” [57, tr.267].

Về khái niệm **đề tài**, (tiếng Anh: *Subject, theme*) là “khái niệm chỉ loại các hiện tượng đời sống được miêu tả, phản ánh trực tiếp trong sáng tác văn học. Đề tài là phương diện khách quan của nội dung tác phẩm” [57, tr.96]. Điều này có nghĩa: các hiện tượng đời sống có thể liên kết với nhau theo mối liên hệ bề ngoài và mối quan hệ bên trong. Từ đó, có thể xác định đề tài văn học theo giới hạn bề ngoài hoặc bên trong của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm. Vậy nên, “đề tài của tác phẩm là một phương diện trong nội dung của nó, là đối tượng đã được nhận thức, lựa chọn gắn liền với dụng ý, thế giới quan, lập trường tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ của nhà văn” [53, tr.98]. Khái niệm về đề tài được Lại Nguyên Ân trong cuốn *Từ điển văn học* (bộ mới) nêu rõ: “đề tài là thuật ngữ chỉ phạm vi các sự kiện tạo nên cơ sở chất liệu đời sống của tác phẩm, đồng thời gắn với việc xác lập chủ đề của tác phẩm” [57, tr.403]. Nói cụ thể hơn, đề tài là một phương diện nội dung của tác phẩm, chỉ một phạm vi hiện thực cụ thể đã được nhà văn nhận thức, lựa chọn, phản ánh trong tác phẩm văn học.

Như vậy, nếu như *chủ đề* nêu lên vấn đề cơ bản của tác phẩm thì *đề tài* xác

định phạm vi phản ánh của tác phẩm. Cụ thể hơn, nếu khái niệm chủ đề giải đáp câu hỏi: vấn đề cơ bản của tác phẩm là gì? thì khái niệm đề tài giúp chúng ta xác định: tác phẩm viết về cái gì? Trong thực tế, nhiều tác phẩm cùng hướng về một đề tài nhưng chủ đề của chúng lại khác nhau: “Từ những đề tài cụ thể, rất bình thường, tác giả có thể nêu lên những chủ đề mang ý nghĩa khái quát to lớn sâu sắc” [53, tr.53]. Trên cơ sở những nét tương đồng và dị biệt, chúng ta có thể phân định thành nhiều đề tài khác nhau trong tác phẩm văn học như đề tài nông thôn, đề tài thành thị, đề tài người phụ nữ...

Đặt trong tiến trình phát triển của nền văn học nước nhà, cùng với các yếu tố về thể loại, ngôn ngữ, quan niệm thẩm mỹ... thì hệ thống đề tài có thể được đánh giá như một dấu mốc quan trọng đánh dấu xu hướng vận động, phát triển của nền văn học. Trên cơ sở khái niệm về đề tài, luận án đi sâu nghiên cứu các tác phẩm thơ viết về thôn quê trong văn học trung đại Việt Nam.

#### 2.1.1.2. Khái niệm đề tài thôn quê

Từ *thôn quê* trong Tiếng Việt có nghĩa gần các từ *nông thôn*, *thôn dã*, *điền viên*, *làng xóm*, *thôn xóm*, *làng xã*... Tuy nhiên, ở mỗi từ lại có những nét nghĩa riêng biệt.

Từ *nông thôn* là từ Hán Việt. Trong đó, từ “nông” chỉ một phương thức sản xuất ra đời sớm nhất trong lịch sử nhân loại, gắn liền với các kỹ thuật canh tác nông nghiệp, đối lập với kỹ thuật sản xuất công nghiệp sử dụng máy móc ra đời muộn hơn. Từ “thôn” chỉ làng xóm thôn ấp và chỉ sự quê mùa, mộc mạc [12, tr.1035]. Từ “dã” trong từ “*thôn dã*” cũng được hiểu theo các nghĩa là đồng ruộng, dân quê, quê mùa [3, tr.632], và “chỉ nông thôn trong quan hệ đối lập với thành thị” [3, tr.918]. Từ *điền viên* cũng chỉ “ruộng và vườn; chỉ cuộc sống thanh thoi ở chốn thôn quê, thoát khỏi sự ràng buộc của công danh” [131, tr.308]. Từ *làng xóm* chỉ “Làng và xóm, là khối dân cư ở nông thôn với đời sống riêng” [131, tr.522], từ *thôn xóm* được hiểu như *làng xóm*...

Từ *thôn quê* được giải thích có những nét nghĩa gần với nhóm từ trên, tuy nhiên có những nét nghĩa cụ thể hơn. Trong đó, từ *thôn* chỉ “làng xóm, quê mùa” [3, tr.256]. Từ này tương đồng với khái niệm *country side* trong Tiếng Anh, chỉ nơi đồng ruộng, thoáng đãng khác biệt với chốn thành thị tập nập (*city*) - là chốn cung đình thời trung đại. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, từ “thôn” có nghĩa: “chỉ khu vực dân



cur ở nông thôn, gồm nhiều xóm và một phần của làng hoặc xã” [131, tr.918]. Từ “quê” trong cuốn *Đại tự điển chữ Nôm* định nghĩa: “Chỉ quê hương, quê kệch, quê mùa, đồng quê, nhà quê, quê nội, quê ngoại, thú quê” [131, tr.1110]. Cũng theo *Từ điển Tiếng Việt*, từ “quê” chỉ “nơi gia đình, dòng họ đã qua nhiều đời làm ăn sinh sống, nghĩa thứ hai là chỉ nông thôn, nơi có đồng ruộng làng mạc” [131, tr.781].

Như vậy, từ *thôn quê* mang hàm nghĩa bao quát về phạm vi không gian địa lý và đặc điểm chiều sâu đời sống văn hóa tinh thần của người dân sống ở mỗi làng mạc, gắn với lao động nông nghiệp và gắn với cuộc sống tự nhiên. Thôn quê là vùng quê nông thôn, dân dã, bao gồm thiên nhiên, cảnh vật, cuộc sống, xã hội và con người thôn quê được phản ánh trong tác phẩm văn học. Chính vì vậy, những sáng tác thơ có đề tài thôn quê là những tập hợp bức tranh thôn quê cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần được cảm nhận qua tâm tư, tình cảm của thi nhân. Đây không phải là đề tài chủ đạo trong sáng tác của các nhà nho nhưng lại là đề tài thể hiện tư tưởng thân dân, tinh thần dân tộc của các thi nhân trung đại. Bởi đối với một nền văn học phương Đông thời trung đại, khi kinh tế hàng hóa và đô thị chưa phát triển thì những tiền đề về tư tưởng triết học, về nhân sinh quan phần lớn có nguồn gốc từ cuộc sống nơi thôn quê, nơi có đông đảo người dân lao động.

Nhìn chung lại, khái niệm *đề tài thôn quê* được dùng trong luận án là *thơ viết về thiên nhiên, cảnh vật, cuộc sống, con người thôn quê với cả đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần*.

### **2.1.2. Những tiền đề xuất hiện đề tài thôn quê**

#### **2.1.2.1. Quan niệm thẩm mỹ, quan niệm văn chương của các nhà Nho**

Đề tài thôn quê không chỉ là địa hạt riêng biệt của thơ ca trung đại mà là đề tài quan trọng của thơ ca dân gian và văn học hiện đại. Vẫn là phong cảnh, đất nước, con người Việt Nam vốn quen thuộc, nhưng mỗi thời kỳ lại được phản ánh khác nhau trong văn học. Tạo nên sự khác biệt đó là do sự chi phối của tư tưởng thời đại, những quan niệm thẩm mỹ, quan niệm văn chương mang đậm sắc thái của nhà Nho trung đại Việt Nam.

Đối với văn học trung đại Việt Nam - một nền văn học có bề dày phát triển hàng nghìn năm, diện mạo của các thể loại được thể hiện khá rõ nét, đặc biệt là thơ. Sự hình thành, phát triển của nền văn học trung đại Việt Nam gắn liền với các sự kiện lịch sử và chịu sự tác động của văn hóa phương Đông, văn hóa Việt Nam. Cũng như các nước khác trong khu vực Đông Á, văn học trung đại Việt Nam chịu

ảnh hưởng, chi phối của tư tưởng văn học Trung Hoa. Sự ảnh hưởng đó không chỉ thể hiện ở văn tự, thể loại mà còn thể hiện trong quan niệm thẩm mỹ, quan niệm văn chương của nhà nho trung đại. Đây cũng là đặc điểm chung của các nước trong khu vực Đông Á. Nguyễn Huệ Chi trong bài “Mấy đặc trưng loại biệt của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến XIX” đã khẳng định: “Cũng như văn học Nhật Bản và Triều Tiên, đây là một nền văn học nằm trong khu vực văn hóa Hán, trong đó văn học Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên đóng vai trò ngoại vi mà tâm điểm để chúng soi ngắm là văn học Trung Hoa” [20, tr.997]. Vì vậy, quan niệm thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam cũng như các nước “ngoại vi” khác, vừa tiếp thu các đặc điểm của văn học Trung Hoa vừa phát huy tinh thần dân tộc để tạo nên quan niệm riêng của mỗi nền văn học.

Trong các tư tưởng của văn học Trung Hoa, Nho giáo được coi là ý thức hệ tư tưởng chính thống, chi phối trong suốt mười thế kỉ văn học trung đại Việt Nam, từ đó tạo nên một kiểu loại nhà Nho riêng biệt. Phần lớn thơ ca trung đại là những thi phẩm tiêu biểu của các nhà Nho và ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng “văn dĩ tải đạo”, “thi dĩ ngôn chí”. Nhà Nho luôn đề cao văn chương có tác dụng truyền đạt đạo. Đạo là mục đích hướng tới, văn là phương tiện. Văn chương nhà Nho đặt vấn đề văn học không phải để phản ánh hiện thực mà nhằm mục đích đạo đức. Yếu tố hiện thực trong văn thơ được coi như một phương tiện truyền tải đạo đức. Với quan niệm đó, văn học trung đại trước hết là một nền văn học luân lý, đạo đức, văn học phải hướng thượng thì “đạo” mới cao đẹp.

Theo quan điểm của người trung đại, thời hoàng kim thuộc về quá khứ, cái đẹp là khuôn mẫu của tiền nhân. Những giá trị văn học của tiền nhân là mẫu mực hoàn hảo để hậu thế hướng tới và làm theo. Văn chương có chức năng truyền bá đạo lý thánh hiền, lời văn hay, phải “chép” được cái hồn cốt của đạo lý đó: “Văn chương chép lấy đòi câu thánh - Sự nghiệp tua gìn phải đạo trung” (Nguyễn Trãi). Vậy nên, văn học coi cái đẹp phải là cái cao cả, tao nhã, mỹ lệ. Bản chất của những quan niệm đó dưới chế độ phong kiến có khi là nhằm dùng văn học để củng cố quyền lực, củng cố hệ thống chính trị phong kiến. Trong khi đó, nhà Nho là tri thức của thời đại, là những người hay chữ sẽ tham gia thi thố và làm quan, là một nhân vật trọng yếu của triều đình phong kiến. Từ mục đích chính trị hóa như vậy, nên theo quan điểm chính thống, văn chương nhà Nho ít dành chỗ cho những tâm tư tình cảm cá nhân, không phản ánh hiện thực đời thường dân dã, không khắc họa

hình ảnh con người ở tầng lớp dưới của xã hội. Nếu văn học xuất hiện những hình ảnh ngoài những điển phạm quen thuộc thì hình ảnh đó cũng nhằm để chở đạo, tỏ chí. Văn học hướng tới vẻ đẹp thiên nhiên, vũ trụ lớn lao mới thể hiện được chí, đạo. Hình ảnh đời thường và những yếu tố thông tục không thuộc phạm trù của cái đẹp. Chính vì vậy, văn học trung đại mang đậm tính chất giáo huấn và phi ngã, tính quy phạm, ước lệ tượng trưng. Văn chương nghệ thuật trung đại là một phương tiện truyền giáo, để giáo hóa đạo lý: “Nho giáo xác định văn học nghệ thuật là phương tiện giáo hóa chính tâm... Nho giáo chỉ chấp nhận một thứ văn học chí thiện, hoàn toàn hợp đạo đức. Chính vì vậy, nho giáo làm cho văn học nghệ thuật xa cuộc sống thực, ức chế tình cảm thực” [74, tr.32].

Đặt trong nền văn hóa phương Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, trong khi khoa học tự nhiên chưa phát triển, chế độ phong kiến chọn người tài làm rường cột đất nước thường xuất thân từ văn chương cử tử. Khả năng sáng tác văn học là một trong những tiêu chí đánh giá tài năng, nhân cách, đạo đức của mỗi con người. Tác phẩm văn học phải biểu đạt được nhân cách và lí tưởng của kẻ sĩ, quân tử. Những quan niệm về “tam cương”, “ngũ thường” đều thuộc hình mẫu lý tưởng của nhà Nho. Điều đó cũng lý giải vì sao văn chương nhà nho luôn hướng ngòi bút đến các đề tài lớn lao, cao cả mang tinh thần Nho giáo; khắc họa hình mẫu con người lý tưởng để trở thành chuẩn mực đạo lý cho xã hội. Theo Lê Quý Đôn, Khổng Tử là bậc thánh hiền luôn coi trọng văn, bởi đó là biểu hiện bên ngoài của một phẩm chất tốt đẹp bên trong. Theo quan điểm đó thì văn là cái đẹp hiện ra bên ngoài của một nội dung bên trong gọi là đạo. Trong văn học thường có hình mẫu minh quân, trung thần, hiền lương, quân tử. Trần Ngọc Vương đã tinh tế nhận thấy rằng: “Văn học của Nho giáo chính thống là một thứ văn học chí thiện, phải hoàn toàn phù hợp với những tiêu chuẩn đạo đức được đo bằng những thước đo đạo đức” [196, tr.110]. Từ những quan niệm đó, văn chương trở thành công cụ lựa chọn người truyền đạo và củng cố, ca ngợi đạo.

Bên cạnh việc “tài đạo”, nhà nho còn làm thơ để “tỏ chí”. Cái “chí” ở đây cũng mang dấu ấn chung của thời đại. Đó phải là cái chí kinh bang tế thế, trí quân trạch dân, tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Hơn nữa, thơ là thể loại trữ tình tiêu biểu nhất của văn học trung đại, có khả năng thể hiện tư tưởng tình cảm một cách sâu sắc và tinh tế nhất của con người: “Vì là để bộc lộ tâm chí, thơ trở thành bộ phận lớn nhất, trữ tình nhất, trở thành nét chủ đạo trong văn học” [196, tr.110].

Bạch Cư Dị nêu lên cương lĩnh thơ ca hiện thực chủ nghĩa đời Đường, nêu quan niệm tổng quát về thơ văn: “*Làm văn phải hợp với thời thế, làm thơ phải hợp với sự việc*” (*Thư gửi Nguyên Chấn*) và viết thơ văn phải “*Vì vua, vì dân, vì vật, vì sự mà viết, chứ không phải vì văn mà viết*” (*Tựa Tân nhạc phủ*) [108, tr.30]. Thơ ca là một thể loại lớn của văn học đời Đường, nên những quan niệm đó bước đầu đã có những ảnh hưởng nhất định đến các thi nhân trung đại Việt Nam. Đến đời Tống, Tô Đông Pha cho rằng làm thơ phải có “*tài liệu*”, hễ “*có chuyện thực vào tay là dùng*” [108, tr.30]. Quan điểm này có phần đối lập với “*văn dĩ tải đạo*” của Chu Trình. Viên Mai đời Thanh đã có quan niệm cụ thể, biện chứng về thơ: “*Thơ khó ở chỗ chân thật*”, “*mắt chưa thấy, thân chưa đến mà cũng miễn cưỡng cứ làm thì chẳng khác nào phơi lung dưới mái nhà tranh mà cao giọng bàn về điện Kim Loan*” (*Tùy Viên thi thoại*) [108, tr.32]. Dù mỗi thời kỳ có mỗi quan niệm khác nhau, có cả tương đồng và đối lập, nhưng tất cả đều có điểm chung là đề cao vai trò, chức năng của thơ trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của con người. Đồng thời, các thi nhân cũng bắt đầu hướng thơ văn đến gần hơn tới hiện thực cuộc sống.

Quan niệm “*Thi dĩ ngôn chí*” của Nho gia nêu rõ mối quan hệ của thi và chí, thi phụ thuộc chí, chí đến đâu thì thơ đến đấy. Các tư tưởng tôn giáo cũng có những nhận định khái quát về chức năng của thơ ca. Nếu như Pháp gia coi văn nghệ là vô dụng, Mặc gia và Đạo gia không đề cao văn nghệ thì Nho gia lại coi trọng tác động thiết dụng của văn học. Trong thiên “*Dương hóa*” - *Luận ngữ* có câu: “*Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quán, khả dĩ quân, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ; viễn chi sự quân; đa chi ư điếu, thú, thảo, mộc chi danh*” (Thơ có thể khơi dậy lòng nhiệt tình, nâng cao khả năng quan sát, đoàn kết quần chúng, tránh được sự bất mãn. Gần thì có thể phụng dưỡng cha mẹ, xa có thể phụng sự vua; còn có thể biết được tên gọi của chim muông cây cỏ) [185, tr.321]. Ngoài những quy phạm khắt khe về đề tài được đề cập đến trong văn chương nhà nho vẫn tồn tại quan niệm văn chương gần gũi hơn với cuộc sống phong phú. Trong đó, cái đời thường, bình dị có khi cũng thuộc phạm trù cái đẹp.

Bên cạnh việc tiếp thu tư tưởng của nho giáo Trung Hoa, văn học trung đại Việt Nam còn phát huy giá trị truyền thống dân tộc và tinh thần thời đại. Từ thế kỷ X, dân tộc ta giành lại quyền tự chủ và xây dựng nhà nước phong kiến tập quyền độc lập. Trải qua bao hưng phế của các triều đại, bao lần chống giặc ngoại xâm, thơ ca luôn là thể loại chủ đạo xuyên suốt nền văn học dân tộc. Chính vì vậy, thơ trung

đại Việt Nam cũng mang những đặc điểm riêng. Văn học không chỉ nói đạo của thánh hiền mà còn phải gắn bó với đời sống, phản ánh hiện thực của thời đại. Sự kết hợp của các yếu tố đó đã tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ ca trung đại Việt Nam. Theo tiến trình của thơ ca trung đại, quan niệm thẩm mỹ có sự chuyển biến từ “*thi ngôn chí*” ở giai đoạn đầu sang thơ “*quý chân*” ở các giai đoạn sau. Nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng có gốc từ đời sống. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, có trích đoạn về Hành khiển Nguyễn Trãi dâng biểu vẽ khánh đá và tâu với vua về nguồn gốc của nhạc nói riêng và nghệ thuật nói chung: “Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc [...] Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để cho các nơi làng mạc không có tiếng oán giận than sầu, đó là không mất cội gốc của nhạc vậy” [46, tr.563]. Nguyễn Trãi đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa đời sống và nghệ thuật, đời sống là gốc rễ từ đó nảy sinh và phát triển nghệ thuật, hơn nữa nghệ thuật phải vì cuộc sống nơi thôn cùng xóm vắng. Hiện thực đời sống rộng lớn bộn bề luôn là đề tài, là nguồn cảm hứng vô tận để các tác gia sáng tác văn chương. Nhà nghiên cứu Phương Lựu đã khẳng định tính chất dân tộc trong văn chương trung đại: “Mặc dù nó chủ trương bảo vệ và tuyên truyền cho chế độ, đạo đức và lễ giáo phong kiến, nhưng cũng rất chú trọng tính hiện thực và tính thẩm mỹ của văn chương. Hơn thế nữa, nó còn chứa đựng tính nhân dân và đặc biệt là tính dân tộc sâu sắc” [106, tr.96]. Do đó, văn học không chỉ được sáng tác theo quy phạm, ước lệ của các bậc tiền nhân mà văn học chính là tâm hồn, tư tưởng dân tộc. Văn học không chỉ nói đến những hình tượng lớn lao, kì vĩ mà có khi đề cập đến những hình ảnh đời thường bình dị nhất.

Đứng trước cảnh vật, thi nhân thường “tức cảnh sinh tình”, hứng thơ vút đến trong tâm hồn tạo nên những thi phẩm giàu xúc cảm. Chính vì vậy: “Cái tôi của nhà nho đứng bên trên, bên ngoài cuộc sống xã hội nhưng như thế không có nghĩa là bác bỏ một thực tế là nhà nho quan sát, trần trở, suy tư về cuộc sống, xã hội với những vấn đề mà cuộc sống này gọi ra” [176, tr.140]. Thi nhân không chỉ tỏ chí về những vấn đề của tiền nhân mà còn thể hiện tư tưởng qua bức tranh hiện thực trước mắt. Bên cạnh những đề tài mang tính “hướng thượng” của văn học nho giáo, các thi sĩ trung đại còn có những vần thơ khắc họa thật tinh tế, sâu sắc về cuộc sống xã hội dân dã ở thôn quê. Lực lượng sáng tác của thơ ca trung đại chủ yếu là những nhà nho từng làm quan trong triều đình phong kiến, vì vậy phải chăm lo và thương yêu muôn dân. Tư tưởng thân dân ấy là nguồn mạch tạo nên một dòng thơ viết về đề tài

thôn quê phát triển cùng những đề tài chính thống của văn chương nhà nho. Việc phản ánh chính sự của thời đại là vấn đề cốt lõi và được thể hiện gián tiếp qua đời sống hiện thực của nông thôn ở một nước nông nghiệp như nước ta thời xưa. Đối với đặc thù của văn học trung đại Việt Nam, văn học nói đến cuộc sống nông thôn với tất cả những nếp sống lao động, sinh hoạt và văn hóa cũng góp phần thể hiện bức tranh xã hội đương thời. Các thi nhân trung đại vừa mượn đề tài nông thôn để thể hiện tư tưởng thân dân vừa thể hiện xu hướng hiện thực và tinh thần đề cao giá trị văn hóa dân tộc.

Quan niệm thẩm mỹ, quan niệm văn chương của các thi sĩ trung đại Việt Nam không chỉ ảnh hưởng từ tư tưởng Nho giáo mà còn tiếp thu từ truyền thống tinh thần dân tộc và yếu tố thời đại. Bên cạnh những vần thơ đậm chất Đường thi thì vẫn có những vần thơ gần gũi, giản dị được chưng cất từ chính cuộc sống dân dã của người dân Việt. Điều đó cũng lý giải sự xuất hiện của thơ điền viên thôn dã bên cạnh những vần thơ cung đình, cao nhã mang tính quy phạm. Đặc biệt, khi chế độ phong kiến đi vào con đường khủng hoảng và sụp đổ thì tinh thần dân tộc, dân chủ càng phát huy mạnh mẽ và hình ảnh thôn quê mộc mạc càng được thể hiện rõ nét hơn trong thơ trung đại Việt Nam.

#### 2.1.2.2. Triết lý xuất - xử của nhà Nho trung đại

Trước hết, các thi nhân trung đại Việt Nam ảnh hưởng văn hóa ứng xử của Nho gia. Khổng Tử đã đưa ra phương châm sống linh hoạt: “*Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng*” (Nếu được dùng làm quan thì đem đạo lý ra thi hành, nếu không được dùng thì ở ẩn với đạo). Thầy Khổng đã khuyên học trò linh hoạt trong việc lựa chọn con đường hành đạo, nếu ngộ “đào mệnh” rộng mở thì ra làm quan để đem tài trí giúp nước, cứu đời; nếu không thuận thời thế thì sống an bản lạc đạo, thanh nhàn chốn điền viên. Việc “xuất” hay “xử” tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Tư tưởng Nho gia là một hệ thống tư tưởng ứng xử linh hoạt, tùy thời. Bên cạnh việc đề cao con đường khoa cử, ứng thí làm quan thì Nho giáo cũng chỉ ra con đường thứ hai là ẩn dật để bảo tồn di dưỡng tính tình. Thơ ca của các nho sĩ theo đạo Khổng, Mạnh không chỉ viết về những đề tài mang tính quy phạm, quan phương, chính thống mà còn phản ánh cuộc sống nơi điền viên thôn dã an bình. Tư tưởng này được thể hiện sâu sắc ở các thi sĩ thời Đường. Do đó, ở Trung Hoa đã sớm xuất hiện trường phái thơ “điền viên, sơn thủy”. Tác giả cuốn *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* đã nhấn mạnh: “Những nhà thơ, đại biểu là Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên thì miêu tả non sông

gấm vóc, thú sống nơi sơn dã, nông thôn, hình thành phái thơ sơn thủy điền viên” [82, tr.238]. Hai đề tài này vẫn có những khu biệt rõ ràng. Khái niệm thơ “điền viên” được hiểu là “đề tài chủ yếu là cuộc sống ẩn dật nơi thôn dã” [182, tr.50], là thơ “miêu tả cảnh sinh hoạt nông thôn hay cảnh ngộ nông dân” còn thơ sơn thủy là thơ “thiên nhiên có nội dung miêu tả cảnh núi sông cây cỏ” [105, tr.116]. Chính vì vậy, các thi sĩ thời Đường luôn thể hiện cốt cách thanh cao, nho nhã của mình qua những vần thơ về điền viên, thôn dã. Các nhà nho trung đại Việt Nam cũng thấu lẽ xuất xứ của Khổng giáo và thơ thôn quê ra đời như một tất yếu thể hiện tư tưởng đó. Có nhiều nguyên do khiến cho các nho sĩ phải lánh đời tìm chốn lâm tuyền, đó không chỉ là thú vui tao nhã mà có thể đó là chốn dừng chân nghỉ khi đường công danh đầy thị phi, ngang trái. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê gọi đó là “phái tự nhiên” và đó là những nho sĩ bất mãn thời thế “không còn cách nào cải tạo được thời thế, nên chán đời, muốn ẩn trong rừng sâu, núi thẳm, nghe tiếng suối, tiếng chim, nhìn mây bay, trăng mọc. Họ chịu di phong của Đào Tiềm và Tạ Linh Vận, nhàn tản giữa cảnh thiên nhiên, dùng nghệ thuật để tả cái thú nhấp trà trong sương sớm hoặc nhìn cúc dưới gió chiều” [92, tr.443]. *Quy khứ lai từ* của Đào Uyên Minh như một khúc ca của nhà nho được trở về với cuộc sống thôn dã, giữ cốt cách thanh cao, xa lánh chốn cung đình.

Cũng nhấn mạnh vai trò của thiên nhiên và cuộc sống chốn thôn quê, Đạo giáo hướng tới đề cao tự nhiên, thuận theo tự nhiên, hòa vào tự nhiên. Chỉ khi con người hòa mình vào tự nhiên, tìm thấy sự thanh tịnh, thuần phác của tự nhiên thì con người có thể thấy được cái đạo vô vi của vũ trụ vĩnh hằng. Đó cũng là lúc con người trở về trạng thái an nhiên tự tại, xa lánh thế sự để tìm thấy sự thanh tĩnh trong tâm hồn. Hạt nhân tư tưởng của Đạo giáo hướng con người khám phá sức mạnh phi thường, có thể tu tiên đạt đạo. Để đạt đạo thì chỉ có chốn lâm sơn cùng cốc, nơi núi rừng thanh tĩnh mới có thể giúp con người hành đạo. Nơi đó phải xa chốn cung đình lao xao, con người không tham gia chính sự và sống thuận theo tự nhiên. Nếu như các thi sĩ Trung Hoa thường ngao du sơn thủy, các thi sĩ Nhật Bản hành đạo đó đây thì các nho sĩ Việt Nam thường tìm về chốn thôn quê yên bình của quê hương bản quán. Thiên nhiên thuần phác và cuộc sống tự nhiên ở thôn quê ngàn đời trở thành nơi nuôi dưỡng, thanh lọc tâm hồn thi nhân trung đại Việt Nam.

Cùng có điểm gặp gỡ với tư tưởng Đạo giáo, Phật giáo hướng con người tới tâm tĩnh “thiền định”, từ bỏ mọi dục vọng chốn phàm trần để giác ngộ, nhận thức về

vạn vật và con người. Các ngôi chùa thường ngự trị nơi núi cao yên tĩnh cách xa cuộc sống chốn cung đình. Chỉ khi từ bỏ bụi trần, lánh mình chốn thâm u của cửa Phật thì con người mới thoát khỏi mọi đau khổ của cuộc đời và hòa vào cõi vô thủy vô chung của vũ trụ. Vậy nên, thơ về thôn quê ít nhiều mang sắc màu thanh tịnh, tự nhiên của cảnh vật và đặc biệt là tâm hồn thanh tịnh, rũ bỏ bụi trần của thi nhân.

Đối với các thi sĩ trung đại Việt Nam, việc tiếp thu tư tưởng Khổng giáo, Đạo giáo hay Phật giáo đều được gắn liền với thực tiễn dân tộc. Chứng kiến sự hưng phế của các vương triều phong kiến, cảnh “thương hải tang điền”, “bạch vân thương cầu”, các nho sĩ đã tìm cho mình con đường hành đạo linh hoạt. Sự ra đời của thơ về thôn quê có thể xem như một phương tiện tất yếu để các nho gia tỏ bày cái lẽ xuất xử hành tàng mà các tiên nhân đã nêu thành nguyên tắc ứng xử.

Hơn nữa, với đặc trưng của văn chương nhà nho Việt Nam, viết về cuộc sống xã hội của nông dân là một đề tài quan trọng nhằm thể hiện bức tranh thời thế, thể hiện tinh thần thân dân của các triều đại. Người đứng đầu giai cấp phong kiến được đánh giá cao ở việc quan tâm, chăm lo và có trách nhiệm với dân theo tư tưởng của Nghiêu Thuấn. Văn học trung đại luôn gắn liền với các vấn đề chính trị, xã hội, vậy nên tư duy nghệ thuật cũng ít nhiều mang tính chính sự. Trong mỗi giai đoạn, sự thịnh suy giữa các triều đại có thể khác nhau nhưng luôn có những vần thơ chân thành, mộc mạc phản ánh cuộc sống dân quê. Với một dân tộc gắn bó lâu đời với nền nông nghiệp lúa nước, tư tưởng thân dân thể hiện ở việc phản ánh cuộc sống nông thôn Việt Nam. Từ cội nguồn văn hóa dân tộc đã hình thành nên dòng thơ về thôn quê gần gũi, bình dị.

## **2.2. Quá trình phát triển của đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam**

### **2.2.1. Giai đoạn từ thế kỷ X - XIV**

Văn học Lý - Trần là giai đoạn mở đầu của nền văn học viết Việt Nam, khá nhiều tác phẩm mang tính chức năng và chịu ảnh hưởng của văn học Trung Quốc. Các yếu tố về đề tài, thể loại của thơ ca phần lớn vẫn theo tính quy phạm của các tư tưởng tôn giáo chính thống. Tuy nhiên, khát khao khẳng định giá trị truyền thống dân tộc trong văn học vẫn âm ỉ cháy và được khởi nguồn từ những bài thơ trữ tình thời Trần.

Thơ trữ tình thời Lý thường mang tính chức năng, suy lý, triết học. Các thi nhân mượn hình ảnh thiên nhiên như một công cụ để truyền tải những giác ngộ về cõi



nhân sinh và vũ trụ. Vậy nên đề tài thôn quê chưa được đề cập đến như một đối tượng phản ánh. Thơ trữ tình thời Trần đã có bước tiến mới nghiêng về thơ trữ tình thế sự, đặc biệt nửa sau đời Trần, đường biên trữ tình thế tục thoát khỏi khuôn khổ trước đó. Hình ảnh thôn quê đã bắt đầu thấp thoáng xuất hiện trong thi ca với những nét phác họa đơn sơ, cổ kính.

Sang thế kỉ XIII, tầng lớp Nho sĩ phát triển đông đảo theo hướng mở rộng đến các Nho sĩ thứ dân: “Một số ngày càng nhiều lại xuất thân từ nông dân và thợ thủ công. Là những người tương đối gần với các tầng lớp nhân dân hơn là quý tộc, họ tiếp thu được nhiều hơn tư tưởng của nhân dân” [87, tr.72]. Do sự biến động về hoàn cảnh lịch sử xã hội mà lực lượng sáng tác văn học là nho sĩ dần dần lấn át lực lượng tăng lữ. Lần đầu tiên, những hình ảnh về một thôn quê yên bình, mộc mạc mà thanh tao đã xuất hiện trong thơ các thi sĩ thời Trần. Những thành tựu đó được kết tinh ở các tác giả tiêu biểu như: Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Quang Triều, Bùi Tông Hoan, Nguyễn Sưồng, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh...

Văn học thời Trần thuộc giai đoạn khởi đầu của nền văn học viết dân tộc nên có sự ảnh hưởng, tiếp thu từ văn hóa dân gian. Trong đó, thôn quê vốn là một đề tài lớn của văn học dân gian. Nếu thôn quê trong ca dao là hiện thực cuộc sống và thế giới tâm hồn người dân lao động, thì thôn quê trong văn học viết là hiện thực trong tư duy sáng tạo của văn chương nhà Nho. Tư duy nghệ thuật luôn gắn liền với tư duy chính trị. Bức tranh thôn quê đã xuất hiện trong cái nhìn đầy nhân hậu của vị vua mang tư tưởng thân dân, *Thiên Trường vãn vọng* của Trần Nhân Tông gợi lên một khung cảnh với vẻ đẹp cổ điển, tao nhã mà gần gũi, thân thuộc: “Từ cung phủ vua Trần Nhân Tông phóng tầm mắt ngắm cảnh thôn quê, lòng vui với tiếng sáo trẻ trâu, từng đôi cò trắng liệng xuống đồng” [173, tr.59]. Đến cuối thời Trần, thơ ca của một số nho sĩ ẩn dật có thêm sắc thái mới và gần gũi hơn với đời sống thôn dã. Trần Nguyên Đán về quê sớm khi “Niên tài tứ thập tiện hưu quan” (Tuổi mới bốn mươi đã cáo quan về hưu) nên thi nhân có nhiều vần thơ về thiên nhiên gắn với cuộc sống chốn quê. Bài *Thu nhật* (Ngày thu) phác họa hình ảnh mái tranh nhỏ bên sông, mai cúc ngát hương trong ngôi vườn nhỏ. Trong khi đó, bài *Nhâm Dân niên lục nguyệt tác* (Thơ làm vào tháng sáu năm Nhâm Dân) lại thể hiện nỗi cảm hoài da diết về nỗi thống khổ của dân quê vì lụt lội, hạn hán, mùa màng mất mát. Cùng chung cảm xúc đó, Nguyễn Phi Khanh cũng có những vần thơ thể hiện vẻ đẹp giản

dị, mộc mạc về thôn quê trong nhiều bài thơ như: *Thôn gia thú* (Thú quê nhà), *Gia viên lạc* (Thú quê nhà), *Thôn cư* (Ở xóm), *Son thôn cảm hứng* (Cảm hứng ở xóm núi)...

Bên cạnh những vần thơ ca ngợi chính sự, ca ngợi triều đại qua bức tranh thôn quê thanh bình, âm no còn có những “sáng tác viết về cuộc sống cơ cực, đói khổ của nhân dân” [176, tr.130]. Các thi sĩ thời Trần đã sớm thoát khỏi khuynh hướng ước lệ, tượng trưng để đưa cảm hứng thể tục vào trong thơ. Vì vậy, thôn quê đất Việt vừa thanh bình vừa đầy lo âu trăn trở trong lòng thi nhân luôn sẵn niềm ưu ái.

Hơn nữa, từ thế kỉ XIII, chữ Nôm được dùng trong sáng tác văn chương đánh dấu sự phát triển của ngôn ngữ thơ ca dân tộc, khẳng định ý thức dân tộc để dần thoát khỏi sự lệ thuộc của chữ Hán. Đây cũng là giai đoạn tiền đề để văn học các giai đoạn sau kế tiếp và phát huy tạo nên những thi phẩm thơ Nôm kiệt xuất mang đậm sắc thái dân tộc. Cuộc sống thôn quê với tất cả những giá trị văn hóa lâu đời của nhân dân vẫn được lưu giữ sau mỗi lũy tre làng. Sức sống bền bỉ đó dường như ít chịu ảnh hưởng từ các cuộc ngoại xâm và những cải cách của chế độ phong kiến: “Trước thế kỉ XV, chế độ công điền vẫn còn phồn thịnh. Trong làng xã, chế độ tư hữu và phân hóa giai cấp chưa phát triển mạnh, nhà nước phong kiến chưa can thiệp mạnh về phương diện kinh tế cũng như hành chính vào làng xã” [117, tr.78]. Do đó, những vẻ đẹp thôn quê ở giai đoạn đầu dù chưa được khắc họa đầy đủ nhưng vẫn mang dấu ấn của làng quê đất Việt.

Như vậy, ngay từ buổi đầu đất nước giành được nền tự chủ, văn học cũng đã hướng tới giá trị truyền thống dân tộc, mở rộng đề tài bên cạnh các đề tài quen thuộc của văn chương Nho giáo. Các thi nhân đã sớm đưa thơ ca phát triển theo hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại. Bức tranh thôn quê dù mới được phác họa những đường nét sơ giản nhưng cũng khẳng định vị thế của mảng thơ này trong quan niệm nghệ thuật của nhà nho thời đại Lý - Trần. Đây cũng chính là tiền đề vững chắc để thơ về thôn quê phát triển mạnh mẽ ở các giai đoạn tiếp theo.

### **2.2.2. Giai đoạn từ thế kỷ XV- XVII**

Bước sang thế kỉ XV, sau hơn hai mươi năm chiến đấu chống quân Minh để giành độc lập, quốc gia Đại Việt bắt đầu một thời kì phát triển rực rỡ nhất lịch sử phong kiến Việt Nam. Chính vì vậy văn học cũng được chú trọng phát triển đáng kể, đặc biệt là sự phát triển của chữ Nôm. Phạm vi phản ánh đời sống hiện thực

trong văn học cũng mở rộng hơn, gần hơn với cuộc sống thôn quê. Thơ viết về thiên nhiên thôn quê thời kì này cũng có bước tiến đáng kể. Thế kỉ XVI - XVII là thời kì chế độ phong kiến bắt đầu có những biểu hiện khủng hoảng về tư tưởng chính trị, xã hội. Nhiều nho sĩ bất mãn thời thế, tìm về chốn quê thanh bình để di dưỡng tâm hồn. Chúng ta phải kể đến sự đóng góp của các tác giả: Nguyễn Húc, Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Nguyễn Bảo, Thái Thuận, Hoàng Đức Lương, Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức, Nguyễn Bình Khiêm. Đây là thời kì chấn hưng, phát triển văn hóa nghệ thuật, các nho sĩ gắn bó tha thiết với thiên nhiên thôn dã, với quê hương bản quán.

Sau khi chiến thắng giặc Minh xâm lược, triều đình phong kiến nhà Lê đã có vai trò tích cực đối với lịch sử và chú trọng đến quyền lợi của đông đảo nông dân. Nếu như các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm của các triều đại trước đó còn vắng bóng hình tượng nhân dân thì giờ đây người dân lại là hình tượng được ca ngợi trong cuộc chiến giành độc lập. Văn học nửa đầu thế kỷ XV mang khuynh hướng ca ngợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và người anh hùng Lê Lợi. Văn học tập trung phản ánh cuộc chiến đấu cho độc lập dân tộc, những cố gắng nhằm xây dựng chế độ trong thời bình. Âm hưởng chung của văn học không chỉ là khúc khải hoàn của vua, quan, tướng lĩnh nhà Lê mà còn là khúc tráng ca của toàn dân tộc. Bên cạnh âm hưởng ca ngợi những người hùng của dân tộc, các thi sĩ thời kì này cũng có nhiều bài thơ thể hiện dòng cảm xúc sâu lắng về con người và cuộc sống đời thường nơi thôn dã, sự gắn bó với quê hương.

Nguyễn Húc cảm thông và trân trọng cho hoàn cảnh của người dân lao động kham khổ trong bài *Dã lão ai* (Thương ông già thôn quê). Lý Tử Tấn tìm thấy niềm an nhiên, thanh tịnh với những cảnh đẹp, sản vật quê hương trong bài *Sơ thu* (Đầu mùa thu). Đó là “Phong vị quê hương mà Lý Tử Tấn rất yêu mến gọi lại cho ta những vần thơ của Nguyễn Trung Ngạn (thế kỉ XIV) về nhộng chín, cua béo, và rất giống với những vần thơ của Nguyễn Trãi về quả núc nác, rau mùng toi... hay là của Nguyễn Bình Khiêm (thế kỉ XVI) về canh cua róc, măng trúc, giá đỗ” [87, tr.198]. Với QATT và UTTT, Nguyễn Trãi đã khẳng định tinh thần dân tộc hóa văn học sâu sắc qua những vần thơ về thôn quê, góp phần tạo nên thành tựu của văn học nửa đầu thế kỉ XV.

Thời Hồng Đức là thời kì thịnh trị của xã hội phong kiến Việt Nam nửa sau

thế kỉ XV, văn học mang khuynh hướng ca tụng, thù tạc chế độ phong kiến. Tuy nhiên, không phải vì thế mà văn học chỉ mang tính quan phương, cung đình. Văn học không những thể hiện niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, ca ngợi đất nước trong thời bình mà còn miêu tả thiên nhiên thôn dã gắn liền với đời sống hiện thực. Đó là cảnh thiên nhiên tươi đẹp mang đậm phong vị quê hương và rất mực gần gũi, thân thuộc. Các thi nhân đã miêu tả phong vị quê hương thật thuần phác, dung dị bằng cách sử dụng chữ Nôm - ngôn ngữ dân tộc. Lực lượng sáng tác chủ yếu của thời kỳ thịnh trị là nho sĩ quan liêu, nhất là các triều thần xuất thân từ khoa cử được Lê Thánh Tông tuyển chọn vào Hội Tao đàn. Do đó, nội dung chủ yếu của văn học là nội dung thù phụng, ca ngợi sự thịnh trị của chế độ phong kiến và tài đức của vị vua anh minh. Sự ra đời của *Hồng Đức quốc âm thi tập* là sự tập trung các trí thức đương thời đã đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa, văn học thời kì này.

Với vai trò là Tao đàn nguyên sớ, Lê Thánh Tông chỉ đạo chặt chẽ về đề tài, cảm hứng mang âm hưởng ca ngợi, thù tạc. Bên cạnh những vãn thơ “hướng thượng” mang tính chất công thức, khuôn sáo của lối sáng tác cung đình vẫn có những bài thơ về thôn quê với những hình ảnh thô mộc, dân dã. Tiêu biểu là các bài thơ *Vịnh ngũ canh thi*, *Vịnh cảnh mùa hè* trong mục *Thiên địa môn*; *Tứ thú*, *Họa bài người kiếm cá* trong *Phong cảnh môn*... Những vãn thơ xướng họa cung đình của các văn thần Hồng Đức đã gọi lên bức tranh sinh động, phong phú của thôn quê làng Việt trong buổi thái bình thịnh trị. Đồng thời, tác phẩm cũng đánh dấu bước phát triển của thơ Nôm Đường luật trong việc dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại.

Tác giả của *Trích diễm thi tập* Hoàng Đức Lương cũng đã có những vãn thơ về thiên nhiên và cuộc sống thôn quê thanh bình, ấm áp. *Thôn cư* (Ở làng quê) đã gọi lên vẻ đẹp mộc mạc, gần gũi:

*Tang ám tà chính miên,*

*Thiền đê yển sơ nhũ.*

*Lục quyện ý sừ quy,*

*Trú vĩnh quyên thanh ngộ.*

(Tầm đang nằm ngủ dưới lá dâu im mát,

Ngoài hiên nhìn thấp thấp, én đang mớm cho con.

Bầu mới thì vắc về nghỉ,  
Cuộc kêu lúc bóng nắng tròn)

Văn học thế kỉ XV là một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam. Trong đó, sự xuất hiện các tập thơ Nôm với số lượng đồ sộ cùng nhiều bài thơ đặc sắc về đề tài thôn quê đã góp phần tạo nên diện mạo riêng biệt của thơ ca thời kì này.

Chế độ phong kiến Việt Nam đi vào con đường khủng hoảng từ thế kỉ XVI, do đó tư tưởng của các tầng lớp nho sĩ cũng có sự thay đổi đa dạng, nhiều cung bậc cảm xúc: “Điểm đặc trưng dễ thấy nhất của văn chương nhà nho ở hai thế kỉ XVI - XVII là sự gia tăng mạnh mẽ khuynh hướng văn chương của người ẩn dật” [196, tr.142]. Nhiều nho sĩ bất mãn thời cuộc đã tìm về ẩn dật nơi thôn quê để giữ tâm hồn liêm khiết, thanh cao. Trong đó, Nguyễn Bình Khiêm là tác giả tiêu biểu của thời kì này có nhiều vần thơ gần sát hơn với cuộc sống làng mạc, quê kiểng. Trạng Trình đã nâng cuộc sống nhàn dật lên thành triết lý sống lúc bấy giờ. Nhà thơ chủ yếu sống ở nông thôn nên phần lớn tác phẩm của ông được viết trong bối cảnh nông thôn gắn với am Bạch Vân. Trong nhiều bài thơ, Hán cũng như Nôm, ngoài những tình cảm đối với con người, nhà thơ thường miêu tả cảnh đẹp ở thôn quê và lòng tha thiết của ông đối với cuộc sống nơi “vắng vẻ”.

Trong giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, cả thơ chữ Hán và chữ Nôm tiếp tục phát triển mạnh mẽ và kết tinh thành những tập thơ lớn có giá trị. Đề tài thôn quê chưa phải là đề tài chủ đạo nhưng cũng thể hiện sự quan tâm của các thi sĩ đến đời sống con người và cảnh vật thôn quê. Điều này cho thấy sự chuyển dịch đề tài trong thơ ca trung đại Việt Nam. Đây là nguồn thi liệu “thuần Việt” trong khối lượng thi liệu Hán - Việt đồ sộ của các tác giả. Những thành tựu đó đã tạo nên diện mạo riêng cho thơ thôn quê giai đoạn này.

### **2.2.3. Giai đoạn từ thế kỷ XVIII - XIX**

Ở chặng cuối của tiến trình văn học trung đại, văn học có nhiều biến động do ảnh hưởng hoàn cảnh lịch sử xã hội. Đây là thời kì mà Nho giáo Việt Nam chuyển sang một hình thái mới, thơ ca phát triển từ khuynh hướng “ngôn chí” sang thơ “quý chân”. Văn học kết tinh thành tựu trong cả sáng tác chữ Hán và chữ Nôm. Lực lượng sáng tác cũng phát triển đông đảo và tạo thành một đỉnh cao văn học trong tiến trình văn học trung đại.

Thơ ca thời kì này phản ánh chân thực tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ trước hiện thực cuộc sống xã hội. Hơn nữa, các thi nhân lựa chọn con đường ẩn dật thôn quê để bảo toàn danh tiết trước những biến động dữ dội của thời cuộc. Chế độ phong kiến Việt Nam đã có dấu hiệu khủng hoảng ở thế kỉ XVI, XVII và đến thế kỉ XIX bước vào thời kì khủng hoảng trầm trọng và trên đà sụp đổ. Đặc biệt, từ nửa sau thế kỉ XIX, đất nước bị thực dân Pháp xâm lược nên các nhà nho thời kì này phần lớn bất mãn với triều đình và trở thành các ẩn sĩ nơi quê nhà.

Nếu như đề tài thôn quê được hình thành ở giai đoạn đầu của tiến trình văn học thì đến giai đoạn cuối của văn học trung đại đã kết tinh rực rỡ với nhiều tác gia, tác phẩm đặc sắc. Một trong những nhân tố tạo nên thành công của mảng đề tài vốn không phải là chủ đạo của nhà nho chính là sự chi phối của hoàn cảnh xã hội. Nhà nho vốn gắn nhiều với nền văn học chữ Hán rơi vào tình cảnh bế tắc và mất dần vai trò chủ đạo trong thời kì đầy sóng gió của sự thăng trầm thời thế. Chính vì vậy, những quan niệm mang tính quy phạm của văn chương bác học dần dần bị thay thế bởi quan niệm văn học gần gũi với đông đảo người dân và hướng tới bức tranh rộng lớn của hiện thực trước mắt. Những chuyển biến về lịch sử, chính trị trên chặng cuối của văn học trung đại là nhân tố thúc đẩy xu hướng văn học mang đậm tinh thần dân tộc, dân chủ phát triển mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, tiền đề về văn hóa văn học thời kì này đã góp phần phát triển mạnh mẽ đề tài thôn quê. Đây là thời kì mà văn học ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài đều có nhiều tác phẩm viết về các vùng miền cụ thể. Tiếp nối từ văn học truyền thống, văn học Đàng Ngoài vẫn tiếp tục phát huy và kết tinh ở nhiều tác giả với nhiều tác phẩm đồ sộ. Bức tranh thôn quê miền Bắc được thể hiện trong thơ Cao Bá Quát, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Khuyến; thôn quê miền Trung được thể hiện trong thơ Phan Thúc Trục, Đặng Huy Trứ; thôn quê miền Nam xuất hiện thuần phác trong thơ Trịnh Hoài Đức. Nửa sau thế kỉ XIX, thôn quê làng Việt trở nên chân thực, sinh động hơn và trở thành cảm hứng chính của nhiều thi sĩ. Xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa của tư tưởng nhà nho là một trong những yếu tố tác động quan trọng làm nảy sinh cảm hứng hiện thực trong thơ văn.

Những biến động của lịch sử trên chặng đường cuối của chế độ phong kiến Việt Nam có sức tác động mạnh mẽ đối với lực lượng sáng tác văn chương. Bức tranh nông thôn vì thế cũng hiện lên với tất cả đường nét, sắc màu mộc mạc, gần

gũi. Nông thôn Việt Nam trong thơ đã không còn là xóm làng với những con người vô danh mà trở thành chủ đề trung tâm với những vần thơ đạt đến độ điển hình về thiên nhiên, làng cảnh. Có vùng quê nghèo hiện lên với những thiên tai, dịch họa, mất mùa và có những vùng quê vẫn tiềm ẩn chiều sâu văn hóa, phong tục tập quán trải qua hàng ngàn đời. Những thi phẩm của các thi gia ở các miền của tổ quốc đều mang vẻ đẹp đặc trưng riêng biệt của mỗi vùng quê. Sự xuất hiện đồng đảo các thi phẩm đặc sắc về thôn quê đã tiếp nối và khẳng định mạch cảm xúc sâu lắng, bình dị luôn dâng trào trong hồn thơ thi nhân đất Việt.

Mỗi thi nhân có một cảm xúc riêng về thôn quê, có nhớ nhung, lo lắng, trăn trở... nhưng đều thể hiện sự trù mến, yêu thương, nghĩa tình sâu đậm. Mỗi bài thơ là một bức tranh quê sinh động ẩn chứa cả đời sống văn hóa của người dân quê mỗi vùng miền. Thôn quê thường gắn với quê hương, gắn với quê cha đất tổ, là tình cảm chân thành, thiêng liêng trong tiềm thức của mỗi con người. Đối với giai đoạn lịch sử đầy thăng trầm như thế kỉ XVIII - XIX, hình ảnh về thôn quê càng trở nên tha thiết, gần gũi.

Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) là người con xứ Huế, tiêu biểu của văn học Đàng Trong thế kỉ XVIII. Bài thơ *Lộc trĩ thôn cư* (Xóm thôn ở Mũi Nai) thể hiện cuộc sống ấm no, yên bình của người dân. Thi nhân tự hào với những sản vật mang phong vị thôn quê, cuộc sống an nhiên, tĩnh tại. Trong khi đó, bài thơ cùng tên *Lộc trĩ thôn cư* (Xóm thôn ở Mũi Nai) của Mạc Thiên Tích (? - 1780) đã ghi lại khoảnh khắc âm thanh “quạ kêu rộn” trên nền xanh biếc của “luống rau ròn”, phảng phất mùi thơm của lúa chín. Các thi nhân cảm nhận vẻ đẹp của Mũi Nai bằng mọi giác quan tinh tế và tình cảm gắn bó, đồng thời phác họa được vẻ đẹp thanh bình, sinh động vùng cực Nam của tổ quốc.

Lê Quý Đôn (1726 - 1784) không chỉ là một nhà chính trị, nhà sử học uyên thâm mà còn là một nhà thơ có tinh thần thân dân sâu sắc. Nhiều bài thơ thể hiện sự chăm lo, gần gũi của thi nhân với những vất vả lo toan hàng ngày của người dân lao động. Bài thơ *Độ Thiên Đức giang xuân canh hữu cảm* (Qua sông Thiên Đức nhìn cảnh làm ruộng ngày xuân, xúc cảm thành thơ) khắc họa cuộc sống thái bình với cảnh người dân chăm chỉ cần mẫn giữa độ nông nhàn. Khi ngắm cảnh hoa màu, lúa má được mưa nẩy nở, thi nhân thấy đó là báo hiệu được mùa trong bài *Liên nhật âm vũ ngẫu thư* (Mưa dài ngày, trời âm u, ngẫu hứng viết thành thơ). Niềm vui ấy đã

tạo nên những vần thơ đẹp, giàu liên tưởng độc đáo trong bài *Bắc trăn hỷ vũ* (Bắc trăn vui mừng đón mưa). Hình ảnh “người đàn bà đi cấy, chân giẫm vỡ áng mây” gợi lên vẻ đẹp khỏe khoắn, chân thực mà sáng tạo về người dân lao động.

Bùi Huy Bích (1744 - 1818) ngắm cảnh ruộng đồng ở ngoại thành Thăng Long gợi lên hứng thú muốn làm bài phú “Về đi thôi”. Bài thơ *Quang Liệt xã giang thượng ngâm* (Khúc ngâm trên sông xã Quang Liệt) gợi lên cuộc sống “thanh nhàn, yên ổn” mà thi nhân mong mỏi dừng chân khi tuổi già.

Từ nửa sau thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, xã hội rối ren, thăng trầm với sự hưng phế của các triều đại phong kiến Việt Nam. Thơ thôn quê thời kì này cũng thấm đẫm nỗi niềm ưu ái của thi nhân. Vẫn là bức tranh quê thanh bình, gần gũi nhưng thấm đẫm nỗi u hoài. Thơ Phạm Quý Thích (1760 - 1825) thể hiện tâm sự trắc ẩn thời thế. *Lữ xá cảm hoài* (Cảm hoài nơi quán trọ), *Thu dạ bộ nguyệt hữu hoài* (Nỗi lòng trong đêm thu đi tản bộ dưới trăng), *Đề dã thụ* (Đề ở ngôi chùa ngoài đồng)... là những bài thơ tiêu biểu của thi sĩ họ Phạm về cảnh thôn quê đầy cảm xúc trầm lắng. Cảnh vật và con người trong thơ Nguyễn Du (1765 - 1820) lại khoáng vẽ tàn tạ, thê lương, u sầu. *Thu chí* (Thu đến), *Dạ tọa* (Ngồi trong đêm), *Đồng Lung giang* (Sông Đồng Lung)... gợi lên bức tranh thôn quê đẹp, nên thơ nhưng lại chan chứa nỗi lòng buồn thảm của thi nhân. Phạm Quý Thích và Nguyễn Du đã tạo nên một sắc màu mới mang đậm dấu ấn tâm trạng của thi nhân trong bức tranh thôn quê.

Phạm Phú Thứ (1821 - 1882) và Nguyễn Miên Thẩm (1819 - 1870) là những đại diện tiêu biểu cho văn học Đàng Trong của thế kỉ XIX. Đặc biệt, tác giả của *Hà Tiên thập cảnh* đã đưa vẻ đẹp bình dị của thôn quê Nam bộ vào thơ với niềm tự hào, trân quý: “Miên Thẩm nặng lòng với quê hương đất nước. Ông ghi lại nhiều cảnh đẹp đã đi qua, sống qua, kể cả những cảnh thôn dã với bóng chuối, tàu cau...” [57, tr.1168].

Nguyễn Thông (1827 - 1894) và Nguyễn Khuyên (1835-1909) là hai tác giả tiêu biểu kết thúc giai đoạn văn học cuối thế kỉ XIX bằng những vần thơ giàu chất hiện thực về thôn quê làng Việt. Nguyễn Thông không chỉ gần gũi người dân lao động mà còn chăm lo cho cuộc sống của muôn dân. *Thôn cư* (Ở thôn quê), *Khuyên cần nông* (Khuyên chăm nghề nông), *Khuyên hưng cư* (Khuyên đào mương thủy lợi), *Khuyên tài thực* (Khuyên việc trồng trọt)... là những bài thơ chứa chan tình



nghĩa và sự quan tâm của ông dành cho người nông dân: “Ở những bài thơ này, Nguyễn Thông tỏ ra có một kiến thức khá phong phú về nghề làm ruộng” [104, tr.678]. Trong đó, Nguyễn Khuyến là tác gia tiêu biểu viết nhiều về thôn quê trong sáng tác thơ chữ Hán và chữ Nôm. Sự phát triển của lực lượng sáng tác về thôn quê đã thúc đẩy tinh thần dân tộc hóa thể loại. Những bức tranh thiên nhiên thôn quê và những giá trị văn hóa nơi làng quê đã từng tồn tại lâu đời, trở thành nguồn cảm hứng cho thi nhân thời kì này: “Trong những thời kì nóng bỏng của lịch sử, thực tế cuộc sống tràn qua khuôn khổ mà vào nội dung văn học” [74, tr.39]. Đây là thời kì mà thơ ca đến gần hơn tới cuộc sống đời thường của người nông dân.

Như vậy, đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam mang những đặc điểm, đặc sắc riêng ở mỗi thời kì. Ở giai đoạn đầu, văn học không tránh khỏi sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa sau hàng nghìn năm Bắc thuộc, nên bức tranh thôn quê Việt Nam mới được phác họa bằng những nét sơ khai mang tính biểu tượng. Chính tinh thần dân tộc, dân chủ đã thúc đẩy văn học phát triển và hướng về cội nguồn văn hóa dân tộc ở giai đoạn thứ hai. Trong quá trình dân tộc hóa, thơ ca được kết tinh rục rở ở giai đoạn cuối cùng của tiến trình văn học trung đại. Đó cũng là quy luật tất yếu trong tiến trình phát triển của văn học theo xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại. Theo từng giai đoạn, tính chất công thức ước lệ trong thơ viết về thôn quê dần được các tác giả thay thế bằng những chất liệu của đời sống hiện thực đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt. Vì vậy, bức tranh thôn quê làng Việt mang một gam màu riêng trong sự đối sánh với thôn quê của các nước trong khu vực văn hóa chữ Hán.

### **2.3. Kết quả thống kê, phân loại đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam**

#### ***2.3.1. Tiêu chí thống kê, phân loại***

Để thống kê, phân loại đề tài thôn quê thành những hệ thống nội dung cụ thể, chúng tôi dựa trên các tiêu chí sau:

Thứ nhất, luận án dựa trên khái niệm đề tài thôn quê và đặc điểm thơ trữ tình trung đại. Khái niệm về đề tài thôn quê bao gồm nội dung viết về thiên nhiên cảnh vật và cuộc sống con người thôn quê. Cụ thể hơn, thơ phản ánh đời sống thôn quê bao gồm thiên nhiên thôn quê, đời sống xã hội và con người thôn quê.

Thứ hai, một số tập thơ lớn thường được các tác giả trung đại đặt tên các mục

hàm chứa nội dung viết về thôn quê như thơ về thiên nhiên, tứ thời, phong cảnh môn, sau khi về ở ẩn...

Thứ ba, luận án dựa trên phạm vi phản ánh về thiên nhiên và con người thôn quê. Những bài thơ có hình ảnh thôn quê nhưng không phản ánh đời sống thôn quê sẽ không thuộc phạm vi khảo sát, nghiên cứu (Chẳng hạn thơ vịnh vật, khẩu khí, thơ triết lí...). Bên cạnh đó, thơ viết về thiên nhiên như cảnh núi non, rừng biển không gắn liền với đời sống thôn quê cũng không thuộc phạm vi khảo sát của đề tài.

Trên cơ sở đó, luận án khảo sát các tác gia tiêu biểu cho từng giai đoạn của văn học trung đại, đồng thời là những tác giả có đóng góp quan trọng trong tiến trình phát triển của thơ ca, nhất là đóng góp về quá trình dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại, thể hiện vẻ đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam. Luận án chú trọng khảo sát các bài thơ có hình ảnh, không gian thể hiện bức tranh tổng thể về cả đời sống vật chất và tinh thần thôn quê. Để định lượng một cách đầy đủ các bài thơ viết về thôn quê, đặc biệt bản chữ Hán, luận án bám sát theo bản dịch nghĩa và có sự đối chiếu với nguyên tác.

Như vậy, tùy từng góc độ nghiên cứu mà chúng ta có cách phân loại khác nhau. Với đề tài luận án đang thực hiện, dựa trên khái niệm về đề tài thôn quê đã nêu, chúng ta có thể xác định một cách khá hệ thống các bài thơ, câu thơ về đề tài thôn quê trong thơ trung đại.

### 2.3.2. Kết quả thống kê, phân loại

Dựa trên các tiêu chí đã nêu, chúng tôi khảo sát tổng quát các bài thơ viết về đề tài thôn quê, bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm theo tiến trình văn học trung đại.

**Bảng 2.1. Bảng khảo sát thống kê số lượng bài thơ viết về đề tài thôn quê**

(Những bài thơ cụ thể có trong phần Phụ Lục)

TT	Tác giả tiêu biểu	Tác phẩm khảo sát	SL bài thơ khảo sát	SL bài thơ viết về thôn quê	Tỉ lệ (%)
X - XIV	Trần Quang Khải (1241 - 1294) Trần Nhân Tông (1258 - 1308) Bùi Tông Hoan (? - ?) Trần Quang Triều (1286 - 1325) Nguyễn Sưởng (? - ?) Mạc Đĩnh Chi (1284 - 1361)	<i>Thơ văn Lý - Trần (Tập II, quyển thượng)</i>	269	20	7.4

	Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370)	<i>Giới Hiền thi tập</i>			
	Trần Nguyên Đán (1325 - 1390) Nguyễn Phi Khanh (1355 - 1428)	<i>Thơ văn Lý - Trần (Tập III)</i>			
XV - XVII	Nguyễn Trãi (1380 - 1442)	<i>Ức Trai thi tập</i>	99	7	7.1
		<i>Quốc âm thi tập</i>	254	32	12.6
	Nguyễn Bảo (1439 - 1503)	<i>Châu Khê thi tập</i>	34	6	17.6
	Thái Thuận (1441 -?)	<i>Lữ Đường thi</i>	56	5	8.9
	Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức	<i>Hồng Đức quốc âm thi tập</i>	328	25	7.6
	Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)	<i>Bạch Vân am tập</i> <i>Bạch Vân quốc ngữ thi tập</i>	568 153	31 19	5.5 12.4
XVIII - XIX	Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780)	<i>Anh Ngôn thi tập</i>	34	7	20.6
	Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825)	<i>Cán Trai thi tập</i>	160	17	10.6
	Cao Bá Quát (1808 - 1855)	<i>Thơ chữ Hán</i>	1212	33	2.7
	Phan Thúc Trực (1808 - 1852)	<i>Cẩm Đình thi tuyển tập</i>	155	16	10.3
	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874)	<i>Đặng Hoàng Trung thi sao</i>	279	20	7.2
	Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)	<i>Thơ chữ Hán</i> <i>Thơ chữ Nôm</i>	267 86	33 14	12.4 16.3

**\* Nhận xét**

*- Về các giai đoạn phát triển*

Theo bảng thống kê, đề tài thôn quê được khảo sát theo tiến trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam. Từ đó, chúng ta có thể thấy được đặc điểm riêng của từng giai đoạn cũng như cả tiến trình phát triển của đề tài thôn quê. Ở mỗi giai đoạn, luận án khảo sát những tác giả tiêu biểu có đóng góp cho sự phát triển của thơ ca dân tộc. Trong đó, luận án khảo sát thơ của một số tác giả tiêu biểu trên hai mảng chữ Hán và chữ Nôm để có cái nhìn khái quát hơn.

Trước hết, đề tài thôn quê không phải là đề tài chủ đạo nhưng đã góp phần làm nên diện mạo riêng của thơ ca trung đại Việt Nam. Ở mỗi giai đoạn, số lượng bài thơ về thôn quê chiếm tỉ lệ khác nhau và có sự xuất hiện ở cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Hầu hết các tác giả tiêu biểu của mỗi giai đoạn đều có thơ viết về thôn quê như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến.

Theo số liệu thống kê, số lượng bài thơ viết về thôn quê tăng dần từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XIX. Tổng số bài thơ viết về thôn quê trong văn học thời Trần chiếm tỉ

lệ: 7.4%. Từ thế kỉ XV - XVII, số lượng bài thơ viết về thôn quê đã chiếm tỉ lệ tăng dần so với giai đoạn trước: Nguyễn Trãi (7.1% trong thơ chữ Hán, 12.6% trong thơ chữ Nôm); Nguyễn Bào (17.6%), Thái Thuận (8.9%); Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức (7.6% trong thơ chữ Nôm); Nguyễn Bình Khiêm (5.5 % trong thơ chữ Hán, 12.4% trong thơ chữ Nôm). Đến giai đoạn từ thế kỉ XVIII - XIX, đề tài thôn quê không chỉ tăng về số lượng bài thơ mà còn có sự góp mặt đông đảo của các tác giả ở các vùng miền khác nhau. Trong đó, số bài thơ về thôn quê của Ngô Thì Sĩ (20.6% trong thơ chữ Hán); Trịnh Hoài Đức (10.6% trong thơ chữ Hán); Cao Bá Quát (2.7% trong thơ chữ Hán); Phan Thúc Trục (10.3% trong thơ chữ Hán); Đặng Huy Trứ (7.2% trong thơ chữ Hán) và Nguyễn Khuyến (12.4% trong thơ chữ Hán, 16.3% trong thơ chữ Nôm). Như vậy, bảng số liệu đã thể hiện phần nào sự hình thành và phát triển của đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam. Trong đó, thơ về thôn quê có sự kết tinh rực rỡ ở chặng cuối của tiến trình văn học trung đại.

*- Về thơ chữ Hán và chữ Nôm*

Theo bảng thống kê về thơ chữ Hán và chữ Nôm, sự chênh lệch giữa số lượng bài thơ viết về thôn quê trong thơ chữ Nôm chiếm tỉ lệ cao hơn so với thơ chữ Hán của các tác giả “song ngữ”: Nguyễn Trãi (7.1% trong thơ chữ Hán, 12.6% trong thơ chữ Nôm); Nguyễn Bình Khiêm (5.5 % trong thơ chữ Hán, 12.4% trong thơ chữ Nôm); Nguyễn Khuyến (12.4% trong thơ chữ Hán, 16.3% trong thơ chữ Nôm). Đồng thời, số lượng thơ Nôm viết về thôn quê phát triển nhiều nhất về giai đoạn sau. Trong đó, Nguyễn Khuyến là cây đại thụ cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam, đồng thời cũng là nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam tiêu biểu nhất. Kết quả này cho thấy sự phát triển và ưu thế của thơ Nôm Đường luật trong việc thể hiện đề tài dân dã, bình dị và đậm đà tinh thần dân tộc so với thơ Hán Đường luật.

*- Về tương quan giữa các vùng miền*

Cũng theo bảng thống kê, phạm vi sáng tác về đề tài thôn quê được mở rộng ở các vùng miền khác nhau trong chặng cuối của tiến trình văn học trung đại. Ngô Thì Sĩ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến là những nhà thơ tiêu biểu của thôn quê miền Bắc; Phan Thúc Trục, Đặng Huy Trứ là hai thi sĩ khắc họa được bức tranh thôn quê miền Trung; Trịnh Hoài Đức là thi sĩ miền Nam có những vần thơ thôn quê độc đáo. Do hoàn cảnh lịch sử, chính trị thời trung đại, miền Bắc là nơi tập trung nhiều nho sĩ - thi nhân vậy nên số lượng thơ ca về thôn quê chiếm ưu thế hơn so với miền Trung và miền Nam. Bảng số liệu cho chúng ta thấy được diện mạo chung của các

nhà thơ tiêu biểu cho dòng thơ điền viên dân dã.

Như vậy, số liệu thống kê đem đến kết quả định lượng cũng phần nào phản ánh được giá trị định tính của các tác phẩm thơ. Qua đó ta có thể khẳng định đề tài thôn quê chưa phải là đề tài chủ đạo nhưng có vị trí quan trọng trong sáng tác của các thi nhân trung đại. Điều này cũng thể hiện tư tưởng và tinh thần dân tộc, dân chủ sâu sắc của các nho sĩ Việt Nam.

## **Tiểu kết Chương 2**

Trên cơ sở tường minh những khái niệm cơ bản của đề tài, luận án đã thống nhất tìm ra khái niệm chung về “đề tài thôn quê trong thơ trung đại”. Từ đó, luận án đã khái quát sự hình thành, phát triển và kết tinh của thơ về thôn quê qua các giai đoạn của văn học trung đại Việt Nam. Theo đó, thế kỉ X - XIV là giai đoạn đầu hình thành, xuất hiện một số tác giả tiêu biểu có những vần thơ hướng về thôn quê. Đến giai đoạn thứ hai từ thế kỉ XV - XVII, thơ về thôn quê phát triển mạnh mẽ ở cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Đề tài thôn quê chỉ thực sự kết tinh rực rỡ nhất ở giai đoạn thế kỉ XVIII - XIX với số lượng tác giả đông đảo ở các vùng miền khác nhau. Đây cũng là xu hướng phát triển tất yếu của thơ ca trung đại trên con đường hướng tới hiện thực hóa, dân tộc hóa văn học. Bảng thống kê khảo sát là minh chứng tương đồng với tiến trình phát triển đó của thơ về thôn quê. Đây là những nhân tố cơ bản làm tiền đề để chúng ta tiếp tục tìm hiểu cụ thể và sâu sắc hơn đề tài thôn quê ở các phương diện tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật.

### Chương 3

## ĐỀ TÀI THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

### NHÌN TỪ NỘI DUNG CẢM HỨNG

Để có thể khắc họa chân thực diện mạo thôn quê làng Việt, các thi nhân trung đại đã thể hiện ở nhiều góc độ với những cung bậc cảm xúc khác nhau. Đó là bức tranh thiên nhiên, cuộc sống thôn quê và tình cảm thái độ của tác giả với thôn quê. Bức tranh đa sắc đó cũng được cảm nhận khác nhau giữa các vùng miền của tổ quốc.

#### 3.1. Bức tranh thôn quê

Thôn quê trong thơ trung đại được khắc họa ở nhiều bình diện khác nhau, mỗi bình diện là một mảnh ghép tạo nên bức tranh đặc sắc của làng quê Việt Nam. Trong đó, thiên nhiên và cuộc sống, xã hội, con người thôn quê là những gam màu nổi bật tạo nên chiều sâu của bức tranh quê hương làng Việt. Vì vậy, thôn quê được khắc họa trên hai bình diện: *Thiên nhiên thôn quê* và *cuộc sống thôn quê*. Ở những chặng đầu của tiến trình văn học, bức tranh ấy được phác họa vài nét sơ khai, càng về sau càng được khắc họa rõ nét hơn, cụ thể và chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc.

##### 3.1.1. Thiên nhiên thôn quê

Thiên nhiên là đối tượng thẩm mỹ quan trọng của văn học trung đại, đặc biệt là thơ ca. Thơ thiên nhiên là thơ viết về toàn bộ thế giới tự nhiên như đất trời, mây gió, cỏ cây, chim muông, hoa lá... và còn bao gồm cả những cảnh vật có bàn tay kiến tạo của con người như chùa chiền, thắng cảnh. Tất cả cảnh vật thiên nhiên đều có mối quan hệ tương giao với con người, là nguồn cảm hứng vô tận của thi nhân mọi thời đại. Các thi nhân Việt Nam vừa ảnh hưởng quan điểm sáng tác theo hướng “điền viên sơn thủy” của cổ học Trung Hoa vừa bộc lộ tình cảm sâu sắc với thiên nhiên đất Việt. Thơ ca trung đại đề cập đến nhiều đề tài và có nhiều thi pháp khác nhau: thơ cung đình, thơ nhàn dật, thơ điền viên, thơ vịnh sử, thơ đi sứ, thơ về đề tài xã hội, thơ về phụ nữ, thơ tâm tình... Nhưng dù ở thi pháp nào, ở trạng thái cảm xúc nào, các thi nhân đều ít nhiều sử dụng hình ảnh thiên nhiên để truyền tải và gửi gắm tâm tư tình cảm. Cảnh vật thiên nhiên được hiểu theo nghĩa rộng nhất là toàn bộ thế giới tự nhiên xung quanh cuộc sống con người. Đó là các yếu tố thiên nhiên như gió mây, sông núi, hoa lá, cỏ cây, chim muông... (phong, hoa, tuyết, nguyệt, sơn, thủy, thảo, diệp, điều, vân...).

Thơ ca trung đại Việt Nam cũng nằm trong dòng chảy của thơ ca trung đại các nước vùng văn hóa chữ Hán. Thi nhân và thiên nhiên là tri kỉ hô ứng các cung bậc cảm xúc tinh tế trong tâm hồn con người. Tuy nhiên, hình ảnh thiên nhiên trong thơ

trung đại Việt Nam lại mang một vẻ đẹp riêng đậm đà bản sắc dân tộc. Đặc biệt là những vần thơ viết về thiên nhiên thôn quê. Đó là sự kết hợp hài hòa của những đối cực, thiên nhiên thôn quê vừa có vẻ đẹp mộc mạc dân dã mà không kém phần tao nhã, mỹ lệ; vừa quen thuộc mà cũng mới lạ đầy sáng tạo; vừa ảnh hưởng vẻ đẹp ngoại nhập vừa mang sắc màu quê hương. Hai vẻ đẹp này không đối nghịch nhau mà bổ sung cho nhau tạo nên bức tranh thiên nhiên rộng lớn sinh động, đa sắc màu mà vẫn đậm đà bản sắc thiên nhiên làng Việt.

Vì vậy, chúng ta có thể tìm hiểu thiên nhiên thôn quê trên hai bình diện là thiên nhiên tao nhã mỹ lệ và thiên nhiên mộc mạc, dân dã.

### 3.1.1.1. Thiên nhiên tao nhã, mỹ lệ

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “tao nhã” là tính từ chỉ người: “thanh cao và lịch sự, dễ được cảm tình, yêu mến” [131, tr.859] và “mỹ lệ là từ văn chương có nghĩa là đẹp và thường nói về cảnh vật” [131, tr.609]. Như vậy, nói thiên nhiên tao nhã, mỹ lệ là thiên nhiên có cảnh vật đẹp thanh cao, trang nhã tạo nhiều xúc cảm thẩm mỹ cho con người. Thi nhân xưa thường vận dụng các hình ảnh trong điển tích, điển cố văn học để khắc họa phong cảnh cao sang, thanh nhã cho cảnh vật. Trong bức tranh phong cảnh đó thường có sự xuất hiện của cảnh vật mang vẻ đẹp tiêu biểu cho vũ trụ, là tinh túy của đất trời như: phong, hoa, tuyết, nguyệt, tùng, cúc, trúc, mai... Điều đó cho thấy quan niệm thẩm mỹ của nhà nho trung đại có sự chuyển biến hướng tới vẻ đẹp của cuộc sống đời thường dân dã, vẻ đẹp ấy được thi nhân thưởng ngoạn, ca ngợi và chọn làm nơi di dưỡng tâm hồn.

Ngay từ giai đoạn đầu của văn học trung đại, các thi nhân luôn chú trọng khai thác vẻ đẹp thiên nhiên thuần phác. Dù ở vị trí nào, con người vẫn luôn giữ mối quan hệ hài hòa, gần gũi với thiên nhiên. Phần lớn thơ ca thời kỳ này là sáng tác của vua quan, thiền sư. Nhưng các thi nhân không giam hãm mình nơi thành quách, chốn quyền môn mà luôn hướng về cảnh sắc thôn dã với tình cảm thiết tha, sâu lắng. Bởi vì, nơi chùa chiền thanh tịnh hay đồng quê yên ả là chốn êm đềm để nhà thơ trải lòng với thiên nhiên.

Trần Quang Khải là một vị tướng lĩnh cầm quân trận tiền, nhưng cũng có những phút giây xao lòng trước vẻ đẹp của thiên nhiên cảnh sắc nơi điền viên thôn dã. Cảm hứng ấy được thể hiện trong bài *Đề dã thự* (Đề thơ ở biệt thự đồng quê):

*Dã thự sơ khai cảnh vật tân,  
 Phương phi đào lý tứ thời xuân.  
 Nhất thanh ngư địch thanh lâu nguyệt,  
 Kỳ phiến nông soa bích lũng vân.*

Biệt thự ở đồng quê vừa làm xong, cảnh vật mới mẻ/ Đào lý thơm tho bốn mùa tươi tốt/ Một tiếng sáo trẻ chăn trâu làm xanh ánh trắng trên lầu/ Máy mảnh áo toi nhà nông biếc đám mây dưới lũng.

Cảnh sắc nơi đồng quê thanh tĩnh đã làm nao lòng một vị tướng lĩnh nhà Trần. Vẻ đẹp tươi mới, nên thơ của cảnh vật đã tạo nên một bức tranh vừa quen vừa lạ. Bức tranh ấy vừa phẳng phát nét đẹp cổ điển vừa mang vẻ đẹp sinh động, tự nhiên của thiên nhiên thôn dã làng Việt. Chốn thanh bình có hương sắc của đào lý, có âm thanh của tiếng sáo và thấp thoáng mấy mảnh áo toi nhà nông. Gam màu xanh trở nên nổi trội trong bức tranh quê đầy sức sống, có tiếng sáo làm xanh ánh trắng, áo toi làm biếc đám mây. Sự hòa trộn giữa âm thanh và màu sắc tạo nên bức tranh tao nhã từ những đường nét bình dị, mộc mạc. Cảnh vật yên tĩnh mà vẫn gọi lên vẻ đẹp đầy sức sống. Thi nhân hài lòng với cuộc sống giao hòa giữa thiên nhiên, đất trời.

Trần Nguyên Đán đã gọi lên bức tranh thiên nhiên chốn quê mang vẻ đẹp thanh tao, trang nhã trong sắc trời thu:

*Lâm lưu mao xá bản phi quynh,  
 Tiểu phố thu thâm hứng chuyển thanh.  
 Mai táo cúc phương hiện tử đệ,  
 Tùng thương trúc sáu lão công khanh.*

Ngôi nhà tranh bên sông khép cánh cửa ván/ Trong vườn nhỏ giữa mùa thu, cảm thấy rất thanh thú/ Mai nở sớm, cúc đưa hương các đệ tử đều là người hiền/ Thông xanh, trúc gầy giống như công khanh già.

(Thu nhật)

(Ngày thu)

Bức tranh quê hiện lên thanh nhã với hình ảnh, màu sắc mang thần sắc trong trẻo của mùa thu. Trong khu vườn nhỏ của thi nhân có sắc hoa thanh khiết của cúc, mai và vẻ đẹp cao nhã của thông, trúc. Điểm nhấn của bức tranh là hương sắc dịu nhẹ hòa cùng sắc trời thu trong vắt. Những đường nét và gam màu sáng trong tạo nên vẻ đẹp thanh tao của chốn quê yên bình. Trong khung cảnh đất trời nên thơ ấy, thi nhân mang dáng vẻ của một tao nhân mặc khách, thưởng ngoạn thiên nhiên. Như vậy, phong cảnh thiên nhiên trong thơ văn thời Trần không chỉ có trăng, hoa, trời, nước mà còn được thể hiện ở một xóm nhỏ bên sông. Từ một sáng sớm mùa xuân đến một sáng sớm mùa thu, từ cảnh đêm trăng nơi đồng vắng tới cảnh chiều hư ảo, từ bờ mai rặng trúc đến cánh buồm xa... đều tạo nên sắc thái tao nhã, mỹ lệ của quê hương làng Việt. Qua đó, chúng ta cũng thấy được sự giản dị, gần gũi giàu tinh thần thân dân của các vua quan, tướng lĩnh nhà Trần. Họ không bó buộc mình trong cung



điện thâm nghiêm kín cổng cao thành, mà luôn gần gũi với đời sống thôn quê nơi làng mạc của người dân. Đó là niềm tự hào và tình yêu tha thiết non sông草木 đất Việt của các thi nhân.

Vẻ đẹp tao nhã, mỹ lệ của thiên nhiên thôn dã tiếp tục được các thi nhân giai đoạn tiếp theo từ thế kỉ XV - XVII khắc họa. Thiên nhiên thôn quê không chỉ được sáng tác ở thơ chữ Hán mà còn được thể hiện ở những vãn thơ Nôm giàu tính dân tộc. Có nhiều thi phẩm đến độ tuyệt tác khi đưa thiên nhiên cảnh vật làng Việt lên tầm cao nghệ thuật. Những sáng tác của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bào, Thái Thuận, Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức, Nguyễn Bình Khiêm đã luôn đề cao vẻ đẹp thanh nhã đó của thiên nhiên thôn quê.

Đối với Nguyễn Trãi, thiên nhiên không chỉ được đặc tả ở những hình ảnh mộc mạc đời thường hay hùng vĩ mà thi nhân còn tâm đắc với vẻ đẹp tao nhã, giàu chất cổ điển do tạo hóa ban tặng cho quê hương - nơi thi nhân gắn bó ản nhàn. Vẻ đẹp đó xuất hiện ở cả hai mảng thơ chữ Hán và chữ Nôm. *Trại đầu xuân độ* (Bến đò xuân đầu trại) là một thi tứ được gợi hứng từ cảnh sắc trời xuân thật đặc trưng của vùng quê thanh tĩnh:

<i>Độ đầu xuân thảo lục như in,</i>	Cỏ xanh như khói bên xuân tươi,
<i>Xuân vũ thêm lai thủy phách thiên.</i>	Lại có mưa xuân nước vỗ trời.
<i>Dã kính hoang lương hành khách thiếu,</i>	Quạnh quẽ đường đồng thừa vắng khách,
<i>Cô châu trản nhật các sa miên.</i>	Con đò gói bãi suốt ngày ngơi.

Mùa xuân nơi đồng quê thanh vắng được thi nhân phác họa bằng những nét màu thanh nhẹ của thảm cỏ xanh tươi. Con đò được miêu tả trong trạng thái nghỉ ngơi gợi lên không gian thanh tĩnh, yên bình của tiết trời xuân. Rời xa chốn quan trường đua chen, thi nhân hài lòng với cuộc sống gắn liền với quê hương bản quán. Dưới ngòi bút của Úc Trai, thiên nhiên Đại Việt luôn ản chứa vẻ đẹp kiêu sa, mỹ lệ. Từ đường nét, màu sắc đến âm thanh đều tạc nên bức tranh quê thi vị, nên thơ. Cảnh sắc thôn dã thế kỉ XV mang phong vị Đường thi ở màu sắc nhạt, đường nét thanh nhẹ, cảnh thơ mộng và êm đềm. Bên cạnh những vãn thơ chữ Hán, thiên nhiên trong thơ Đường luật Nôm của Nguyễn Trãi vẫn xuất hiện những bức tranh lụa xinh xắn, mượt mà, giàu chất Đường thi cổ điển. Chất liệu tạo nên những thi phẩm đó được thi nhân gọt giũa, tinh lọc từ thơ ca cổ:

Trà tiên, nước kín, bầu in nguyệt,  
Mai rụng, hoa đeo, bóng cách song.

(*Thuật hứng 6*)

Cỏ cây, vạn vật nên thơ của thôn quê đã khiến cuộc sống ản dật của thi

nhân trở nên thi vị hơn. Thiên nhiên trở thành tri kỉ, là nguồn cảm hứng tạo nên hồn thơ Úc Trai. Bức tranh quê thanh nhã với mai, cúc, trúc, mây, nguyệt... và thi nhân cũng xuất hiện với tư thế là một nho phong hiền triết đang thưởng ngoạn vẻ đẹp của cảnh điền viên.

Sang giai đoạn nửa sau thế kỉ XV, các thi nhân thời Hồng Đức đã vận dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ ca thù tạc xứng họa. Đây là một bước phát triển mới của chữ quốc âm trong việc thể hiện đa dạng các hình tượng nghệ thuật. Chính vì vậy, HỒQATT là tập thơ cung đình có đóng góp cho sự phát triển của ngôn ngữ thơ dân tộc. Trong đó, mảng thơ về thôn quê đã tạo nên một sắc thái riêng về quê hương làng Việt ở buổi thái bình thịnh trị. Nhiều bài thơ với thiên nhiên thôn quê mỹ lệ, mang vẻ đẹp thanh quý của một thời kỳ yên bình, no ấm. Một ánh chiều tà cũng tạo nên một sắc màu tươi mới, tràn nhựa sống:

Chan chan thuyền đỗ đầu ghềnh liễu,  
San sát chài phơi cuối vụng hoa.  
Pha khói chim về cây diêm phần,  
Thoáng dòng cá hớp nước tuôn là.

*(Ngư thôn tịch chiếu - Ánh chiếu rọi vào xóm chài lưới)*

Khung cảnh xóm chài hiện lên như bức tranh thủy mặc của hội họa phương Đông. Các thi nhân thời Hồng Đức đã dùng bút pháp gợi hơn tả nhằm làm nổi bật vẻ đẹp trang nhã mà chân thực của xóm chài lưới. Bức tranh mang vẻ đẹp hài hòa của trời, nước, thuyền, hoa và trở nên sinh động hơn với hình ảnh “chim về”, “cá hớp”. Vậy nên, khung cảnh thiên nhiên của xóm chài lưới không mang vẻ nhọc nhằn, hoang sơ mà thật ấm áp, đầy sức sống.

Về với am Bạch Vân, Nguyễn Bình Khiêm coi thú vui điền viên là lẽ sống thanh bạch của nho sĩ khi thời thế đổi thay. Thi nhân thưởng ngoạn cảnh đẹp nơi thôn dã với phong thái của một nho phong hiền triết: “Đó là một thiên nhiên vô cùng quen thuộc của làng quê Việt Nam, song chan chứa niềm vui đời thường” [189, tr.54]. Khung cảnh ở chốn quê vừa gần gũi vừa nên thơ, vừa chân thực vừa tao nhã, giàu chất nhạc, chất họa:

*Đình tiền tu trúc thiên lưu tiết,  
Song ngoại hàn mai nguyệt chiếu tâm.  
Tận nhật ca ngư hoành dã độ,  
Số thanh đề điệu chuyển xuân âm.*

Bụi tre già trước sân, trời còn lưu đốt cứng,  
Mai lạnh ngoài cửa sổ, trăng soi tác lòng.  
Suốt ngày vang tiếng hát ông chài trên con  
thuyền neo ngang nơi bến đò quê,

(*Trung Tân quán ngụ hứng*, 29) Vài tiếng chim hót lay chuyển bóng mùa xuân.

(Ngụ hứng quán Trung Tân, bài 29)

Chốn quê là nơi thi nhân tìm thấy và khám phá những vẻ đẹp của thiên nhiên. Một rặng trúc, cành mai, bờ tre, bến đò... đều hiện lên với những nét vẽ thanh nhẹ. Tuyết Giang phu tử là người gắn bó sâu sắc với thôn quê, coi thôn quê là nơi di dưỡng tâm hồn, ẩn náu trở thành triết lý và lẽ sống cao cả của bậc nho sĩ thời kì này. Mặc cho cảnh đời “biến cải vũng nên doi”, những vần thơ của ông vẫn mang vẻ đẹp thanh cao, nho nhã. Thiên nhiên thôn quê hiện lên có khi là “vàng trắng bạc” (*Tân quán ngụ hứng*, bài 42), “Một chiếc thuyền con lẻ loi bên bến đò vắng, ngoài vùng cỏ thơm” (*Tân quán ngụ hứng*, bài 53)... Tất cả đều tạo nên cảm hứng vô tận cho tâm hồn thi sĩ, thi nhân cảm thấy “Giang san nhập họa bút sinh hương” (Giang sơn như họa bút sinh hương - *Bạch Vân am ngụ hứng*, bài 85). Không chỉ xuất hiện trong thơ chữ Hán, thiên nhiên thôn quê trong thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm cũng chứa đầy những cảnh sắc mang vẻ đẹp cổ điển:

Thu êm cửa trúc, hồng vân phủ,  
Xuân tịnh đường hoa, tía gấm phong.

(*Thơ Nôm*, bài 57)

Từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX, thơ về thôn quê có sự kết tinh ở số lượng tác phẩm đồ sộ và lực lượng sáng tác đông đảo. Bức tranh thiên nhiên tao nhã, mỹ lệ được các thi nhân phản ánh ở nhiều góc độ, nhiều thời điểm và nhiều vùng miền khác nhau. Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức, Cao Bá Quát, Phan Thúc Trực, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Khuyến là những tác gia tiêu biểu cho sáng tác về thôn quê thời kì này.

Trịnh Hoài Đức là nhà thơ của cảnh trí thiên nhiên phía Nam của tổ quốc ở thế kỉ XVIII. Thi nhân họ Trịnh đã khắc họa phong cảnh đặc trưng của cây cầu cong ẩn trong sương sớm, chợ trên bến sông, bãi đất son ở Trấn Biên, bãi phù sa ở bến Tiên... Có khi là cảnh lao động của con người nhưng vẫn thấp thoáng vẻ đẹp của thiên nhiên vùng sông nước giàu chất họa:

<i>Ngao Châu té hải tiếp hầu kỳ,</i>	Bãi ngao giáp biển tiếp với đất liền,
<i>Liễn diễm giang thôn nhập thúy vi.</i>	Thôn bên sông đẹp rợp bóng cây xanh.
<i>Võng sái liễn đêm ngư uyển vãn,</i>	Lưới phơi trên đê liễn, chài chiều tối,
<i>Can thu vi ngạn điếu tà huy.</i>	Cần thu lại bờ lau, câu ánh mặt trời tà.

(*Ngao châu mộ cảnh*)

(Cảnh buổi tối ở bãi ngao)

Như vậy, khung cảnh thiên nhiên thôn quê thế kỉ XVIII vừa mang vẻ đẹp tao nhã quen thuộc của thơ ca phương Đông vừa mang vẻ đẹp đặc sắc của vùng sông

nước trù phú. Sắc xanh của cây như được tô đậm thêm dưới ánh mặt trời tà.

Thôn quê hiện lên phong phú và chân thực hơn với nhiều tác giả tiêu biểu ở thế kỉ XIX. Cao Bá Quát, Đặng Huy Trứ, Phan Thúc Trục và Nguyễn Khuyến là những tác giả có những vần thơ đặc sắc về thôn quê thời kì này. Thi nhân họ Cao thể hiện thật phong phú, nên thơ thiên nhiên làng quê vốn quen thuộc với nhiều thể hệ nhà nho trung đại. Đó là cảnh đồng nội trũng điệp, âm thanh tiếng ve hòa vào tiếng xào xạc của bụi tre trong bài “*An Phong dã quán ngẫu hứng*” (Ngẫu hứng nơi quán giữa đồng An Phong); Là cảnh thửa ruộng gợn sóng biếc xanh trong “*Thử mẩu phong sơ*” (Gió nhẹ thổi qua ruộng lúa)... Và thôn quê còn ẩn hiện như bức tranh thủy mặc sau cơn mưa:

<i>Tạc dạ sương hoa tụ trữ diêm,</i>	Đêm trước hoa sương tựa như muối kết tụ lại,
<i>Hiểu lai hốt tác vũ tiêm tiêm.</i>	Sáng ra bỗng thành mưa lất phất.
<i>Khoái khan tán tảo vân thu hậu,</i>	Mây tan mưa tạnh trông tươi mắt,
<i>Nhất bán tân viên dũng ngọc thiềm.</i>	Nửa vườn cau đọng (vũng) nước tựa vàng trắng.
<i>(Tân viên vũ hậu)</i>	<i>(Vườn cau sau cơn mưa)</i>

Thi nhân đã có những liên tưởng độc đáo khiến cho thiên nhiên thôn quê trở nên lung linh, huyền ảo. Màn sương đêm như những chùm hoa kết tụ rồi nở bung ra vào buổi sáng sớm. Vườn cau có nước đọng lấp lánh như vàng trắng. Từ sắc màu đến đường nét đều tạo nên vẻ đẹp tao nhã cho bức tranh quê quen thuộc, gần gũi. Thôn quê trở thành nguồn cảm hứng xuyên suốt sáng tác của một thi nhân luôn khắc khoải nỗi niềm cố hương: “Một trong những tình cảm đậm thắm nhất hay trở đi trở lại trong sáng tác của Cao Bá Quát là tình yêu đối với quê hương, gia đình” [104, tr.539]. Bức tranh thiên nhiên thôn quê trong thơ chữ Hán Cao Bá Quát phần nào thể hiện được tình cảm thiêng liêng, sâu sắc ấy.

Là những người con của quê hương miền Trung, Phan Thúc Trục và Đặng Huy Trứ cũng đã thể hiện tình yêu quê hương bằng những vần thơ giàu cảm xúc. Đó là một mùa thu thơ mộng với không gian rộng lớn của cánh đồng nối liền mây trời, sông núi trong bài *Mộ hứng* (Buổi chiều hứng làm thơ) của Phan Thúc Trục. Thi sĩ họ Đặng lại thấy “vẻ xuân” đầy sức sống của cảnh vật thôn quê đang độ vào thu:

*Lạo hậu đàm hoa lãng ảnh động,*  
*Vũ dư lam sắc họa đồ tân.*  
 (Sau cơn lụi, bóng hoa ầu trong đàm lay động,  
 Mưa tan, sắc núi như bức tranh mới mẻ)  
*(Dã hứng - Cảm hứng nơi thôn dã)*

Thơ chữ Hán Nguyễn Khuyến cũng có một mảng riêng về vịnh cảnh, vịnh vật. Trong đó, những bài thơ về phong cảnh thôn quê mang vẻ đẹp tao nhã tạo nên điểm đặc sắc riêng trong sáng tác của thi nhân. Nguyễn Khuyến thường ngoạn vẻ đẹp diễm lệ của núi An Lão, nhớ về núi Đọi... và tức cảnh sinh tình với những bài thơ tứ thời. Bức tranh thiên nhiên ngày xuân ở thôn quê được vẽ bằng sắc màu thanh nhẹ mà mỹ lệ:

*Vô cùng thúy thảo nhập giang can,*

*Âm vân vị áp thiên sơn họa.*

(Cỏ xanh mơn mớn ngút mắt, trái tới tận bờ sông,

Mây mù chưa lấp được đường nét như vẽ của ngàn núi non.)

*(Xuân hứng - Hứng xuân)*

Những bài thơ nôm về mùa thu thôn quê vùng chiêm trũng cũng gợi lên vẻ đẹp tĩnh lặng, trang nhã:

Nước biếc trong như từng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trắng vào.

*(Thu vịnh)*

Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,

Sư cụ nằm chung với khói mây.

*(Nhớ núi Đọi II)*

Đó là sắc màu thanh đạm gợi cảm của cảnh sắc cổ kính, của cảnh sắc nơi phàm trần: “Độc thơ Nguyễn Khuyến, người ta có cảm tưởng như vừa xem tranh thủy mặc vừa nghe thơ Đường: cảnh vật ít màu sắc thanh đạm, nhưng kêu gọi lên cả một thế giới bao la vang dội tận đáy lòng” [130, tr.27]. Chốn ẩn nhàn của nhà thơ nơi thôn dã vừa gần gũi và vừa thanh tao gợi lên niềm tự hào và tình cảm gắn bó thôn quê của thi nhân.

Như vậy, cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm cùng viết về thiên nhiên thôn quê với vẻ đẹp tao nhã, nhưng ở mỗi dòng thơ thể hiện vẻ đẹp riêng. Hai vẻ đẹp đó không đối lập mà bổ sung cho nhau tạo nên vẻ đẹp hoàn thiện cho bức tranh quê. Hơn nữa, các thi sĩ trung đại viết về thôn quê thường là các tác gia “song ngữ” tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ trung đại Việt Nam. Đồng thời bức tranh thiên nhiên mang đậm dấu ấn cá nhân của mỗi nhà thơ, cảnh vật vũ trụ và con người hòa đồng tạo nên những cảm xúc sâu lắng. Đây là một đặc điểm tiêu biểu của nghệ thuật thơ ca phương Đông.

### 3.1.1.2. Thiên nhiên bình dị, dân dã

Theo nội hàm từ bình dị, dân dã có nghĩa là “*quê mùa và chất phác*” [131, tr.238]. Thiên nhiên thôn quê mang vẻ đẹp bình dị, dân dã là thiên nhiên gắn với cuộc sống của

người nông dân và là thiên nhiên có cảnh sắc gần gũi, quen thuộc đối với người dân quê bình dị, mộc mạc.

Thiên nhiên thôn quê quen thuộc đã từng xuất hiện trong những câu ca dao, tục ngữ dân tộc - một thiên nhiên sinh động, đa sắc màu mang hơi thở của cuộc sống người dân lao động. Đó không chỉ là cảnh sắc thuần phác mà còn là chốn bình yên để thi nhân kí thác tâm sự thời thế. Khắc họa thiên nhiên bình dị, dân dã trong sáng tạo nghệ thuật là các thi nhân đã phá vỡ tính quy phạm, vượt qua đờn rào cản của tính ước lệ để hướng ngòi bút gần sát hơn với hiện thực cuộc sống. Cái đẹp của nghệ thuật không chỉ có trong điển phạm mà cái đẹp chính là cuộc sống hiện thực, là bức tranh làng quê thanh bình, yên ả đã gắn bó với người dân Việt Nam hàng ngàn đời nay. Ở mỗi giai đoạn của tiến trình văn học, thiên nhiên lại mang một sắc thái khác nhau.

Thôn quê vùng đất Thiên Trường (Nam Định) đã được phác họa với vẻ đẹp thanh bình, xuất hiện thấp thoáng hình ảnh người dân quê. Sắc màu của bức tranh quê hòa vào làn khói nhạt, thấp thoáng cánh cò trắng nhỏ bé giữa cánh đồng bao la, rộng lớn:

<i>Thôn hậu thôn tiền đậm tự yên,</i>	Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
<i>Bán vô bán hữu tịch dương biên.</i>	Bóng chiều dường có lại dường không.
<i>Mục đồng địch lý quy ngư tận,</i>	Mục đồng sáo vắng trâu về hết,
<i>Bạch lộ song song phi hạ điền.</i>	Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

(*Thiên Trường viễn vọng*)

(Ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường)

Nếu như thơ Thiên thời Lý coi “mục đồng”, “quy ngư” dưới cảm quan Phật giáo thì Trần Nhân Tông còn nhìn thấy vẻ đẹp sinh động, gần gũi với đời sống người nông dân. Nếu như hình ảnh cánh chim, cánh cò trong thơ cổ thường “cao phi tận” (Lý Bạch), “thượng thiên thanh” (Đỗ Phủ) thì cánh cò ở Thiên Trường lại sà xuống đồng, trở về với cuộc sống yên bình, giản dị chốn quê. Cảnh đẹp thôn quê thời kì này không chỉ đài các, quy phạm mà còn núp hồn thi sĩ bởi vẻ đẹp tự nhiên, thuần phác, âm thanh thân thuộc. Vẻ đẹp nguyên sơ, bản thể nơi đồng nội khơi gợi trong tâm hồn thi sĩ những cảm xúc chân thành, cao đẹp. Phải là một tâm hồn tinh tế, sâu sắc thì vị minh quân mới có thể khắc họa một bức tranh thiên nhiên thơ mộng đến như vậy.

Thơ xưa thường viết về các mùa trong năm, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng, với mỗi thi nhân, cảnh sắc thanh bình yên ả lại có nét độc đáo khác biệt. Trong cảnh sắc bốn mùa, mùa hạ của miền Bắc Việt Nam thường để lại ấn tượng về cái nắng chói chang, gay gắt. Khắc họa bức tranh thiên nhiên thời kì này, các vua Trần không chỉ thể hiện tâm hồn thi sĩ mà còn ẩn chứa niềm tự hào, niềm hứng

khởi về những điều giản dị khi làm chủ giang sơn cảm tú. Bên cạnh cảnh thiên nhiên hùng vĩ của núi sông, các vua Trần cũng không khởi rung động trước những hình ảnh bình dị, mộc mạc của thiên nhiên mang vẻ đẹp thôn dã. Không chỉ các vua Trần mới có cảm xúc trước cái đẹp thiên nhiên dân dã mà nhiều thi sĩ thời kì này cũng có chung cảm quan ấy. Đó có thể là vị tướng lĩnh đứng đầu ba quân, một vị quan trụ cột trong triều, một quan đi sứ, một nho sĩ giàu lòng ái quốc... Những vần thơ của các thi sĩ thời kì này vẫn xúc động lòng người đọc hậu thế bởi tính dân tộc, tình yêu quê hương tha thiết.

Trần Quang Triều có hiệu là Cúc Đường chủ nhân, là tông thất nhà Trần và được các vua Trần biệt đãi, nhưng ông lại có thú vui ẩn dật nơi thanh tĩnh và trải lòng mình với cảnh quê dân dã. Bên cạnh những bài thơ về vẻ đẹp của kinh đô còn có hình ảnh về cảnh vật thôn quê gần gũi với cỏ năn, cỏ nác lẫn tiếng đa đa trong bài *Đề Liêu Nguyên Long tống họa cảnh phiến* (Đề chiếc quạt vẽ phong cảnh do Liêu Nguyên Long tặng). Phong cảnh thiên nhiên của nước Nam thật khó có thể “đưa vào tranh vẽ” nhưng nhà thơ thì có thể khơi gợi lên được vẻ đẹp bình dị mà nên thơ, gần gũi mà mới lạ của thiên nhiên làng Việt bằng ngôn từ và rung cảm của hồn thơ. Cúc Đường chủ nhân đã khám phá ra vẻ đẹp tiềm ẩn nơi thôn dã bên xóm nhỏ:

<i>Hải yến nhật tà đê lộng ảnh,</i>	Dưới ánh trời tà, én biển là là bay giỡn
<i>Giang hoa phong tế viễn tùy nhân.</i>	bóng/ Trong làn gió nhẹ, hoa bên sông xa xa
<i>Đạo phùng mai vũ liên vân thực,</i>	hướng theo người/ Lúa gặp mưa mai, chín
<i>Tầm đảo tang thiên trước diệp tân.</i>	liền đến chân mây/ Tầm đến mùa dâu, theo
( <i>Giang thôn tức sự</i> ) lá mà đổi khác/	
(Tức cảnh xóm bên sông)	

Thi nhân đưa vào thơ chữ Hán những hình ảnh đời thường chân thực mà sinh động: Tiếng chó sủa, tiếng gà gáy, én liệng, hoa rung, lúa vàng đầu hạ, dâu tằm biếc... Những âm thanh và hình ảnh vốn quen thuộc của dân quê cũng đủ tạo xúc cảm để níu bước chân thi sĩ. Những hình ảnh gắn bó với thôn quê còn là nỗi nhớ da diết của những người con xa xứ. Nguyễn Trung Ngạn đi sứ ở nơi đất khách quê người; trong tâm trạng “Quy hứng”, ông nhớ về lúa chín bông thơm, về cua béo, nong tằm chín... những hình ảnh giản dị mà ẩn chứa hương vị nồng đượm của quê nhà.

<i>Lão tang diệp lạc tầm phương tận,</i>	Cây dâu già mà lá rụng thì tằm mới hết,
<i>Tảo đạo hoa hương giải chính phi.</i>	Lúa chiêm mà bông đã thơm thì đúng là
<i>Kiến thuyết tại gia bản diệp hảo,</i>	cua đang béo.

*Giang Nam tuy lạc bất như quy.*                      Nghe nói ở nhà nghèo vẫn tốt,  
 (*Quy hứng*)                      Giang Nam dù vui cũng không bằng về.  
 (Thú về)

Ở giai đoạn đầu của văn học trung đại, hình ảnh thiên nhiên thôn quê mới chỉ xuất hiện vài nét phác thảo trong thơ của các thi sĩ thời Trần. Tuy nhiên, đây là những bài thơ có vai trò khai phá, tạo tiền đề phát triển cho thơ về thiên nhiên thôn quê ở những giai đoạn sau. Điều đó cũng cho thấy phần nào về tinh thần thân dân, tình yêu quê hương xứ sở của các thi sĩ giai đoạn này.

Đến với thiên nhiên thôn quê trong thơ Nguyễn Trãi, người đọc không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp thô mộc nên thơ của thiên nhiên vùng quê đất Việt. Cảnh đẹp ấy được thể hiện cả ở thơ chữ Hán và chữ Nôm trong sáng tác của Úc Trai. Bên cạnh cảnh đẹp hùng vĩ mang tầm vóc vũ trụ của quê hương, thi nhân khắc họa cảnh thiên nhiên gần gũi với đời sống hàng ngày. Đó là thiên nhiên thuần phác, mộc mạc gần gũi với người dân lao động. Thiên nhiên đồng nội và những sản vật hàng ngày vốn rất đỗi quen thuộc với người dân Việt hàng nghìn đời nay, nhưng khi thiên nhiên ấy được phác họa trong thơ Úc Trai, tất cả đều nên thơ, sinh động, vừa quen vừa lạ. Hình ảnh thiên nhiên, sản vật vốn quen thuộc bỗng trở nên có hồn, trở thành bầu bạn tri kỉ cùng thi nhân. Nhà thơ coi khoảnh khắc hòa mình vào thiên nhiên là khoảnh khắc bản thể hài hòa nhất.

Trong bài *Mộ xuân tức sự* (Cuối xuân tức cảnh), thi sĩ thả lòng lắng nghe sự trôi chảy của thời gian vũ trụ. Sự giao mùa được thể hiện ở tiếng cuốc kêu và hình ảnh hoa xoan nở đầy sân. Những cánh hoa xoan màu tím bé li ti vốn rất bình dị, mộc mạc lại trở thành điểm nhấn của bài thơ tứ tuyệt:

*Đỗ vũ thanh trung xuân hướng lão,  
 Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.  
 (Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muôn,  
 Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan)*

Vẻ đẹp bình dị, mộc mạc ấy còn được Nguyễn Trãi thể hiện đặc sắc trong những vần thơ Nôm giàu tinh thần dân tộc. Về cỏ cây hoa lá và sản vật thôn quê có: rừng cây rợp, cỏ, núc nác, mồng toi, trúc, kê, khoai, cúc, đậu, bẹ rau muống, luống mùng, con lều, non quê, sen, ruộng, đất con ong, am quê, con am, thuần lư, dưa muối, chuối... Về con vật thôn quê: ngựa, vắn, rùa, âu lộ, chim rừng, cá, mèo, lợn, trâu... Đó là những hình ảnh không cao sang, quý phái cũng không phải là những hình ảnh điển phạm quen thuộc trong văn học cổ. Những hình ảnh, đường nét, sắc màu, âm thanh của thiên nhiên đều gọi lên sự gắn bó, gần gũi, khơi gợi cảm xúc về quê hương:



Tả lòng thanh vị núc nác,  
Vun đất ải, lạnh mông toi.

(Ngôn chí - 9)

Thơ thiên nhiên thôn quê của Nguyễn Trãi vừa cho thấy xu hướng dân tộc hóa của thi nhân vừa cho thấy sự phát triển chung của các nước trong khu vực văn hóa chữ Hán. Văn học hướng tới thể hiện những vẻ đẹp chân thực, đặc sắc riêng của mỗi dân tộc. Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi mang dấu ấn đậm đà phong vị Đại Việt thế kỉ XV. Thi nhân thoát khỏi những ước lệ đã thành công thức hóa để đưa hình ảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi vào thơ: “Quả núc nác, rãnh mông toi, bẻ rau muống, luống dọc mùng, rồi vầu tre, kê khoai, dưa muối... là những thứ rất quen thuộc với nông dân, nhưng lại rất xa lạ với thơ văn chữ Hán” [155, tr.203]. Những hình tượng thiên nhiên chân thực, sinh động, gần gũi với đời sống thôn quê đầy chất thơ và chất hiện thực.

Văn học nửa sau thế kỉ XV phát triển trong thời kì cực thịnh của chế độ phong kiến Việt Nam. Vì vậy thơ ca thù tạc, ca tụng vương triều phát triển mạnh mẽ. Vua quan, kẻ sĩ cùng sáng tác, xướng họa đề ca vịnh non sông gấm vóc, xây dựng một nền văn hóa thịnh vượng. Kế thừa di sản thơ quốc âm của Nguyễn Trãi, vua tôi nhà Lê nửa sau thế kỉ XV một lần nữa khẳng định vai trò, vị thế của thể thơ Đường luật viết bằng ngôn ngữ dân tộc. Bên cạnh mảng thơ đề vịnh mang tính chất cung đình, các thi sĩ thời Hồng Đức đã dành những cảm nhận sâu sắc và tinh tế về thiên nhiên thôn dã. HDQATT đã lột tả vẻ đẹp thiên nhiên thuần Việt trong không gian quen thuộc và trong thời gian luân chuyển của vũ trụ. Các thi nhân tự hào đưa vào thơ hình ảnh thiên nhiên, sản vật thôn quê vốn rất đời thân thương, gắn bó thân thiết với người dân. Một thiên nhiên sinh động, quen thuộc và đầy sức sống được chọn làm đối tượng thẩm mỹ để thù tạc, ca vịnh.

Từ thiên nhiên thời Trần đến Nguyễn Trãi, rồi từ Nguyễn Trãi đến Lê Thánh Tông là sự phát triển của quan niệm mỹ học hướng tới vẻ đẹp mộc mạc, giản dị. Cái đẹp bắt nguồn từ chính cuộc sống hiện thực trước mắt và không cần đến sự vay mượn hào nhoáng bên ngoài. Lần đầu tiên, thơ Nôm được nâng lên địa vị thơ cung đình, mang tầm vóc quốc gia, phát triển song song với thơ chữ Hán. Dẫn đến điều này, một phần bởi Hội Tao Đàn gồm nhiều nhân sĩ trong triều và có nhân sĩ dạy học ở thôn quê cũng được mời về triều làm thơ. Hình ảnh thiên nhiên chủ yếu được thể hiện ở các phần *Thiên địa môn*, *Phong cảnh môn*, *phẩm vật môn* và *Nhân đạo môn*. Khảo sát những bài thơ về thiên nhiên thôn quê, người đọc ngỡ ngàng nhận ra một thiên nhiên quen thuộc, thuần phác. Các bài thơ được sắp xếp theo

các mảng về các mùa, về mười hai tháng, về năm canh... đã lột tả được nét đặc trưng riêng của thiên nhiên Đại Việt. Mùa hè được cảm nhận mới mẻ, sinh động:

Gọi vịt từ nghe ở ngọn tre,  
Mới hay tiết đã báo sang hè.  
Nước nông sùng sục đầu rô trôi,  
Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè.

(*Lại vịnh nắng mùa hè - 45*)

Tiết trời hè hiện lên trong không khí oi ả nóng bức, mùi nồng của nước bùn, cái nắng chang chang làm cho đầu rô trôi, lưỡi chó lè. Nếu cảnh ngày hè trong thơ Nguyễn Trãi vẫn mang vẻ đẹp thơ mộng với màu xanh của cây hòe, màu đỏ của thạch lựu, hương thơm của hoa sen thì cảnh ngày hè trong HỒ QUÁT ngập tràn màu nắng chói gắt, vừa chân thực vừa sinh động. Những hình ảnh mộc mạc trong thơ Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức khá nhiều nét mới mẻ và sáng tạo trong văn chương nhà nho khi viết về đề tài thôn quê ở khía cạnh dân dã, bình dị.

Nguyễn Bình Khiêm là người kế thừa và phát huy mạnh mẽ thơ ca của các thi nhân giai đoạn trước, đặc biệt là sự phát triển theo xu hướng dân tộc hóa thể loại. Chúng ta biết đến Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là một nhà nho có nhiều triết lý sâu sắc về thời thế. Tuy nhiên, bên cạnh những vần thơ cảm khái về xã hội, thi nhân dành một mảng đặc biệt khắc họa về thiên nhiên, cuộc sống thôn quê. Nếu như Nguyễn Trãi gắn với cuộc sống thôn quê mang tư thế của kẻ sĩ dừng chân ngơi nghỉ thì Nguyễn Bình Khiêm lại nâng cuộc sống nhàn dật lên thành triết lý sống. Tuyết Giang phu tử đã sống gần trọn thế kỉ XVI, phần lớn cuộc đời ông gắn bó với làng quê Trung Am. Ông coi cuộc sống giữa thôn quê yên ả là sống giữa cõi tiên, là nơi ẩn náu để giữ khí tiết trong sạch của người quân tử, tránh xa “chôn lao xao” nơi thị thành. Cảnh sắc thiên nhiên thôn quê được thi nhân khắc họa ở cả hai mảng chữ Hán và chữ Nôm. Dù viết bằng ngôn ngữ nào thì trong khá nhiều bài thôn quê vẫn hiện lên với vẻ đẹp mộc mạc bình dị, đặc trưng của làng quê Việt.

*Bạch Vân am tập* là tập thơ chữ Hán mang đậm phong cách triết lý giáo huấn của Nguyễn Bình Khiêm. Nhưng tập thơ không phải chỉ là sự liên kết của các ngôn từ giáo điều cứng nhắc mà nhiều khi vẫn gợi lên cảm xúc thẩm mỹ trong lòng người đọc. Làm nên chất thơ của tác phẩm chính là những hình ảnh thi nhân ca ngợi vẻ đẹp của cái am nhỏ ở quê, vẻ đẹp của cửa xóm chài, của ruộng vườn, rặng trúc, luống rau... Những hình ảnh mang phong vị đời thường dân dã và quê kiểng:

*Bán y thôn thị bán nhân hương,  
 Trung hữu trì viên nhất mẫu cường.  
 Am quán trường nhàn xuân bất lão,  
 Giang san nhập họa bút sinh hương.*

(Ngụ hứng, 85)

Một bên quê chợ một bên làng,  
 Hơn mẫu vườn ao cũng rảnh rang.  
 Am quán thư nhàn xuân thắm mãi,  
 Giang sơn như họa bút sinh hương.

(Ngụ hứng, bài 85)

Bạch Vân cư sĩ thỏa lòng với “con am” như Ưc Trai quán quýt với “con lều”. “Con am” có một vị trí đặc địa, nằm giữa chốn quê thanh bình: “Bán y thôn thị, bán nhân hương”. Làng quê bao bọc, che chở cho một nho sĩ đã “ngại chốn thanh vân” để sống giữa nơi quê hương bản quán. Một bức tranh thủy mặc đẹp, gợi nhiều cảm xúc trong lòng người đọc. Từ điểm nhìn phóng khoáng đó, thi nhân thu vào tầm mắt cảnh chợ quê, cảnh thiên nhiên trong trẻo với hàng tre mát, cảnh lều tranh, cảnh vườn rau, cảnh bờ đồng nội xanh rờn, cảnh ao sen... Thi nhân háo hức đón ngày xuân với sắc xanh của bờ cỏ, loáng thoáng sắc hồng của hoa sen thơm nơi đồng nội:

*Thanh phô trì thảo ngâm hoài túc,*

*Hồng nhập liên hoa túy sắc tân.*

(Màu xanh phô trên cỏ bên ao,

Màu hồng lan vào hoa sen, vẻ đẹp mới mẻ làm say lòng người.)

(*Xuân nhật ngẫu thành thi* - Ngày xuân tình cờ thành thơ)

Nguyễn Bình Khiêm thường mượn sự vật trong thiên nhiên, đồ vật trong sinh hoạt hàng ngày để truyền tải tư tưởng triết lý. Đặc biệt, những hình ảnh thiên nhiên, sản vật, sự vật thôn quê quen thuộc như quả dưa, gậy trúc, cây khoai, cái mõ, cây đa, cây mía, sung, khế, trâu, gà, kiến, ve, muỗi... là đối tượng thẩm mỹ để thi nhân ngâm vịnh. Tình yêu thiên nhiên thôn quê của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm không chỉ thể hiện ở thơ chữ Hán mà còn thể hiện đặc sắc ở thơ Nôm. BVQNTT đã phản ánh đời sống thôn dã của thi nhân, sự gắn bó giao hòa tri kỉ giữa thiên nhiên, con người. Không phải là thiên nhiên hùng vĩ, mỹ lệ mà là thiên nhiên được thi nhân khắc họa bằng những đường nét đơn sơ, thanh đạm, mộc mạc: “Ruộng năm, bảy khóm trồng cây lúa/ Tằm chín, mười nong để giống ngài” (*Thơ Nôm, bài 128*). Am Bạch Vân không phải là chốn tiên nơi phàm trần nhưng là nơi thi nhân ung dung tự tại thưởng ngoạn cuộc sống yên bình, thoát tục. Đó là điểm gặp gỡ của nhiều thi nhân khi tìm thấy cái đẹp được chất lọc ngay từ chính cuộc sống đời thường, bình dị nhất. Thi nhân hài lòng với đám ruộng “đất con ong” cần sỏi đá, hài lòng với việc cấy cày như một lão nông không mũ cao áo dài và thỏa lòng thưởng ngoạn cảnh thiên nhiên bình dị:

Hầu lấy của chi mà thết khách,

Một ao niềng niềng mấy đòng đòng.

## (Thơ Nôm - 57)

Một bức tranh thiên nhiên sinh động mà yên tĩnh, đậm đà phong vị quê hương, dân dã có bốn mùa “Thu êm”, “Xuân tĩnh”, có “cửa trúc” và “đường hoa” bao bọc, sum vầy. Trong bức tranh nông nhàn ấy còn xuất hiện những con vật nhỏ bé đến tầm thường như “niềng niễng”, “đòng đong” đang tung tăng bơi lội. Phong vị thôn quê ấy được thi nhân thể hiện thật sinh động và chân thực qua thiên nhiên, cảnh vật chốn ẩn nhàn. Thơ chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm đều khắc họa hình ảnh đời thường, giản dị ở thôn quê Việt Nam thế kỉ XVI. Tuy nhiên, với tư tưởng của một nhà nho minh triết, những hình ảnh thiên nhiên dân dã ấy lại là khách thể ẩn chứa những quan niệm triết lí của thi nhân về cuộc sống và con người. Những quan niệm nhân sinh lớn lao lại được truyền tải bằng những hình ảnh bình dị, quen thuộc. Đây cũng là đóng góp của Trạng Trình khi đưa văn học gần sát hơn với cuộc sống của đông đảo người dân lao động.

Tiếp nối những thành quả của thi nhân các giai đoạn trước, thơ về thiên nhiên làng quê nửa sau thế kỉ XVIII càng về sau càng có nhiều kết tinh đặc sắc, bức tranh thôn quê hiện lên sinh động, chân thực hơn. Đặc biệt là sự xuất hiện của các thi sĩ miền Trung và miền Nam khiến cho toàn cảnh làng quê đất Việt hiện lên đầy đủ và đa sắc hơn. Có thể nói, thơ ca trung đại đến chặng cuối của thời kì phong kiến đã có một kết thúc vẻ vang, mở ra hướng sáng tác đậm đà tinh thần dân tộc và giàu chất hiện thực. Với số lượng tác phẩm đồ sộ, đội ngũ tác giả đông đảo của thơ ca thời kì này, văn học đã có những diện mạo mới và có nhiều đóng góp trên nhiều phương diện. Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức, Cao Bá Quát, Phan Thúc Trục, Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyến là những thi nhân sống gắn bó với thôn quê, đã khắc họa được đường nét cũng như thần thái tiêu biểu ở chốn quê.

Nếu như thiên nhiên thôn dã của miền quê phía Bắc xuất hiện sớm theo tiến trình phát triển của văn học trung đại thì phải từ thế kỉ XVIII thiên nhiên thôn quê phía Nam mới được khắc họa đầy đủ trong sáng tác của nhà nho. Trịnh Hoài Đức đã có những vần thơ chân thực và tinh tế khi khắc họa thôn quê trù phú phía Nam của tổ quốc. Bài thơ *Giang thôn hiếu thị* (Chợ buổi sáng thôn bên sông) đã gợi lên cảnh đẹp bình dị của chợ bên sông quen thuộc. Hình ảnh ngôi nhà cỏ gắn liền với những dòng sông đã trở nên gần gũi đối với vùng đồng bằng sông nước miền Nam. Bài *Điện gia thu vũ* (Mưa thu với người làm ruộng) đã thể hiện chân thực cảnh đồng ruộng thôn quê dưới mưa thu:

*Hoà đạo ly ly thảo thụ thu,*

Cỏ cây hiu hắt, đồng lúa bời bời/ Bên dải sông

*Điền gia tam ngũ khúc giang lưu.  
 Nhĩ sinh thử hắc thanh thiên tế,  
 Vũ túc đài hoàng hoạt vị thu.  
 Phá khối hàn thồi huê bạn nhận,  
 Triêm nê tĩnh tây lũng đầu ngư.*

quanh co, có năm ba nhà làm ruộng/ Tiếng  
 mưa nhẹ, lúa nếp đen lại nảy mầm non/  
 Giọt mưa đầm đìa, lớp rêu vàng còn đương  
 ướt mặt/ Nhận nắp bờ ruộng, có mưa khối đất  
 vỡ, bị rét bay lên/ Trâu nằm đầu ghènh, gặp  
 mưa bùn lấm trút, trơn tru như tằm.

Cảnh đồng mùa thu dường như nhòe mờ đi trong cơn mưa nhẹ, nhưng thi nhân vẫn phác họa rõ nét hình ảnh cuộc sống sinh động của vạn vật dưới cơn mưa. Từ đồng lúa, bờ sông cho đến đàn trâu đầu ghènh đều gợi lên cảnh sắc thanh bình, quen thuộc với nhà nông.

Cao Bá Quát lại thông thả ngắm cảnh chiều tà với vẻ đẹp hài hòa của thiên nhiên trong *Cô thôn tịch chiếu* (Xóm lẻ chiều buông):

*Nhất song thê điểu thiên can trúc,  
 Lương cá quy ngư vạn lẳng điền.*

(Một đôi chim đậu giữa muôn cành trúc,

Hai chú trâu về trên đồng ruộng mênh mông)

Khung cảnh thôn quê được gợi lên với những hình ảnh dung dị, mộc mạc trên không gian đồng nội bao la của quê hương. Đôi chim chiều tìm đậu trên cành trúc, hai chú trâu thông thả đi về giữa mênh mông đồng ruộng. Đó không phải là sự đối lập giữa cái nhỏ bé của vạn vật và vũ trụ vô tận mà là sự cộng sinh, hòa đồng. Thơ chữ Hán Cao Bá Quát có tiếng ve, tiếng ếch và hình ảnh chuồn chuồn nhớn như bay trong bài *Tương vũ hí tác* (Sấp mưa viết chơi). Cảm xúc về thiên nhiên của thi sĩ họ Cao còn được thể hiện sinh động qua niềm vui náo nức khi đặt chân trên mảnh đất quê hương trong *Tương đảo cố hương* (Sắp về đến quê nhà):

*Trúc mật phú dư kính,*

Tre rậm che kín lối đi,

*Thảo phong nhiều tiền trì.*

Cỏ tốt mọc quanh trước thềm.

*Bích chiếu hí tiêm lân,*

Cá tung tăng lội trong ao nước biếc,

*Lục đằng tú gia sơ.*

Lúa tốt xanh um khắp chốn ruộng đồng.

Bức tranh đồng nội hiện lên với những hình ảnh quen thuộc của làng quê Bắc bộ Việt Nam. Từng bờ tre, thềm cỏ, ao nước biếc cho đến cánh đồng lúa đều thấm đẫm sắc màu quê hương. Mỗi hình ảnh có một đường nét khác nhau nhưng đều có chung sắc xanh của sự sống, của thiên nhiên trù phú.

Cảnh thiên nhiên bình dị, dân dã còn được các thi sĩ miền Trung thể hiện mang vẻ đẹp đặc trưng và sinh động của thôn quê làng Việt. Đình nguyên Thám hoa

Phan Thúc Trực hào hứng với việc đồng áng trong buổi thu nhàn. Với thi nhân “Việc gì phải thẹn thùng khi đích thân trông coi việc đồng áng” (*Sơ viên sử sáp bá chư tiểu thái nhân đề* - Bừa cỏ vườn gieo các loại rau, nhân làm một bài thơ). Những hàng rào trúc, hàng cau xanh bao quanh vườn rau tạo nên một bức bích họa đẹp bình dị với những hình ảnh rất đời thân quen:

<i>Thông ngải tê trầu diệp,</i>	Hành cải đều đua chen lá,
<i>Vu biểu cạnh phát chi.</i>	Khoai bầu đều đâm nhanh.
<i>Khai mao khan đại toán,</i>	Mở lớp rạ xem củ tỏi to,
<i>Tích giáp kiến hồ tụy.</i>	Tách hạt thấy rau cải cúc.

Viết về thôn quê, Đặng Huy Trứ là một thi sĩ xứ Huế có nhiều thi phẩm viết về các vùng quê của đất Việt. Thi nhân không chỉ viết về xứ Huế mộng mơ mà còn khắc họa nhiều địa danh ở nhiều vùng miền khác. Trên con đường hoạn lộ nhiều thăng trầm thời kì đất nước khủng hoảng, thi sĩ họ Đặng đã có dịp đi nhiều nơi và thể hiện niềm xúc cảm trước cảnh trí của các vùng quê khác nhau. Thi nhân lắng nghe âm thanh từ tiếng chuông chùa, tiếng sáo trẻ trâu trong ánh chiều tà ở bài *Phong tống trạo ca* (Gió đưa tiếng hò chèo đò). Mỗi miền quê vị quan họ Đặng đặt chân đến đều để lại những cảm xúc gần gũi, bình dị. Thi nhân cảm nhận cảnh xuân tươi phơi phới giữa tiết trời thu, vẻ đẹp yên bình, giản dị của thôn dã tạo nên một bức tranh thủy mặc ngập tràn ánh sáng. Theo gót chân của thi nhân bên bờ sông Mã, người đọc bất ngờ nhận ra cảnh đẹp vừa gần gũi vừa nên thơ:

<i>Lạo hậu đàm hoa lãng ảnh động,</i>	Sau cơn lụt, bóng hoa ấu trong đầm lay
<i>Vũ dư lam sắc họa đồ tân.</i>	động/ Mưa tan, sắc núi như bức tranh mới
<i>Nhai đàm hạng thuyết tri phong tục,</i>	mẻ/ Câu chuyện, lời bàn trên đường, trong
<i>Mục xướng tiều ca tẩy thổ trần.</i>	ngõ xóm cho biết phong tục của dân/ Tiếng
<i>Huống thị điền viên thanh nhất sắc,</i>	hát của chú mục đồng và bác tiều phu rửa
<i>Thu trung biệt chiêm thập phần xuân.</i>	sạch bụi trần/ Huống chi ruộng vườn lại
	như đã chiêm mười phần rồi.

(*Dã hứng*)

(Cảm hứng nơi thôn dã)

Âm thanh, màu sắc, đường nét của bức tranh phong cảnh mùa thu sau cơn mưa như được khoác thêm chiếc áo mới sinh động, đầy sức sống của hoa ấu lay động. Nếu mùa thu trong thơ cổ thường được cảm nhận với vẻ tiêu sơ cùng sắc vàng đặc trưng của lá rụng, không khí se lạnh của gió thu thì thơ thu của Đặng Huy

Trú vẫn ngập sắc xanh của ngày xuân phơi phới. Những địa danh Sầm Sơn, Quảng Xương, Hà Trung, Hòn Mê, Quảng Nam, Đà Nẵng... xuất hiện trong thơ Đặng Huy Trứ không phải với vai trò xác định phương vị địa lý mà là thể hiện thiên nhiên đặc trưng của mỗi vùng miền vào mỗi thời khắc trong năm. Đặc biệt, thi nhân còn đưa những hình ảnh về sản vật thôn quê vào thơ như đàn lợn béo, rau cải, canh hến, gạo De An Cựu, bột gạo La Khê, rượu Phở Lại, mực Quảng Trị, mắm rươi Bắc Thành... tạo nên sắc thái riêng của mỗi vùng quê đất Việt. Thi nhân đã khám phá và phát hiện ra vẻ đẹp tiềm ẩn từ những điều bình thường, giản dị nhất.

Cũng là thiên nhiên thôn quê làng Việt, nhưng cụ Tam Nguyên làng Yên Đỗ lại có cái nhìn, có cách khắc họa riêng biệt. Cảnh vật quê mùa nơi bùn lầy nước đọng vốn đã quen thuộc với khu vực Bắc bộ. Đó là mặt ao, bờ gấu, bụi tre, con đường cho tới con trâu, con chó, con ngỗng... hiện lên thật sinh động trong thơ Nguyễn Khuyến:

<i>Dã đình một cao tam xích thiên,</i>	Thuyền đi ngoài đồng, nước lút con sào, nơi
<i>Viên sơ bại diệp nhất phân hoang.</i>	nông cũng ba thước/ Vườn rau nát cả lá, bỏ
<i>Nhiều đình xách thực nga khuy úng,</i>	hoang mất một phần/ Con ngỗng tìm ăn
<i>Tỵ thấp đầu can khuyển thượng sàng.</i>	quanh sân, ngó đầu vào vại/ Con chó tránh
	(Thu lao) ướm tìm khô, nhảy lên cả giường.

(Lụt mùa thu)

Những cảnh thiên nhiên chân thực đến mức thô mộc khó có thể thành thơ vậy mà được “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” (Xuân Diệu) khắc họa một cách sinh động. Những hình ảnh đó vẫn xuất hiện đâu đây trong cuộc sống của người dân vùng đồng bằng Bắc bộ nước ta ngày nay. Nguyễn Khuyến có cả chùm thơ xuân, hạ, thu, đông được xếp vào mục “Tứ thời” với những nét chấm phá đặc sắc về mỗi mùa của miền Bắc Việt Nam. Nếu như mùa thu mang vẻ đẹp thanh nhã, man mác “điển hình nhất cho mùa thu ở Việt Nam” thì mùa hè lại điển hình cho cái nóng nực, ngọt ngào của đất trời:

<i>Kim hạ khổ thái nhiệt,</i>	Mùa hè này khổ vì nóng nực quá,
<i>Thảo khô, trạch diệp kiệt.</i>	Cỏ khô, ao đầm cũng cạn.
<i>Ích chi dĩ tây phong,</i>	Hơn nữa lại có gió tây,
<i>Hà vật bất mỹ diệt.</i>	Vật gì mà chẳng tàn tạ.

(*Nhâm Dần hạ nhật*)

(Mùa hè năm Nhâm Dần)

Tiết trời mùa hè được thi nhân cảm nhận bằng mọi giác quan tinh nhạy của một nhà nho ưu thời mẫn thế, từng hình ảnh giản dị, mộc mạc được thi nhân ghi lại một cách chân thực. Có thể nói, thơ thiên nhiên thôn quê của Nguyễn Khuyến là chuẩn mực cho

hình mẫu “thi trung hữu họa”. Những khái niệm về hình họa đều xuất hiện trong thơ về cảnh vật thôn quê, đó là sự pha trộn đường nét, màu sắc, hình khối một cách tự nhiên, sinh động. Đặc biệt, người đọc không khỏi bất ngờ trong thơ của một nhà nho uyên bác lại xuất hiện “ngồn ngộn những cảnh đời trần, thân thuộc, yêu thương” [72, tr.65] của các con vật gần gũi, gắn bó với người nông dân vùng đồng chiêm trũng. Nếu những con vật trong thơ Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm phần nhiều vẫn mang tính biểu trưng cho triết lý nhà nho thì đến thơ Nguyễn Khuyến chúng được miêu tả chân thực từng âm thanh, hình sắc. Con đom đóm thì “lập lòe đêm sâu”, con trâu già thì “cọ gốc phì hơi nấng”, con chó nhỏ thì “cắn tiếng người” (*Đến chơi nhà bác Dặng*)... tất cả đều được thi nhân khắc họa sinh động trong các thi phẩm của mình.

Mỗi thi nhân đều có cảm nhận độc đáo khác nhau về thiên nhiên thôn quê làng Việt. Vậy nên, mỗi bài thơ là một bức tranh phong cảnh vừa gợi lên vẻ đẹp mộc mạc, dân dã vừa thể hiện lòng yêu quê hương đất nước của các thi sĩ trung đại. “Tả cảnh ngụ tình” là một trong những đặc trưng tiêu biểu của thi ca trung đại, thiên nhiên và con người có mối giao hòa đặc biệt: “Thái độ của con người đối với tự nhiên không phải là thái độ của chủ thể đối với khách thể, đúng hơn đây là sự tìm thấy bản thân mình trong thế giới bên ngoài, sự cảm thụ vũ trụ như là chủ thể” [1, tr.59]. Theo tiến trình phát triển của văn học trung đại, thiên nhiên dần được cảm nhận một cách đầy đủ và toàn diện hơn. Từ thiên nhiên được khắc họa bằng ngòi bút tượng trưng ước lệ, điển phạm công thức đến thiên nhiên gần gũi hiện thực là một quá trình kế thừa và phát huy văn học truyền thống. Vì vậy, những vần thơ khắc họa thiên nhiên thôn quê mang vẻ đẹp bình dị, dân dã đã góp phần khẳng định xu hướng dân tộc hóa, hiện thực hóa của thơ ca trung đại Việt Nam.

Đó cũng là điểm gặp gỡ của các thi sĩ trung đại trong khu vực văn hóa chữ Hán. Basho là nhà thơ của thiên nhiên Nhật Bản, đặc biệt là thiên nhiên thôn dã. Cuộc hành trình của nhà thơ về với thiên nhiên và hòa mình vào thế giới tự nhiên mộc mạc ấy không chỉ thể hiện một mỹ cảm thông thường mà đằng sau đó là cả một nhân sinh quan sâu sắc về vũ trụ và con người: “Có những vật nhỏ bé bình thường: con quạ, con ếch, con cá, con mực, chấy rận, hoa dã quỳ, hoa thu (*hagi*)... và con cò, con vện, rau muống, rau mùng tơi, hoa đào, hoa xoan... Trong mỗi một sinh vật nhỏ bé như vậy, hai thi sĩ đều thấy nó như có linh hồn, sống bình đẳng và cảm thông được với con người” [48, tr.35]. Người đọc cảm nhận được sự gần gũi với thôn quê của các thi nhân trung đại ở xứ sở Phù Tang:

Quanh chiếc cối xay



Trên mình cúc trắng  
 Chút bụi cám bay  
 Trong lều ngư dân  
 Giữa đám tôm cá  
 Có con đế mèn

Những hình ảnh được nhắc đến thật hồn nhiên của thiên nhiên trộn lẫn sinh hoạt hàng ngày. Thơ Haiku mang trạng thái Wanbi (đà) “là cái đơn sơ bình thường mà ta bắt gặp ở những sự vật khiêm tốn nhất và dường như nghèo nàn nhất” [22, tr.273]. Hình ảnh thiên nhiên sản vật mang nét đặc trưng riêng phù hợp với khí hậu và phong thổ của mỗi nước.

Như vậy, thôn quê trong thơ trung đại không chỉ thể hiện khung cảnh tự nhiên của vũ trụ mà còn thể hiện dấu ấn của cuộc sống con người. Đó là một thiên nhiên mang vẻ đẹp tao nhã, mỹ lệ mà vẫn bình dị, mộc mạc. Thiên nhiên đã tạo nên một bức nền đẹp trong bức tranh về thôn quê, trên bức nền đó, con người hiện lên đầy đủ cuộc sống lao động và đời sống tinh thần phong phú.

### **3.1.2. Cuộc sống thôn quê**

#### *3.1.2.1. Cuộc sống lao động sản xuất thôn quê*

Thơ trung đại Việt Nam không chỉ thể hiện phong tục tập quán mà còn thể hiện nếp sống và những sinh hoạt cộng đồng, lao động sản xuất ở thôn quê. Đây là một nét thể hiện bản sắc riêng của thơ trung đại Việt Nam. Tính nhân dân và tính dân tộc trước hết thể hiện ở các tác phẩm phản ánh đến đời sống của đông đảo người dân thời trung đại. Tư tưởng thân dân chi phối hầu hết trong sáng tác của các nhà nho yêu nước. Chính vì vậy, những cảnh sinh hoạt cộng đồng làng xã, cảnh lao động sản xuất thôn quê được thể hiện chân thực trong các thi phẩm trung đại Việt Nam.

Tính nhân dân ngày càng được thể hiện theo xu hướng chân thực và gần gũi với cuộc sống đời thường dân dã ở nông thôn. Lê Quý Đôn từng khẳng định: “Thơ khởi phát từ trong lòng người ta. 300 bài thơ trong *Kinh thi*, phần nhiều là của người nông dân, phụ nữ làm ra mà cũng có bài văn sĩ đời sau không theo kịp được, như thế là vì nó chân thực” [135, tr.53]. Ở giai đoạn văn học Lý - Trần đã thấp thoáng xuất hiện những hình ảnh mộc mạc, thuần phác về cuộc sống sinh hoạt nơi thôn quê mà hiếm thấy trong văn học thời kỳ này. Trần Quang Khải - một vị tướng lĩnh vốn quen với võ kiếm nhưng vẫn có những phút giây thanh thoi nơi “dã thự”:

*Nhất thanh ngư ư địch thanh lâu nguyệt,  
 Phiến nông soa bích lũng vân.*

(Một tiếng sáo trẻ chăn trâu làm xanh ánh trăng trên lầu,  
Mấy mảnh áo toi nhà nông biếc đám mây dưới lũng.)

(*Đề dã thự* - Đề thơ ở biệt thự đồng quê)

Bức tranh thôn quê xuất hiện khi vị tướng lĩnh phóng tầm mắt hướng tới vẻ đẹp mộc mạc nơi có tiếng sáo trẻ trâu, có mảnh áo toi của nhà nông. Vẻ đẹp của con người trong lao động sớm trở thành hình tượng thẩm mỹ của thơ ca thời Trần.

Cuộc sống lao động nơi thôn quê cũng được thể hiện phong phú trong sáng tác của Nguyễn Trãi ở thế kỉ XV. Ước Trãi không chỉ là nhà nho hành đạo mà có khi còn như một “lão nông tri điền” khi lui về ẩn dật nơi thôn dã. Đây là nơi tạo nên nguồn cảm hứng đầy tinh thần dân tộc và tinh thần thân dân sâu sắc. Các bài thơ Nôm chủ yếu khắc họa bức chân dung của chính thi nhân nơi thôn dã với công việc “tạc tỉnh, canh điền” quen thuộc và gần gũi. Thi nhân khắc họa hình ảnh lao động ở thôn quê với các động từ sinh động: “Đạp áng mây, ôm bó củi - Ngồi bên suối, gác cần câu” (*Trần tình* 5); “Một cày, một cuốc thú nhà quê - Áng cúc lan xen vải đậu kê” (*Thuật hứng* 3); “Ao cạn vót bèo cấy muống - Đìa thanh phát cỏ ương sen” (*Thuật hứng* 24); “Ao quan thả gửi hai bè muống - Đất bứt, ương nhờ một lạnh mừng” (*Thuật hứng*, 23)...

Bên cạnh đó, thi nhân cũng khắc họa hình ảnh người phụ nữ giặt vải ở nơi thôn xóm trong tập thơ chữ Hán. Đó là hình ảnh lao động thường ngày ở thôn quê nhưng khơi gợi nhiều cảm xúc:

*Mãn giang hà xứ hương đông đình,  
Dạ nguyệt thiên kinh cửu khách tình.  
Nhất chủng tiêu quan chinh phụ oán,  
Tổng lương ly hận nhập thu thanh.*

(*Thôn xá thu chiêm*)

Khắp sông đâu đấy nện thình thình,  
Đất khách trăng khuya bỗng giặt mình.  
Quan ải mịt mù chinh phụ oán,  
Tiếng thu thủy gửi biệt ly tình.

(*Tiếng chiêm mùa thu ở thôn xóm*)

Dù chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ về đề tài thôn quê trong thơ chữ Hán Nguyễn Trãi, nhưng thi nhân đã khẳng định vẻ đẹp của cuộc sống dân dã, cuộc sống đơn sơ thuần phác trong văn chương nhà nho. Khắc họa cuộc sống lao động ở chốn quê, Nguyễn Trãi đã khẳng định xu hướng hiện thực mang tinh thần dân tộc của thơ ca trung đại.

Hình ảnh lao động của người dân quê được tô đậm thêm bằng những nét vẽ giàu chất hiện thực trong thơ Nguyễn Bào. Một gia đình nhà nông vào vụ mùa, ai cũng tất bật với công việc đồng áng, từ đi cày, gieo hạt dưa cho đến xới cỏ nương đỗ. Dù lao động vất vả từ sáng sớm đến chiều muộn, nhưng người dân quê vẫn vui thú và gắn bó với ruộng vườn. Hình ảnh nàng dâu, mẹ chồng tần tảo tạo vẻ đẹp mới

lạ độc đáo của văn học thế kỉ XV :

*Âm vân mặc mặc vũ phi phi,  
Bình trĩ khu ngư trước đoản y.  
Ấu phụ thì qua xâm hiểu khí,  
Lão cô sừ đậu hướng bô quy.*

(Trùng Mai thôn xuân vãn)

Mờ mịt mây che, mưa bay phân phát/ Nhà nông  
mình mặc áo cộc, tay cầm cày giục trâu/ Nàng  
dâu trẻ gieo giống hạt dưa, sáng đi sớm/ Mẹ  
chồng già xới cỏ nương đỗ, chiều về muộn/

(Chiều xuân ở thôn Trùng Mai)

Cùng khắc họa những người lao động thuần hậu, chất phác, thi sĩ Thái Thuận cũng đã có những vần thơ giàu chất hiện thực trong một cảnh lao động đầy cảm xúc của những đứa trẻ chôn quê:

*Mao xá nhân yên lý,  
Cô chu tiểu bặc thì.  
Thôn đồng tam tứ bối,  
Duyên thủy mạch bành kỳ.*

(Hoàng giang tức sự)

Nhà tranh trong làn khói tỏa,  
Thuyền côi lúc tạm đậu lại.  
Trẻ quê ba bốn tốp,  
Lần theo bên sông tìm bắt cua cáy.

(Đề thơ tức cảnh ở bên Hoàng Giang)

Đến thơ của các thi nhân thời Hồng Đức đã xuất hiện cảnh chợ quê ồn ào nơi làng biển quê hương. Hiện thực cuộc sống và người dân lao động được thể hiện phong phú, sinh động trong tập thơ mang tính chất cung đình. Từ hình ảnh chiếc áo toại đến hình ảnh chợ quê đã tạo nên một bước chuyển biến mạnh mẽ của đề tài thơ ca trung đại Việt Nam. Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức đã đưa những khoảnh khắc và âm thanh quen thuộc của cuộc sống lao động hàng ngày ở nông thôn vào tập thơ mang tính cung đình, cao nhã. Tiếng bó cóc nhắc người nông dân cấy lúa, tiếng gà gáy sáng, tiếng đập vải bên sông... đều tái hiện lại bức tranh cuộc sống thời kỳ hưng thịnh:

Rừng kia bó cóc còn khua gióng,  
Làng nọ nông phu đã thức nằm.  
Bóng ác rạng đông, trời đã sáng,  
Tiếng gà sôi nổi, tiếng hàn châm.

(Ngũ canh)

Những thanh âm quen thuộc của cuộc sống lao động hàng ngày ở nông thôn được các thi nhân ghi lại với tất cả sự quan tâm và tự hào trong thời kỳ phong kiến hưng thịnh. Ngay trong thời kỳ Nho giáo thịnh trị, các thi nhân vẫn dành một vị trí trang trọng cho những trang thơ về cuộc sống thôn quê. Các thi nhân thời Hồng Đức đã hướng đến quan sát cuộc sống lao động hàng ngày của người nông dân, ca ngợi sự chăm chỉ, cần cù cho đến thành quả lao động vất vả của họ.

Hướng về đề tài dân dã, tập thơ Nôm của Lê Thánh Tông và các thi nhân thời

Hồng Đức đã đánh dấu bước phát triển của thơ Nôm trung đại Việt Nam ở nửa sau thế kỉ XV. Đó là quá trình dân tộc hóa, dân chủ hóa và hướng đến vẻ đẹp chân thực của cuộc sống. Dưới hình thức ngâm vịnh đề tài tứ thú, các thi nhân thời Hồng Đức đã khắc họa hình ảnh người lao động qua bộ tứ bình ngư, tiều, canh, mục khá chân thực. Dáng vẻ của người câu cá thật sinh động:

“Manh áo quàng, mang lượ xụp,  
Quai chèo xách, đứng lom khom”

(*Vịnh người kiếm cá*)

Trong khi đó, người kiếm củi được khắc họa với dáng vẻ thanh nhàn, thi vị nhưng cũng gợi cảm xúc thân quen:

“Phong nguyệt một đò mang lếch thếch,  
Yên hà đôi bó quải khom khom”.

(*Vịnh người hái củi*)

Canh phu thì có mặt từ tờ mờ sáng để cày cuốc:

“Gió ngàn xanh, xoay nón lệch,  
Mưa núi lục, cúi lưng khom”.

(*Vịnh người đi cày*)

Hình ảnh chăn trâu thổi sáo vốn đã quen thuộc trong thơ ca trung đại, nhưng vừa chăn trâu vừa vui “cười khặc khặc” thì mới thấy xuất hiện trong HỒNG ĐỨC:

Thả thả, chăn chăn, ít lại nom,  
Mũi ghé lui chân đứng nhảy.

(*Vịnh người chăn trâu*)

Những bài họa lại càng tô đậm thêm sự phong phú và sinh động trong cuộc sống lao động của người nông dân. Các thi nhân không chú trọng đặc tả sự vất vả, cơ cực của người nông dân lao động mà luôn thể hiện sự an nhàn, no đủ trong thời kỳ thái bình thịnh trị.

Từ thế kỉ XVI, cuộc sống lao động ở thôn quê được thể hiện chân thực và cụ thể hơn. Theo quan niệm nhà nho, khi nho gia thất thế trên con đường công danh thường tìm về chốn bình yên thôn dã để giữ gìn danh tiết. Các nhà nho Trung Hoa có điều kiện đi rất xa và đến những không gian sống hoàn toàn biệt lập cách xa cuộc sống xô bồ nơi cung đình. Các ẩn sĩ Việt Nam cũng chọn không gian thanh tĩnh để thể hiện tư tưởng “xử, tàng”, song không gian đó vẫn gắn với đời sống của người dân. Điều này lý giải sự xuất hiện những hình ảnh chân thực, cụ thể về cuộc sống hàng ngày của thôn quê thời trung đại trong thơ của nhà nho Việt Nam thời trung đại.

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có nhiều thời gian sống ẩn dật nơi thôn dã và coi đó là triết lý sống lý tưởng đương thời. Chính vì vậy, cuộc sống của dân quê được thi nhân thể hiện ở cả thơ chữ Hán và thơ Nôm. Người thầy sông Tuyết đã phát huy những giá trị tinh thần lâu đời của dân tộc được lưu giữ trong đời sống của nhân dân. Thơ Trạng Trình là kho tư liệu phong phú, sinh động về thiên nhiên, sản vật thôn quê, về cuộc sống lao động chân thực của dân quê. Trong đó, những bài thơ vịnh từ thiên nhiên, vũ trụ lớn lao đến những sự vật nhỏ bé thường ngày đã tạo nên một bức tranh tổng quát phong phú và đa dạng. Đặc biệt, người đọc có thể thấy một pho tư liệu phong phú về đời sống của người dân quê Việt Nam thời kì này. Hình ảnh Trạng Trình với niềm vui an lạc cho thấy thi nhân hài lòng với sự lựa chọn của mình về với chốn quê nhà. Người thầy sông Tuyết có khi an nhàn nơi vườn rau, khi thả câu vùng sông nước:

*Mịch đắc thôn Khê địa nhất thiên,*

*Nhàn lai ngô diệp lạc ngô thiên.*

*Hiểu lâm thái phố srong niêm lý,*

*Dạ phiếm ngư ki nguyệt mãn thuyền.*

(Tìm được một miếng đất ở cạnh con khe trong làng,

Khi thanh nhàn ta cũng vui với tính tự nhiên của ta.

Buổi sáng đến vườn rau, srong dính vào dép,

Ban đêm thả thuyền nơi ghềnh câu, trăng đầy thuyền.)

*(Ngụ hứng 10)*

Nguyễn Bình Khiêm không chỉ là một nhà thơ triết lý giáo huấn mà còn là một thi sĩ đầy rung cảm trước thiên nhiên và cuộc sống nơi thôn dã. Những hình ảnh chân thực, sinh động đa sắc màu từ cuộc sống đời thường đã tạo nên hồn thơ giàu bản sắc dân tộc. Cuộc sống lao động nơi thôn dã đã tạo nên thú vui của thi nhân được thể hiện trong thơ quốc âm:

Ruộng năm, bảy khóm trồng cây lúa,

Tầm chín, mười nong để giống ngài.

*(Thơ Nôm, bài 128)*

Nếu cuộc sống lao động thôn quê trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm chủ yếu xoay quanh hoạt động của chủ thể trữ tình, thì đến các giai đoạn sau các thi nhân đã hướng ngòi bút khắc họa cảnh lao động của người dân quê. Hình ảnh người nông dân trước thế kỉ XVIII đã được đề cập đến mang tính ước lệ, tượng trưng trong bộ tứ “ngư, tiều, canh, mục”. Những “nhân vật” thôn quê đó cũng chưa phải là trung tâm thẩm mĩ của bài thơ mà sự xuất hiện của họ có chức năng phụ họa cho tâm cảnh,

cho nhân sinh quan của nhà thơ. Người dân lao động chưa được miêu tả cụ thể về cuộc sống, về dáng vẻ cho đến đời sống tinh thần với tất cả buồn vui, lo toan của cuộc sống đời thường. Từ thế kỉ XVIII, cuộc sống lao động của những người dân quê được thể hiện cụ thể và chân thực hơn. Trịnh Hoài Đức miêu tả cảnh lao động quen thuộc của người nông dân phía Nam của tổ quốc. Đó là cảnh lao động của những lão nông chất phác “Đi đường gánh rau thay lương thực” (*Loạn hậu quy* - Trở về sau loạn); cảnh người lớn, trẻ con tất bật ngày mùa: “Những người lớn trong nhà lo việc vày ruộng, dệt vải/ Đứa trẻ ra khỏi bóng dâu mang com ra đồng” (*Trấn Định xuân canh* - Cày mùa xuân ở Trấn Định). Đôi khi nhà thơ chỉ phác họa vài nét sơ lược công việc của nhà nông nhưng cũng làm hiện lên cảnh ươm tơ chăm chút, tỉ mỉ của những người phụ nữ đảm đang, tận tảo:

*Tam bồn xuất tự phiên hương kiển,*

*Song trợ tần yêm chấn lũ câm.*

(Ba nồi ươm lần ra mối, trở mẻ kén nõn thom tho,

Đôi đũa nhúng xuống luôn tay, kéo sợi tơ vàng sặc sỡ)

(*Quất xã táo ti* - Làng Quất ươm tơ)

Là một khách tha hương suốt đời mang nỗi niềm cố hương, Cao Bá Quát có nhiều vần thơ giàu cảm xúc về cảnh vật cũng như con người thôn quê. Thi nhân khắc họa những người thân thiết, làng xóm láng giềng cho đến những người lao động vô danh. Đặc biệt, thi nhân thấy được sự vất vả, lam lũ trong cảnh lao động của người nông dân:

*Vạn lý song cao tẩn thủ khiên,*

*Phúc hiêu, thần chiến, đoãn thoa xuyên.*

*Bách tâm phá thảo trường đê mạch,*

*Ngũ xích tân ương thương bạn điền.*

Trong sương mù tay kéo đôi gàu thoăn thoắt,

Bụng đói, môi run, thân mang chiếc áo tơ ngắn.

Hàng trăm tâm cỏ vừa phá dọc bờ đê dài,

Năm thước mạ mới gieo ở đám ruộng bờ trên.

(*Hiểu lũng quán phu*)

(Người tát nước buổi sớm trên đồng)

Bài thơ là bức tranh chân thực, gợi nhiều cảm xúc trong lòng người đọc về người tát nước trên đồng. Đây là một công việc quen thuộc của nhà nông mỗi khi mùa vụ đến nhưng được thể hiện tự nhiên giàu chất gợi hơn tả. Phải có tấm lòng thấu hiểu và thương cảm với người lao động thì Cao Bá Quát mới có những vần thơ tâm tình sâu sắc đến vậy.

Cùng với thi sĩ họ Cao, công việc đồng áng vốn không phải của nhà nho Phan Thúc Trực mà đó là công việc của “vạn dân cày”. Nhưng vì kế sinh nhai, vì người vợ tận tảo không còn, thi nhân đã cùng gia đình trong nhà lo việc ruộng vườn. Từ đó mà

thi nhân thấu hiểu hơn sự vất vả của vợ và những người nông dân cần cù, chất phác. Bài thơ *Xuân nhật khóa thực vụ miên* (Ngày xuân dạy trồng khoai, trồng bông) và bài *Vũ tình ngải mạch* (Tạnh mưa gặt lúa) đã tỏ bày nỗi niềm trăn trở của thi nhân. Đó cũng là điểm gặp gỡ của thi nhân họ Phan với Đặng Huy Trứ khi viết về thôn quê. Với vai trò là vị quan của triều Nguyễn, Đặng Huy Trứ luôn chăm lo đến cuộc sống của muôn dân. Ông đi nhiều tỉnh ở khu vực miền Trung để chứng kiến và cảm nhận được bức tranh tổng quát của người dân lao động. Đó là ông lão bán than (*Kiến lão ông đài than*), ông già đan đồ tre (*Lão ông biên trúc*), ông già tưới rau (*Cấp tuyền quán thái*), người thợ cày (*Canh phu giáo độc*), người đàn bà chăn tằm (*Tang phụ tỵ tầm*)...

*Bạch phát cân trung mẫn,*

Tóc trắng đầy trong khăn,

*Kim ô bối thượng huyền.*

Vàng đen đê trĩu lưng.

*Chỉ duyên sinh kế cấp,*

Chỉ vì sinh kế quẫn,

*Cần khổ bất tri niên.*

Nhọc nhàn quên tháng năm.

(*Kiến lão ông đài than*)

(Ông lão bán than)

Một lão ông lao động vất vả quên cả tuổi tác để kiếm kế mưu sinh được khắc họa chân thực, cụ thể. Bài thơ vừa gọi lên bao cảm xúc về người lao động vừa thể hiện lòng thương cảm của thi nhân trước cuộc sống lam lũ nhọc nhàn của người dân. Ẩn sau đó là nỗi lòng, sự cảm thông sâu sắc của thi nhân đối với người dân lao động vất vả.

Hình ảnh người phụ nữ vốn đã thừa vắng trong văn chương nhà nho, người phụ nữ nông thôn lại càng ít được xuất hiện trong thơ ca. Thế kỉ XVIII là thời kì mà người phụ nữ xuất hiện trong văn học với nhiều cuộc đời và số phận khác nhau. Nhưng phần lớn là hình mẫu điển phạm của văn học Trung Hoa, là những giai nhân tài sắc và khuê các nơi lầu son gác tía. Đặng Huy Trứ đã trân trọng đưa hình ảnh người phụ nữ nông thôn vào thơ chữ Hán với niềm cảm thương sâu sắc, họ là những người dân quê bình dị. Ông đã khắc họa hình ảnh người phụ nữ vất vả với công việc nhà nông, tảo tần, lam lũ, chịu thương chịu khó:

*Mỗi tòng tỵ dưỡng thận vi cơ,*

Mỗi lần cho tằm ăn, người phụ nữ phải rất thận

*Nhất khuông, nhất bạc thân kiêm lí.*

trọng, tỉ mỉ/ Một giỏ, một nong đều đích thân phải

*Tam khởi, tam miên hậu bất vi,*

làm cả/ Ba thức ba ngủ cùng với nong tằm không

*Ti vị li bồn tiên vấn giá.*

làm gì khác được/ (Vất vả là thế) nhưng khi tơ

(*Tang phụ tỵ tầm*)

chưa ra khỏi nôi đã phải tắt tả chạy đi hỏi giá.

(Người đàn bà chăn tằm)

Trong thời gian làm quan ở các vùng quê, Đặng Huy Trứ đã ghi lại nhiều cảnh về cuộc sống sinh hoạt đời thường với nhiều cung bậc cảm xúc chân thực. Cảnh dân

nghèo đói cơ cực (*Thái mẽ tiểu hữu đắc*), cảnh cơn mưa sau hạn (*Nhập cảnh hỉ vũ*), cánh đồng lúa sau lụt (*Quan giá*)... Đó là những trần trở luôn thường trực trong tâm lòng “tiên ưu” của một vị quan thời Tự Đức. Cuộc sống gần dân giúp ông có sự cảm thông sâu sắc và cảm động trước những vất vả đời thường của nông phu:

<i>Nhất nhật sinh nhai kế tại dân,</i>	Việc làm ăn hàng ngày tính từ giờ dân,
<i>Đang nhân tảo thực điểm canh thân.</i>	Lên đèn lúc tờ mờ sáng để ăn.
<i>Phải nhiên nông sự đa mang hậu,</i>	Việc nông lại vào lúc bận nhất,
<i>Cập thử triêu dương vi xuất thân.</i>	Phải ra đồng cho kịp lúc mặt trời mọc.
<i>Ảnh lực canh phu tương nhân diện,</i>	Thợ cày nhận nhau qua bóng,
<i>Bàn tung bạch xán chính niêm thân.</i>	Hạt cơm trắng vừa ăn còn dính trên môi.

(*Điện xá thân quang*)

(*Ánh ban mai trên đồng*)

Hình ảnh người nông dân đã thực sự trở thành nhân vật trung tâm của cuộc sống nông thôn và là hình tượng nghệ thuật của thơ ca. Những con người chân lấm tay bùn vô danh, không đáng nét và ngoại hình cụ thể nhưng đã được thi nhân khắc họa vẽ đẹp chất phác, tảo tần, hồn hậu trong cuộc sống lao động đời thường. Đặng Huy Trứ đưa vẻ đẹp đời thường mộc mạc vào thơ chữ Hán trung đại là một bước tiến mới trong việc phản ánh hiện thực của văn chương nhà nho. Bên cạnh đó, sáng tác của Tỉnh Trai còn có những vần thơ khắc họa cảnh lũ lụt nơi thôn quê với hình ảnh nước dâng choán ngập cả xóm làng yên ả. Cảnh lũ lụt đó có lẽ đã trở thành nỗi ám ảnh và mối cảm hoài trong sâu thẳm tâm hồn mỗi người dân Việt Nam:

<i>Điện mê giới hạn nan tầm kế,</i>	Ruộng không còn trông thấy bờ, khó tìm ra móc,
<i>Lộ thất tiền trình tạm phóng tiêu.</i>	Đường ngập cả lối đi phải cắm cây làm dấu.
<i>Đình dẫn ngư hà thành tiểu hác,</i>	Sân thành ao nhỏ, tôm cá kéo đến,
<i>Đê nhân lậu nghị quyết tu điều.</i>	Đê do mối đục, vỡ một đoạn dài.

(*Thu đại thủy*)

(*Lụt mùa thu*)

Một bức tranh với tông màu chủ đạo là sắc trắng xóa của nước lụt mùa thu. Những con vật nhỏ bé, trôi nổi như tôm cá trong sân nhỏ, mối ở chân đê càng làm cho bức tranh quê thêm phần tiêu điều, xơ xác. Đó là hình ảnh quen thuộc của thiên nhiên mỗi khi mùa lũ tới. Thiên nhiên khắc nghiệt vẫn luôn là nỗi ám ảnh của mỗi người dân quê nhưng không phải lúc nào cũng được phản ánh trong văn chương như trong sáng tác của Đặng Huy Trứ.

Việt Nam thời trung đại là một đất nước nông nghiệp, là cái nôi của nền văn minh lúa nước. Phần lớn người dân nước ta là nông dân, là những người thuần phác cả đời gắn bó với quê hương ruộng đồng. Đây là tầng lớp đông đảo, là nơi lưu giữ



những giá trị văn hóa truyền thống hàng ngàn đời nay của dân tộc. Nhưng nhân vật chính trong văn học suốt gần mười thế kỉ lại là những minh quân, lương thần, những nhân vật của tầng lớp trên của xã hội mà khá vắng bóng người dân lao động. Điều này có thể lí giải do tư tưởng đặc thù của chế độ phong kiến, văn học chính thống phải đề cao giai cấp thống trị, văn học phải hướng thượng. Đến thế kỉ XIX, khi rường cột của chế độ phong kiến đang lung lay trên đà sụp đổ, những nhân vật mẫu mực trước đó không còn là hình mẫu lí tưởng của văn học nữa thì hình ảnh người nông dân bắt đầu xuất hiện với vẻ đẹp tự nhiên, mộc mạc.

Nếu Phan Thúc Trục, Đặng Huy Trứ đưa vào thơ bức tranh thôn quê đậm dấu ấn miền Trung thì Nguyễn Khuyến lại đặc tả thân thái và bản sắc riêng của thôn quê vùng đồng bằng Bắc bộ. Vị quan thanh liêm là người luôn hướng ngòi bút vào những sinh hoạt và lao động thường nhật của người dân quê Yên Đổ. Mỗi bài thơ là một bức kí họa sinh động về cuộc sống thôn quê. Từ góc độ thi pháp học và góc độ văn hóa học, chúng ta nhận thấy bức tranh nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến chính là biểu hiện quá trình phản ánh từ thơ mang tính ước lệ sang khuynh hướng hiện thực của văn chương nhà Nho. Đó cũng là quá trình dân tộc hóa thể loại, hướng văn chương đến gần hơn cuộc sống bộn bề của đông đảo người dân. Nông thôn Việt Nam trong thơ Yên Đổ hiện lên với đầy đủ những âm thanh và màu sắc đặc trưng từ ngàn đời, thân thuộc và gần gũi:

Năm nay cày cấy vẫn chân thua,  
 Chiêm mát đặng chiêm, mùa mát mùa.  
 Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,  
 Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.  
 Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,  
 Chợ búa trâu cau chẳng dám mua.

(*Chón quê*)

Từng lời thơ như những lời tâm tình về cuộc sống lao động cơ cực của người dân. Viết về những điều bình thường, nhỏ nhặt của cuộc sống hằng ngày là một dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự chuyển mình trong phản ánh hiện thực của thơ nhà Nho. Dù chỉ phác họa vài nét sơ sài, nhưng Nguyễn Khuyến đã phản ánh một cách chân thực, chính xác đời sống nông dân và nông thôn nước ta trong những vần thơ bình dị, gần gũi.

Nguyễn Khuyến đã ghi lại trong thơ toàn cảnh về cuộc sống nơi thôn quê từ những khó khăn đời thường đến cả hiểm họa từ thiên tai. Hạn hán, lũ lụt kéo theo

mát mùa, đói kém đã luôn bủa vây người dân lao động. Đó là vùng đồng chiêm trũng với cảnh đời lam lũ, cái lo toan tất bật của công việc đồng áng, vị chua mặn của giọt mồ hôi và cảnh lụt lội nước ngập trắng đồng. Cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm đều viết về *Vịnh lụt*, *Lụt hỏi thăm bạn*, *Thu lụt* (Lụt mùa thu)... Thi nhân than thở, xót xa, trăn trở trước cuộc sống đầy bí bách, khổ cực của dân chúng, thiên tai luôn là nỗi ám ảnh trong thơ cụ Tam nguyên. Văn chương nhà nho trước đó mấy ai đã ghi lại một cách da diết và cảm thông như Nguyễn Khuyến.

Những bài thơ khắc họa bức tranh hàng ngày của người dân quê đã thoát khỏi tính chất công thức, ước lệ, tạo nên trường thẩm mỹ mới sinh động và giàu cảm xúc. Nông thôn Việt Nam trong thơ Yên Đỗ hiện lên với đầy đủ những cung bậc cảm xúc của đời sống hàng ngày. Đó là một khung cảnh quen thuộc có hình ảnh “mục đồng, lân ông” trong bài *Hạ nhật tân tình* (Ngày hè, mới tạnh mưa): “*Mục thụ hoành tiên khu độc quá/ Lân ông phù trượng khán điền quy*” (Chú bé chăn trâu cầm ngang chiếc roi xua ghé đi qua/ Ông già bên xóm chống gậy đi thăm ruộng trở về). Cụ thể và chân thực hơn là hình ảnh chạy mưa của người phơi lúa, người nuôi tằm:

*Gia nhân sái cốc tranh đào vũ,*

*Phụ nữ dăng tằm nghĩ hộ phong.*

(Người nhà phơi lúa tranh nhau chạy mưa,

Đàn bà nuôi tằm tìm cách chắn gió)

(*Hạ nhật văn điệu* - Ngắm chiều hè)

Thi nhân cùng chia sẻ niềm vui nho nhỏ của người dân lao động trong bài *Hỷ vũ II* (Mừng mưa II):

*Điền bộc quy lai đạo hòa hảo,*

*Thủ trì giải cấu quải đài soa.*

(Người làm ở ngoài đồng về nói chuyện lúa tốt,

Tay thì cầm giỏ cua, mình khoác áo to)

Trong bức tranh quê ấy, hình ảnh cuộc sống của người dân quê hiện lên chân thực và sinh động. Những người dân lao động bình thường đã trở thành điển hình trong thơ Nguyễn Khuyến. Tất cả lần đầu tiên đã đi vào văn học dân tộc với vẻ thô mộc, đời thường nhất. Nhà thơ cũng lo cái lo của người dân, sống cuộc sống bần hàn chạy ăn từng bữa của người nông dân. Viết về cuộc sống của người dân cùng những lo toan, bộn bề hàng ngày đã khiến cho thơ văn Nguyễn Khuyến đã phát huy thơ ca truyền thống và gần gũi hơn với thơ ca hiện đại.

Sự xuất hiện của hình tượng người nông dân trong thơ trung đại là một tiền đề

để các thế hệ cầm bút sau này hướng đến sáng tác về đề tài nông thôn. Trước khi Ngô Tất Tố viết *Tắt đèn*, Nguyễn Công Hoan viết *Bước đường cùng*, Nam Cao viết *Lão Hạc*, đã có một nông thôn Việt Nam với cảnh mát mùa hạn hán, lũ lụt, cảnh thuê má, cảnh nợ nần với người cùng khổ “lãi mẹ, lãi con sinh đẻ mãi” trong thơ Tam nguyên Yên Đỗ. Có thể nói rằng đó là những gạch nối đầu tiên giữa văn học trung đại và văn học hiện đại. Cũng có thể coi đó là điểm gặp gỡ của những tấm lòng luôn đau đáu nỗi “tiên ưu” vì dân nước. Nguyễn Khuyến đã tìm thấy trong làng quê, trong cuộc sống lam lũ của người nông dân quê ông sự thanh thản của tâm hồn, niềm lạc quan yêu đời và những tình cảm xóm làng trong sáng.

Như vậy, thơ ca trung đại Việt Nam đã góp phần khẳng định tinh thần nhân đạo, tính dân tộc trong văn học qua việc phản ánh cuộc sống lao động với những bộn bề lo toan của người nông dân. Ở vào thời kỳ thịnh hành của văn chương nhà nho với lối sáng tác ước lệ và “tâm chương trích cú”, các thi nhân trung đại dần phá vỡ tính quy phạm và bằng tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước đã đưa văn học đến gần hơn cuộc sống đa sắc màu của những con người bình thường nhất. Trong thơ thời Trần, người nông dân hiện lên thấp thoáng và mang vẻ đẹp của bức tranh thủy mặc. Đến thơ thế kỉ XV - XVII, người nông dân và cuộc sống nông thôn xuất hiện đa dạng hơn, cụ thể hơn với hình ảnh “tạc tinh canh điền” của các ẩn sĩ. Thơ ca thế kỉ XVIII đã khắc họa những nét phong tục tập quán, lao động thôn quê. Phải đến thế kỉ XIX, cuộc sống và con người thôn quê mới hiện lên một cách đầy đủ và sinh động, chân thực, giàu cảm xúc. Điều này cũng cho thấy sự chuyển biến trong tư tưởng thẩm mỹ của thi nhân trung đại. Thơ không chỉ tỏ chí, tỏ lòng mà còn hướng ngoại để phản ánh cuộc sống muôn màu của đông đảo tầng lớp người dân quê lao động. Đây là biểu hiện tinh thần thân dân sâu sắc của các nhà nho trung đại Việt Nam.

### 3.1.2.2. Những phong tục, tập quán, văn hóa thôn quê

Cuộc sống ở nông thôn là cái nôi của nền văn hóa dân tộc, nơi bảo vệ và nuôi dưỡng truyền thống tốt đẹp và lâu đời của dân tộc. Chốn quê nhà không chỉ là nơi ẩn náu của nhà thơ khi thất thế mà còn là nơi góp phần bồi dưỡng phát huy đời sống tinh thần sâu sắc của nhà thơ. Đề cao phong tục, tập quán thôn quê là cách các thi nhân thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc: “Với nhà nho, hành đạo hay ẩn dật, đó chỉ là những phương thức khác nhau để thể hiện nhân cách của mình. Và cái nhân cách ấy có nguồn gốc vũ trụ nên bao giờ nó cũng hướng về cội nguồn” [132, tr.155].

Nhắc đến văn hóa làng quê Việt, chúng ta không thể không nhắc tới phong tục, tập quán thôn quê, bởi đây là một thành tố cấu thành nên nền văn hóa đậm đà bản sắc

của Việt Nam. Phong tục là những thói quen ăn sâu vào đời sống xã hội từ lâu đời theo nghĩa: “Phong: gió, tục: thói quen; phong tục: thói quen lan rộng” [170, tr.143]. “Phong tục” có trong mọi mặt đời sống xã hội Việt Nam hàng nghìn năm trước đây. Những thi sĩ trung đại đồng thời cũng là những người am hiểu văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc. Đặc biệt, khi về sống nơi làng quê thanh tĩnh, được hòa vào cuộc sống của người dân lao động thì các thi nhân càng hiểu hơn những thói quen thông tục ấy.

Những giai đoạn đầu của thơ ca trung đại, phong tục tập quán của thôn quê ít được đề cập đến. Các phong tục tập quán chỉ được phản ánh trong văn xuôi với mảng kí, văn chương khảo cứu. Việt Nam thời trung đại là một đất nước nông nghiệp, là cái nôi của nền văn minh lúa nước. Phần lớn người dân nước ta là nông dân, là những người thuần phác cả đời gắn bó với quê hương ruộng đồng. Đây là tầng lớp đông đảo, là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Nhưng thật nghịch lý khi nhân vật chính trong văn học suốt gần mười thế kỉ lại là những minh quân, lương thần, những nhân vật của tầng lớp cao quý mà vắng bóng người dân lao động. Điều này có thể lí giải do tư tưởng đặc thù của chế độ phong kiến, văn học chính thống mang tính hướng thượng. Tuy nhiên, những giá trị tinh thần với phong tục tập quán dân gian vẫn tiềm tàng ẩn hiện trong một số bài thơ của các thi sĩ trung đại.

Trong những vần thơ chữ Hán đầy cảm xúc và nỗi niềm ưu ái, Ưc Trai đã thể hiện sự kết hợp giữa xúc cảm của tâm hồn thi sĩ và cảm hứng về những giá trị văn hóa, phong tục tập quán. Ngày Tết Đoan Ngọ là một trong những ngày tết quen thuộc của dân tộc ta, Nguyễn Trãi đã nhắc đến những nét đẹp của ngày tết và liên tưởng tới ý nghĩa đối với muôn dân trong bài *Đoan ngọ nhật* (Ngày Đoan Ngọ):

*Tịch tà bất dụng ty triền tỵ,  
Tùy tục liêu vi ngải kết nhân.  
Nguyện bả lan thang phân tứ hải,  
Tòng kim tháo tuyết cữu ô dân.*

(Không dùng tơ ràng ở cánh tay để trừ tà,  
Theo phong tục tằm kết dây ngải bện thành hình nhân.  
Nguyện mang nước thang lan chia khắp bốn bể,  
Từ nay rửa sạch cái dơ bẩn cũ cho dân)

Hướng về chiều sâu văn hóa của dân tộc cũng là nguồn thi hứng của nhiều Nho sĩ các giai đoạn sau của văn học trung đại. Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là vị quan dành phần lớn cuộc đời sống gần gũi với làng quê nên thi nhân thấu hiểu và cảm nhận được sâu sắc giá trị bản sắc văn hóa dân tộc. Người thầy sông Tuyết đã thể hiện

vẻ đẹp phong tục, tập quán thôn quê bên cạnh những vần thơ giàu chất triết lý. Với nhà thơ, thôn quê là nơi thanh sạch để di dưỡng tâm hồn, nơi lưu giữ những nếp sống sinh hoạt thuần phác của dân tộc. Trong bài *Nhân thôn*, thi nhân tự hào về sự hình thành và phát triển của cội nguồn văn hóa dân tộc, của phong tục truyền thống:

*Tổng tổng lâm lâm sinh chí phồn,*

*Sở cư xứ xứ hữu hương thôn.*

*Hào hoa hấp nhĩ tử lân hội,*

*Nhân hậu y nhiên mỹ tục tồn.*

(Nườm nượp sum suê sinh sản ra rất đông đúc,

Nơi nơi có người ở là có xóm làng.

Hào hoa tập hợp, xóm giềng kẻ bên nhau,

Nhân hậu vẫn thế, phong tục tốt đẹp còn nguyên)

Phong tục tập quán quen thuộc còn được thể hiện trong Tiết tháng Chạp, đêm trừ tịch. Những vần thơ đã khơi gợi lên không khí náo nức quen thuộc của người xưa khi thời khắc giao thừa tới:

*Khước quý xứ huyền tân trúc bọc,*

*Niêm phù gia hoán cụ đào thư.*

(Khấp mọi nơi vang lên tiếng pháo nổ để xua đuổi ma quỷ,

Các nhà đều dán câu đối mới thay câu đối cũ)

(*Trừ tịch thi* - Đêm trừ tịch)

Phải là người gắn bó và yêu mến cuộc sống thôn quê thì Nguyễn Bình Khiêm mới có thể đưa những giá trị mang tinh thần dân tộc vào thơ chữ Hán một cách tự nhiên đầy tự hào. Bởi sau những thăng trầm chôn quan trường, thôn quê là chốn quê nhà thân thiết và gắn bó, là mảnh đất quê hương bao bọc, chở che cho tâm hồn thi sĩ. Quê hương còn là nơi bảo vệ, nuôi dưỡng những truyền thống tốt đẹp, là cái nôi của văn hóa dân tộc. Cũng viết về đêm trừ tịch, trong bài *Trừ tịch tức sự*, Ngô Thì Sĩ cũng cảm nhận thật tinh tế: “Đào phù, du hoả, tuế thời ký/ Dung điệp, trúc tiêu, phong tục thôn” (Gỗ đào, lửa liễu ghi năm tháng/ Nêu trúc, cành đa phong tục xưa).

Tiếp nối niềm tự hào đó, Phan Thúc Trục và Đặng Huy Trứ đã vẽ nên bức tranh toàn cảnh của một điển hình nông thôn miền Trung Việt Nam ở thế kỉ XIX. Thi sĩ họ Phan đã nhắc tới trò giao diệt là một trò chơi truyền thống của người dân miền trung mỗi khi xuân tới với niềm hứng khởi trong bài *Cư nhân giao diệt* (Xem trò giao diệt). Trong khi đó: “*Đặng Hoàng Trung thi sao* là một tác phẩm phong tục bằng thơ về làng

xã Việt Nam đầu thời Tự Đức” [108, tr.348]. Bằng những trải nghiệm và tinh thần thân dân sâu sắc, thi nhân đã tạo nên một kho tàng quý giá về thiên nhiên, sản vật, nghề nghiệp và đời sống văn hóa tinh thần thôn quê. Đây là một bước vận động trong tư duy sáng tạo, một đóng góp mới mẻ của thi nhân đối với dòng thơ chữ Hán. Nhà thơ khắc họa những sinh hoạt cộng đồng gắn liền với các lễ hội truyền thống từ xa xưa: lễ tạ thổ thần, lễ cúng cơm mới, tang ma, giỗ chạp, lễ tết...

*Nhai đàm hạng thuyết tri phong tục,  
Mục xướng tiêu ca tẩy thổ trần.*

(Câu chuyện, lời bàn trên đường, trong ngõ xóm cho biết phong tục của dân,  
Tiếng hát của chú mục đồng và bác tiêu phu rửa sạch bụi trần- *Dã hứng*)

Trong tang lễ ở làng quê, việc khiêng đòn giúp đám tang là thể hiện tình làng nghĩa xóm gắn bó, chia sẻ cùng nhau lúc khó khăn. Chính tình cảm dân quê đậm ấm ấy đã tạo thành nét văn hóa cộng đồng đặc trưng ở vùng quê làng Việt:

*Nhân giai bộ lý thành quy củ, Bước đi đã thành quy củ, bước cùng bước, dừng  
Địa hữu bình pha thất yển trư. cùng dừng/ Đường bằng phẳng hay mấp mô cũng  
Sĩ bất hàm mai quân lệnh túc, tránh những vũng nước/ Không ngậm tằm mà im  
Táng năng tận lễ tử tâm thư. phăng phắc như có quân lệnh rất nghiêm/ Việc  
(*Dư đài trợ táng*) chôn cất vẹn tròn theo đúng lễ nghĩa, con cái thư  
thái trong lòng - *Khiêng đòn giúp đám tang.**

Nét phong tục cổ truyền trong lễ táo mộ cũng thể hiện vẻ đẹp trọng nghĩa tình, thể hiện lòng biết ơn của người đi sau đối với thế hệ trước của dân tộc ta. Trong tiết thanh minh, theo phong tục truyền thống của người Việt, con cháu hậu sinh thành kính sắm sửa lễ vật từ rất sớm để táo mộ cho người đã mất (*Thần khởi tùy phụ huynh thượng sơn hành bái táo lễ* - Sớm dậy theo cha anh lên núi táo mộ). Ngay cả phần mộ hoang cũng được sưởi ấm từ những nén tâm nhang của tình người:

*Thảo mộc sam trừ triệu hạ sát, Buổi sáng vác cuốc ra giẫy sạch cỏ/ Buổi  
Sinh tư điện hiến văn thiêu hương. chiều biện cỗ xôi, miếng thịt, đốt nén hương  
Đông tâm tổng thị liên khô cốt, lên/ Một lòng chỉ thương nắm xương khô chứ  
Dị báo nguyên phi vọng ê tang. đâu mong sự đền đáp/ Ai nằm dưới mộ có  
Địa hạ trần nhân tăng thức phủ, biết chăng?/ Sinh thời, ông cha ta cũng là  
Sinh tiền tổ phụ diệc lân tường. hàng xóm với nhau.*

(*Tể táo hoang phân*)

(Táo mộ hoang)

Trong bài *Trừ tịch thượng tiêu* (Đêm ba mươi trồng cây nêu), tác giả thuật lại

khung cảnh ngày tết nhà nhà đều trồng cây tre trước nhà ngụ ý phòng ma quỷ và đón điều may. Chuyện trừ tà có khi chỉ là truyện truyền thuyết mang yếu tố kỳ ảo nhưng đã trở thành nét phong tục truyền thống của dân tộc mỗi khi tết đến xuân về ở mỗi làng quê Việt Nam. Điều đặc biệt là khi viết về các phong tục tập quán truyền thống của thôn quê, thi nhân luôn thể hiện thái độ trân trọng trước những thuần phong mỹ tục giàu tình nghĩa. Phải gắn bó sâu sắc với thôn quê thì thi sĩ họ Đặng mới có được những vần thơ chữ Hán đậm đà tâm hồn Việt đến vậy.

Nguyễn Khuyến cũng là người sống gắn bó, chan hòa và cũng có những niềm vui và những nỗi lo toan của người nông dân. Thơ ông thể hiện cuộc sống đời thường như những người dân quê bình thường khác, đó là điều kiện thuận lợi để nhà thơ thông cảm với nông dân, và sống hòa mình với nông dân. Thi nhân than thở cho cảnh cày cấy vất vả quanh năm, buồn chán trước cảnh mất mùa, lũ lụt, hạn hán, sưu thuế, nợ nần... đổ lên đầu người nông dân. Ông là nhà nho nghèo nên đời sống của ông gần nông dân. Vì vậy, nét độc đáo trong thơ vị quan Hoàng Và chính là những vần thơ chân thực, sinh động, mộc mạc về con người và cuộc sống làng quê, về phong tục tập quán của dân tộc Việt. Viết về mảng hiện thực này, trước đó chưa có thi sĩ nào đề cập đến một cách đầy đủ và sâu sắc như Nguyễn Khuyến.

Những sinh hoạt lao động hàng ngày của dân quê, cảnh lên lão, cảnh hạn hán, lụt lội, cảnh chợ đông ngày Tết, cảnh tết trung thu, ngày lễ Vu Lan... đến cách ăn mặc của dân quê đều được thể hiện sinh động qua những vần thơ Nôm Tam nguyên Yên Đổ. Cảm xúc ấy còn được thi nhân ghi lại bằng những vần thơ chữ Hán thật tinh tế. Không khí đêm giao thừa quen thuộc của đất Việt xưa được gọi lên bằng âm thanh rộn ràng của tiếng trống thúc và bằng nỗi lòng trầm ngâm “bất寐” của con người:

<i>Thư trai bất寐 độc trầm ngâm,</i>	Một mình không ngủ, ngồi trầm ngâm trong
<i>Thích chích đông long dạ chuyển thâm.</i>	phòng khách/ Đồng hồ nước điểm từng giọt,
<i>Viễn cực cánh trôi trừ tịch cổ,</i>	từng giọt, đêm đã khuya/ Khấp xa gần cùng
<i>Hàn huyền thù ký tích niên tâm.</i>	rộn lên tiếng trống thúc giao thừa/ Lúc hàn
	( <i>Trừ tịch</i> ) huyền, ai nhớ được nỗi lòng những năm xưa?

(Đêm cuối năm)

Nguyễn Khuyến đã đưa lại cho bức tranh làng cảnh cũng như cho khung cảnh sinh hoạt của nông thôn hương vị, màu sắc, đường nét, sức sống như nó vẫn tồn tại, mà ủ kín trong đó là cái hồn muôn đời của con người, đất nước Việt Nam. Có lẽ phải đến thơ Nguyễn Khuyến, khung cảnh âm cúng quen thuộc của ngày Tết cổ truyền mới hiện lên chân thực, cụ thể mà sinh động đến thế. Ở làng Yên Đổ, vào

sáng mông hai tết, cả làng ra vây đuổi chim cuốc ở cánh đồng, thi nhân cũng chống gậy hòa vào phong tục của dân quê:

*Tạc nhật văn la phù trượng khởi,*

*Tiền cầm dĩ dữ áp nhân khu.*

(Hôm nọ nghe công làng, cũng vác gậy đứng dậy,

Cùng người trong làng đi khua chim)

(*Xuân nhật hữu cảm* - Cảm nghĩ ngày xuân)

Những hình ảnh tự nhiên, những âm thanh quen thuộc, những sắc màu dân dã đã làm nên một diện mạo mới trong thơ nhà nho trung đại. Người đọc có thể hình dung được vẻ đẹp của làng quê xứ Bắc nơi đồng chiêm trũng quen thuộc. Một nét văn hóa tạo nên đặc sắc riêng của thơ Nguyễn Khuyến là sự xuất hiện các phiên chợ quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đây là một trong những tín hiệu thể hiện văn hóa thôn quê Việt Nam. Phiên chợ quê là bức tranh về cuộc sống của người dân lao động sau những lũy tre làng. *Chợ Đồng* là một bài thơ gọi lên nhiều xúc cảm thân quen, gần gũi về một phiên chợ cuối năm:

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,

Năm nay chợ họp có đông không?

Dở trời mưa bụi còn hơi rét,

Ném rượu tường đình được mấy ông?

Nhịp thơ chậm như đếm từng thời khắc đang trôi qua của ngày cuối năm cùng tâm trạng băng khuâng của thi nhân. Trong phiên chợ quê cuối năm, xuất hiện hình bóng một vài ông già tóc bạc ngồi ném chén rượu bên tường đình, dưới bầu trời mưa bụi lất phất bay gọi lên nhiều cảm xúc. Thi nhân không nói đến sự xô bồ mua bán của phiên chợ mà khắc họa hình ảnh tĩnh lặng đầy trắc ẩn: “Đó là hiện thực và cũng là tâm cảnh của Nguyễn Khuyến, về những phiên chợ vùng quê cuối cùng, một đi không trở lại, trong những năm cuối thế kỉ XIX của xã hội Việt Nam” [20, tr.1076].

Với những vần thơ phác họa chân thực về phong tục tập quán thôn quê, các thi nhân trung đại đã thể hiện niềm tự hào về những giá trị truyền thống của dân tộc. Đồng thời chúng ta cũng thấy được vẻ đẹp tâm hồn cũng như tình làng nghĩa xóm thân thương, gần gũi ở thôn quê. Những phong tục ngày lễ tết, các trò chơi dân gian hay một phiên chợ đồng... là những vẻ đẹp văn hóa được phát huy và lưu giữ cho đến ngày nay. Những vần thơ khắc họa về phong tục tập quán thôn quê đánh dấu bước phát triển về đề tài cảm hứng trong thơ ca trung đại Việt Nam.

Như vậy, việc phản ánh đời sống lao động sản xuất cũng như đời sống tinh thần của người nông dân đã góp phần tạo nên khuynh hướng thơ ca theo hướng



dân tộc hóa văn học. Hình tượng người nông dân trong thơ ca đã có sự phát triển theo tiến trình vận động của văn học trung đại. Ở những giai đoạn đầu của tiến trình văn học, người nông dân được phác thảo với bút pháp ước lệ và chỉ xuất hiện thấp thoáng trong bức tranh quê. Người nông dân lao động cũng được miêu tả trong tư thế an nhàn, thường ngoạn cảnh trí chứ không phải là sự vất vả cơ cực. Đến những giai đoạn sau, đặc biệt là văn học giai đoạn thế kỉ XVIII - XIX, hình tượng người nông dân đã xuất hiện trọn vẹn hơn với những sắc thái phong phú, sinh động theo hướng “tả chân”. Từ ông lão tưới rau, bà già quê, người chăn tằm, người cày ruộng... đều được tác giả khắc họa với những hành động cụ thể, với mọi cung bậc cảm xúc của con người. Vậy nên, các thi sĩ trung đại viết về cuộc sống thôn quê chính là góp phần tạo nên sự phát triển của văn học dần thoát khỏi ước lệ, khuôn sáo để hướng tới vẻ đẹp chân thực của cuộc sống, tạo nên cảm hứng thẩm mỹ mới cho văn học.

### 3.2. Tình cảm, thái độ của tác giả với thôn quê

#### 3.2.1. Thú quê ẩn dật

Các nhà nho Việt Nam đều thấm nhuần tư tưởng xuất - xử của Nho giáo, nên ngay khi trở về với thôn quê, họ đã hòa nhập vào cuộc sống nông thôn, tự tìm cho mình những thú vui giản dị ở chốn quê nhà. Đó là thú vui “điền viên sơn thủy” vốn đã có từ xa xưa. Rời chốn quan trường “lao xao”, các thi nhân tìm về chốn bình yên để di dưỡng hồn thơ. Nhà nho trung đại hài lòng với cuộc sống thôn quê và tâm hồn trở nên trong trẻo, thuần khiết: “Nhà nho tìm thấy được sự thanh thản, siêu thoát với những thú vui đơn sơ, giản dị cùng cuộc sống thôn dã, núi rừng” [161, tr.59]. Chỉ có những thi nhân về ẩn nhàn chốn quê mới có thể cảm nhận được cuộc sống hòa vào tự nhiên với những thú vui tao nhã của các bậc tao nhân mặc khách.

Là người bạn tri âm của Trần Quang Triều, Nguyễn Sưởng là một thi nhân thời văn Trần, ông chán công danh và sống ẩn nhàn vui thú chốn quê. Vì vậy thơ thiên nhiên của ông giản dị, tự nhiên, cảm xúc thơ được gợi lên từ chính vẻ đẹp dân dã. Thi nhân vui thú cùng trăng hoa, gió trúc và tâm đắc bên bàn cờ, cuộc rượu. Đây là những thú vui tao nhã quen thuộc của các bậc tiền nhân khi ẩn nhàn chốn quê nhà:

*Thiền nguyệt di hoa ảnh,*

Ánh trăng dưới mái hiên di chuyển bóng hoa,

*Song phong tá trúc lương.*

Làn gió bên cửa sổ mượn hơi mát của khóm trúc.

*Vi kỳ nhàn đắc địa,*

Đánh cờ lấy thanh thoi làm đắc địa,

*Đôi tửu túy vi hương.*

Uống rượu lấy say sưa làm quê hương.

(*Thôn cư*)

(*Ở làng*)

Nguyễn Trãi cũng đã từng mong mỏi quay về chốn cũ điền viên để thỏa lòng ẩn nhàn. Bởi sau những thị phi chốn quan trường và những sóng gió cuộc đời, chỉ có quê nhà là chốn bình yên, che chở cho tâm hồn thi nhân và đem lại cảm giác an nhiên, thanh tĩnh:

*Hà thời kết ốc phong vân hạ,  
Cấp giản phanh trà chấm thạch miên.*

(Bao giờ nhà dựng đầu non,  
Pha trà nước suối gói hòn đá ngời)

(*Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác* - Sau loạn đến Côn Sơn cảm tác)

QẮT thể hiện khá phong phú đời sống tinh thần nơi thôn dã của thi nhân với những niềm vui giản dị, đời thường. Dưới chân núi Côn Sơn, thi nhân thường ngoạn cảnh trí và tìm thấy niềm vui khi sống hòa vào thiên nhiên. Khung cảnh yên bình ở làng quê giúp thi nhân quên đi những trở trăn trên con đường hoạn lộ, thả lòng mình đón nhận những vui thú điền viên:

Dò trúc, xông qua làn suối,  
Tìm mai, theo đạp bóng trăng.  
Giang sơn bát ngát kìa quê cũ,  
Tùng cúc bù trĩ ấy của hàng.

(*Tự thán* - 7)

Dường như vòng tuần hoàn thời gian của thi nhân luôn đầy ắp những niềm vui giản dị nơi thôn dã. Nhà thơ hài lòng với cuộc sống thanh đạm tự cấp tự túc như một “lão nông tri điền”: “*Tạc tĩnh nhi ẩm, canh điền nhi thực*” (Đào lấy giếng mà uống, cày lấy ruộng mà ăn). Thi nhân còn vui thú thưởng nguyệt, ngắm hoa, đọc sách, ngâm thơ để di dưỡng tâm hồn:

Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén,  
Ngày vắng xem hoa bọt cây.

(*Ngôn chí*, 10)

Đìa cỏ được câu ngâm gió,  
Hiên mai, cầm chén hỏi trăng.

(*Mạn thuật*, 1)

Đó cũng chính là cuộc sống mà Nguyễn Bình Khiêm ca ngợi trong sáng tác thơ chữ Hán và chữ Nôm. Cuộc sống thanh nhàn, thông dong của thi nhân như giao hòa cùng thiên nhiên, những hình ảnh quen thuộc, giản dị của thôn quê cũng đủ tạo nên thi hứng, tạo nên thú vui của bậc minh triết. Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã coi cuộc sống có khóm lúa, ruộng tằm là nơi lý tưởng để nhà nho ẩn nhàn và bảo toàn danh tiết của nho sĩ. Nhà thơ chứng kiến sự thăng trầm từ khi nhà Lê đạt cực

thịnh đến lúc nhà Mạc chiếm phần lớn Bắc bộ. Thơ văn của ông là một tấm gương phản ánh tình hình xã hội nước ta trong giai đoạn lịch sử ấy. Rời chốn cung đình lao xao, thi nhân về chốn quê nhiều vui thú và cảm nhận được nguồn thi hứng bất tận cho thi ca. Niềm vui bên cuộc cờ, chén rượu, đọc sách, ngâm thơ, thưởng trà, thưởng nguyệt tạo nên cuộc sống tinh thần phong phú của thi nhân.

Con đường hoạn lộ đầy trắc trở không thể giúp nhà nho thỏa chí, Nguyễn Bình Khiêm rút về ở ẩn tại quê nhà và tìm cho mình cuộc sống an lạc, gần gũi với người dân quê. Người thầy sông Tuyết đã tìm thấy sự thanh thản, yên bình của tâm hồn khi sống giữa thôn quê trong treo thuần khiết. Một khóm cúc, một con khe cũng đủ thỏa lòng thi sĩ ẩn nhàn :

<i>Công danh bất hệ nhất hư chu,</i>	Công danh như một con thuyền rỗng, chẳng
<i>Liêu hướng điền viên, mịch thắng du.</i>	buộc vào đâu/ Hãy hướng về vườn ruộng mà
<i>Tài cúc đình tiền vô tục khách,</i>	tìm thú ngao du thắng cảnh/ Trông cúc ở
<i>Cán y kê ngoại hữu thanh lưu.</i>	trước sân, không có khách tục đến/ Giặt áo ở

(Ngự hứng, 4) ngoài khe, sẵn có dòng nước trong.

(Ngự hứng, 4)

Sự thanh thoi trong tâm hồn cùng những thú vui giản dị của cuộc sống đạm bạc nơi thôn dã đã giúp thi nhân có cái nhìn lạc quan, an nhiên trước thời cuộc:

Khát uống chè mai, hơi ngọt ngọt,  
Sốt kẻ hiên nguyệt, gió hiu hiu.

(Thơ Nôm, 3)

Dù là khách tha hương hay ẩn nhàn chốn cũ thì các thi nhân thế kỉ XVIII - XIX cũng luôn dành những tình cảm tha thiết và sâu lắng đối với thôn quê. Ngô Thì Sĩ tìm thấy sự yên bình, vui thú với “Mấy quyển thơ Đường, một chén trà” (*Thu nhật thôn cư tức sự* - Ngày thu ở thôn quê). Cao Bá Quát dù là khách ly hương vẫn có những khoảnh khắc “Chôn ao đầm vẫn còn cái thú ngắm mây trời” (*Thử mẫu phong sơ* - Gió nhẹ thổi qua ruộng lúa). Trong khi đó, Đặng Huy Trứ gác lại những lo toan về mùa màng, về cuộc sống nông thôn đầy khó khăn, thi nhân có những khoảnh khắc hiếm hoi của một tao nhân mặc khách đã tìm được cố nhân chốn ruộng vườn “Non xanh nước biếc như người bạn cũ” trong bài *Dã hứng* (Cảm hứng nơi thôn dã).

Nguyễn Khuyến là nhà nho ẩn dật tiêu biểu ở thế kỉ XIX, phần lớn sáng tác của ông viết về thôn quê với tình cảm thiết tha sâu lắng. Đó là niềm tự hào về những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, là niềm cảm thông trước những cơ cực của nhà nông và trăn trở lo âu trước vận mệnh của dân tộc. Bên cạnh Nguyễn Khuyến đó còn có những

vần thơ thể hiện những thú vui tao nhã nơi làng quê của thi nhân - một người sống thanh tao, giản dị nhưng có đời sống tâm hồn tinh tế và sâu sắc.

Cụ Tam nguyên tự phác họa cảnh “tựa gối ôm cần” câu cá trong “Thu điếu”, “toan cắt bút” trong “Thu vịnh” và “say nhè” trong “Thu ẩm”. Nhưng với Nguyễn Khuyến, đằng sau những niềm vui tưởng chừng như an nhàn ấy là cả nỗi niềm trăn trở về dân, về nước. Ông bất lực trước thời thế đổi thay, tài năng và nhân cách của một vị quan như ông cũng không thể thay đổi tình thế đất nước lúc bấy giờ. Trả mũ áo trở về quê, ông chỉ biết cảm thông, chia sẻ và bộc bạch nỗi lòng “ru thời mẫn thế”. Thi nhân tìm thấy niềm vui và sự đồng cảm với ông già cùng xóm khi chia sẻ chén rượu tâm tình:

*Trì tửu cách ly đối lân tâu,  
Hà phường trách trách thoại tang canh.  
(Ở bên này giậu, cầm chén mời ông già hàng xóm,  
Nói chuyện tràn về trồng dâu cấy lúa, thế mà lại hay)*  
(*Bài muợn 1 - Giải buồn 1*)

Câu chuyện về “trồng dâu cấy lúa” nơi thôn quê giúp thi nhân quên đi những khắc khoải, phiền muộn trong lòng. Thôn quê, tình quê luôn là nơi che chở và chia sẻ nỗi lòng của các thi nhân thất thế. Trở về vườn Bưởi, thi nhân luôn tìm thấy niềm vui từ chính cuộc sống đời thường dân dã. Những thú vui tao nhã đã vợi bớt đi những âu lo trong lòng thi nhân. Xung quanh nhà thơ là tứ bề ao cá, bờ tre với bầu trời cao rộng, khung cảnh thôn quê bình dị mà nên thơ:

<i>Tây nam trì thủy thanh,</i>	Phía tây nam có ao nước trong,
<i>Phủ kiến ngư dương dương.</i>	Cúi nhìn cá bơi lội thung thăng.
<i>Đông bắc ly trúc đa,</i>	Phía đông bắc có bờ tre rậm,
<i>Song khai thần khí lương.</i>	Mở cửa sổ ra khí trời buổi sáng mát mẻ.
<i>Phù cùng tứ xuất nhập,</i>	Chống gậy tha hồ đi ra đi vào,
<i>Bằng kỹ tùy đề ngang.</i>	Tựa ghế ngồi muốn thấp muốn cao tùy ý.

(*Hạ nhật ngẫu thành - I*)

(Ngày hè, ngẫu thành - I)

Viết về thôn quê, các nhà nho trung đại Việt Nam không chỉ thể hiện tinh thần dân tộc mà còn thể hiện tư tưởng, tâm hồn thi sĩ. Những thú vui bình dị nơi thôn dã là nơi di dưỡng cảm xúc và tâm hồn thi nhân, là nơi khởi phát của hồn thơ. Về với làng quê, tâm hồn thi nhân được xoa dịu, che chở khỏi những thị phi chôn quan trường. Cuộc sống của các vị đại nho vì vậy mà phong phú hơn, hòa vào cuộc sống bộn bề của nông thôn. Do đó, thi nhân càng gắn bó thiết tha hơn với đất mẹ quê hương.

### 3.2.2. Con người với tình quê, duyên quê

Viết về thôn quê, các thi nhân trung đại không chỉ nhìn thấy vẻ đẹp của thiên nhiên hay cuộc sống lao động lam lũ hàng ngày của người nông dân mà còn cảm nhận được vẻ đẹp thuần hậu, gắn bó đầy nghĩa tình. Nếu như cảnh thiên nhiên, cuộc sống lao động thôn quê được thể hiện qua đôi mắt quan sát tinh tế của thi nhân thì tình quê được phản chiếu qua tâm lòng và tình cảm sâu nặng. Chính sự hòa mình vào cuộc sống hồn nhiên nơi thôn dã đã giúp cho các thi nhân trung đại vơi bớt đi những trắc trở chốn quan trường và hướng về những người dân quê chất phác. Nhà nho đã tìm thấy trong cuộc sống lam lũ của người nông dân sự thanh thản của tâm hồn, niềm lạc quan yêu đời và tình cảm xóm làng, gia đình đầm ấm. Các thi nhân trung đại khi lui về ẩn dật ở thôn quê không những hòa vào cảnh điền viên sơn dã mà còn cảm nhận được tình cảm với người dân lao động.

Văn chương nhà nho từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XV vẫn ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng nho giáo kinh điển, nên chưa xuất hiện nhiều hình ảnh chân thực về con người thôn quê. Đến thế kỉ XV, Nguyễn Trãi về sống bên “con am”, “con lều” ở chốn thôn dã bình yên. Mặc dù vậy, người đọc vẫn cảm nhận được sự gắn bó cũng như tình cảm tha thiết của Úc Trai chốn lâm tuyền, quan tâm tới đời sống của muôn dân. Trong QÂTT vẫn thấp thoáng xuất hiện hình ảnh “Mấy đũa ngư tiều bầu bạn thân” (*Tự thán*, 32) hoặc “Lao xao chợ cá làng ngư phủ” (*Bảo kính cảnh giới*, 43). Đến nửa sau thế kỉ XV, hình ảnh con người thôn quê xuất hiện đông đảo hơn trong HĐQÂTT. Hình ảnh người dân quê dù chưa được khắc họa bằng bút pháp hiện thực nhưng Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức đã thể hiện sự chăm lo tới đời sống thôn quê và tư tưởng thân dân sâu sắc. Vì vậy mà khoảng cách giữa thi nhân và nhân vật trong bức tranh quê trở nên gần gũi hơn: người đi cày “cúi khom lưng”, người kiếm cá “Nửa tấm áo tôi che lún cùn”, người hái củi “quả khom khom”... Thơ ca thế kỉ XV đã góp phần tạo nên sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

Khác với Nguyễn Trãi, thôn quê không chỉ là chốn dừng chân ngơi nghỉ của nhà nho trên con đường hoạn lộ mà còn là chốn bình yên để Nguyễn Bình Khiêm gắn bó gần trọn cuộc đời. Trạng Trình sống chan hòa giữa thôn dân, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau của cuộc sống con người. Trong đó, nhà thơ đề cao đạo lý về tình nghĩa giữa người với người. Tuyết Giang Phu Tử là bậc đại nho đã sống trong tâm thức dân gian. Ông không chỉ tìm niềm vui tao nhã như làm thơ, câu cá, thưởng trà mà còn cảm nhận được sự gắn bó, sự chia sẻ và tình cảm ấm áp của những người dân lao động bình thường nhất:

Lẻ thê bên sông bảy tám nhà,  
 Thú nhàn mừng thấy bạn ngâm nga.  
 Thơ nên ngồi đợi vừng đan quế,  
 Rượu chúc han tìm ngõ Hạnh Hoa.

(*Thơ Nôm, 127*)

Tình cảm xóm thôn làng mạc nơi com am nhỏ và những người bạn thơ đã nâng đỡ, bồi đắp tâm hồn thơ của người thầy sông Tuyết. Những âm thanh giản dị của cuộc sống thôn dã đủ sức níu hồn thi nhân. Nhà thơ đề cao, trân trọng cuộc sống thanh đạm và nâng lên thành triết lý sống, an nhàn thuận theo tự nhiên. Đó là cuộc sống chan hòa giữa quê hương, làng mạc, gần gũi với nhân dân lao động. Hầu hết các thi nhân trung đại đều xuất thân từ một miền quê yên bình của quê hương bản quán. Vậy nên, sau những năm tháng làm quan với bao thăng trầm, thi nhân đã tìm đường về quê sống vui thú điền viên, nhàn tản lúc tuổi già: “Bạn có cá tôm dầu được thú/ Cửa chãng xe ngựa bởi không quyền” (*Thơ Nôm, bài 22*). Đây là lúc họ sống cho riêng mình và gắn cuộc sống của nhà nho với cuộc sống của bà con, thôn xóm.

Không có nhiều thời gian gắn bó với thôn quê như Nguyễn Bình Khiêm, Cao Bá Quát là vị khách ly hương và luôn đau đáu nỗi lòng hướng về cố hương. Vậy nên, tình quê trong thơ thi sĩ họ Cao là tình cảm mong mỏi, nhớ thương da diết về gia đình, về quê nhà xa cách. Vậy nên, những vần thơ thôn quê trong thơ chữ Hán của ông luôn chất chứa xúc cảm giản dị mà sâu lắng về tình thân, tình làng xóm. Bài *Quy cố trạch* (Về nhà cũ) là khoảnh khắc trở về quê của người con xa xứ dâng trào bao tình cảm mến thương:

*Thân thích tạp lai tẩn,  
 Khoản khúc tự hàn huyên.  
 Cảm tạ thân song nhục,  
 Bất khí thượng tư tồn.*

(Những bà con thân thích thì tập nập viếng thăm,

Hàn huyên trò chuyện.

Cảm động mà đội ơn nhất là thấy song thân cũng đều đến thăm,

Tỏ lòng gắn bó thương nhớ con)

Với *Đặng Hoàng Trung thi sao*, Đặng Huy Trứ không chỉ thể hiện sự gắn bó, hòa đồng của tác giả mà còn có những vần thơ thể hiện sự thấu hiểu và cảm thông sâu sắc trước những vất vả của người dân lao động. Đó là nỗi lòng trăn trở của một vị quan luôn lo lắng vì dân và tự ý thức về trách nhiệm của mình đối với sự vất vả

của muôn dân trong bài *Đối phạn* (Trước bát cơm):

<i>Kinh sừ mạc nại phong sương khổ,</i>	Cày trên sách vở, chẳng phải chịu cái khổ của
<i>Học thực nguyên vô thủy hạn tai.</i>	gió sương/ Trông trượt bằng việc học không hề
<i>Tự thị cao chi sung nhĩ bổng,</i>	biết đến hạn hán, thủy tai/ Thế mà lấy mò hôi,
<i>Thùy tương khẩu phúc phí dân tài.</i>	nước mắt của người làm bồng lộc cho mình/
<i>Canh phu diệp phụ tương đề tỉnh,</i>	Lẽ nào vì cái lỗ miệng, cái bụng của mình làm
<i>Thường tận toan tâm thủy đắc lai.</i>	uổng phí của cải của dân sao?/ Người thợ cày,
	chỉ thợ cấy luôn nhắc nhở/ Ném bao đấng cày
	mới có bát cơm này.

Viết về thôn quê, Đặng Huy Trứ thể hiện sự quan tâm và sự gắn bó với cuộc sống lam lũ vất vả của người dân lao động. Với vai trò là “phụ mẫu chi dân” nhưng dường như không có khoảng cách mà là sự gần gũi, chan hòa tình nghĩa giữa ông với người dân. Thi nhân đã thể hiện tình cảm nồng ấm giữa quan và dân trong một lần đi thăm đồng vụ thu:

<i>Nông nhân khoản khúc tranh tiên đạo,</i>	Dân cày khẩn khoản tranh nhau dẫn lối/
<i>Dã lão tân phân hỷ hậu bồi.</i>	Bô lão thì mừng rồi rít đi theo sau/
<i>Phủ tự vô năng tầm phụ mẫu,</i>	Không có tài chăn dân, nghĩ thẹn cho
<i>Hoan ghênh đảo xứ hữu anh hài.</i>	chức phận làm “cha mẹ” dân/ Khắp nơi
	( <i>Quan giá</i> ) con trẻ đều vui mừng reo đón/

(Thăm lúa)

Nguyễn Khuyến sớm trả mũ áo từ quan về sống ở quê hương ông - vùng đồng bằng chiêm trũng Bắc bộ. Thơ của ông chan chứa những tình cảm giản dị, thuần phác ở chốn quê. Ông viết về bạn bè, tặng anh vợ, tặng ông hàng thịt. Ông còn làm nhiều câu đối viếng người làng, viếng người thợ rèn, mừng đám cưới, mừng nhà mới... Thành công hơn cả là những bài thơ viết về tình cảm con người chân quê mộc mạc với cuộc sống phong phú bộn bề lo toan. Nguyễn Khuyến không đi ở ẩn để tránh đời như các đạo sĩ ẩn mình chốn lâm tuyền mà gắn bó với bà con chòm xóm, chứng kiến cuộc sống bộn bề của nhà nông: “Chung quanh ông không phải là hươu nai, từng bách, cũng không phải đạo sáng ở mặt trăng, lẽ mầu ở tinh tú. Cuộc đời của ông ở thôn quê có thơ, có rượu, có cúc, có mai, nhưng vẫn còn xa phong thái thoát trần của kẻ “Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ” (Nguyễn Bình Khiêm) hay “Nghêu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ, hạc là người quen” (ca dao) [130, tr.17]. Nguyễn Khuyến là một nhà nho uyên thâm, tư tưởng của ông có sự hòa trộn giữa tư tưởng Phật, Lão và tinh thần dân tộc. Trong đó, nhãn quan về

thời thế, về cuộc sống hiện thực trước mắt ở làng quê đã tạo nên tư tưởng nhân sinh quan vững chắc ở cụ Thượng Và.

Tình vợ chồng, tình cha con, hàng xóm, bạn bè được nhà thơ thể hiện bằng những vần thơ giàu cảm xúc. Quê hương là nơi nuôi dưỡng tâm hồn và là nơi che chở cho thi nhân khi bất lực trước thời thế. Cuộc sống sinh động, đầm ấm của làng quê Việt Nam được nhà thơ khắc họa cụ thể và chân thực. Vị quan Yên Đổ xúc động trước tình nghĩa chân thành mà giản dị của bà hàng vải, ông thợ cày:

*Thị phụ thừa bàn cung thực lệ,*

*Diễn ông phát cầu mại tiên ngư.*

(Bà hàng bung mâm đem biếu vải chín,

Ông thợ cày dốc đó bán cho ta cá tươi)

(*Hạ nhật* - Ngày hè)

Nguyễn Khuyến là nhà nho sống gần dân nhất trong tất cả các nho sĩ ẩn dật thời trung đại. Trước đó, Nguyễn Trãi ẩn nơi suối rừng hoang dã, Nguyễn Bình Khiêm dựng am Bạch Vân nhưng có khi đứng ngoài quan sát cuộc sống người dân. Với Nguyễn Khuyến, ông sống hòa mình vào cuộc sống thôn quê, ông gần gũi, chan hòa với người dân lao động. Trong thơ, ông đã thể hiện thành công mối quan hệ thân thiết, chân thành và cảm động của mình với quê hương, với bà con lối xóm. Chính vì vậy, bức tranh làng cảnh cũng như khung cảnh sinh hoạt của nông thôn Việt Nam hiện lên đầy sức sống như nó vẫn tồn tại, và ẩn giấu trong đó là những giá trị truyền thống muôn đời của dân tộc.

Ông không chỉ viết về gia đình mà còn làm câu đối, làm thơ để tặng bác thông gia, bác hàng xóm, một anh hàng thịt, một chú thợ nhuộm, thợ rèn... bằng tình cảm chân tình giản dị. Thơ thăm hỏi bạn bè của thi nhân cũng chan chứa tấm lòng thành thuần hậu của ông (*Khóc Dương Khuê, Nước lụt thăm bạn, Bạn đến chơi nhà...*). Các nhà nho trung đại quan tâm đến đời sống nông dân là điều tất yếu trong xã hội nông nghiệp. Tuy nhiên, các thi nhân trước đó thường thể hiện sự chiêm nghiệm, triết lý hay tìm “đường lối” để tỏ chí. Nguyễn Khuyến viết nhiều về con người, về thiên nhiên, cảnh vật ở nông thôn với tất cả những gì chân thực, gần gũi nhất. Thành công hơn cả là những bài thơ viết về tình cảm của người dân quê mộc mạc. Thi nhân sống chan hoà với gia đình, bạn bè. Thi nhân cảm nhận được tình cảm ấm áp ở chốn quê trong ngày lên lão có anh em, làng xóm:

Chú Đáo bên làng lên với tớ,

Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.



*(Lên lão)*

Bài thơ ngắn gọn gợi tả về một nếp sống văn hóa quen thuộc ở làng quê mỗi dịp đầu xuân nhưng ám áp nghĩa tình của những người dân quê mộc mạc, hồn hậu. Những tình cảm tưởng chừng như bình thường ấy đã đi vào thơ Nguyễn Khuyến với một giá trị chân thật, đáng quý. Vượt lên trên quan niệm khắt khe của văn chương nhà nho chính thống, Nguyễn Khuyến viết về tình vợ chồng, tình cha con, hàng xóm, bạn bè với sự gắn bó tha thiết. Chính vì vậy, tác giả Trần Nho Thìn đã nhận xét: “Không đứng bên ngoài hay bên trên để quan sát nữa, cụ Tam nguyên Yên Đổ đã là người có mặt thật sự, hiện diện thường trực trong cuộc sống hằng ngày ấy, tấm mình, đằm mình trong không khí ấy” [176, tr.564]. Thơ ca của Nguyễn Khuyến vừa là sự kết tinh những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc vừa mở ra hướng tiệm cận hơn với văn học hiện thực sau này.

Sống chan hòa, gắn bó nghĩa tình với cuộc sống dân quê cũng là điểm gặp gỡ của các thi nhân trung đại Việt Nam với các thi nhân trung đại ở các nước trong nền văn hóa chữ Hán. Trong thiên “Minh thi” (Bàn rõ về thơ) của *Văn Tâm điều long*, tác giả Lưu Hiệp đã sớm nhận thấy sự xuất hiện của hai chữ *điền viên* trong thi phẩm của các thi nhân thời Hán Hiến Đế (196-220): “Thơ của họ yêu gió trăng, mến điền viên” [56, tr.93]. Vương Duy đời Đường đã một lòng trở về với thôn quê, hướng đến cảnh đồng nội thanh bình:

<i>Thời ủy thiềm tiên thụ,</i>	Lúc tựa vào cây trước hiên nhà,
<i>Viễn khan nguyên thượng thôn.</i>	Xa nhìn thôn làng trên đồng nội.
<i>Thanh cô lâm thủy bạt,</i>	Cỏ xanh vượt lên khỏi mặt nước,
<i>Bạch điểu hướng sơn phiên.</i>	Chim trắng chao nghiêng về phía núi.

*(Võng Xuyên nhân cư)*

(Nhân cư ở Võng Xuyên)

Basho là nhà thơ trung đại tiêu biểu của Nhật Bản cũng có những cảm xúc gắn bó với dân quê. Ông đi nhiều nơi từ những đô thị náo nhiệt đến những cánh đồng khô cằn, những làng quê xơ xác của những người nông dân cơ cực, đói nghèo. Thi nhân chứng kiến nhiều cảnh đời trước mắt và ông lặng lẽ ghi lại bằng những bài *haiku* quen thuộc của mình. Trong thơ ông có thấp thoáng hình ảnh của chúng sinh đau khổ: những em bé nghèo, những người nông dân, những người đánh cá. Trên bước du hành khắp mọi nẻo thôn quê, Basho nhận ra cội nguồn của hồn thơ:

Nơi bắt đầu thực sự  
của thi ca - một vùng đông bắc  
những bài ca trồng lúa

## (Bài 8)

Cùng chung cảm xúc với các thi nhân Trung Hoa và Nhật Bản, các thi nhân trung đại Việt Nam cũng luôn dành những tình cảm yêu thương, gắn bó sâu nặng với quê hương thôn dã. Điều đó đã tạo nên bản sắc riêng về văn hóa, văn học của mỗi dân tộc. Tình cảm sâu sắc với thôn quê là sự gắn bó thiêng liêng giữa con người với con người, giữa con người với cội nguồn văn hóa truyền thống, với quê hương bản quán. Tình nghĩa ấm áp đó cũng đã giúp thi nhân vợi bớt đi những lo âu trên đường đời và luôn hướng tới những tình cảm giản dị mà cao quý.

### 3.3. Đề tài thôn quê - những khác biệt giữa các vùng miền

Cùng ảnh hưởng nền văn hóa Trung Hoa và văn hóa Đông Nam Á, văn học trung đại Việt Nam vừa có điểm gặp gỡ cũng như điểm khác biệt trong phản ánh về đề tài mang đậm tinh thần dân tộc. Đó là sự khác biệt giữa các nước trong cùng khu vực văn hóa chữ Hán và sự khác biệt giữa các vùng miền trong nước.

Kế tiếp truyền thống của dân tộc Việt Nam vốn trọng nghĩa, trọng tình, thơ trung đại đã thể hiện phẩm chất đó qua các sáng tác về đề tài thôn quê: “Đề cao tình cảm là đặc tính của văn hóa Đông Nam Á” [47, tr.62]. Cùng nằm trong vùng văn hóa chữ Hán, mỗi thi nhân lại thể hiện tình nghĩa đó theo những đặc sắc riêng. Các nhà nho Trung Hoa thường thể hiện chí khí ngạo du sơn thủy, chu du nhiều nơi trên lãnh thổ rộng lớn. Trong khi đó, tinh thần võ sĩ đạo của Nhật Bản cũng thể hiện tư tưởng du ngoạn nhưng gần gũi hơn với cuộc sống người dân. Basho đã di chuyển nhiều nơi trên đất nước Nhật để được tận mắt chứng kiến cuộc sống của mọi giai tầng trong xã hội. Nhà nho trung đại Việt Nam vừa có điểm gặp gỡ với các thi nhân trung đại trong vùng văn hóa chữ Hán vừa thể hiện bản sắc riêng của thơ ca dân tộc. Đó là sự gắn bó thiết tha sâu nặng với quê hương bản quán, dù làm quan hay về ở ẩn, các thi nhân vẫn luôn hướng về chốn quê với những tình cảm thân thương, chân thành nhất.

Các thi nhân trung đại đều có chung tình cảm gắn bó sâu nặng với thôn quê, tìm thấy sự yên bình, thanh thản khi trở về với quê hương bản quán. Chính vì vậy mà thiên nhiên thôn quê ở mỗi vùng miền đều được các thi nhân khắc họa chân thực, mang đậm dấu ấn của mỗi vùng miền khác nhau của tổ quốc.

Miền Bắc trong thơ trung đại Việt Nam được thể hiện sớm nhất và nhiều nhất trong thơ của các tác giả viết về thôn quê. Từ thơ của các thi sĩ thời Trần, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thì Sĩ, Cao Bá Quát cho đến Nguyễn Khuyến đều làm nổi bật những đặc trưng của thôn quê làng Việt. Những giá trị văn hóa được lưu giữ sau mỗi lũy tre làng được các thi nhân thể hiện tinh tế

trong mỗi vần thơ. Vùng đồng bằng Bắc bộ thật gần gũi, thân thuộc từ bao đời nay được các nhà thơ khắc họa từ đời sống lao động, sản xuất cho tới chiều sâu văn hóa tinh thần của người dân quê.

Nếu như Nguyễn Khuyến là thi nhân khắc họa vẻ đẹp đặc trưng của mùa thu miền Bắc Việt Nam qua chùm thơ thu thì Ngô Thì Sĩ đã vẽ nên một bức tranh mùa xuân đầy sức sống. Phong cảnh thôn quê Bắc Hà đẹp thơ mộng, thanh nhã. Mùa thu trong bài *Thu nhật thôn cư tức sự* (Ngày thu ở thôn quê) đã được thi sĩ họ Ngô cảm nhận từ hình ảnh “hoa tàn”, “mây trắng lửng lơ”, “ao tre non rợn bóng”, “ánh mặt lay động tua rèm”... Sắc thu trong thơ mang vẻ đẹp thanh cao, trong trẻo. Mùa xuân cũng được thi nhân khắc họa đặc sắc với âm thanh và sắc màu tươi sáng:

<i>Vân đạm, phong sơ, nhật chuyển liêu,</i>	Mây nhạt, gió nhẹ, ngày chuyển sang cảnh
<i>Đoạn yên như lũ chức khô kiêu.</i>	buồn vắng/ Khói dứt đoạn như tơ dệt trên
<i>Liên thôn thảo sắc cầm thanh ngoại,</i>	chiếc cầu bắc qua suối/ Cỏ biếc thôn liền
<i>Chiết liễu thùy gia sụy đoán tiêu.</i>	thôn, tiếng chim ngoài xa/ Sáo ngân nhà ai
	( <i>Thư xuân</i> ) thối khúc chiết liễu.

(Viết về mùa xuân)

Thiên nhiên thôn quê hiện lên đầy sức sống và sinh động với sắc cỏ xanh biếc, với tiếng chim, tiếng sáo thoảng đưa. Phải là người gắn bó với cuộc sống thôn quê thì thi nhân mới có thể phác họa bức tranh mùa xuân giàu cảm xúc và đẹp tao nhã đến vậy! Và có lẽ, cũng chỉ có thôn quê làng Việt miền Bắc mới có bức tranh tứ bình đặc trưng cho mỗi mùa trong năm. Vậy nên, hầu hết các thi sĩ đều phác họa một cách cụ thể, riêng biệt những khoảnh khắc khác nhau của bốn mùa. Tàn suất bốn mùa xuân, hạ, thu, đông xuất hiện trong thơ không chỉ phản ánh về thời gian của vũ trụ mà còn cho thấy cảm xúc và sự đổi thay của tâm trạng nhân vật trữ tình trước sự luân chuyển của tự nhiên. Mùa xuân thôn quê miền Bắc thường xuất hiện với hình ảnh cỏ non, cây cối mơn mớn. Mùa xuân cũng là mùa gắn với các lễ hội, phong tục của thôn quê. Mùa hạ thường gắn với cái nắng chói chang, gay gắt và tiếng ve kêu râm ran. Trong khi đó, mùa thu lại là khoảnh khắc nên thơ, lãng mạn núp hồn thi nhân bởi không khí se lạnh, lá thu rơi. Tiết tháng Chạp cuối cùng trong năm gắn liền với cảm giác giá lạnh và cảm giác chờ đón Đêm trừ tịch đang tới.

Trong khi đó, Phan Thúc Trục và Đặng Huy Trứ là hai đại diện tiêu biểu cho bức tranh thôn quê miền Trung Việt Nam. Hai người con của quê hương miền Trung không chỉ khắc họa những vẻ đẹp bình dị nên thơ của thiên nhiên thôn quê mà còn khắc họa cả những nhọc nhằn, vất vả trong đời sống lao động của người dân

quê. Đây là nơi có thiên nhiên và khí hậu khắc nghiệt, lũ lụt, hạn hán xảy ra quanh năm. Vậy nên, người nông dân trong sáng tác của Phan Thúc Trục và Đặng Huy Trứ luôn mạnh mẽ và rắn rỏi, gồng mình lên để chống chọi lại với thiên tai. Đồng thời, người đọc cũng thấy được đời sống tinh thần phong phú cũng như những đặc sắc trong đời sống văn hóa của người dân miền Trung. Trong bài *Mộ hứng* (Buổi chiều hứng làm thơ), thi sĩ họ Phan đã thể hiện phong cảnh trời chiều trên cánh đồng với sông núi, xóm thôn thăm thẳm:

<i>Cực mục thu quynh tứ bất câm,</i>	Mỗi mắt trông ra cánh đồng mùa thu nghĩ
<i>Du du nhật mộ bích vân âm.</i>	miên man/ Vời vợi chiều về đám mây biếc
<i>Long giang thủy bắc thiên thôn ám,</i>	tối sẫm/ Sông Long giang chảy từ phương
<i>Di lặc sơn tây vạn thụ thâm.</i>	bắc, muôn xóm mờ mờ/ Núi Di Lặc nằm ở
<i>Cận áp tần tần văn phệ khuyển,</i>	phía tây vạn thôn thăm thẳm/ Tiếng chó sủa
<i>Liêu thiên nhất nhất sở quy cầm.</i>	làng bên chốc chốc vọng lại/ Bầu trời mênh
<i>Đăng lâm dĩ thị tư thần phụ,</i>	mông, vài đàn chim nối nhau bay về tổ/ Đã
<i>Đẳng đãi cao bằng tự hảo âm.</i>	hẹn “đăng cao” sớm nay lại phụ ước/ Đợi
	người bạn cao minh tới nối họa bài thơ hay/

Những vần thơ về thôn quê của Phan Thúc Trục và Đặng Huy Trứ luôn tràn trề trong lòng người đọc khi gợi lên cảnh lũ lụt, hạn hán, cảnh nắng gió cơ cực của người dân quê miền Trung. Bên cạnh đó, các thi nhân cũng đã phát hiện vẻ đẹp tâm hồn của người dân cần cù, chịu thương chịu khó với quê hương ruộng đồng.

Sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, vùng cực Nam của tổ quốc là vùng đất trù phú trở thành nguồn thi hứng của nhiều tác giả. Đời sống nông thôn gắn liền với đặc trưng vùng sông nước với hệ thống kênh, rạch dày đặc. Trong *Hà Tiên thập cảnh*, Mạc Thiên Tích đã đưa vào lịch sử văn học trung đại nước nhà cảnh giang thôn vùng Nam bộ mộc mạc, thuần phác mà trước đó vốn ít xuất hiện. Với nhãn quan của một thi sĩ ẩn nhân, ông thi vị hóa cảnh sống của những người lao động. Trong khi đó, Trịnh Hoài Đức lại cụ thể hóa cảnh chợ trên bến sông, cảnh lao động của người dân Nam bộ qua những vần thơ chân thực và giàu cảm xúc. Hình ảnh chợ bến sông, bãi ngao, đèn chài gắn với cuộc sống lao động vùng sông nước đã tạo nên một hình tượng mới mẻ trong thơ trung đại Việt Nam. Trong bài *Võng thị ngư đăng* (Đèn chài ở chợ Lưới Rê), tác giả Trịnh Hoài Đức đã khắc họa vẻ đẹp vùng sông nước thật sinh động dù màn đêm buông xuống:

<i>Tiệt lưu tăng võng kết thôn khư,</i>	Lưới đó chặn ngang dòng tạo nên chợ làng/
-----------------------------------------	-------------------------------------------

*Giang thị hàn đặng dạ nghiệp ngư.  
 Quang xạ lang viên kinh mộng diệu,  
 Ánh trâm đào lãng trạc tiềm ngư.  
 Diệt minh tinh hỏa nhiên hồng thụ,  
 Thiểm thược pha lê bá bích cừ.  
 Tương đối sêu miên sương chính mẫn,  
 Cựu minh âu lữ quán đồng cư.*

Chợ sông đèn lạnh đêm làm nghề đánh cá/  
 Ánh sáng chiếu vào vườn cau làm chim đang  
 ngủ sợ hãi/ Bóng chìm dưới sóng đào làm cá  
 nhảy vọt lên/ Cây đỏ cháy từng đốm sáng lập  
 lòe/ Ngồi biếc tỏa ánh pha lê lấp loáng/ Đèn  
 gói giấc sêu sương đang trút dày/ Chim le le  
 bạn có hẹn cũ quen ở chung với nhau.

Đó là bức tranh lao động đặc trưng của người dân vùng sông nước. Cảnh vật và con người với những điểm sáng “lập lòe”, “ánh pha lê” khi màn đêm buông xuống. Ánh đèn làng chài là hình ảnh quen thuộc, gắn bó và san sẻ với người dân lao động.

Theo tiến trình phát triển của văn học trung đại, văn học đi từ tính quy phạm đến phá vỡ tính quy phạm, văn học hướng gần hơn tới đông đảo tầng lớp nhân dân. Sự khác nhau giữa các vùng miền trong thơ về thôn quê cho thấy xu hướng hiện thực, tính dân tộc và dân chủ của văn học. Mỗi vùng quê là nơi mà thi nhân gắn bó, yêu quê hương, tự hào về quê hương, thấu hiểu sâu sắc về quê hương cũng chính là tình yêu tổ quốc giàu đẹp.

### Tiểu kết Chương 3

Như vậy, thơ ca trung đại Việt Nam đã có vai trò quan trọng trong việc thể hiện được vẻ đẹp vừa tao nhã vừa bình dị của bức tranh thiên nhiên thôn quê. Đó là cảnh làng quê vốn thân thuộc và gắn bó, là chốn yên bình trong tâm hồn của mỗi người con đất Việt. Hơn thế, thơ trung đại còn thể hiện đời sống lao động cũng như đời sống tinh thần với nếp phong tục tập quán thôn quê phong phú, mang bản sắc riêng của mỗi vùng miền. Thôn quê còn là nơi khơi nguồn cảm hứng cho thi ca với những thú vui bình dị. Đặc biệt, ẩn sau những câu thơ bình dị, thuần phác ấy là tình cảm gắn bó tha thiết của người dân quê sau mỗi lũy tre làng. Làng quê miền Bắc được thể hiện cụ thể và tinh tế qua mỗi lũy tre làng, ao chuôm, đồng ruộng với đời sống văn hóa ngàn đời nay của dân tộc. Trong khi đó, người dân miền Trung lại hiện lên với những cơ cực, khó khăn khi phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt. Vùng giang thôn tươi đẹp, trù phú với cảnh sông nước, kênh rạch là hình ảnh đặc trưng trong thơ của các thi nhân Nam bộ. Mỗi vùng miền, mỗi thôn xóm của quê hương làng Việt đều là nơi lưu giữ vẻ đẹp tự nhiên, đời sống văn hóa của đông đảo người dân lao động. Thơ viết về thôn quê thể hiện tiến trình vận động của văn học trung đại Việt Nam, của quan điểm thẩm mỹ, từ viết về những điều lớn lao, cao cả đến viết về cái đời thường, bình dị. Chính điều này đã tạo nên đặc sắc riêng của thơ trung đại dân tộc so với thơ ca các nước trong khu vực văn hóa chữ Hán, đồng thời hướng văn học tới những giá trị truyền thống tốt đẹp, hướng tới hiện thực rộng lớn và khẳng định xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa của văn học trung đại Việt Nam.

## Chương 4

### ĐỀ TÀI THÔN QUÊ TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN

Nằm trong dòng chảy chung của thơ trung đại Việt Nam, thơ viết về thôn quê vẫn mang những đặc trưng thi pháp quen thuộc về không gian, thời gian, ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh tính chất “quy phạm”, những vần thơ viết về thôn quê đã có những bước “phá vỡ quy phạm” để tạo nên một dòng thơ bình dị, mộc mạc, gần gũi, thể hiện được tâm hồn, cốt cách dân tộc Việt. Sự hô ứng, tương đồng về nội dung và nghệ thuật đã tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ trung đại Việt Nam về đề tài thôn quê bình dị, dân dã.

#### **4.1. Không gian, thời gian nghệ thuật**

Mọi cảm nhận nghệ thuật của thi nhân về con người đều được gắn liền với cảm nhận về không gian, thời gian. Đây là hai yếu tố góp phần tạo nên thế giới hình tượng sinh động, phong phú của tác phẩm văn học. Nó không chỉ thể hiện thế giới khách quan của tác phẩm mà còn biểu đạt những cảm thức, những quan niệm của người viết: “Thời gian, không gian là hình thức tồn tại của thế giới, của cuộc sống con người. Không gì có thể tồn tại ngoài không gian và thời gian” [150, tr.193]. Xác định không gian, thời gian nghệ thuật trong tác phẩm thơ trung đại là tín hiệu để chúng ta tìm hiểu thế giới tư tưởng của thi nhân. Hai yếu tố nghệ thuật này đã góp phần tạo nên hình tượng sinh động, phong phú trong sáng tác của văn chương nhà nho. Đối với thơ ca trung đại, hai yếu tố không gian, thời gian không chỉ phản ánh thế giới quan trong tác phẩm mà còn thể hiện quan niệm thẩm mỹ và cảm xúc của thi nhân. Nghiên cứu không gian, thời gian nghệ thuật từ góc độ phương thức nghệ thuật, luận án đi sâu tìm hiểu cách thức, thủ pháp nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian của các thi nhân khi viết về thôn quê.

##### **4.1.1. Không gian nghệ thuật**

Tác giả Lê Bá Hán trong cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* cũng nêu rõ: “Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó” [53, tr.162]. Do đó, không gian là yếu tố nghệ thuật góp phần tạo nên giá trị chỉnh thể của tác phẩm văn học. Đối với thơ ca trung đại Việt Nam, giải mã yếu tố không gian chính là con đường tìm hiểu sâu sắc hơn nhân quan nghệ thuật của nhà thơ.

Không gian nghệ thuật là một trong những phương thức tồn tại của thế giới nghệ thuật. Không gian nghệ thuật trong một văn bản văn học không đơn giản là xác định nơi chốn hay tái hiện những khung cảnh hiện thực mà nó được xây dựng như một kí hiệu đặc biệt để thể hiện tâm trạng của nhân vật hay bộc lộ quan điểm của tác giả về thế giới. Không gian nghệ thuật là tín hiệu thẩm mĩ của nhà văn, do đó nó được tổ chức theo quan niệm riêng của tác giả. Đối với người trung đại, không gian có một giá trị riêng biệt gắn liền với cảm thức của họ. Trước hết, do đời sống lệ thuộc hoàn toàn vào nông nghiệp đã tạo nên một sự gắn bó mật thiết giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ. Mặt khác, chủ trương vô vi, sống hoà vào thiên nhiên của Lão Trang đã gieo vào tâm thức người trung đại một ý thức rất coi trọng không gian thiên nhiên.

Cách thức thể hiện không gian thơ tạo nên sự khác biệt trong sáng tác của mỗi thi nhân. Đó là cách dùng từ chỉ vị trí không gian (*ngưỡng - vọng, thượng - hạ, đông - tây - nam - bắc, cận - viễn, tiền - hậu...*), dùng danh từ chỉ sự vật (*cây đa, vườn rau, ruộng lúa, ven sông, bờ tre, rừng trúc...*) hoặc danh từ chỉ địa danh cụ thể (*sông Vĩnh Giang, thôn Trùng Mai, Gò Cây Mai, làng Quát, Tân Kinh, Tắc Khái, Châu Thới, chợ Lưới Rê, Mỹ Tho, sông Hương, đồng An Phong, xã Lãng Điền, Tào Xuyên, cầu Bó Vệ, vườn Bùi...*). Điểm nhìn đa chiều về không gian đã giúp các thi nhân trung đại có thể khắc họa bức tranh thôn quê vừa khái quát vừa cụ thể, sinh động. Có thể đó là không gian chốn cung đình tấp nập ngựa xe, là không gian sơn thủy hữu tình, là không gian mang dấu tích lịch sử, không gian thôn quê... Dù ở không gian nào, thi nhân trung đại đều ít nhiều thể hiện tư tưởng thẩm mĩ và điểm nhìn của chủ thể trữ tình trong thơ. Không gian trong thơ Thiền mang tính tuần hoàn bất biến, vô thủy vô chung; không gian trong thơ thời Trần thường được khắc họa chân thực qua tên các địa danh lịch sử; không gian trong văn học Lê sơ thường gắn liền với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; không gian trong văn học thế kỉ XVI - XVIII mở rộng ở hiện tại và hồi tưởng về quá khứ; không gian trong văn học thế kỉ XIX lại gần gũi, giản dị và chân thực gắn với địa danh tên đất, tên làng. Khắc họa về không gian thôn quê, các thi sĩ trung đại chú trọng đến không gian làng cảnh, ruộng đồng, không gian lao động sinh hoạt và không gian văn hóa của cuộc sống thôn quê.



**Bảng thống kê số lượng bài thơ viết về không gian thôn quê**

TT	Tác giả tiêu biểu	SL bài thơ viết về thôn quê	SL bài thơ viết về không gian làng cảnh	Tỉ lệ (%)	SL bài thơ viết về không gian lao động, sinh hoạt	Tỉ lệ (%)
(1) X - XIV	Trần Quang Khải (1241 - 1294)	20	19	95	1	5
	Trần Nhân Tông (1258 - 1308)					
	Bùi Tông Hoan (? - ?)					
	Trần Quang Triều (1286 - 1325)					
	Nguyễn Sưởng (? - ?)					
	Mạc Đĩnh Chi (1284 - 1361)					
	Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370)					
	Trần Nguyên Đán (1325 - 1390)					
	Nguyễn Phi Khanh (1355 - 1428)					
(2) XV - XVII	Nguyễn Trãi (1380 - 1442)	7	6	85	1	15
		32	24	75	8	25
	Nguyễn Bảo (1439 - 1503)	6	5	83	1	17
	Thái Thuận (1441 - ?)	5	2	40	3	60
	Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức	25	7	28	18	72
	Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)	31	26	83	5	17
		19	14	73	5	27
(3) XVIII - XIX	Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780)	7	5	71	2	29
	Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825)	17	6	35	11	65
	Cao Bá Quát (1808 - 1855)	33	27	81	6	19
	Phan Thúc Trục (1808 - 1852)	16	7	43	9	57
	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874)	20	7	35	13	65
	Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)	33	14	42	19	58
		14	6	43	8	57

Theo bảng thống kê về không gian thôn quê, số lượng bài thơ viết về không gian làng cảnh chiếm ưu thế ở giai đoạn đầu của tiến trình văn học. Tuy nhiên, ở các giai đoạn sau, không gian đó dần nhường chỗ cho sự xuất hiện của không gian lao động, sinh hoạt thôn quê. Đó là sự chuyển dịch và mở rộng dần không gian đời sống trong thơ, đặc biệt ở các tác giả Trịnh Hoài Đức (65%), Phan Thúc Trực (57%), Đặng Huy Trứ (65%), Nguyễn Khuyển (57%). Các thi nhân trung đại khắc họa không gian nghệ thuật bằng nhiều điểm nhìn khác nhau.

- *Không gian làng cảnh, ruộng đồng*

Tạo dựng không gian làng quê, các tác giả thường chú ý tới không gian làng cảnh, ruộng đồng. Nếu như thi phái sơn thủy chú trọng đến không gian sông núi bao la của vũ trụ thì thơ điền viên lại chú trọng đến không gian gần gũi của ruộng vườn, của làng quê thôn xóm. Các thi sĩ trung đại vốn gắn bó sâu sắc với thôn quê nên không gian bình dị và quen thuộc ấy được khắc họa đa chiều vừa chân thực vừa nên thơ, vừa cụ thể vừa khái quát, vừa là khách thể vừa ẩn chứa cảm xúc của chủ thể.

Không gian làng quê lần đầu tiên xuất hiện trong thơ các thi sĩ thời Trần mang vẻ đẹp mờ ảo như tranh thủy mặc. Bằng những điểm nhìn khác nhau, không gian đó trở nên cụ thể, chân thực hơn ở các thi sĩ Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Phi Khanh... Nguyễn Trung Ngạn khắc họa không gian làng cảnh theo điểm nhìn truyền thống, quan sát theo hướng: *Thôn bắc thôn nam tình cảnh hảo* (Phía bắc, phía nam thôn xóm cảnh có nắng rất đẹp) trong bài *Yên Tử giang trung (Trên sông Yên Tử)*; *Xá nam xá bắc trúc biên li* (Phía nam nhà, phía bắc nhà trúc đan chen thành hàng rào) trong bài *Túc sự kỳ I (Nói sự vật trước mắt)*. Điểm nhìn theo hướng giúp thi nhân có thể bao quát được khung cảnh đầy đủ nhất.

Nguyễn Phi Khanh có nhiều bài thơ khắc họa không gian thôn quê với những điểm nhìn khác nhau. Ngay tên tiêu đề bài thơ đã định danh vị trí của chủ thể trữ tình: *Thôn gia thú* (Thú quê nhà), *Thôn cư* (Ở xóm), *Sơn thôn cảm hứng* (Cảm hứng ở xóm núi), *Giang thôn xuân cảnh* (Cảnh xuân ở xóm bên sông)... Điểm nhìn của chủ thể trữ tình không “đăng cao vọng viễn” mà tiệm cận cảnh vật, con người thôn quê. Trong bài *Thôn gia thú* (Thú quê nhà), thi nhân nhìn thấy không gian dường như bị bó buộc, thu hẹp lại bằng các danh từ chỉ sự vật: “Rào tre bao quanh nhà”, “ao chuôm in ỏi tiếng ếch”. Có lúc không gian được mở rộng theo chiều kích của vũ trụ, có sương phủ, có ánh mặt trời nhưng vẫn không gọi lên sự mênh mông, cao rộng vốn có mà hòa lẫn vào cảnh vật và cuộc sống thôn quê. Câu thơ có từ chỉ vị trí “thượng” và “cao” nhưng vẫn

gợi không gian thật gần gũi:

*Phú ốc sương quân thiên ngõa trọng,  
Xâm môn nhập thượng bán ly cao.*

(Sương phủ trên mái nhà, trĩu nặng ngàn viên ngói,  
Mặt trời lặn vào cửa, lên cao tới lưng giậu)

*(Thôn cư - Ở xóm)*

Nhà thơ đã hướng điểm nhìn theo hướng *ngưỡng quan* (trông lên), nhưng không phải là không gian trời cao, mây biếc bao la vô tận mà là không gian trĩu nặng tâm tư thời thế của nhà thơ.

Đến những giai đoạn sau, không gian thôn quê không chỉ là chốn yên bình của các đấng minh quân mỗi lần xa giá viễn cảnh mà đó còn là nơi ẩn mình lý tưởng của nhiều bậc trí thức thời trung đại. Không gian cung đình đầy lao xao, nhiều tranh chấp, không thích hợp cho những bậc quân tử với cốt cách thanh cao nên họ thường tìm về sống nơi dân dã, vui thú điền viên để giữ sự thanh tịnh trong tâm hồn. Không gian thôn quê được khắc họa gần gũi, trở thành người bạn thân thiết, tri âm tri kỷ của thi sĩ. Trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, không gian làng cảnh được cụ thể hóa ở thôn quê gắn với hình ảnh “con am”, “con lều”, “am quán”, “am Bạch Vân”, “quán Trung Tân”... Xung quanh đó là “Ao cạn”, “Đìa thanh” (Nguyễn Trãi) và “Trung hữu trì viên nhất mẫu cường” (Nguyễn Bình Khiêm). Điểm nhìn không gian của các thi nhân thế kỉ XV - XVII đã hướng gần hơn tới không gian chân thực của đời sống, không gian thanh bình và tĩnh lặng nhưng vẫn mang âm hưởng nhân bản thoát tục. Dù thi nhân có nhìn lên (*ngưỡng*) hay nhìn xuống (*phủ*) thì cảnh vật đều hiện lên trong tầm mắt của thi nhân, trong tư thế chủ động chiếm lĩnh và hòa vào thiên nhiên. Đây cũng là không gian thi nhân nâng niu, trìu mến và đối lập với không gian “Đường lợi thực quanh co”, “chốn lao xao”...

Cây rợp, tán che am mát,  
Hồ thanh, nguyệt hiện bóng tròn.  
Cò nằm, hạc lặn nên bày bạn,  
Áp ủ cùng ta làm cái con.

*(Ngôn chí, 20)*

Không gian trong thơ Nguyễn Trãi cách xa phạm tục, cửa quyền và hòa đồng vào thế giới xung quanh nơi thi nhân ẩn nhàn. Không gian thôn dã hiện lên phong phú bởi các hình ảnh xác định: đìa (ao), am, lều, nhà, ruộng, ao, giậu... Với thi nhân, đây là không gian yên bình, thanh sơ để thi nhân thể hiện nhân cách thanh cao của

tâm hồn. Do yếu tố thời đại nên không gian chính trong thơ Nguyễn Trãi là không gian vùng sơn dã tuy cách xa chốn cung đình nhưng vẫn chưa thật gần với không gian thôn xóm của dân quê. Tuy nhiên, Úc Trai đã khắc họa không gian vũ trụ hoà lẫn với không gian sinh hoạt làm cho bài thơ có một sức sống mới chân thực hơn với đường đồng, con đò quen thuộc trong bài *Trại đầu xuân độ* (Bến đò xuân đầu trại). Có khi cả không gian mùa xuân được thu nhỏ lại từ điểm nhìn gần nhất trong một khoảng sân lấm chấm bụi hoa xoan - một không gian chân thực khác xa với không gian ước lệ trong văn chương nhà nho, một không gian tinh tế, vừa chứa đầy chất thơ trong bài *Mộ xuân tức sự* (Cuối xuân tức sự).

Không gian làng quê trở nên sinh động, trù phú qua những liên tưởng độc đáo và điểm nhìn từ xa của Úc Trai:

Tầm uơm lúc nhúc thuyền đầu bãi,  
Hào chát so le khóm cuối làng.

(*Ngôn chí 8*)

Nguyễn Bình Khiêm lại đưa người đọc đến với không gian làng Trung Am với con am nhỏ bên cạnh chợ quê, yên ả tựa vào xóm làng. Không gian trong thơ Trạng Trình đã có điểm nhìn gần hơn với thôn quê so với không gian trong thơ Nguyễn Trãi. Nếu “con lều” của Nguyễn Trãi vẫn lẻ loi vùng sơn dã thì “con am” của Nguyễn Bình Khiêm đã nằm giữa xóm làng, hòa cùng với không gian chung của cuộc sống thôn quê:

*Bán y thôn thị bán nhân hương,  
Trung hữu trì viên nhất mẫu cùơng.*  
(Nửa dựa vào chợ quê, nửa dựa vào xóm làng,  
Trong đó có vườn, có ao khoảng hơn một mẫu)

(*Ngụ hứng, bài 85*)

Trong khi đó, không gian thôn quê trong thơ Cao Bá Quát lại mang tính xác định khi tác giả trở về quê nhà. Không còn là quê hương trong hồi tưởng nữa mà là không gian hiện thực hiện lên từ sự xóa nhòa khoảng cách xa - gần. Dù điểm nhìn cố định hay di động thì mọi cảnh vật đều hiện lên rất rõ ràng và quen thuộc với các từ chỉ địa danh được xác định vị trí trong bài *Đề gia* (Về đến nhà):

*Mộc miên điểm lý sương thu tảo,  
Thiên mã hồ biên nhật thướng trì.*  
(Đây là điểm Cây Gạo, sương đã tan rồi,  
Kia là hồ Ngựa Trời, vầng ô đang lên chậm)

Cùng điểm nhìn như Cao Bá Quát, Đặng Huy Trứ cũng định danh hóa không gian bằng tên gọi cụ thể như cầu Chiếu Bạch, núi Yên. Cách xác định địa danh cụ thể khiến không gian trở nên thân thuộc, gần gũi. Thi nhân dường như đã thay đổi điểm nhìn liên tục để khắc họa đầy đủ cảnh lụt đã xóa nhòa mọi ranh giới:

*Điểm đỉnh triều xuyên Chiếu Bạch kiêu,*      Sáng đi thuyền câu xuyên qua cầu Chiếu  
*Hành chu mộc bạc Yên Sơn yêu.*              Bạch/ Chiều đáp thuyền khách đậu bên  
*Điền mê giới bạn nan tâm kệ,*              núi Yên/ Ruộng không còn trông thấy bờ,  
*Lộ thất tiền trình tạm phóng tiêu.*          khó tìm ra móc/ Đường ngập cả lối đi  
(*Thu đại thủy*)      phải cắm cày làm dấu.

(Mùa thu lụt)

Không gian làng cảnh ruộng đồng Việt Nam cuối thế kỉ XIX trở nên chân thực hơn khi có sự kết hợp các điểm nhìn khác nhau và các mảng màu khác nhau. Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Khuyến vẫn khắc họa không gian bằng điểm nhìn *tứ vọng* (nhìn khắp bốn bên) và theo luật *viễn cận* (xa, gần) theo cách khắc họa truyền thống của thơ ca phương Đông. Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam vẫn dùng những từ chỉ phương hướng để xác định vị trí của chủ thể trữ tình. Bài *Xuân hính* (Hứng xuân) đã khắc họa điểm nhìn của chủ thể trữ tình bên cửa sổ *phía đông*. Từ vị trí này, thi nhân phóng tầm mắt mở rộng không gian từ gần đến xa, từ khóm cúc đến bãi cỏ xanh bên bờ sông và xa nhất là mây mù mờ ảo:

*Đông song độc chước tọa xuân hàn,*

*Tiểu túc tân tài lộ vị can.*

*Hà xứ cô hồng thê dã thụ,*

*Vô cùng thúy thảo nhập giang can.*

(Ngồi uống rượu một mình bên cửa sổ phía đông trong tiết xuân gió lạnh,

Khóm cúc nhỏ mới trồng, sương hãy chưa khô.

Con chim hồng lẻ loi ở chốn nào về, đậu trên cây ngoài nội,

Cỏ xanh mon morn ngút mắt, trải tới tận bờ sông)

Ở một điểm nhìn khác, thi nhân hướng tầm mắt từ cửa sổ *phía bắc* để bao quát toàn bộ không gian từ xa đến gần, từ cánh đồng lúa, mây mờ núi xa đến bức tường ngấm mưa trước mắt trong bài trong bài *Tức sự* (Tức sự). Điểm nhìn không gian theo phương hướng đã giúp thi nhân bao quát được cảnh làng quê một cách chân thực và sâu sắc. Các điểm nhìn xê dịch nhanh chóng, biến hóa bất ngờ của chủ thể trữ tình đã làm nổi bật trọn vẹn cảnh quan thôn quê trong thơ Nôm Đường luật. Chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến là bức tranh không gian đa chiều sinh động được

khắc họa ở nhiều góc độ khác nhau. Không gian trong *Thu ẩm* được quan sát từ gần đến xa, từ thấp đến cao; Không gian trong *Thu vịnh* di động điểm nhìn từ cao xuống thấp, từ xa đến gần; Điểm nhìn không gian trong *Thu điếu* di chuyển thành một vòng tròn từ thấp lên cao rồi xuống thấp: xuất phát điểm là “ao thu” đến “tầng mây”, “ngõ trúc” rồi đến “chân bèo”. Cách khắc họa không gian này góp phần thể hiện phong cảnh làng quê cũng như tâm tư sâu nặng, bế tắc của thi nhân trước thời cuộc. Trong thơ Nguyễn Khuyến, không gian không bị chia cắt, phân mảnh mà mỗi bài thơ là một thể thống nhất, là một bức tranh toàn cảnh có thiên nhiên, có cuộc sống con người và chất chứa nỗi niềm của chủ thể trữ tình. Bức tranh toàn cảnh đó không chỉ được cảm nhận bằng góc nhìn của thị giác mà được cảm nhận bằng tất cả mọi giác quan của chủ thể trữ tình.

Như vậy, không gian ruộng đồng, làng cảnh đã được thể hiện đa dạng phong phú trong thơ trung đại và ở cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Dù được quan sát ở các điểm nhìn khác nhau thì không gian ấy vẫn hiện lên gần gũi, quen thuộc, gợi nhiều cảm xúc trong lòng người đọc. Đó không chỉ là không gian của vũ trụ mà là không gian trong tâm thức của mỗi người con của quê hương làng Việt.

- *Không gian lao động, không gian sinh hoạt*

Tạo dựng không gian lao động, không gian sinh hoạt là nét nghệ thuật đặc sắc trong bức tranh về thôn quê. Bên cạnh điểm nhìn *ngưỡng, phủ, tứ vọng* được vận dụng để khắc họa không gian thiên nhiên, làng cảnh, ruộng đồng, điểm nhìn tiệm cận lại phát huy khả năng bộc lộ cụ thể và sinh động không gian lao động, không gian sinh hoạt của người dân quê. Các thi nhân trung đại đã dần thoát khỏi bút pháp quy phạm “đăng cao vọng viễn” để khắc họa không gian đặc trưng của thôn quê làng Việt hiện hữu ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Nếu như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm chủ yếu khắc họa không gian lao động, sinh hoạt với “cày mây, cuốc nguyệt” của chủ thể trữ tình thì các thi nhân thời Hồng Đức lại hướng tới khắc họa không gian lao động quen thuộc của người nông dân. *HĐQATT* là sản phẩm thơ Nôm của vua quan, văn sĩ thời Hồng Đức, là tập thơ thù tạc mang tính chất cung đình. Vậy nên, không gian chốn cung đình, không gian tượng trưng ước lệ, không gian cao sang đài các sẽ chiếm vị trí trọng yếu. Nhưng có lẽ, góp phần làm nên sức sống của tập thơ đó chính là việc các tác giả khắc họa không gian thôn quê đời thường dân dã. Một không gian được xác định cụ thể, sinh động có hơi ấm của cuộc sống thôn dân và vạn vật qua ánh mắt trù mến và tự hào của chủ thể trữ tình:

Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,  
Sườn núi chim gù ẩn lá xanh.

(*Vịnh nhất canh*)

Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức đã đưa không gian sinh hoạt, không gian lao động của người dân quê thành đề tài ca tụng, thù tạc. Đặc biệt, mảng thơ đề vịnh về cuộc sống lao động của người dân quê đã tạo nên một không gian mới lạ của thơ nhà nho thế kỉ XV. Các thi nhân xây dựng mỗi nhân vật trữ tình đều gắn bó với một không gian lao động quen thuộc. Chùm thơ vịnh ngư, tiêu, canh, mục đã khoanh vùng không gian lao động cụ thể, sinh động của cuộc sống thôn quê. Người kiếm cá gắn với không gian “cuối bãi”, “đầu mom”; người kiếm củi gắn với không gian “đầu non”, “mé nào mom”; người đi cày gắn với không gian “ruộng xanh, nước biếc”, “ở ngoài mom”; người chăn trâu gắn với không gian “đầu ngàn”, “một đầu mom”. Dù được quan sát ở góc độ nào thì người lao động và không gian lao động cũng hài hòa đồng nhất, tạo nên bức tứ bình trọn vẹn của hội họa phương Đông, đậm đà bản sắc văn hóa Việt. Ngay cả khi điem nhìn của thi nhân cách xa đối tượng thẩm mĩ thì không gian ấy vẫn hiện lên thật chân thực. Khung cảnh vùng ngư thôn được các thi nhân khắc họa cụ thể với hình ảnh bảy tám nhà, thuyền đỗ đầu bãi, chài phơi dưới ánh chiều tà:

Lục xục bên giang bảy tám nhà,  
Trời thâm bóng ác dải tha la.  
Chan chan thuyền đỗ đầu ghènh liểu,  
San sát chài phơi cuối vụng hoa.

(*Ngư thôn tịch chiếu* - Ánh chiếu rọi vào xóm chài lưới)

Các thi sĩ cung đình đã đưa thơ ca gần hơn với đời sống thôn quê bằng việc đưa không gian bình dị, dân dã vào tập thơ Nôm. Đây là đóng góp không nhỏ của Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức: “Qua những nét chấm phá, trong khuôn khổ thơ tượng trưng, các nhà thơ ở đây vẫn phản ánh được những nét hiện thực của thời đại Hồng Đức, với không khí thanh bình của một xã hội đương lên” [37, tr.29]. Vì vậy, việc khắc họa không gian lao động của người dân quê dù mang tính ước lệ, ca vịnh nhưng vẫn gợi lên được cuộc sống ấm no thịnh trị của nhân dân nửa sau thế kỉ XV.

Từ thế kỉ XVIII, không gian thôn dã trở thành nơi dừng chân và che chở cho các bậc trí giả đương thời. Các thi nhân thời kì này cũng thường khắc họa không gian thôn quê ẩn chứa tâm sự, nỗi lòng thi nhân. Không gian làng cảnh Việt Nam được phác họa trong thơ ca đã khẳng định tinh thần dân tộc hóa của thể loại, là tiền đề để văn học hiện

đại sau này tiếp tục đề cao và phản ánh. Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyên đã đưa cảnh làng quê đất Việt trở thành không gian thẩm mỹ của thơ ca. Đó là những khung cảnh quen thuộc, gần gũi gắn bó với cuộc sống thường ngày của người dân lao động. Không gian làng cảnh của miền Trung và vùng đồng bằng Bắc bộ đã được khắc họa bằng những đường nét thanh nhẹ, đơn sơ với bao gắn bó.

Trịnh Hoài Đức đã khắc họa không gian sông nước đặc trưng của vùng Nam bộ với các điểm nhìn mới mẻ và độc đáo. Không gian kênh, rạch được soi chiếu đan xen từ nhiều hướng khác nhau. Đặc biệt, không gian chợ trên sông nước là không gian lao động, sinh hoạt chủ đạo của người dân vùng sông nước. Bài thơ *Võng thị ngư đăng* (Đèn chài ở chợ Lưới Rê) là bức tranh đã thể hiện được những đặc điểm văn hóa của chợ trên sông. Bài thơ *Giang thôn hiếu thị* (Chợ buổi sáng thôn bên sông) là điểm nhìn không gian tiệm cận về xóm thôn bên sông:

<i>Bò điền liễu ngạn nhiều giang cao,</i>	Ruộng lác bờ rau rậm vòng quanh bên sông,
<i>Thôn xá mao khư mộc sạn cao.</i>	Nhà cỏ, lều chợ bằng tranh, nhà kho bằng gỗ cao.
<i>Thôn tẩu than tiền phi tuyết lập,</i>	Ông già thôn quê đội nón xòe tiền ra,
<i>Đồ nhi tế nhục cổ sưng đao.</i>	Đồ tể xẻo thịt vung dao sắc.

Đặng Huy Trứ không “đăng cao”, “vọng viễn” để khắc họa không gian theo lối “chí lớn gắn với không gian lớn” [150, tr.216] trong các sáng tác của văn học nhà nho trước đó. Không gian trong thơ ông gắn liền với cuộc sống đời thường của người dân lao động. Đó là cánh đồng, mảnh vườn, bờ ao, ruộng dâu... là không gian lao động của con người. Đối với mỗi làng quê Việt, mảnh vườn nhỏ quanh nhà luôn là không gian gần gũi hàng ngày. Đặc biệt, đó còn là không gian có thể chia sẻ cảm xúc và đem lại niềm vui cho con người. Nếu Đào Tiềm về ở ẩn vui vầy với ba luống cúc thì lão ông trong thơ Đặng Huy Trứ cũng thấy niềm vui xuân phơi phới “tự xách nước tưới rau” trong khu vườn nhỏ - một không gian lao động được quan sát từ góc nhìn cận cảnh trong bài *Cấp tuyên quán thái* (Mức nước tưới rau):

*Lão phó xuân dung thái nhất viên,*  
*Tư gia lão quán mạc hiềm phiên.*  
 (Ông lão với mảnh vườn trồng rau xuân,  
 Tự xách nước chẳng hề mệt nhọc)

Không gian thôn quê cũng trở nên thơ mộng khi xuất hiện hình ảnh ánh trăng. Thi nhân đã mở rộng không gian theo chiều kích của vũ trụ. Nhưng ở đây, ánh trăng không phải là khách thể vô tri, cô đơn giữa tầng không mà đã được nhân cách hóa. Vàng trắng như được kéo sát xuống để sống cùng, hòa cùng với mỗi nhịp chày giã gạo của con



người, vậy nên không gian lao động có hình ảnh vũ trụ nhưng không xa lạ mà gần gũi:

*Lưu oanh đích lịch gia gia đối,*

*Cố thố bồi hồi viễn viễn phong.*

(Chày khua vang vọng mọi nhà, thánh thót như tiếng oanh,

Trăng ngập ngừng trên núi như còn muốn quay lại)

(*Nguyệt khuy thung tướng* - Trăng nhòm cảnh già gạo)

Đặng Huy Trứ đã khắc họa không gian vũ trụ hoà lẫn với không gian đời sống con người tạo nên sức sống mới trong thơ ca chữ Hán. Theo quan niệm của văn chương Nho giáo, không gian trong thơ ca phải hướng thượng, phải kì vĩ, thoát tục thì mới thể hiện được chí lớn của người quân tử. Thi sĩ họ Đặng đã hướng ngòi bút khắc họa không gian mang vẻ đẹp tự nhiên vốn có, không gian ruộng vườn mộc mạc. Thi nhân đã tìm thấy vẻ đẹp đầy chất thơ từ chính không gian đời thường bình dị nhất.

Không gian đồng áng, ruộng vườn, không gian lao động sinh hoạt cũng chính là không gian chủ đạo trong thơ thôn quê Nguyễn Khuyến. Đó là không gian thanh tĩnh nơi thi nhân ẩn náu. Từ quan về ở ẩn, Nguyễn Khuyến gắn bó với vườn Bùi, nơi đồng bằng chiêm trũng đặc trưng của miền Bắc Việt Nam. Nếu Đặng Huy Trứ khắc họa không gian thôn quê với cái nhìn của một vị quan thân dân thì Nguyễn Khuyến là người sống cùng người dân quê. Không gian của ngôi nhà cũng được định vị theo chiều hướng của vũ trụ. Trong đó, chủ thể trữ tình là nhân vật trọng tâm của bức tranh thanh bình:

*Tây nam trì thủy thanh,*

Phía *Tây nam* có ao nước trong,

Phủ kiến ngư dương dương.

Cúi nhìn cá bơi lội thung thăng.

*Đông bắc ly trúc đa,*

Phía *đông bắc* có bờ tre rậm,

Song khai thân khí lương.

Mở cửa sổ ra khí giới buổi sáng mát mẻ.

(*Hạ nhật, ngẫu thành I*)

(Ngày hè, ngẫu thành I)

Thi nhân vẫn dùng những ước lệ cũ khi khắc họa không gian thôn quê nhưng mang ý tứ khác, mang nội dung sinh hoạt. Điểm nhìn không gian tứ bề thu hẹp dần lại vị trí trung tâm của nhân vật trữ tình cho thấy sự tương hợp với con người đã trở nên trống rỗng, bế tắc trước thời thế lúc bấy giờ. Trả mũ áo từ quan về vườn Bùi, thi nhân rời xa chốn kinh thành nhộn nhịp để hòa mình vào không gian thanh tĩnh, yên bình chốn quê. Ao nước trong, bờ tre xanh mát là nơi thi nhân ẩn náu, cũng như Nguyễn Trãi gắn bó với Côn Sơn, Nguyễn Bình Khiêm gắn với am Bạch Vân. Không gian quê còn là nơi thi nhân gửi gắm cảm xúc, là người bạn tri kỉ chia sẻ tâm tình: “Chúng tỏ một tâm hồn rộng rãi, nhìn xa, lên cao theo mô hình không gian

nghệ thuật truyền thống, nhưng đồng thời đã xuất hiện những đường nét không gian mới, gần gũi, thân thuộc của làng quê” [150, tr.223]. Cũng có lúc thi nhân viết về những hình ảnh mang ý nghĩa mở rộng không gian như trời rộng, sông dài. Nhưng không gian ấy vẫn rất gần gũi với cuộc sống con người qua những hình ảnh so sánh, liên tưởng độc đáo:

*Lục hoàn thủy đái nghi tương thúc,*

*Thanh nhiệm thiên y bất kiến ngân.*

(Dòng nước biếc vây quanh, tưởng như cái đai thắt lại,

Da trời xanh ngắt như chiếc áo không thấy vết khâu)

(*Thu nhiệt* - Mùa thu trời nóng)

Nét mới mẻ và sáng tạo của Nguyễn Khuyến là sự hòa trộn giữa không gian vũ trụ và không gian sinh hoạt của con người. Đến thế kỉ XIX, không gian trong văn chương nhà nho đã có hình sắc và gần gũi với cuộc sống đời thường dân dã. Không gian làng quê không chỉ có các hình ảnh thanh tĩnh, xa lánh vật dục, xa lánh chốn thị thành như không gian thơ của các nhà nho giai đoạn trước nữa. Với vị quan làng Và, ông không quan sát cuộc sống thôn quê bằng ánh nhìn của bậc bề trên mà ông hòa mình vào giữa cuộc sống ấy:

*Quyền a hữu thị nhân thanh oán,*

*Cổ tự vô tăng thảo sắc nhàn.*

*Thụ ám kê đầu ngư độc ngọa,*

*Vân thâm nhật mộ điểu tri hoàn.*

Góc núi họp chợ, tiếng người huyên oán/ Chùa cổ

không sư, cỏ cây vắng lặng/ Dưới bóng cây đầu

khe, con trâu nằm một mình/ Từ trong đám mây

thăm thẳm buổi chiều, chim trở về tổ.

(*Vịnh An Lão sơn*)

(*Vịnh núi An Lão*)

Góc núi, đầu khe, đám mây thăm thẳm là những hình ảnh xác định chiều kích không gian vừa cao vừa xa theo nhãn quan của thi nhân. Trong quan niệm văn học cổ, núi là nơi giao thoa trời đất, là nơi linh thiêng xa cách phàm trần nhưng ở đây lại trở thành nơi huyên oán, đông đúc của dân quê mỗi phiên họp chợ. Đầu khe là nơi thượng nguồn gợi sự hoang vắng, nhưng ở đây lại là nơi ngơi nghỉ của con trâu - con vật gắn với nền nông nghiệp lúa nước. Hình ảnh đám mây cũng không còn mang dáng vẻ “*cô vân*” mà là nơi riu rít tiếng chim bay về tổ. Do đó: “Trong thơ ca cổ điển Việt Nam, mô hình không gian nghệ thuật cơ bản là không gian vũ trụ, trong đó đã lần lượt xuất hiện không gian nhàn tản - ẩn dật, không gian hiểm họa - biến dịch, không gian luân lạc, dãi dầu, không gian trần tục hóa, thế tục hóa và cuối cùng phai nhạt không gian vũ trụ” [30, tr.224]. Không gian nông thôn với thiên nhiên, cảnh lao

động, sinh hoạt trở thành gam màu chủ đạo trong thơ Nguyễn Khuyến. Theo đó, mỗi địa danh tên đất, tên làng được gọi lên với bao thân thương, gần gũi.

Không gian của làng cảnh Việt Nam trở thành nguồn thi hứng cho thơ ca giai đoạn này và là nền tảng cho văn học giai đoạn sau. Chùm thơ thu đã khẳng định vị trí của nhà thơ trong tiến trình phát triển của nền văn học viết dân tộc, khẳng định vẻ đẹp của làng cảnh Việt Nam, khẳng định xu hướng thẩm mỹ của văn học hướng về những điều bình thường, chân thực nhất. Không gian làng Yên Đỗ trở thành điểm nhìn nghệ thuật cơ bản trong toàn bộ sáng tác thơ Hán cũng như thơ Nôm Nguyễn Khuyến từ khi ông về ở ẩn.

Đối với thơ ca trung đại Việt Nam, không gian nghệ thuật không chỉ là hình ảnh khách thể của vũ trụ mà còn ẩn chứa cảm xúc của chủ thể trữ tình. Không gian được khắc họa phong phú, đa chiều kích trong văn học trung đại. Không gian ấy không chỉ được khắc họa theo nhịp điệu không gian vũ trụ mà còn được khúc xạ qua nhãn quan thẩm mỹ của nhà nho trung đại. Như vậy, theo tiến trình phát triển của thơ ca trung đại Việt Nam, không gian vũ trụ vô thường dần mờ nhạt và nhường chỗ cho không gian lao động, sinh hoạt gắn với cuộc sống con người. Điều đó góp phần khẳng định sự vận động, gia tăng yếu tố hiện thực trong thơ trung đại, sự gắn bó của nhà thơ đối với thôn quê ở giai đoạn sau.

#### ***4.1.2. Thời gian nghệ thuật***

Theo Từ điển tiếng Việt, “thời gian là hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với không gian), trong đó vật chất vận động và phát triển liên tục, không ngừng. Thời gian và không gian đều là vô tận” [131, tr.923]. Hơn nữa: “Con người cảm nhận thời gian từ sự đổi thay của chính mình và của thế giới xung quanh” [150, tr.193]. Từ những định nghĩa trên chúng ta có thể thấy rằng thời gian trong tác phẩm văn học giúp thế giới vật chất trở nên xác định, rõ ràng. Bên cạnh đó, thời gian là phương tiện nghệ thuật để nhà văn phản ánh đời sống theo nhãn quan thẩm mỹ của riêng mình. Mỗi đề tài gắn với mỗi cách thể hiện thời gian khác nhau: thời gian vũ trụ tĩnh tại, thời gian lịch sử, thời gian siêu nhiên, thời gian sinh hoạt... Cảm thức về thời gian luôn là cảm thức thường trực trong tâm hồn thi nhân trung đại. Thời gian và không gian tạo thành trục tọa độ khẳng định sự tồn tại của con người trong trời đất.

Khi viết về thôn quê, các thi nhân trung đại cũng thể hiện ở nhiều khoảnh khắc thời gian khác nhau, với những nét vẽ sinh động, đa dạng. Nhưng đó không phải là thời gian vô thường, luân hồi trong thơ Thiên thời Lý, thời gian lịch sử trong thơ thời Trần, thời Lê sơ mà là thời gian chân thực, cụ thể gắn với mùa màng, lễ hội

thôn quê. Thời gian không chỉ là khái niệm trừu tượng, ước lệ mà được cụ thể hóa qua cảnh sắc và cuộc sống thôn quê.

**Bảng thống kê số lượng bài thơ viết về thời gian thôn quê**

TT	Tác giả tiêu biểu	SL bài thơ viết về thôn quê	SL bài thơ viết về thời gian mùa màng	Tỉ lệ (%)	SL bài thơ viết về thời gian lễ tết	Tỉ lệ (%)
(1) X - XIV	Trần Quang Khải (1241 - 1294)	20	20	100	0	0
	Trần Nhân Tông (1258 - 1308)					
	Bùi Tông Hoan (? - ?)					
	Trần Quang Triều (1286 - 1325)					
	Nguyễn Sưởng (? - ?)					
	Mạc Đĩnh Chi (1284 - 1361)					
	Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370)					
	Trần Nguyên Đán (1325 - 1390)					
	Nguyễn Phi Khanh (1355 - 1428)					
(2) XV - XVII	Nguyễn Trãi (1380 - 1442)	7	6	85	1	15
		32	32	100	0	0
	Nguyễn Bảo (1439 - 1503)	3	3	100	0	0
	Thái Thuận (1441 - ?)	5	5	100	0	0
	Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức	25	25	100	0	0
	Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)	31	29	93	2	7
		19	19	100	0	0
(3) XVIII - XIX	Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780)	7	6	85	1	15
	Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825)	17	17	100	0	0
	Cao Bá Quát (1808 - 1855)	33	31	95	2	5
	Phan Thúc Trục (1808 - 1852)	16	14	87	2	13
	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874)	20	16	80	4	20
	Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)	33	32	96	1	4
			14	11	78	3

Theo bảng thống kê về thời gian thôn quê, thời gian mùa màng là nguồn cảm hứng chủ đạo của các thi nhân ở giai đoạn đầu của tiến trình văn học. Đến chặng cuối của tiến trình văn học, thời gian lễ tết gắn với văn hóa thôn quê xuất hiện trong thơ Cao Bá Quát (5%), Phan Thúc Trực (13%), Đặng Huy Trứ (20%), Nguyễn Khuyến (4% trong thơ chữ Hán) và (22% trong thơ chữ Nôm). Điều này cho thấy xu hướng dân tộc hóa của thơ ca trung đại Việt Nam. Các thi nhân trung đại thường lưu lại khoảnh khắc của thời gian bằng cách trực tiếp (dùng các từ chỉ thời gian) và gián tiếp (dùng các ước lệ về thời gian).

- *Thời gian mùa màng*

Thời gian mùa màng trở thành một biện pháp nghệ thuật để gọi lên bước đi của thời gian, của nhịp sống lao động sản xuất, sinh hoạt ở thôn quê. Đối với một đất nước gắn với nền nông nghiệp lúa nước, sự dịch chuyển của mùa màng, của thời gian có vai trò quan trọng trong đời sống của người nông dân từ ngàn đời nay. Nếu thơ Thiên thường đặt sự hữu hạn, ngắn ngủi của con người trước sự vô hạn, vô thủy, vô chung của vũ trụ thì thơ về thôn quê là những lát cắt của cuộc sống con người trước thời gian bốn mùa. Dấu ấn thời gian của nhà nông được thể hiện sinh động, phong phú trong thơ trung đại Việt Nam. Cách khắc họa thời gian cũng được thể hiện bằng nhiều tín hiệu nghệ thuật khác nhau.

Thơ ca trung đại thường nói đến thời gian vũ trụ bất biến, thời gian tĩnh tại tuần hoàn hoặc thời gian lịch sử trong sự tương quan với thời gian vũ trụ. Các từ chỉ thời gian như *tuế, nguyệt, nhật, tảo, ngo, mộ, dạ...* thường xuất hiện trong thơ với vai trò tỏ bày thời khắc của cảm hứng thơ. Những bài *vịnh tứ thời, vịnh mười hai tháng, vịnh ngũ canh...* là những khoảnh khắc lưu dấu lại cảm xúc thẩm mỹ của các thi nhân trung đại. Trong đó sự chuyển vận của thời gian thường tương đồng với sự chuyển vận của vũ trụ. Đó là thời gian luân hồi trong thơ Thiên, thời gian tĩnh tại trong thơ các nhà nho ẩn dật, thời gian quá khứ trong thơ hoài cổ... Thời gian mỗi mùa thường được ước lệ bằng những dấu hiệu quen thuộc như mùa đông có tuyết sương, mùa thu có lá ngô đồng rụng, mùa hạ có tiếng cuốc kêu, mùa xuân có hoa mai nở. Nhà thơ viết về thiên nhiên, con người, cuộc sống thôn quê thể hiện dấu hiệu trôi chảy của thời gian và hiện lên cuộc sống chân thực của con người. Vì vậy, các dấu hiệu chỉ thời gian đã phá vỡ những điển phạm trước đó mà trở nên gần gũi, quen thuộc hơn với cuộc sống hằng ngày.

Thời gian mùa màng trước hết thể hiện ở các nhan đề thơ nói về bốn mùa: *Thu*

*nhật* (Ngày thu) - Trần Nguyên Đán; *Nhâm Dần lục nguyệt tác* (Thơ làm vào tháng sáu năm Nhâm Dần) - Trần Nguyên Đán; *Hạ cảnh* (cảnh mùa hè) - Trần Thánh Tông; *Vịnh ngũ canh, Vịnh mười hai tháng* - Lê Thánh Tông; *Thu nhật thôn cư tức sự* (Ngày thu ở thôn quê) - Ngô Thì Sĩ; *Xuân nhật khóa thực vụ miên* (Ngày xuân dạy trồng khoai, trồng bông) - Phan Thúc Trục; *Hạ liêu* (Nước lụt mùa hè) - Phan Thúc Trục; *Lạo tiết công ngư* (Mùa lụt đánh cá) - Đặng Huy Trứ; *Thu đại thủy* (Lụt mùa thu) - Đặng Huy Trứ; *Thu vũ* (Mưa thu) - Nguyễn Khuyến; *Sơ hạ* (Đầu mùa hè) - Nguyễn Khuyến... Hoặc một thời điểm trong ngày như: *Vãn cảnh* (Cảnh chiều) - Mạc Đĩnh Chi; *Giang thôn hiếu thị* (Chợ buổi sáng thôn bên sông) - Trịnh Hoài Đức; *Thôn cư vãn cảnh* (Cảnh chiều ở thôn quê) - Cao Bá Quát... Trong đó, các thi nhân trung đại chú trọng khắc họa cảnh thiên nhiên và cuộc sống người dân thôn quê gắn với từng khoảnh khắc thời gian cụ thể. Với đặc trưng khí hậu thổ nhưỡng của vùng Đông Nam Á, các mùa xuân, mùa hạ, mùa thu được thể hiện nhiều nhất trong thơ gắn với mùa vụ, gắn với cảm xúc lo lắng, trăn trở của người nông dân. Mùa xuân là mùa bắt đầu trồng khoai, trồng bông; Mùa hạ là mùa thu hoạch lúa, nắng nóng gay gắt; Mùa thu gắn với các trận lụt, mùa màng thất bát...

Nếu như Nguyễn Trung Ngạn dùng hình ảnh nhụy hoa nhãn để biểu thị xuân về trong bài *Xuân dạ dã tự* (*Chùa quê, đêm xuân*) thì Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi dùng hình ảnh hoa xoan để khắc họa sắc xuân thanh bình, tươi sáng ở chốn quê. Thời gian mùa xuân được các thi nhân cảm nhận từ màu xanh dày đặc của cây lá và từ sự vận động để bung nở của bông hoa xoan tím li ti:

*Ngạn hiệp vũ tình yên sắc bạc,*

*Đỗ quyên thanh cấp luyện hoa khai.*

(Mưa tạnh, ven đê màu khói nhàn nhạt,

Tiếng đỗ quyên rộn ràng, hoa xoan đang nở)

(*Giang thôn xuân cảnh* - Nguyễn Phi Khanh)

*Đỗ vũ thanh trung xuân hướng lão,*

*Nhật đình sơ vũ luyện hoa khai.*

(Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn,

Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.)

(*Mộ xuân tức sự* - Nguyễn Trãi)

Trong số 6 bài thơ viết về thôn quê, thi sĩ Nguyễn Bảo đã thể hiện trực tiếp tín hiệu thời gian trong tiêu đề 5 bài thơ: *Tuế mộ thuật hoài* (*Nỗi lòng cuối năm*), *Xuân nhật tức sự* (*Tả cảnh ngày xuân*), *Trùng Mai thôn xuân vãn* (*Chiều xuân ở thôn*

*Trùng Mai*), *Xuân vũ* (*Mưa xuân*), *Thu lâm* (*Mưa dầm mùa thu*). Cảm hứng về mùa xuân được thi nhân thể hiện nhiều nhất trong bốn mùa. Mùa xuân khởi đầu cho một năm mới đầy sức sống, niềm vui. Cảnh xuân, tình xuân trong thơ Nguyễn Bảo chân thực, giàu sức sống, ấm áp và thanh bình. Thời gian đó cũng phần nào thể hiện được cuộc sống thái bình thịnh trị thời Hồng Đức lúc bấy giờ.

Cùng cảm xúc về mùa xuân, Phan Thúc Trục lại bận rộn với việc gieo trồng của nhà nông trong bài *Xuân nhật khóa thực vụ miên* (Ngày xuân dạy trồng khoai, trồng bông). Thời gian bắt đầu một năm mới gắn liền với mùa vụ mới và sự tất bật của nhà nông:

*Ngã phi học nông phó,  
Lao khổ diệc đương tri.  
Cập xuân nãi bá thực,  
Đương hạ nhưng trích qui.*  
(Ta vốn không được học làm ruộng,  
Cũng phải biết công việc vất vả gian nan.  
Kịp thì gieo hạt bông và đặt dây khoai,  
Đến hè thì hái mang về)

Nếu như khoảnh khắc mùa xuân được các thi nhân gợi lên từ những hình ảnh giản dị và từ cuộc sống lao động của người dân quê thì mùa hạ cũng được khắc họa sinh động, chân thực. Thời gian bốn mùa, năm canh, mười hai tháng đều trở thành đối tượng ngâm vịnh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Nhưng đặc sắc hơn cả là những vần thơ về cái nóng oi ả, gay gắt của mùa hè ở làng quê Việt Nam nửa sau thế kỉ XV:

Gọi vịt từ nghe ở ngọn tre,  
Mới hay tiết đã báo sang hè.  
Nước nóng sùng sục đầu rô trôi,  
Ngày nắng chang chang lưới chó lè.

*(Lại vịnh nắng mùa hè)*

Thời gian được gợi lên từ âm thanh, hình ảnh và trạng thái của cảnh vật khi hè đến. Các thi nhân thời Hồng Đức đã phá vỡ những điển phạm chỉ thời gian trong thơ nhà nho để đưa vào thơ những hình ảnh mới, những cảm nhận mới về mùa hạ. Phan Thúc Trục cũng viết về mùa hè với sự lo lắng mất mùa ở thôn quê trong bài *Hạ liêu* (Nước lụt mùa hè). Khung cảnh tan hoang của cánh đồng, bên sông cho thấy sự dịch chuyển, trôi chảy của thời gian:

*Hạ hành thu lệnh vũ vi tai,*

*Phá khối khuynh bồn trận trận lai.  
Thủy ngạn thử hồi phiêu tử mạch,  
Giang thành hà xứ tống hoàng mai.*

(Mùa hè mà theo thời tiết mùa thu, mưa đã gây tai ương/ Từng trận từng trận, mưa đổ tường nghiêng chậu/ Nước chảy tràn bờ, lúa má bị cuốn phăng/ Thành bên sông không có chỗ nào không ngập)

Nguyễn Khuyến là tác giả của nhiều bài thơ đặc sắc về mùa hè: *Sơ hạ* (Đầu mùa hè), *Hạ nhật tân tình* (Ngày hè, mới tạnh mưa), *Hạ nhật* (Ngày hè), *Hạ nhật văn điếu* (Ngắm chiều hè). Mùa hè là khoảnh khắc của mùa màng bội thu: “Bà hàng bung mâm đem biếu vải chín/ Ông thợ cày dốc đó bán cho ta cá tươi”, những vội vã tất bật của nhà nông chạy đua với thời gian: “Người nhà phơi lúa tranh nhau chạy mưa/ Đàn bà nuôi tằm tìm cách chắn gió” và còn là những lo lắng của người trồng lúa, nuôi tằm:

*Lão tằm ái tảo, miên tương khởi,  
Tân cốc hàm huyên, phúc tiệm phi.*  
(Tằm già thích khô ráo, đương ngủ sắp trở dậy,  
Lúa mới ngâm hơi ẩm, đòng đòng dần dần mầm ra)

(*Hạ nhật tân tình* - Ngày hè, mới tạnh mưa)

Mùa thu vốn gợi nhiều cảm hứng lãng mạn của các thi sĩ Trung Hoa thời trung đại. Vì vậy, thơ ca đã có nhiều hình tượng ước lệ mang vẻ đẹp cổ điển để đặc tả về mùa thu như lá ngô đồng rụng, khóm cúc. Tiếp thu những ảnh hưởng đó, các thi nhân trung đại Việt Nam đã có những sáng tạo để mùa thu mang những nét đặc trưng, quen thuộc và gần gũi. Đó là mùa thu gắn với cảnh sắc, cuộc sống lao động của người dân trong những vần thơ về thôn quê.

Trần Nguyên Đán nhìn thấy mùa thu qua hình ảnh “Rau thuần, cá vược” (*Thu nhật*); Nguyễn Trãi cảm nhận hơi thu qua tiếng “chày đập vải” (*Thôn xá thu chiêm*); Nguyễn Bình Khiêm băng khuâng trước “cánh nhận bay nghiêng” (*Giang lâu thu nhật văn vọng*); Ngô Thì Sĩ bày tỏ nỗi niềm mùa thu ở thôn quê với “hoa tàn”, “tre non rờn bóng” (*Thu nhật thôn cư tức sự*); Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyến hòa cùng với cuộc sống người dân thôn quê khi thu đến.

Đặng Huy Trứ từng làm quan nhiều nơi và hòa cùng với nhịp sống nơi thôn dã nên mỗi bài thơ là một khoảnh khắc chân thực về cuộc sống. Nguyễn Khuyến đã sớm cáo quan về ở ẩn dù chưa đến tuổi nghỉ ngơi. Cuộc sống của thi nhân gắn liền với cuộc sống thôn quê nên thời gian được cảm nhận thật cụ thể, sinh động. Sự cảm nhận về thời gian của các thi sĩ thế kỉ XIX cho thấy sự phát triển về tư duy nghệ



thuật, đưa nghệ thuật gần gũi hơn với đông đảo người dân lao động. *Đặng Hoàng Trung thi sao* đã lưu giữ lại những khoảnh khắc thời gian gắn với mùa màng, thời gian của nông phu. Mùa thu không chỉ thanh tĩnh gợi buồn, là mùa của lá ngô đồng rụng mà còn là mùa lụt lội, mùa lo toan của người dân:

*Tiết giới thu đông vũ lạo thân,  
Ngư tòng nhập xứ tận ngư nhân.*

(Tiết thu đông gặp lúc mưa lụt,

Cá vào khắp nơi, ai cũng thành ngư dân cả)

(*Lạo tiết công ngư* - Mùa lụt đánh cá)

Thời gian mặt trời lặn, màn đêm buông xuống là lúc con người trở về trạng thái nghỉ ngơi, trở về với những cảm xúc ẩn sâu trong tâm hồn. Thơ cổ cũng thường ghi lại khoảnh khắc thời gian ấy với những nỗi niềm tâm tư trong lòng thi nhân. Thơ ca cổ Trung Quốc từng thể hiện nỗi niềm cố hương trong “*Tĩnh dạ tư*” (Lý Bạch), nỗi cô đơn mộng mị trong “*Phong kiều dạ bạc*” (Trương Kế) và niềm nhung nhớ trong “*Nguyệt dạ*” (Đỗ Phủ). Để diễn tả thời khắc ban đêm, thi nhân xưa dùng hình ảnh ánh trăng để tỏ bày cảm hứng. Ánh trăng vĩnh hằng của vũ trụ luôn là hình ảnh gợi khắc thời gian của thi nhân từ cổ chí kim. Đặng Huy Trứ cũng thể hiện thời khắc ban đêm ở thôn quê, nhưng thi nhân không chỉ mượn ánh trăng của vũ trụ mà khắc họa ánh sáng của lửa chài mang hơi thở và nhịp sống của ngư dân trên thuyền:

*Nhật đĩnh sinh nhai đông phục tây,*

*Giang thôn xứ xứ mộ nhiên tê.*

(Một chiếc thuyền để sinh sống hết đi về đông lại về tây,

Xóm chài trên sông về đêm đâu đâu cũng đốt lửa)

(*Ngư chu mộ hỏa* - Lửa chài trong đêm)

Như vậy, với người dân quê, thời gian lao động dường như không đồng nhất với thời gian vũ trụ. Mọi thời khắc của thời gian dù sáng hay tối đều lắng đọng sự vất vả, nhọc nhằn của nhà nông. Người đàn bà chần tằm trần trở, thao thức: “*Tam khởi tam miên hậu bất vi*” (Ba thức, ba ngủ, thời gian không làm khác được) để có được nong tằm chín. Hình ảnh ánh trăng vốn gợi lên vẻ đẹp lãng mạn trong thơ ca cổ, nhưng ánh trăng trong bài *Nguyệt khuy thung tương* (Trăng nhòm cảnh giã gạo) lại trở thành bức tranh nền làm tỏa sáng hình ảnh người giã gạo đêm khuya: “*Nhật sự điền tang, dạ bần thung*” (Ngày lo cấy ruộng, đêm đến vây quanh cối gạo). Với cách khắc họa thời gian chân thực, Đặng Huy Trứ đã đưa thơ ca gần sát hơn với cuộc sống đời thường, cái đẹp được chưng cất từ những điều bình dị, dân dã.

Những cảm thức về thời gian của Nguyễn Khuyến cũng có nhiều điểm gặp gỡ với các thi nhân các giai đoạn trước. Thi nhân vườn Bùì dành một mảng thơ về tứ thời: mùa xuân (*Xuân nhật, Xuân hứng*); mùa hạ (*Sơ hạ, Hạ nhật sơ tình, Hạ nhật vãn diều...*); mùa thu (*Thu nhiệt, Thu vũ, Thu lạo*); mùa đông (*Đông chí, Trừ tịch*). Ngoài ra còn có một số bài được thi nhân định vị thời gian chính xác như: *Nhâm Dần hạ nhật, Đinh Hợi nguyên đán, Canh Tý xuân*. Trong thơ Nôm, Nguyễn Khuyến đã khắc họa cụ thể khung cảnh thời gian mùa vụ. Những tín hiệu chỉ thời gian gắn liền với cuộc sống con người thôn quê một cách cụ thể bằng ngày, tháng, năm. Từ “năm nay” được lặp đi lặp lại trong nhiều bài thơ khẳng định thời gian hiện tại:

*Năm nay cày cấy vẫn chân thua,  
Chiêm mát đặng chiêm mùa mát mùa.*

*(Chốn quê)*

*Tháng Chạp hai mươi bốn chợ Đồng,  
Năm nay chợ họp có đông không?*

*(Chợ Đồng)*

*Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,  
Lụt lội năm nay bác ở đâu?*

*(Lụt hỏi thăm bạn)*

Như vậy, khắc họa thời gian bốn mùa vẫn là cảm hứng chủ đạo của các thi sĩ trung đại Việt Nam. Theo tiến trình phát triển của thơ ca trung đại, các thi sĩ đã hướng tới thể hiện thời gian bằng những dấu hiệu nghệ thuật gần gũi, bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Sự trôi chảy của thời gian vũ trụ được đo bằng những thời điểm cụ thể của mùa màng, nhịp sống người dân quê. Điều này góp phần hướng văn học tới tư tưởng “quý chân”, văn học gắn với cuộc sống đông đảo người dân lao động. Vậy nên, thơ về thôn quê còn cho thấy tinh thần dân tộc của các nhà nho trung đại Việt Nam.

*- Thời gian lễ tết, sinh hoạt văn hóa*

Trong nghệ thuật gợi tả thời gian, đáng lưu ý là sự đan xen giữa thời gian hiện tại và quá khứ, giữa hiện thực và tâm tưởng khi nói về lễ tết, sinh hoạt văn hóa ở thôn quê. Thời gian nghệ thuật trong văn học thể hiện một quan niệm, nhãn quan thẩm mỹ của nhà văn về cuộc đời và con người. Vì vậy, từ mô hình chung của thời gian vũ trụ, mỗi tác phẩm văn học có dấu ấn thời gian khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Nếu như thời gian tuyến tính, thời gian mùa màng thường song hành với sự luân chuyển của vũ trụ thì thời gian lễ tết lại là sự đan xen giữa thời gian hiện tại và quá khứ, thời gian hiện thực và thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình. Các thi

nhân trung đại đã kịp thời ghi lại những thời khắc quan trọng và ý nghĩa trong đời sống tinh thần của người dân quê. Để ghi dấu ấn thời gian lễ tết, sinh hoạt văn hóa thôn quê, các thi nhân trung đại dùng các từ chỉ trực tiếp như: *Đoan Ngọ*, *Đêm trừ tịch*, *Trừ dạ*, *Nhâm Dần hạ nhật*, *Lạp nguyệt thi*, *Nguyên tiêu*...

Nguyễn Trãi nhắc đến ngày tết *Đoan Ngọ nhật* (Ngày Đoan Ngọ) gắn với điển tích cũ vốn quen thuộc trong đời sống của nhân dân ta hàng nghìn đời nay. Tết Đoan Ngọ tồn tại từ lâu trong văn hoá phương Đông và có ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hoá dân gian. Nguyễn Bình Khiêm ghi lại thời điểm cuối năm trong *Lạp nguyệt thi* (Tiết tháng Chạp):

<i>Sương uy vị tễ tuyết hoa thi,</i>	Sương lạnh chưa tan, hoa tuyết bay/ Đây
<i>Chính thị nghiêm ngưng ứng Lạp thì.</i>	chính là thời gian rét buốt ứng vào tháng
<i>Báo Lạp hưởng thần truy cổ lễ,</i>	Chạp/ Việc cúng tế bách thần vào tháng
<i>Lao nông hưu vụ tập tiền quy.</i>	Chạp là nơi theo lễ cũ/ Nhà nông vất vả được
	nghỉ ngơi cũng theo đúng quy định xưa/

Tháng Chạp là thời điểm cuối cùng của một năm, đó cũng là thời gian hoài niệm gợi nhiều cảm xúc trong lòng nhà nho ẩn nhàn. Đó cũng là lúc mà người nông dân được nghỉ ngơi để chuẩn bị đón một năm mới. Thời gian động trên hoa tuyết bay, trong việc cúng tế, trong việc mừng thọ và trong tâm trạng suy tư sâu lắng của chủ thể trữ tình. Thời gian lễ tết còn được xác định cụ thể, cô đọng lại trong *Trừ tịch thi* (Đêm trừ tịch), đây là thời khắc thiêng liêng giao thời giữa năm mới và năm cũ.

Ngô Thì Sĩ cũng có cùng cảm xúc với Nguyễn Bình Khiêm khi đếm từng thời khắc giao thời trong *Trừ tịch tức sự* (Đêm trừ tịch) bằng cách vận dụng âm thanh biểu đạt sự hồi hả của thời gian:

*Tục đoan thủy trôi cách ngạn chung,*  
*Vũ tà, yên đạm, dạ mông lung.*  
 (Dóng dả hồi chuông vọng cách bờ,  
 Mênh mang, mưa chéch, khói đêm mờ)

Những nét đẹp trong văn hóa, phong tục của dân tộc được thể hiện trong những ngày lễ tết thiêng liêng. Trong thời khắc đó, thời gian dường như trở nên tĩnh tại để lắng nghe những tâm trạng, cảm xúc của đất trời và của lòng người. Đó là thời gian mà người dân quê lao động được nghỉ ngơi và chuẩn bị cho một năm mới.

Tảo mộ trong tiết thanh minh cũng là thời điểm linh thiêng, một phong tục tập quán của người phương Đông cũng như dân tộc Việt Nam. Đặng Huy Trứ đã viết về thời khắc quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc trong bài *Tế*

*tảo hoang phần* (Tảo mộ hoang). Cách dùng từ chỉ thời gian liên tiếp (buổi sáng, buổi chiều) của tác giả nhấn mạnh sự quan tâm, tôn kính đối với người đã khuất:

*Thảo mộ sam trừ triều hạ sấp,*

*Sinh tư điện hiến văn thiêu hương.*

(Buổi sáng vác cuốc ra giẫy sạch cỏ,

Buổi chiều biện cỗ xôi, miếng thịt, đốt nén hương lên).

Các thi nhân trung đại đã tiếp thu những ước lệ thời gian của văn học Trung Hoa ở chặng đầu của tiến trình văn học. Càng về các giai đoạn sau, những ước lệ mang tính quy phạm dần được thay thế bởi những hình ảnh, từ ngữ giàu chất hiện thực. Cách khắc họa về thời gian thôn quê của các thi nhân trung đại chủ yếu được thể hiện trực tiếp qua các từ chỉ thời gian: Ngày, tháng, mùa, lễ tết...

Có thể nói yếu tố không gian và thời gian trong thơ của các thi sĩ trung đại viết về thôn quê đã dần thoát khỏi những ước lệ sáo mòn của văn chương nhà nho. Trong đó, không gian trong thơ chữ Hán đã được địa danh hóa cụ thể, từng con đê, cánh đồng làng, cây cầu, bờ sông, vườn rau... đều gắn bó thân thiết với cuộc sống người dân quê. Và qua đó chúng ta cũng thấy được sự khu biệt về không gian của ba miền Bắc - Trung - Nam. Thơ Ngô Thì Sĩ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến khắc họa được những đặc sắc của làng cảnh vùng đồng bằng Bắc bộ. Thơ Phan Thúc Trực, Đặng Huy Trứ lại đậm đà bản sắc không gian miền Trung. Trong khi Trịnh Hoài Đức thành công trong việc khắc họa không gian sông nước phía Nam tổ quốc. Bên cạnh đó, yếu tố thời gian cũng hô ứng để tạo nên bức tranh quê gần gũi quen thuộc. Sự luân chuyển của thời gian vũ trụ có mối quan hệ mật thiết với cuộc sống người nông dân thời trung đại. Các thi nhân cảm nhận bước đi của thời gian bằng nhịp sống và nhịp lao động nơi thôn quê. Những biến đổi trong tư duy nghệ thuật về không gian và thời gian đã đưa thơ ca gần hơn với cuộc sống bình dị, dân dã của đông đảo người dân quê lao động.

## **4.2. Ngôn ngữ nghệ thuật**

### **4.2.1. Điển cố thi liệu Hán học**

Viết về thôn quê, bên cạnh vốn ngôn ngữ được chắt lọc ra từ chính đời sống thôn quê và ngôn ngữ văn học dân gian, thơ ca trung đại còn tiếp thu và vận dụng sáng tạo hệ thống điển cố của văn học cổ. Điều này cũng cho thấy sự dịch chuyển đề tài trong thơ trung đại trong việc dùng ngôn ngữ cung đình, cao nhã để thể hiện một đề tài bình dị, dân dã.

Điển cố là những khái niệm gắn liền với văn học trung đại. Vì vậy, mỗi tác

phẩm văn học thời kỳ này đều mang mã khóa và tín hiệu nghệ thuật riêng. Giải mã những mã khóa đó phần nào giúp người đọc hiểu hơn về tư tưởng nghệ thuật của nhà văn. Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “*Điển cố* là sự việc hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn trong thơ văn” [131, tr.308]. Như vậy, “*điển cố*” là những câu chuyện đã trở thành mẫu mực từ cổ xưa được người đời sau trích dẫn trong sáng tác văn học nhằm biểu đạt nội dung được cố định hóa gọi lên từ câu chuyện. Hơn nữa, do đặc trưng thể loại của thơ ca mang tính kiệm lời nên cần có *điển cố* để tăng hiệu quả biểu đạt. *Điển cố* là một dạng thi liệu đặc biệt, tạo ra tính hàm súc, cô đọng đáp ứng quy định chặt chẽ về niêm luật của thể loại thơ. Bên cạnh đó, cách dùng *điển* còn thể hiện tư duy sùng cổ của người trung đại, tính chất cao nhã và sự yên tâm của tác giả.

Văn học trung đại luôn đề cao việc vận dụng *điển cố* trong sáng tác. Quan niệm thẩm mỹ thời trung đại hướng về vẻ đẹp của quá khứ, cái đẹp là khuôn mẫu của tiên nhân. *Điển cố* góp phần làm cho câu thơ giàu ý nghĩa biểu tượng, hàm súc, cao nhã và uyên bác. Việc vận dụng thi liệu Hán học góp phần tạo nên vẻ đẹp tao nhã, mỹ lệ cho bức tranh thôn quê. Điều đó cũng cho thấy sự chuyên biến trong quan niệm thẩm mỹ của văn chương nhà nho. Các thi nhân đã dùng các *điển* phạm thường biểu đạt đề tài mang tính hướng thượng, cao nhã để thể hiện đề tài bình dị, dân dã. Tuy nhiên, càng về các giai đoạn sau, các *điển cố* càng xuất hiện chọn lọc hơn. *Điển cố* được các thi sĩ vận dụng trong cả sáng tác chữ Hán và chữ Nôm khi viết về thôn quê.

Trong bài “*Thôn cư*” của Nguyễn Sưởng có *điển* “*nước Hoa - Tư*” lấy trong *Liệt nữ* chỉ nơi làng quê mà thi nhân đang ở có cuộc sống hồn nhiên, tươi đẹp:

*Hoán xuất Hoa - Tư quốc,*

*Lân kê cách đảo tường.*

(Gọi hồn mơ ra khỏi nước Hoa - Tư

Là nhờ con gà hàng xóm ở bên kia bức tường thấp)

(*Thôn cư* - Ở làng)

Nguyễn Trãi thường dùng *điển* “*cày mây cuốc nguyệt*” có nghĩa là cày trong mây khói, cuốc dưới ánh trăng trong thơ Từ Di để chỉ những người ở ẩn nơi thôn dã. Trong QATT xuất hiện nhiều bài dùng *điển* này để chỉ cuộc sống lao động thuần phác quen thuộc hàng ngày của người nông dân. Thi nhân còn dùng *điển* tích “*Sông vị đất Sần*” của Khương Tử Nha để nói về cuộc sống của nhà nho chốn quê ẩn dật:

Câu quạnh cày nhàn dưỡng mỡ thân.

(*Mạn thuật*, bài 7)

Cuộc cày là thú những chồn chân.

(*Trần tình, bài 2*)

Cày ruộng, cuốc vườn đầu hết khỏe.

(*Trần tình, bài 7*)

Ngoài ra, các điển cố chỉ cuộc sống thôn quê của cổ nhân xưa như: *phần dư, thuần lô, ba đường cúc* trong “*Quy khứ lai từ*” của Đào Tiềm... là điển chỉ tình cảm quê hương sâu nặng và ý muốn về quê của các tiên nhân:

Mừng cùng viên hạc quen lòng thắm,  
Đã kéo thuần lư bảo hẹn về.

(*Tự thán, bài 39*)

HĐQATT cũng thể hiện một cách tinh tế và sâu sắc về cuộc sống lao động thôn quê bằng các điển tích tiêu biểu về thôn quê:

Rừng kia bố cốc còn khuya gióng  
Làng nọ nông phu đã thức nằm.

(*Vịnh ngũ canh*)

Các thi nhân Hồng Đức dùng điển “*bố cốc*” trong Tứ thư chỉ loại chim tu hú kêu vào tháng tư âm lịch. Tiếng kêu có ý nhắc người nông dân cấy lúa theo vụ mùa. Cách dùng điển trong thơ Nôm đã giúp cho sáng tác của Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức giàu biểu cảm. Các điển về *cây hòe, ngô đồng, chim cuốc, tiếng hàn châm, cầm ve...* có khả năng thể hiện được những giá trị về thiên nhiên, cuộc sống thôn quê.

Với nhà thơ song ngữ như Nguyễn Bình Khiêm, thơ ông có sự hòa quyện điều luyện giữa tiếp thu ngôn ngữ thơ ca ngoại nhập và thơ ca dân tộc. Trong thơ Hán có tính dân tộc và trong thơ Nôm lại có tính cao nhã. Thơ chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm giàu tính dân tộc bởi có sự dịch chuyển đề tài: “Khi xét thơ văn chữ Hán của ông thì tính dân tộc thể hiện không những trong nội dung mà phần nào cả trong nghệ thuật nữa” [86, tr.5]. Đặc biệt thơ Nôm của Tuyết giang phu tử cũng vận dụng sáng tạo các điển cố để tạo nên vẻ đẹp độc đáo của hình tượng nhân vật trữ tình ẩn nhàn nơi thôn dã:

Cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà.

(*Thơ Nôm, bài 19*)

Thi nhân dùng điển *lều Nam Dương* nói về Khổng Minh và cảnh câu cá ở *Đông Giang* nói về Nghiêm Quang để thể hiện niềm vui thú với cuộc sống hòa vào thiên nhiên:

Lánh chôn Nam Dương ở một lều.

(*Thơ Nôm, bài 28*)

Đồng Giang rử một cần câu.

(*Thơ Nôm, bài 31*)

Với thành tựu đó về nghệ thuật, vị trí của thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm đã có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của thơ dân tộc: “Thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm, xét về mặt ngôn ngữ học, là một bước tiến, là một gạch nối giữa thơ thế kỉ XV và thơ Nôm thế kỉ XVII” [86, tr.41]. Cách dùng linh hoạt và sáng tạo các điển cố vừa tạo nên sự cô đọng hàm súc vừa tạo nên những liên tưởng sâu sắc về cuộc sống và con người thôn quê trong thơ thế kỉ XVII.

Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyến là những nhà nho uyên thâm của thế kỉ XIX, hai thi nhân đều am hiểu tinh thông các điển cố và vận dụng tinh tế trong thơ ca. Ở bài *Nguyệt khuy thung thướng* (Trăng nhòm cảnh giã gạo), Đặng Huy Trứ đã vận dụng điển tích “Vũ Nghê” (Nghê thường vũ y khúc của Đường Minh Hoàng) để ví với tiếng hò bên cối gạo. Vì vậy, cảnh giã gạo không chỉ miêu tả công việc lao động quen thuộc mà còn gợi lên vẻ đẹp có phần lãng mạn, nên thơ. Bài “*Bùi viên cựu trạch ca*” (Bài ca nhà cũ ở xóm vườn Bùi) của Nguyễn Khuyến cũng vận dụng một điển tích tiêu biểu về *Đào Tiềm* và *Tư Mã Quang*:

*Bành Trạch tổ cầm ngâm cựu cú,*

*Ôn công tôn tử lạc dư xuân.*

(Bành Trạch, gảy tổ cầm, ngâm câu thơ cũ,

Ôn công - Tư Mã Quang, nhấp chén rượu, vui thú xuân thừa)

Nguyễn Khuyến là một nhà nho tinh thông niêm luật của Đường thi cổ điển. Khi viết về thôn quê, thi nhân đã đưa yếu tố dân tộc vào thơ chữ Hán để tạo nên sắc thái mới cho trường phái thơ tao nhã. Thi nhân là bậc thầy trong việc sử dụng ngôn ngữ thơ. Ông được mệnh danh là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam vì những cảnh, người, vật qua cảm nhận của ông đều đậm đà phong vị của quê hương đất nước. Nguyễn Khuyến đã có những cống hiến quan trọng làm cho ngôn ngữ thơ đi sát với đời sống và chuyển cái tinh túy của đời thường thành thơ: “Đáng để ý nhất là Nguyễn Khuyến đã làm cho thơ chữ Hán của ông biểu hiện được nhiều đặc tính của dân tộc” [167, tr.398]. Ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến rất phong phú không những trong cách nói mà còn rất mỹ lệ, gợi cảm trong cách miêu tả. Cách chọn chữ, dùng từ thích hợp và giàu nhạc điệu đã làm cho câu thơ tả cảnh có một sức gợi mở và miêu tả rất cao. Ngôn ngữ tả cảnh rất chính xác, cách chọn chữ, dùng từ thích hợp, từ ngữ thường lấp láy giàu nhạc điệu, có khả năng gợi tả. Thi nhân sử dụng vốn ngôn ngữ bình dân nhưng không hề rơi vào sự dung tục hóa, cảnh nào cũng được vẽ, được

chạm khắc thân tình vừa gợi hình ảnh vừa dâng trào cảm xúc của chủ thể trữ tình.

Như vậy, với hình thức dùng ngôn ngữ Hán nhưng lại truyền tải nội dung có yếu tố đời thường, các thi sĩ trung đại đã thể hiện tinh thần dân tộc hóa thể loại. Loại chữ vuông linh thiêng vốn dành cho văn học mang tính hượng thượng, quan phương đã được sáng tạo và phản ánh sâu sắc những điều giản dị, quen thuộc, gần gũi với đời sống nơi thôn dã. Càng về sau, xu hướng ngôn ngữ thơ càng ít dần điển tích, điển cố và giàu giá trị hiện thực hơn.

Điển tích, điển cố là quá khứ, được đúc kết, cô đọng thành đạo lý, chân lý được dùng phổ biến trong văn học thời trung đại. Đây là phương tiện nghệ thuật đặc thù và có khả năng biểu đạt những tâm sự, cảm xúc tinh tế của thi nhân. Thơ chữ Hán trung đại Việt Nam đến thế kỉ XIX đã có sự kết tinh nhiều giá trị. Trong đó, việc sử dụng hình thức ngôn ngữ Hán học để truyền tải đề tài mang tính bình dị, dân dã là một đóng góp độc đáo của các thi sĩ thời kì này. Mỗi nhà thơ đều có cách sử dụng ngôn ngữ mang phong cách riêng và có những đóng góp khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, kết cấu, phương thức tổ chức... Như vậy, việc vận dụng điển tích, điển cố trong thơ ca chữ Hán và chữ Nôm viết về thôn quê thể hiện sự chuyển biến trong quan niệm thẩm mỹ của văn chương nhà nho. Các thi nhân đã dùng ngôn ngữ văn chương bác học để biểu đạt bức tranh thôn quê mộc mạc, đời thường, giản dị. Đây là bước phát triển ngôn ngữ theo xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại.

#### **4.2.2. Ngôn ngữ văn học dân gian gắn với đời sống thôn quê**

Theo tiến trình phát triển của ngôn ngữ thơ Đường luật Nôm và Đường luật Hán trung đại Việt Nam, chúng ta thấy các thi nhân có sự tiếp thu chọn lọc và sáng tạo theo hướng dân tộc hóa để tạo nên một di sản thơ ca mang tâm hồn Việt. Vốn ngôn ngữ ngoại nhập dần dần được thay thế và được dân tộc hóa để gần gũi với nếp cảm, nếp nghĩ của người Việt. Cũng theo đó, lớp ngôn ngữ thuần Việt vốn tiềm tàng phát triển hàng nghìn năm sau mỗi lũy tre làng vẫn luôn được lưu giữ, không bị Bắc thuộc đồng hóa. Điều đó cũng khẳng định vị trí quan trọng của ngôn ngữ dân tộc trong văn học: “Thành phần ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ đời sống ngày một gia tăng, thành phần ngôn ngữ ngoại nhập và ngôn ngữ sách vở ngày một thuyên giảm. Điều đó chứng tỏ thành phần ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ đời sống có đủ khả năng phản ánh và thẩm mỹ - để thay thế dần thành phần ngôn ngữ ngoại nhập và ngôn ngữ sách vở” [171, tr.202]. Phải tìm về những thi phẩm viết về thôn quê, người đọc thế hệ sau mới có thể được thưởng ngoạn vốn ngôn ngữ bình dị, trong sáng mà sinh động của cha ông ta thừa trước.



Bên cạnh ngôn ngữ ngoại nhập, ngôn ngữ văn học dân tộc là một yếu tố cơ bản tạo nên giá trị đặc sắc của thơ ca trung đại. Khi viết về thôn quê, các thi nhân trung đại đã vận dụng và phát huy ngôn ngữ dân tộc một cách tinh tế. Bộ phận ngôn ngữ văn học dân tộc được thể hiện ở hai thành tố là ngôn ngữ văn học dân gian và ngôn ngữ đời sống hàng ngày của đồng đảo quần chúng nhân dân. Trong đó, thơ Nôm Đường luật vận dụng ngôn ngữ dân tộc chiếm ưu thế hơn so với thơ chữ Hán Đường luật. Do chữ Nôm ghi âm tiếng Việt nên thơ Nôm Đường luật có thể phản ánh mọi vấn đề của đời sống xã hội, con người, nhất là những điều bình dị. Chất liệu của thơ Nôm được chung cất từ chính cuộc sống đời thường dân dã, có khả năng diễn tả các cung bậc cảm xúc của con người cũng như tên gọi của cây cối, vạn vật ở thôn quê làng Việt.

Văn học dân gian là kết tinh trí tuệ và tâm hồn của cha ông ta thuở trước. Văn học viết đã kế thừa và phát huy những giá trị tinh hoa đó để tạo nên các tác phẩm mang hơi thở sâu lắng của tiếng cha ông: “Về ngôn ngữ diễn đạt, khi nói tới tính dân tộc, người ta thường quan tâm tới yếu tố bình dân, thông tục của nó... là lời ăn tiếng nói của người Việt Nam, là những lời nôm na, dân tục hàng ngày. Trước hết, đó là việc vận dụng các thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca vào thơ ca” [68, tr.447]. Ngôn ngữ văn học dân gian được kế thừa và phát huy trong văn học viết đã khẳng định sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của ngôn ngữ dân tộc. Chính vì vậy, thơ Nôm Đường luật mang phong vị đậm đà tinh thần dân tộc, dân dã mà thơ chữ Hán nhiều khi không có được. Thành ngữ, tục ngữ là một bộ phận quan trọng của tiếng Việt, thể hiện những đặc trưng văn hoá, tư duy của cha ông nhiều thế hệ trước. Các thi nhân trung đại vận dụng những yếu tố này trong văn học viết tạo nên vẻ đẹp tiềm tàng, đậm đà tinh thần dân tộc.

QÀTT là tập thơ Nôm đầu tiên đánh dấu sự hiện diện của ngôn ngữ dân tộc trong văn học nhà nho. Nhiều quán ngữ, thành ngữ, tục ngữ, ca dao được dùng khá linh hoạt, như: *đôi ba khóm, sừng qua tai, quanh co ruột ốc, nên thợ nên thầy, no ăn no mặc...* Đó là thứ ngôn ngữ của người lao động được thi nhân chọn lọc để biểu đạt những nội dung mang tính triết lý, giáo huấn. Ngoài ra, thi nhân cũng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong việc thể hiện cuộc sống thôn quê thanh đạm qua việc vận dụng câu tục ngữ “*Ăn lấy chắc, mặc lấy bền*”:

Bữa ăn dầu có dưa muối,  
Áo mặc nài chi gấm là.

(*Ngôn chí, 3*)

Cơm ăn chẳng quản dưa muối,  
Áo mặc nài chi gấm thêu.

(*Thuật hứng*, 22)

Nguyễn Bình Khiêm đã phát huy những thành tựu từ Nguyễn Trãi để khẳng định vai trò, vị trí của ngôn ngữ văn học dân gian đối với văn học viết của dân tộc. BVQNTT có sự xuất hiện dày đặc các câu thành ngữ, tục ngữ nhằm biểu đạt triết lý của nhà nho: “Ông giữ nguyên hoặc biến hóa những câu tục ngữ, thành ngữ để thích nghi một cách tự nhiên vào lời thơ của mình, tạo nên nhịp điệu vững chắc của câu thơ và tính chất phác, khỏe mạnh của hình tượng thơ” [154, tr.307]. Bạch Vân cư sĩ đề cao cuộc sống thuận theo tự nhiên, gắn bó gần gũi với thôn quê, đây là triết lý sống của nhiều nhà nho trung đại:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

(*Thơ Nôm*, bài 79)

Tư tưởng quay trở về sống hòa mình với thôn quê với những thú vui dân dã của Trạng Trình có sự gặp gỡ trong tư tưởng dân gian:

Rủ nhau ra tắm hồ sen  
Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình.  
Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh  
Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay.

(*Ca dao*)

Trong khi đó, Đặng Huy Trứ bày tỏ lòng trần trở và cảm thông trước những vất vả cơ cực của người dân để có được thành quả lao động. Đặc biệt, thi nhân vận dụng ý nghĩa của ca dao dân gian vào thơ chữ Hán. Bài thơ *Đối phạn* (Trước bát cơm) có câu kết đầy ý nghĩa:

*Canh phu diệp phụ tương đề tỉnh,*  
*Thường tận toan tân thủy đắc lai.*  
(Người thợ cày, chị thợ cấy luôn nhắc nhở,  
Ném bao đắng cay mới có bát cơm này)

Đó là điểm gặp gỡ với câu ca dao:

Ai ơi bụng bát cơm đầy  
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần

Đối với các thi nhân thế kỉ XIX, thơ không chỉ là địa hạt của tư tưởng, cảm xúc mà còn là nơi thể hiện những lo lắng thường nhật, những chi li đong đếm trong

cuộc sống của người dân quê. Nguyễn Khuyến dùng thành ngữ “*lãi mẹ đẻ lãi con*” để viết câu thơ thất ngôn về cuộc sống thôn quê với những bận bịu lo toan của nhà nông. Chất thơ ở đây gần hơn với hiện thực cuộc sống:

Lãi mẹ, lãi con, sinh đẻ mãi,  
Chục năm, chục bảy, tính nhiều sao.

(*Than nợ*)

Như vậy, ngôn ngữ văn học dân gian là tiếng nói chung của cộng đồng, của dân tộc, là bộ phận ngôn ngữ kết tinh từ cuộc sống dân quê đã trở thành một bộ phận ngôn ngữ của văn học viết. Những thành tựu của văn học dân gian đã đem đến cho thơ Đường luật Nôm phong vị dân dã, quen thuộc trong việc biểu đạt cảm xúc về thiên nhiên và cuộc sống con người thôn quê. Viết về đề tài thôn quê, các thi nhân vận dụng ngôn ngữ văn học dân gian như một cách khẳng định giá trị ngôn ngữ quần chúng nhân dân lao động và khẳng định vị thế của ngôn ngữ ca dao, tục ngữ đối với văn học viết. Điều đó cũng cho thấy, ngôn ngữ văn học dân tộc có đủ khả năng diễn tả mọi cung bậc cảm xúc phong phú và tinh tế của con người.

#### **4.2.3. Ngôn ngữ đời sống hàng ngày của người dân thôn quê**

Bên cạnh việc vận dụng và phát huy giá trị ngôn ngữ của văn học dân gian, các thi nhân trung đại còn đưa ngôn ngữ đời sống trong sáng tác thơ Nôm. Ngôn ngữ đời sống là ngôn ngữ dùng trong cuộc sống hàng ngày và đặc biệt thể hiện bản sắc và đặc trưng riêng của mỗi vùng miền. Các lớp từ ngữ phản ánh phong phú, sinh động đời sống bận bịu, rộng lớn. Cách dùng ngôn ngữ đời sống trong các tập thơ Nôm Đường luật đã thể hiện từ lối ăn, lối mặc, nếp cảm, nếp nghĩ, những nét sinh hoạt, những phong tục tập quán của người dân thôn quê được phản ánh chân thực, đậm đà phong vị dân tộc. Một tác phẩm văn học được hình thành từ nhiều yếu tố khác nhau và tùy vào từng đặc trưng thể loại mà nhà văn xây dựng hệ thống ngôn ngữ riêng biệt. Thơ là thể loại ra đời sớm và phát triển mạnh mẽ ở cả chữ Hán và chữ Nôm. Trong đó, ngôn ngữ là yếu tố tạo nên sự khác biệt giữa hai dòng thơ cùng song song phát triển trong suốt tiến trình phát triển của văn học trung đại: “Ngôn ngữ là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn” [53, tr.186]. Đối với thơ ca, ngôn ngữ là chất liệu độc đáo, là tín hiệu nghệ thuật có vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu một thi phẩm. Mọi giá trị của tác phẩm đều được ẩn náu dưới những dòng thơ cô đọng, hàm súc. Cách vận dụng sáng tạo từ thuần Việt, từ láy, từ cảm thán, từ để hỏi... trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của người dân đã tạo nên giá trị độc đáo của thơ Nôm Đường luật.

Nguyễn Trãi đã sử dụng các lớp từ Việt là những từ chỉ sản vật quê hương: bẻ rau muống, lạnh mùng toi, vị núc nác, đậu, kê, con đòng đong, con niềng niềng...

Một cày một cuốc thú nhà quê,

Áng cúc lan chen vãi đậu kê.

*(Thuật hứng, bài 3)*

Một ao niềng niềng mấy đòng đong.

*(Thuật hứng, bài 11)*

Chỉ có thể vận dụng chữ Nôm - thứ ngôn ngữ dân tộc thì Nguyễn Trãi mới diễn đạt được đầy đủ và giàu cảm xúc những cung bậc tình cảm của thi nhân trước cuộc sống dân dã sinh động, phong phú. Ngoài ra thi nhân còn sử dụng thành thạo từ láy - loại từ có có sự khu biệt rõ ràng với ngôn ngữ ngoại nhập:

Miệt bả, hài gai, khăn cóc,

*Xuềnh xoàng* làm mỗ đũa thôn nhân.

*(Mạn thuật 11)*

Dù bụt, dù tiên ai kẻ hỏi,

Ông này đã có thú ông này.

*(Mạn thuật 6)*

Cách vận dụng ngôn ngữ đời sống được các thi nhân thời Hồng Đức tiếp tục phát huy trong giai đoạn nửa sau thế kỉ XV. Có thể nói, HỌQATT trở nên gần gũi, giàu tinh thần dân tộc hơn nhờ cách vận dụng linh hoạt, sáng tạo giá trị ngôn ngữ đời sống. Những tư tưởng của Nho giáo kinh điển, những bài học đạo lý của minh quân lương thần cũng trở nên dễ hiểu và gần gũi hơn khi được truyền tải qua ngôn ngữ đời sống quen thuộc. Đây là tập thơ cung đình ở thời kì cực thịnh của Nho giáo, các thi nhân thời Hồng Đức đã đem đến một diện mạo mới cho thơ Nôm Đường luật trong việc biểu đạt cảm xúc của chủ thể trữ tình với cuộc sống thôn quê.

Tính dân tộc trước hết thể hiện ở việc vận dụng sinh động, sáng tạo câu hỏi trong ngôn ngữ nói hàng ngày của người dân:

Những thế còn ai chịu được e?

*(Lại vịnh nắng mùa hè)*

Ông nào thổi địch thanh toi tá?

*(Sơn thị tình lam - Chợ cạnh núi lúc tạnh mù)*

Đặc biệt, HỌQATT có thể được coi như một kho từ láy chỉ tính chất của thiên nhiên và dáng vẻ lao động của con người. Mật độ từ láy xuất hiện trong hầu hết các bài thơ viết về thôn quê. Thiên nhiên thôn quê trở nên gần gũi hơn, quen thuộc hơn:

nguyệt treo *chéch chéch*, sương ướt *đằm đằm*, nước nóng *sùng sục*, ngày nắng *chang chang*, *lẻ tẻ*, *lao xao*...

Nguyệt đầu non treo *chéch chéch*,

Sương mặt đất ướt *đằm đằm*.

(*Vịnh ngũ canh*)

*Chan chan* thuyên đổ đầu ghèn liểu,

*San sát* chài phơi cuối vụng hoa.

(*Ngũ thôn tịch chiếu* - Ánh chiếu rọi vào xóm chài lưới)

Bên cạnh đó, những từ láy đặc tả về dáng vẻ, trạng thái của người lao động cũng góp phần làm nổi bật cuộc sống thái bình, thịnh trị của muôn dân. Người kiếm cá được miêu tả trong tư thế: mang *lụp xụp*, đứng *lom khom*, áo to che *lủn củn*, cần câu trúc uốn *khom khom*; Người hái củi thì: mang *léch théch*, quảy *khom khom*, mang *đủng đỉnh*; Người đi cày: tai *nhấp nhấp*, cật *khom khom*; Người chăn trâu: *lao xao* hỏi, *ngáp nghé* nhòm, cười *khặc khặc*, cỡi *khom khom*. Thành công trong việc sử dụng từ láy của các nho sĩ thời Hồng Đức cho thấy: “Hãy lướt qua những chỗ thù phụng tâm thường, những chỗ dễ dãi về niêm luật, về lời thơ, về hiệp vần, chúng ta sẽ đọc được những câu thơ sống động đậm đà màu sắc dân tộc, đậm đà tình cảm yêu thiên nhiên, đất nước, yêu con người trong sáng, con người lao động” [37, tr.32]. Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức đã phát triển ngôn ngữ thơ quốc âm thêm một bước mới trong việc thể hiện tư tưởng, tình cảm đối với cuộc sống và con người thôn quê.

Nguyễn Bình Khiêm đã khắc họa một thói quen trong nếp sinh hoạt quen thuộc mà giản dị của cuộc sống thôn dân. Phải là người hòa mình ở chốn điền viên thôn dã, nhà thơ mới thỏa cái chí tiêu dao, thuận theo lẽ tự nhiên. Tác giả đã sử dụng thứ ngôn ngữ dung dị, tự nhiên, thể hiện thâm tình sâu nặng, gắn bó thiết tha của nhà thơ với cuộc sống và con người của quê hương. Cuộc sống hiện thực vốn phong phú muôn màu, trong khi từ Hán Việt là tử ngữ chỉ giới hạn và mang tính quy phạm. Vậy nên, một cách tự nhiên, Tuyết Giang phu tử đã vận dụng ngôn ngữ đời sống hàng ngày đang diễn ra trước mắt để phản ánh chính cuộc sống bộn bề, đa dạng. Từng tên gọi các sản vật thôn quê cho đến cách dùng từ thuần Việt đã có sự tiếp thu và sáng tạo hơn so với thơ Nôm thế kỉ XV:

Thềm, nữ phụ canh cua róc,

Lạnh, đà quen đắp ổ rom.

(*Thơ Nôm, bài 36*)

Đây là ngôn ngữ gần gũi, mộc mạc, là thứ ngôn ngữ được chắt lọc ra từ chính

cuộc sống quê kiểng, thuần phác. Nhà thơ sử dụng những từ Việt thô sơ để phản ánh vẻ đẹp chân thực của cuộc sống. Bên cạnh đó, những sản phẩm hương thôn thân thuộc, bình dị mang hơi thở của sông núi, ruộng vườn của hồn quê, làng quê đất Việt như canh cua róc, măng trúc, ếch, niềng niễng, lúa, khoai, rau muống, đồng đòng, dứa, ngô... Những từ “nhá”, “ném”, “tiếc”, “thèm”, “kéo” thật mộc mạc, thuần phác gần gũi với khẩu ngữ hàng ngày trong giao tiếp của đông đảo nhân dân:

Nhá rau lại tiếc mùi canh ngọt,  
Ném ếch còn thèm có giống măng.

(*Thơ Nôm, bài 90*)

Cá tôm tôi chác bên kia bến,  
Củ đuốc ngày mua mé nọ đèo.

(*Thơ Nôm, bài 38*)

Khi biểu đạt tình cảm với người thân, bạn bè, làng xóm, thi nhân cũng dùng từ Việt để thay thế từ Hán Việt nghĩa tương ứng như cha, mẹ, vợ chồng, anh, em... trở nên gần gũi, thân mật, ấm áp hơn. Những bài thơ về thôn quê trong BVQNTT cho thấy đóng góp của Trọng Trình trong việc đưa ngôn ngữ đời thường trở thành ngôn ngữ nghệ thuật, mang tính thẩm mỹ và tinh thần thân dân sâu sắc. Vốn từ không trau chuốt, không gọt giũa nhưng vẫn mang giá trị biểu cảm trong thơ Trọng Trình.

Như vậy, sau tập thơ Nôm đầu tiên của Nguyễn Trãi, thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm đã có bước chuyển biến quan trọng đánh dấu vị trí của thơ ca dân tộc. Chỉ sau một thế kỉ, Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã đưa thơ Nôm Đường luật thành thể loại có khả năng biểu đạt tinh tế và sâu sắc. Ngôn ngữ nghệ thuật thơ gần gũi hơn với ngôn ngữ đời sống thường ngày của người dân lao động.

Đến Nguyễn Khuyến, ngôn ngữ thơ Nôm Đường luật đã có sự kết tinh của ngôn ngữ dân tộc, khẳng định vai trò, vị trí của chữ Nôm trong nền văn học. Thôn quê trong thơ Nguyễn Khuyến trở nên gần gũi hơn, chân thực hơn nhờ tác giả vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ đời sống thôn quê. Thi nhân không dùng nhiều chữ Hán và điển cố thi liệu Hán để tạo nên tính dân tộc trong thơ Nôm. Ngôn ngữ trong thơ ông quan làng Và là ngôn ngữ đại chúng của vùng Bắc bộ, những lời ăn tiếng nói hàng ngày của đông đảo tầng lớp dân quê được thi nhân đưa vào thơ với tấm lòng trân trọng. Ngôn ngữ tả cảnh thôn quê rất chính xác trong cách chọn chữ, dùng từ thích hợp và có khả năng gợi tả cao. Thi nhân sử dụng vốn ngôn ngữ bình dân nhưng không hề rơi vào sự thông tục hóa, cảnh nào cũng được vẽ, được chạm khắc thần tình đạt đến mức nghệ thuật. Trong chùm thơ thu tiêu biểu về mùa thu

vùng đồng bằng Bắc bộ, Nguyễn Khuyến dùng những lời nói hàng ngày của người dân Việt, chỉ ngoại lệ dùng một điển tích ("ông Đào" ở cuối bài *Thu vịnh*). Khác với những bức phong cảnh về tứ thời của các thi nhân trước đó, cảnh thu trong thơ Nguyễn Khuyến hiện lên chân thực và mang đặc trưng của vùng miền, làm cho ngôn ngữ tiếng Việt trở nên phong phú, tinh tế hơn.

Có nhiều bài thơ như lời tâm tình của những người dân quê, sự gần gũi thân thiết thể hiện qua cách xưng hô thân mật trong giao tiếp: *trời cho tớ, với tớ, cùng ta, nhĩ, thì, mà, là...* Từng câu thơ như được chất lọc từ chính cuộc sống với vẻ đẹp thuần phác, giản dị mà đậm ảm nghĩa tình:

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,  
Năm lẫn ông cũng lão đây mà.  
Anh em làng xóm xin mời cả,  
Giò bánh, trâu heo cũng gọi là.

(*Lên lão*)

Thi nhân đưa cách nói, những khẩu ngữ, dùng nhiều từ láy trong giao tiếp hàng ngày của người dân quê như: *Lạnh lẽo, tẻo teo, lơ lửng, le te, lập lòe, phát phơ, lóng lánh, lơ thơ, hắt hiu...* và cách dùng tính từ giàu tính biểu cảm: *gợn tí, đưa vèo, vắng teo, đỏ hoe, say nhè, xanh ngắt*:

Năm gian nhà cỏ thấp le te,  
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.  
Lung giậu phát phơ màu khói nhạt,  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

(*Thu ẩm*)

Vị quan làng Và còn gọi lên cả không khí xao xác của cảnh chợ Đồng cuối năm hay thời khắc giao thừa ở làng quê qua việc dùng từ láy như lời ăn tiếng nói hàng ngày của thôn dân:

Hàng quán người về nghe xao xác,  
Nợ nần năm trước hỏi lung tung.

(*Chợ Đồng*)

Ngoài lũy nhấp nhô cò cộ tổng,  
Cách ao lẹ đẹt pháo thầy Nhang.

(*Khai bút*)

Cảnh lụt lội ở thôn quê cũng gợi nhiều cảm xúc với những từ láy gợi âm thanh, hình ảnh sinh động, chân thực:

Bóng thuyền *thấp thoáng* giờn trên vách,  
Tiếng sóng *long bong* vỗ trước nhà.

(*Vịnh lụt*)

Tiếng sáo *vo ve* chiều nước vọng.  
Chiếc thuyền *len lỏi* bóng trăng trôi.

(*Nước lụt Hà Nam*)

Cách vận dụng sáng tạo ngôn ngữ đời sống đã tạo nên chất hiện thực trong Nguyễn Khuyến: “Là nhà thơ kết tinh toàn bộ nghệ thuật thơ Nôm cổ trung đại, ông còn là tác giả đánh dấu một dấu gạch quan trọng nói sang cận đại, ở chỗ thơ ông giàu tính hiện thực và khắc họa được tâm trạng đỗi vờ của người trí thức trước cuộc “dâu bể” đương thời” [65, tr.16]. Ngôn ngữ đời sống có vai trò quan trọng trong việc thể hiện đề tài có tính chất đời thường thông tục, có khả năng biểu đạt chức năng thẩm mỹ của văn học. Thành phần ngôn ngữ này mang đến cho thơ Nôm Đường luật một vẻ đẹp giản dị, chất phác, dân chủ hóa hệ thống ngôn ngữ của thể loại trong hành trình văn học trung đại Việt Nam.

Như vậy, thành phần ngôn ngữ đời sống giữ vai trò quan trọng trong việc thể hiện những nội dung có tính chất đời thường, thông tục, tạo sự khu biệt giữa Đường luật Nôm và Đường luật Hán. Thơ Nôm là thể loại văn học được tiếp thu và sáng tạo nhằm thể hiện một cách chân thực, cụ thể, sinh động nhất cảnh sắc và con người Việt Nam chứ không phải là cảm xúc chung chung trừu tượng. Hơn nữa, thành phần ngôn ngữ đời sống trong thơ Đường luật Nôm tạo nên vẻ đẹp giản dị, hồn nhiên, thuần phác khác Đường luật Hán thường mang tính tượng trưng nghiêng về vẻ đẹp tao nhã, mỹ lệ. Với thơ Nôm, từ lời nói đến suy nghĩ, cảm xúc của con người ở chốn quê được thi nhân ghi lại một cách chân thực bằng thứ ngôn ngữ khởi phát từ chính cuộc sống đó. Qua đây, chúng ta cũng có thể thấy từ QÂTT, HÐQÂTT, BVQNTT cho đến thơ Nôm Nguyễn Khuyến đã có sự phát triển mạnh mẽ trong việc vận dụng ngôn ngữ đời sống trong thơ nhà nho. Mọi khía cạnh của cuộc sống con người từ đời sống vật chất cho đến mọi cung bậc cảm xúc của tâm hồn con người được phản ánh một cách chân thực, sinh động trong thơ. Các thi nhân trung đại đã góp phần lưu giữ vốn ngôn ngữ của dân tộc qua những vần thơ Nôm đặc sắc, giàu giá trị hiện thực và đậm đà tinh thần dân tộc khi viết về thôn quê.

### 4.3. Giọng điệu nghệ thuật

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: “Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong



cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc” [53, tr.113]. Mỗi tác phẩm văn học đều có giọng điệu riêng và phụ thuộc vào từng thể loại khác nhau, từng tác giả khác nhau. Giọng điệu của văn học dân gian là giọng điệu của một tập thể, một lớp người chứ không phải là sản phẩm của một cá tính sáng tạo, vì nhân vật trữ tình là nhân vật phiếm chỉ. Trong khi đó, giọng điệu của văn học viết là giọng điệu của mỗi cá nhân cụ thể. Thơ trung đại là thơ tỏ chí, tỏ lòng, mang tính ước lệ và quy phạm nhưng đã xuất hiện yếu tố cá nhân dù chưa rõ ràng, cụ thể. Hơn nữa, thơ trữ tình là thể loại bộc lộ rõ nhất tư tưởng, tình cảm của chủ thể trữ tình nên giọng điệu của tác giả phần lớn trùng hợp với giọng điệu chung của bài thơ. Mỗi bài thơ là một cấu trúc hoàn chỉnh, nên giọng điệu thơ cũng thể hiện qua nhịp điệu, cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ một cách thống nhất. Viết về đề tài thôn quê, mỗi tác giả, mỗi tác phẩm có giọng điệu khác nhau, tuy nhiên giọng điệu chủ đạo là giọng trữ tình và giọng tự sự.

#### **4.3.1. Giọng trữ tình**

Đối với thơ trung đại, dù viết theo thể thơ nào cũng đều có những công thức chung về niêm luật chặt chẽ, đúng theo quy phạm. Các bài thơ có thể giống nhau về nhịp điệu nhưng có sự khác biệt về giọng điệu. Bởi giọng điệu được toát ra từ toàn bộ tư tưởng, tình cảm của chủ thể trữ tình của bài thơ. Giọng điệu thể hiện qua cách cảm, cách nghĩ của chính nhà thơ và qua đối tượng thẩm mỹ trong thơ. Phần lớn thơ về thôn quê được sáng tác khi thi nhân về ẩn nài chốn quê, là khi thi nhân đã trải qua những thăng trầm của cuộc đời. Vậy nên, giọng điệu thơ được thể hiện qua tư tưởng, chủ đề cũng như cách dùng từ ngữ của thi nhân.

Được trở về hòa và cuộc sống của quê hương, làng xóm, các thi nhân luôn thể hiện niềm vui an nhiên tự tại. Bởi đây là cuộc sống gần gũi thiên nhiên, gần gũi nhân dân và tránh xa được những chông gai chốn cung đình. Vậy nên, giọng điệu chủ đạo trong những vần thơ về thôn quê là giọng vui mừng, hồ hởi xen lẫn giọng trầm tư, cảm khái về thời thế. Giọng điệu ấy cũng có những sắc thái khác nhau ở thơ chữ Hán và chữ Nôm.

Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh là những nhà nho có thời gian về ẩn dật tại quê nhà và có nhiều vần thơ cảm khái thời thế. Sự bất mãn trước thời cuộc và hài lòng với cuộc sống thôn quê cũng thể hiện rõ qua giọng điệu trong thơ chữ Hán. Ấn sau những cụm từ “hứng chuyển thanh” (cảm thấy thanh thú), “nhàn tình trạm trạm” (cảnh nhàn tênh tênh) cho thấy niềm vui thú với tự nhiên và giọng điệu an nhàn tự tại:

*Lâm lưu mao xá bản phi quynh,*

*Tiểu phó thu tâm hứng chuyển thanh.*

(Ngôi nhà tranh bên sông khép cánh cửa ván,  
Trong vườn nhỏ giữa mùa thu, cảm thấy rất thanh thú)

(*Thu nhật* - Trần Nguyên Đán)

*Nhàn tình trạm trạm xuân giao túc,  
Thế lộ mang mang ngộ thủy trường.*

(Cảnh nhàn tênh tênh, rượu xuân uống đầy,  
Đường đời man mác, giấc ngủ kéo dài)

(*Thôn gia thú* - Nguyễn Phi Khanh)

Là nhà nho yêu nước và trăn trở nỗi “an dân”, xen lẫn giọng điệu thơ an nhiên, hài lòng với cuộc sống ẩn dật là giọng lo lắng, cảm khái thời thế trước cuộc sống của người dân quê cơ cực:

*Niên lai hạ hạn hựu thu lâm,  
Hòa hảo miêu thương hại chuyển thâm.*

(Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu lại bị lụt,  
Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều)

(*Nhâm Dẫn lục nguyệt tác* - Trần Nguyên Đán)

Ngay hai câu thơ đầu chưa cần đối theo niêm luật nhưng trong mỗi câu đều có các cặp đối ý “song trùng” tăng thêm sự thất bát của mùa màng, sự lo lắng của nhà thơ: “*hạ hạn/ thu lâm*”, “*Hòa hảo/ miêu thương*”. Đó là giọng ngậm ngùi, xót xa mà bất lực của nhà nho trước tình cảnh cơ cực của người dân khi thiên tai ập đến.

Giọng điệu an nhàn, tự tại, vui mừng hồ hởi khi được sống hòa với thiên nhiên thôn quê được thể hiện sinh động qua thơ Nôm của Nguyễn Trãi ở nửa đầu thế kỉ XV. Ước Trãi là nhà nho hăm hở với tinh thần “trí quân trạch dân” và luôn đau đáu nỗi niềm “ưu ái”, nhưng khi quay về dừng chân nơi nghỉ chốn quê, thi nhân vẫn có những phút giây thanh nhàn, an lạc. Niềm vui ấy được thể hiện rõ qua giọng điệu được nhấn mạnh ở các câu cuối bài thơ với những từ lặp lại, khẳng định chắc chắn khoảnh khắc vui thú ở thôn quê:

*Năng một ông này đẹp thú này. (Ngôn chí 10)*

*Ông này đã có thú ông này. (Mạn thuật 6)*

*Tôi Đường Ngu ở đất Đường Ngu. (Trần tình 7)*

*Đều hui ta hãy một đều hui. (Thuật hứng 22)*

Nếu như thơ về thôn quê từ thế kỉ XIII - XV mang giọng điệu vui thú, an nhàn tự tại, hài lòng với thiên nhiên và cuộc sống thôn dã thì giọng điệu vui mừng, hân hoan trước cảnh thái bình là giọng chủ đạo của thơ ca nửa sau thế kỉ XV. Lê Thánh

Tông và các thi nhân thời Hồng Đức làm thơ vịnh về cảnh thiên nhiên và cuộc sống lao động của người dân quê, dù đó là hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ nhưng vẫn giàu chất hiện thực với giọng điệu hào sảng, vui tươi. Giọng điệu đó được thể hiện qua cách vận dụng linh hoạt, sinh động các từ chỉ âm thanh sôi động:

Lùng lẫ cùng ca khúc thái bình. (*Vịnh nhất canh*)

Tiếng gà sôi nổi, tiếng hàn chiêm. (*Vịnh ngũ canh*)

Vang địch trúc lao xao hỏi (*Vịnh người chăn trâu*)

Lẻ tẻ đầu non người quấy củi,

Lao xao cuối bãi khách về thuyền.

Mỡ vang cóc cóc bên kia bến,

Chuông đóng coong coong mái nọ chiều.

Sang thế kỉ XVI, giọng thơ về thôn quê dù vẫn mang âm điệu an nhàn, vui thú tự nhiên nhưng xen lẫn giọng trầm tư, triết lý trong thơ Nguyễn Bình Khiêm. Từ thế kỉ XVIII, diện mạo thơ ca trung đại trở nên phong phú khi có sự xuất hiện đông đảo các tác giả ba miền. Vậy nên giọng điệu thơ cũng có thêm nhiều sắc thái mới.

Trịnh Hoài Đức là sử gia và thi gia tiêu biểu của Nam bộ thời Nguyễn. Thơ ông là tiếng lòng đầy nhiệt huyết về vùng đất giàu đẹp và trù phú ở cực Nam của tổ quốc. Vậy nên, giọng điệu thơ xuyên suốt trong các bài thơ về thôn quê là giọng tự hào về cảnh sắc quê hương, ca ngợi cuộc sống yên bình, giản dị. Bài thơ *Giang thôn hiểu thị* (Chợ buổi sáng thôn bên sông) là một bức tranh sinh động về cảnh sinh hoạt của người dân vùng sông nước. Giọng điệu bao trùm bài thơ là giọng nhanh, dồn dập miêu tả về cuộc sống nhộn nhịp, tấp nập ở chợ quê vùng sông nước. Viết về miền Trung, thơ Đặng Huy Trứ vừa có giọng điệu vui thú cùng cảnh sắc thôn quê vừa có giọng điệu cảm thông, thấu hiểu trước cuộc sống lao động vất vả của người dân quê. *Kiến lão ông đài than* (Thấy ông lão vác than), *Tình thiên thái hiện* (Trời tạnh mờ hén), *Canh phu giáo độc* (Thợ cày vực ghé), *Tang phụ tự tầm* (Người đàn bà chần tầm)... là những bài thơ khắc họa cảnh nhà nông tảo tần sớm tối và ẩn sau đó là giọng thơ của một vị quan luôn lo lắng, trăn trở cho cuộc sống của dân quê. Thậm chí, có những bài thơ còn thể hiện giọng chất vấn, day dứt tự nhắc nhở của chính nhà thơ trước sự vất vả, cơ cực của người dân:

*Kinh sừ mạc nại phong sương khổ,*

*Học thực nguyên vô thủy hạn tai.*

*Tự thị cao chi sung nhĩ bổng,*

*Thùy tương khẩu phúc phí dân tài.*

(Cày trên sách vở, chẳng phải chịu cái khổ của gió sương,  
 Trông trượt bằng việc học không hề biết đến hạn hán, thủy tai.  
 Thế mà lấy mồ hôi, nước mắt của người làm bông lộc cho mình,  
 Lẽ nào vì cái lỗ miệng, cái bụng của mình làm uổng phí của cải của dân sao?)

Như vậy, giọng điệu trữ tình là yếu tố góp phần làm rõ hơn tư tưởng, tình cảm cũng như thái độ của thi nhân với đối tượng thẩm mỹ. Cùng cảm hứng về thôn quê được thể hiện cùng thể loại thơ mang tính quy phạm, nhưng ở mỗi bài thơ, mỗi tác giả lại có giọng điệu riêng. Dù là giọng vui mừng, hồ hởi, ca ngợi, cảm khái hay chất vấn thì mỗi bài thơ là một nốt nhạc trong bản hòa tấu đa thanh về con người và cảnh sắc thiên nhiên thôn quê.

#### 4.3.2. Giọng tự sự

Để khắc họa một cách đầy đủ về cuộc sống sinh động và phong phú ở thôn quê, các thi nhân trung đại còn thể hiện giọng điệu tự sự trong thơ trữ tình. Điều này cũng cho thấy khả năng mở rộng phạm vi phản ánh và chiếm lĩnh hiện thực của thơ trung đại Việt Nam. Những sự việc, con người và cuộc sống hiện thực được khắc họa cụ thể, chi tiết qua những vần thơ vốn kiệm chữ. Nếu như giọng điệu trong tác phẩm tự sự là giọng đa thanh của nhân vật, người kể chuyện và tác giả thì giọng điệu trong tác phẩm trữ tình chủ yếu là giọng đơn thanh của chủ thể trữ tình. Vậy nên, giọng điệu tự sự trong thơ không chỉ đơn giản kể lại sự việc mà còn là tâm tư, tình cảm, thái độ cũng như nhãn quan nghệ thuật của nhà thơ. Giọng điệu tự sự xuất hiện ở các tác giả từ thế kỉ XVIII - XIX và chủ yếu ở thể thơ cổ phong trường thiên.

Cao Bá Quát là một nhà thơ “ly hương” luôn mang nỗi niềm “quy cố hương”, thơ ông không chỉ ghi lại cảm xúc nhất định mà còn là những tâm sự, những câu chuyện ân nghĩa với quê hương bản quán. Với thể thơ năm chữ, thi nhân đã thể hiện niềm vui với người dân quê khi được mùa. Niềm vui ấy được thể hiện qua bài thơ *Ngũ phong thập vũ tuế phong nhưong* (Mưa thuận gió hòa năm được mùa). Giọng điệu vui mừng ấy được thể hiện cụ thể qua việc tác giả kể về sự thuận lợi của trời đất và của lòng người: “Lưỡng độ kiêm tuần chí” (Cứ hai mươi ngày có hai lần mưa), “Hảo tự Tất, Cơ chương” (Điềm tốt từ sao Tất, sao Cơ hiện rõ). Đặc biệt, giọng tự sự thể hiện rõ qua những bài thơ ghi lại khoảnh khắc thi nhân được quay trở về. *Tương đảo cố hương* (Sắp về đến quê nhà) là câu chuyện cảm động nghĩa tình trong giây phút người con xa quê được quay trở về. Người khách ly hương bao ngày mong chờ được đặt chân trên mảnh đất quê hương, khi trở về, thi nhân nghẹn ngào bao cảm xúc. Thể thơ ngũ ngôn trường thiên không cần niêm luật chặt chẽ,

không gò bó về số câu mới có thể diễn tả hết được nhiều cung bậc cảm xúc đang dồn dập diễn ra trong lòng thi nhân. Tác giả liệt kê liên tiếp các từ chỉ cảnh vật, sản vật thôn quê: cây gạo, tre, cỏ, cá dưới ao, lúa tốt xanh... cho thấy giọng điệu háo hức, quen thuộc, gần gũi khi nhìn thấy quê nhà của thi sĩ họ Cao. Cảm xúc ấy càng được thể hiện rõ hơn trong bài *Quy cố trạch* (Về nhà cũ). Mỗi câu thơ như được cất lên một cách tự nhiên theo dòng cảm xúc của thi nhân, từ cảnh đến con người đều được khắc họa cụ thể như một bức tranh toàn cảnh của sự kỳ ngộ. Sự liệt kê liên tiếp từ hàng xóm, bọn trẻ con, bà con thân thích đến song thân cho thấy giọng điệu tăng dần của cảm xúc thân thương, gắn bó khi trở về của thi nhân.

*Xuân nhật khóa thực vụ miên* (Ngày xuân dạy trồng khoai, trồng bông), *Cụ phong kí sự* (Ghi chép ngày mưa bão), *Sơ viên sừ sáp bá chư tiểu thái nhân đề* (Bừa cỏ vườn gieo các loại rau, nhân làm một bài thơ) của Phan Thúc Trực cũng được làm theo thể ngũ ngôn trường thiên và thất ngôn trường thiên. Mỗi bài thơ là một câu chuyện, một trải nghiệm của nhà thơ khi làm việc đồng áng cùng người dân quê. Cách kể chi tiết cụ thể từng loại rau vào mùa cho thấy sự am hiểu của nhà thơ về việc nhà nông. Qua đó, chúng ta cũng nhận thấy tấm lòng thân dân, niềm tự hào, niềm vui của nhà nho khi hòa vào công việc đồng áng của người dân quê. Ân sau đó là giọng điệu tự hào, yêu mến cuộc sống lao động ở thôn quê.

Ở Nguyễn Khuyến, giọng điệu tự sự được thể hiện sinh động trong các bài thơ về thôn quê, mỗi bài thơ là một câu chuyện giàu chất hiện thực về cuộc sống muôn vẻ của con người: *Bùi viên cựu trạch ca* (Bài ca nhà cũ ở xứ vườn Bùi), *Hạ nhật ngẫu thành I* (Ngày hè, ngẫu thành I), *Nhâm Dần hạ nhật* (Mùa hè năm Nhâm Dần), *Điền gia tự thuật* (Nhà nông tự thuật), *Điền gia tức sự ngâm* (Chuyện nhà người nông phu). Nếu như giọng điệu tự sự trong thơ Cao Bá Quát và Phan Thúc Trực được thể hiện qua những mạch cảm xúc liên tiếp về thôn quê thì giọng điệu tự sự trong thơ Nguyễn Khuyến được thể hiện qua những câu chuyện có nhân vật, có sự kiện, có xung đột diễn ra và kết thúc. *Điền gia tức sự ngâm* (Chuyện nhà người nông phu) là câu chuyện về xung đột của gia đình người nông phu, truyện có mở đầu, diễn biến và kết thúc, có mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Nhân vật trong câu chuyện cũng được khái quát cả đặc điểm tính cách, hành động. Người vợ “lắm mồm lại còn ác” đã vác gậy đánh người chồng chăm chỉ “gia súc lặn lội trong lạch, ngoài ngòi”. Người con nhìn thấy vội vã giật gậy “phang vào tay mẹ”. Sự trái đạo lý giữa cha con, vợ chồng được người thầy phán xử là do chuyện áo cơm mà “sinh ra ghét bỏ nhau”. Có thể nói, tác phẩm là cốt truyện được kể lại bằng thơ thật chân

thực, sinh động, cụ thể. Qua đó, chúng ta cũng có thể cảm nhận được giọng thơ trần trở, lo lắng trước sự suy vi của đạo lý gia đình vì chuyện áo cơm và sự suy thoái đạo lý ở chốn quê. Do vậy mà thơ Nguyễn Khuyến có giọng “hắt hiu, man mác, ngậm ngùi” [164, tr.492].

Với cách thể hiện giọng điệu tự sự, thơ trung đại không chỉ phản ánh tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của nhà thơ mà còn có khả năng phản ánh cuộc sống bộn bề, phong phú của đông đảo người dân lao động. Giọng điệu tự sự góp phần tái hiện bức tranh thôn quê với cảnh vật, con người cụ thể, sinh động hơn. Điều đó cũng khẳng định vai trò, vị trí của thơ trung đại trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam.

#### **4.4. Đề tài thôn quê - những khác biệt giữa thơ chữ Hán và chữ Nôm**

Đề tài thôn quê xuất hiện trong thơ chữ Hán và chữ Nôm trong gần suốt tiến trình văn học trung đại Việt Nam. Càng về giai đoạn sau, đề tài thôn quê càng được thể hiện nhiều hơn trong sáng tác chữ Hán, điều này cũng khẳng định sự chuyển dịch đề tài trong văn học. Đó là sự chuyển dịch từ đề tài mang tính chất bình dân trở thành đối tượng thẩm mỹ của văn chương bác học. Nếu thơ chữ Hán nghiêng về vẻ đẹp tao nhã và đậm chất Đường thi thì thơ chữ Nôm nghiêng về vẻ đẹp bình dị và đậm chất dân tộc. Thiên nhiên, cảnh vật thôn quê trở nên đa sắc và phong phú hơn khi được thể hiện ở cả hai dòng thơ.

Thôn quê trong thơ chữ Hán xuất hiện nhiều và phát triển mạnh từ thế kỉ XIII đến hết thế kỉ XIX. Những hình ảnh thiên nhiên và cuộc sống thôn quê ít khi thuộc phạm trù mỹ học của nhà Nho nhưng đã được thể hiện trang trọng qua những vần thơ chữ Hán. Đặc biệt, có nhiều tác giả sáng tác chủ yếu bằng chữ Hán như: thi nhân thời Trần, Ngô Thì Sĩ, Trịnh Hoài Đức, Cao Bá Quát, Phan Thúc Trực, Đặng Huy Trứ. Điều này cho thấy khả năng bao quát hiện thực của thơ chữ Hán ngày càng mở rộng, có thể phản ánh những điều bình thường, giản dị như thơ chữ Nôm.

Nguyễn Trung Ngạn khắc họa cảnh chùa quê bằng những đường nét thanh nhẹ, âm thanh quen thuộc trong bài *Xuân dạ dã tự* (Chùa quê, đêm xuân):

<i>Hòa yên phương thảo lục thê thê,</i>	Hoà với khói, cỏ thơm có màu xanh mờ mờ/
<i>Phảng phất tăng gia trụ cách khe.</i>	Giống như người nhà chùa trú ở cách bên kia khe/
<i>Mang lý bất tri xuân kỉ hứ,</i>	Trong khi bận rộn không còn biết mùa
<i>Mãn đình long nhị hiếu oanh đề.</i>	xuân đã bao lâu rồi/ Đầy sân toàn nhụy hoa nhãn, sáng sớm chim oanh kêu.

Bức họa ngày xuân của thi sĩ thời Trần thật mộc mạc và gần gũi. Đặc biệt, thi nhân đã đưa hình ảnh “nhụy hoa nhãn” vốn bình dị vào thơ tạo nên một vẻ đẹp

riêng biệt của mùa xuân thôn quê.

Thơ chữ Hán của các tác giả trung đại dù được viết ở các thời điểm và không gian khác nhau nhưng đều toát lên vẻ đẹp thanh thoát, tao nhã của quê hương làng Việt. Ở những chặng cuối của tiến trình văn học trung đại, yếu tố cao nhã của thơ thôn quê được thể hiện phong phú, đa dạng hơn. Đôi khi, đó là cách mã lệ hóa yếu tố bình dị. Nguyễn Khuyến đã thành công khi đưa thiên nhiên bình dị trở nên thanh tao, nhã nhặn như bức tranh thủy mặc trong bài *Xuân nhật I (Ngày xuân I)*:

<i>Sương khí mông lung mẫn địa phi,</i>	Là là mặt đất lớp sương sa,
<i>Thần quang phiêu hốt hận hy vi.</i>	Ánh sáng ban mai vẫn mập mờ.
<i>Viên kim quất hạch do tàng giáp,</i>	Hạt quất ngoài vườn chờ nứt vỏ,
<i>Bồn thủy tiên hoa vị giải y.</i>	Giò tiên trong chậu chứa bung hoa.

Thiên nhiên cảnh vật trở nên mờ ảo khi được khắc họa trong trạng thái khuất lấp: ánh ban mai thì mập mờ, hạt quất chờ nứt vỏ, giò tiên chứa bung hoa. Tất cả khung cảnh đó được bao phủ bởi lớp sương sa càng tăng thêm độ mờ ảo của thơ chữ Hán viết về vẻ đẹp bình dị của thôn quê.

Đó là sự phát triển trong chiều sâu tư duy nghệ thuật của các nhà thơ trung đại. Các thi nhân đã đưa thơ ước lệ, uyên bác trở về với đời thường vốn sinh động và chân thực. Ngay cả những tác gia song ngữ cũng có số lượng lớn thơ chữ Hán viết về thôn quê, càng về sau số lượng bài thơ chữ Hán càng tăng: Nguyễn Trãi (7 bài), Nguyễn Bỉnh Khiêm (31 bài), Nguyễn Khuyến (33 bài). Những bài thơ chữ Hán góp phần tạo nên diện mạo trang nhã cho bức tranh thôn quê làng Việt. Điều đó cũng cho thấy sự chuyển dịch đề tài trong thơ chữ Hán khi viết về thôn quê.

Mặc dù xuất hiện sau thơ chữ Hán, thơ Nôm trung đại đã sớm phát triển mạnh mẽ, song hành cùng thơ chữ Hán tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ ca trung đại Việt Nam. Nếu thơ chữ Hán chú trọng vẻ đẹp tao nhã thì thơ chữ Nôm lại có khả năng chiếm lĩnh hiện thực và thể hiện cái đẹp bình dị, mộc mạc của cuộc sống đời thường. Thiên nhiên và cuộc sống thôn quê được khắc họa với tất cả những gì gần gũi, quen thuộc nhất. Đây là thể thơ quốc âm nên có khả năng diễn đạt một cách đầy đủ và tinh tế mọi sắc màu của cuộc sống thôn quê cũng như đời sống tinh thần phong phú của con người. Đối tượng thẩm mỹ trong thơ Nôm hiện lên chân thực, sinh động như chính cuộc sống hiện thực đương thời. Từ QẮTT của Nguyễn Trãi, HĐQẮTT của Lê Thánh Tông và các thi nhân thời Hồng Đức, BVQNTT của Nguyễn Bỉnh Khiêm cho đến thơ Nôm Nguyễn Khuyến là cả quá trình phát triển mạnh mẽ của thơ Nôm trung đại Việt Nam. Thơ chữ Nôm đã khẳng định vai trò, vị trí trong nền thơ ca dân tộc

trong việc phản ánh một cách cụ thể, chân thực nhất về bức tranh tổng thể của thôn quê làng Việt. Ngay từ đầu thế kỉ XV, Nguyễn Trãi đã thành công trong việc mở rộng phạm vi phản ánh của thơ trung đại khi hướng về vẻ đẹp bình dị:

Ao quan thả gửi đôi bè muống,  
Đất bụt ương nhờ một lảnh mùng.

(*Thuật hứng* - 23)

Tiếp nối thành công đó, những vần thơ Nôm của Lê Thánh Tông và các thi nhân Hồng Đức, thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm đã mở rộng hơn phạm vi phản ánh, ngôn ngữ thơ gần gũi hơn với cuộc sống đời thường. Thơ Nôm thực sự trở về với đời sống dân dã khi xuất hiện trong sáng tác của Nguyễn Khuyến. Với khả năng bao quát hiện thực, thơ Nôm có thể diễn tả mọi cung bậc cảm xúc trong lòng người, khắc họa sinh động thế giới tự nhiên phong phú. Từ cảnh lụt lội, mùa màng thất bát đến các lễ hội trong làng đều được cụ Tam Nguyên khắc họa chân thực. Ngay cả những lo toan của nhà nông cũng được thể hiện qua những vần thơ đầy trăn trở:

Năm nay cày cấy vẫn chân thua,  
Chiêm mất đặng chiêm, mùa mất mùa.  
Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,  
Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.  
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,  
Chợ búa trầu cau chẳng dám mua.

(*Chón quê*)

Nguyễn Khuyến thấu hiểu và cảm thông trước những nỗi vất vả mà nhà nông phải gánh chịu. Những vần thơ dường như không có sự trau chuốt mà tự nhiên như chính đời sống đầy bộn bề, lo lắng. Giọng điệu bao trùm đoạn thơ là tiếng thở dài của thi nhân mà cũng là của đông đảo người dân lao động chón quê. Rõ ràng, những cảm xúc đời thường với những hình ảnh quen thuộc gần gũi đã tạo nên nét đặc sắc riêng của thơ Nôm đối với thơ chữ Hán trung đại.

Như vậy, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm có cùng chung một đối tượng thẩm mỹ, nhưng được thể hiện ở các khía cạnh khác nhau ở mỗi dòng thơ. Sự khác biệt đó không đối lập nhau mà bổ sung cho nhau khiến cho thôn quê, cuộc sống nông thôn trong thơ trung đại trở nên sinh động hơn, sâu sắc hơn. Bức tranh thôn quê vì vậy mà hiện lên vừa lung linh, mỹ lệ vừa bình dị, chân thực. Điều này còn cho thấy tính chất song ngữ, mối quan hệ bình dân và bác học của thơ ca trung đại Việt Nam. Khảo sát và tìm hiểu thơ trung đại Việt Nam viết về thôn quê, chúng ta thấy sự phát



triển và mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực của thơ nhà nho. Văn học không chỉ “thuật nhi bất tác” hay “thi ngôn chí” mà văn học thực sự là tiếng nói của tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhãn quan nghệ thuật của nhà văn và của đông đảo người dân đương thời. Con đường phát triển từ thơ “ngôn chí” đến thơ “quý chân” đã phản ánh quá trình vận động vừa tiếp thu vừa sáng tạo của thơ trung đại Việt Nam. Phạm vi đề tài thôn quê được phản ánh ở cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm tạo nên bức tranh toàn cảnh, phong phú, sinh động về làng quê Việt.

Lưu Hiệp trong *Văn tâm điều long* từng đề cao sức mạnh của văn chương phải có “lực phong” và “cốt cách” thì mới có thể tỏa sáng rực rỡ muôn đời: “*Gà rừng sắc lông rực rỡ nhưng chỉ bay được trăm bước. Chim ưng chẳng có lông đẹp nhưng bay vút trời xanh. Đó là do cốt lực dồi dào và khí thế mạnh mẽ. Tài lực văn chương của người ta cũng giống như vậy... Chỉ có văn thái tươi sáng lại bay lượn được cao thì mới thật sự là chim phượng hoàng lên tiếng hát*” [56, tr.345]. Thơ ca về thôn quê mang vẻ đẹp bình dị, mộc mạc không “rực rỡ” nhưng luôn ghi dấu trong lòng người đọc bởi những “vẻ đẹp vốn có” từ trong sâu thẳm của nền văn hóa, con người Việt Nam.

Di sản thơ ca trung đại Việt Nam sẽ luôn là giá trị tinh thần, văn hóa của dân tộc Việt Nam. Bởi ẩn sâu bên trong những vần thơ mộc mạc, giản dị ấy là sức mạnh của tinh hoa dân tộc, là “lực phong” và “cốt cách” của tâm hồn Việt. Đọc lại những vần thơ về thôn quê làng Việt, chúng ta càng tự hào và yêu mến hơn truyền thống cha ông thuở xưa, tự hào giá trị tâm hồn Việt.

#### **Tiểu kết Chương 4**

Các thành phần nghệ thuật thể hiện đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam là những tín hiệu thẩm mỹ quan trọng khẳng định vị trí của thơ viết về thôn quê trong nền văn học dân tộc. Nghệ thuật thể hiện đề tài thôn quê trong thơ trung đại phản ánh sự phát triển của văn học. Phương thức thể hiện không gian, thời gian trong thơ thôn quê phát triển từ khuynh hướng ước lệ tiến gần hơn tới hiện thực. Các thi nhân trung đại vận dụng ngôn ngữ uyên bác, ngôn ngữ văn học dân gian và ngôn ngữ đời sống khi phản ánh thiên nhiên và cảnh sắc, cuộc sống phong phú của người dân quê. Sự xuất hiện của các kiểu ngôn ngữ cho thấy sự đa dạng, phong phú của đối tượng thẩm mỹ trong thơ ca trung đại. Bên cạnh đó, giọng điệu thơ có vai trò quan trọng để bộc lộ tư tưởng, tình cảm và thái độ của chủ thể trữ tình. Nếu như giọng điệu trữ tình hướng về những cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình đối với

thiên nhiên và cuộc sống, con người thôn quê thì giọng điệu tự sự là những câu chuyện cụ thể về con người thôn quê. Với giọng điệu tự sự, cảnh vật, con người thôn quê hiện lên cụ thể, sinh động hơn. Cùng phản ánh đề tài thôn quê, nhưng giữa thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm vẫn có những đặc điểm độc đáo riêng biệt, tạo thành các góc nhìn khác nhau ngay ở các tác gia song ngữ. Quá trình tiếp thu và sáng tạo nghệ thuật thơ ca của các nhà nho trung đại đã đưa văn học gần sát hơn tới đông đảo người dân lao động. Nghệ thuật dần dần hướng tới cái đẹp bình dị, mộc mạc, thuần phác của thôn quê làng Việt.

## KẾT LUẬN

1. Thơ ca trung đại có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam. Đây là thể loại phát triển rực rỡ trong suốt mười thế kỉ văn học trung đại. Chính vì vậy, những thi phẩm trung đại hàm chứa trong đó là cả tư tưởng, tình cảm dân tộc trong mỗi bước phát triển thăng trầm của lịch sử. Ẩn sau những vần thơ mộc mạc, giản dị ấy là cả chiều sâu văn hóa, là đời sống tinh thần phong phú của đông đảo tầng lớp nhân dân. Thơ thôn quê trung đại Việt Nam là một minh chứng cho giá trị tinh thần đó. Chính vì vậy, thôn quê dù chưa phải là cảm hứng chủ đạo của văn chương nhà nho nhưng đã được tiếp cận và nghiên cứu ở nhiều góc độ và ở từng thời kì khác nhau. Thôn quê trong thơ trung đại được soi chiếu nhiều chiều từ giá trị nội dung đến nghệ thuật biểu hiện, ở mức độ khái quát nhất. Nghiên cứu đề tài thôn quê có thể dựa trên những cơ sở lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học và văn hóa, lí thuyết phê bình sinh thái. Theo đó, thơ về thôn quê của nhà nho là thơ hướng về vẻ đẹp bình dị, chân thực, về cội nguồn văn hóa dân tộc và hướng về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

2. Theo khái niệm về đề tài thôn quê trong thơ trung đại, thơ về thôn quê thường khắc họa thiên nhiên, cảnh sắc thôn quê; khắc họa cuộc sống lao động sản xuất, phong tục tập quán của người dân quê; thể hiện tình cảm của thi nhân đối với làng xóm, quê hương. Dù viết về đề tài nào, trong căn cốt tâm hồn thi nhân trung đại vẫn dành một mảng thơ đầy yêu thương, trìu mến với thôn quê làng Việt. Tìm hiểu tiền đề của thơ viết về thôn quê, cần lưu ý tới quan niệm thẩm mỹ, quan niệm văn chương thời trung đại, triết lí xuất xứ của các nhà nho. Từ nền tảng cơ sở đó, chúng ta có thể thấy được thái độ ứng xử thời thế và lòng tự hào về truyền thống dân tộc của các nhà nho trung đại. Sự xuất hiện và phát triển của đề tài thôn quê trong thơ trung đại cho thấy sự phù hợp với tiến trình chung của văn học dân tộc. Quá trình hình thành và phát triển của đề tài thôn quê thể hiện qua ba giai đoạn của tiến trình văn học trung đại Việt Nam. Giai đoạn thứ nhất là thời kì hình thành đề tài thôn quê trong các sáng tác của các thi sĩ thời Trần. Có thể gọi đây là thời kì thơ chữ Hán đã phác thảo những đường nét đầu tiên về thôn quê. Dù những đường nét ấy chưa rõ ràng, cụ thể và chưa hẳn là một trong những đối tượng thẩm mỹ của văn học nhưng đã bước đầu khơi gợi lên được cảnh thiên nhiên yên bình, dân dã. Những hình ảnh bình dị, quen thuộc về thôn quê xuất hiện thoáng trong thơ các vị vua và thi sĩ thời Trần đã tạo nên nguồn cảm hứng nghệ thuật giàu cảm xúc về quê hương. Giai

đoạn từ thế kỉ XV - XVII, hình ảnh thôn quê đã xuất hiện nhiều hơn và phong phú hơn trong cả sáng tác chữ Hán và chữ Nôm. Đến đây, bức tranh thôn quê Đại Việt được hoàn thành với các hình ảnh và sắc màu gần gũi, quen thuộc từ chính cuộc sống thôn quê. Lác đác trong bức tranh quê đó là hình ảnh của các thi nhân như “lão nông tri điền” với công việc “tạ tinh canh điền”, “cày mây cuốc nguyệt”. Thiên nhiên, sản vật và cuộc sống con người thôn quê đã tạo nên vẻ đẹp tự nhiên, thuần phác đầy sức sống. Giai đoạn từ thế kỉ XVIII - XIX là giai đoạn kết tinh những giá trị đặc sắc, tinh tế của thơ ca trung đại về thôn quê. Đây là thời kì thơ ca hướng gần hơn tới cuộc sống hiện thực bộn bề, sinh động của đông đảo người dân quê. Các đường nét và các gam màu của bức tranh thôn quê hiện lên rõ nét trong thơ ca trung đại. Quá trình vận động và phát triển của đề tài thôn quê trong suốt tiến trình văn học trung đại chịu sự tác động và ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau. Nhìn chung, xu hướng vận động của thơ thôn quê tương đồng với xu hướng phát triển chung của văn học trung đại: xu hướng dân tộc hóa, xu hướng dân chủ hóa và hướng tiệm cận hơn tới hiện thực. Chính vì vậy, các thành tựu của thơ về thôn quê cũng được kết tinh theo thời gian, càng về các giai đoạn sau, thơ thôn quê càng thể hiện sinh động và mở rộng phạm vi phản ánh. Bức tranh thôn quê cũng vì thế mà được hoàn thiện dần từ những nét phác thảo đầu tiên cho đến hình ảnh, màu sắc, đường nét cụ thể của mỗi làng quê đất Việt. Ấn sâu bức tranh đó là truyền thống văn hóa quen thuộc của dân tộc. Như vậy, đề tài thôn quê trong thơ trung đại có những bước phát triển khá rõ qua các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam.

3. Đề tài thôn quê trong thơ trung đại được thể hiện ở hai bình diện chính là thiên nhiên và cuộc sống con người thôn quê. Trong đó, thiên nhiên thôn quê có sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp tao nhã, mỹ lệ và vẻ đẹp bình dị, dân dã. Vẻ đẹp tao nhã của thiên nhiên xuất hiện nhiều trong thơ Đường luật Hán và vẻ đẹp bình dị, dân dã phần nhiều được khắc họa sinh động trong thơ Đường luật Nôm. Càng về giai đoạn sau của tiến trình văn học trung đại, thơ chữ Hán có xu hướng chuyển dịch đề tài theo hướng dân tộc hóa thể loại. Vì vậy, hình ảnh thiên nhiên thôn quê bình dị cũng dần xuất hiện phong phú hơn trong thơ chữ Hán. Trung tâm của bức tranh thôn quê là con người với cuộc sống sinh hoạt, lao động sản xuất và đời sống văn hóa, tinh thần. Ở chặng đầu của tiến trình văn học, hình ảnh con người thôn quê mới được phác họa bằng vài đường nét sơ giản. Đến chặng cuối của thơ ca trung đại, hình ảnh người dân quê được tô đậm và cụ thể hơn về cuộc sống lao động vất vả, lam lũ, những lo toan nghề nông, những trần trở mất mùa hạn hán và xen kẽ là khoảnh khắc

niềm vui ngày mùa, đón năm mới. Những yếu tố chân thực, đời thường của cuộc sống người dân quê đã trở thành những hình tượng thẩm mỹ giàu giá trị biểu cảm, có xu hướng hiện thực trong thơ của các nhà nho trung đại. Thành tựu này cho thấy khả năng bao quát và phản ánh hiện thực cuộc sống con người của thơ trung đại khi viết về thôn quê. Và có lẽ, điều làm nên sự khác biệt của thơ thôn quê trung đại Việt Nam với thơ thôn quê các nước vùng văn hóa chữ Hán chính là tình cảm và sự gắn bó sâu sắc của nhà thơ với quê hương bản quán. Nếu như các nhà thơ của Trung Quốc, Nhật Bản thể hiện chí khí ngao du sơn thủy, đi khắp nơi trên đất nước rộng lớn để tỏ hứng, tỏ tình thì nhà thơ trung đại Việt Nam lại có xu hướng quay trở về với đồng quê thanh tĩnh, được sống giữa những người dân cày lam lũ. Sự hiện diện của đề tài thôn quê trong suốt chiều dài của thơ ca trung đại cho thấy dòng chảy mạnh mẽ của truyền thống văn hóa, tinh thần dân tộc từ văn học dân gian cho tới văn học trung đại và phát triển rực rỡ trong văn học hiện đại sau này. Xu hướng chung của các thi phẩm thơ trung đại là hướng dần tới vẻ đẹp giản dị của cuộc sống nông thôn làng Việt vốn đã tồn tại hàng nghìn đời nay. Đó chính là xu hướng thể hiện tính độc lập, xa rời ảnh hưởng của tư tưởng thẩm mỹ Trung Hoa, thể hiện xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa và xu hướng hiện thực hóa trong văn học.

4. Nghệ thuật thể hiện đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam cũng có những bước phát triển mạnh mẽ theo xu hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại. Những thành tựu về ngôn ngữ, giọng điệu và nghệ thuật khắc họa không gian, thời gian trong thơ về thôn quê vừa tiếp thu thơ ca cổ vừa có những sáng tạo, đưa thơ nhà nho gần gũi hơn với đông đảo người dân lao động. Không gian thôn quê được quan sát gần hơn và cụ thể hơn gắn với ruộng vườn, làng cảnh, gắn với không gian lao động, sinh hoạt, không gian văn hóa của đời sống thôn quê. Phương thức khắc họa thời gian cũng theo xu hướng tiệm cận hơn với thời gian cuộc sống thường nhật của người dân quê. Thời gian vũ trụ vốn vô thường, ước lệ được cụ thể hóa gắn với mùa màng, lễ hội trong đời sống phong phú, sinh động chốn quê. Bên cạnh đó, yếu tố ngôn ngữ cũng đã góp phần đáng kể vào việc thể hiện đề tài thôn quê ở phương diện dân tộc hóa thể loại. Nhà nho trung đại đã vận dụng linh hoạt ngôn ngữ văn học dân gian, ngôn ngữ đời sống hàng ngày để mỗi câu thơ là tiếng nói, là lời tâm tình của người dân quê, là sự gắn bó của nhà thơ với thôn quê. Để phát huy khả năng phản ánh hiện thực sinh động của cuộc sống, ngoài việc thể hiện giọng điệu trữ tình, các thi nhân còn vận dụng giọng điệu tự sự trong khi phản ánh cuộc sống thôn quê. Những thành tựu về nghệ thuật đã tạo nên diện mạo rõ nét cho bức tranh

thôn quê vốn đa sắc màu. Do đó, những di sản nghệ thuật thơ ca trung đại luôn là đề tài để hậu thế tìm hiểu về truyền thống văn hóa và về tư tưởng, tâm hồn dân tộc.

5. Cuối cùng, điều làm cho thơ ca trung đại không chỉ có giá trị đương thời mà còn có giá trị đối với hậu thế, những giá trị gần gũi với văn học hiện đại. Văn học từ đầu thế kỉ XX đề cao các tác giả viết về đề tài nông thôn, nông dân, đề cao môi trường thôn quê trong trẻo thuận theo tự nhiên và lên án những gì trái tự nhiên. Hình ảnh người nông dân không chỉ xuất hiện trong thơ Nguyễn Bính, Anh Thơ, Trần Đăng Khoa... mà còn là những hình tượng chủ đạo đối với truyện ngắn và tiểu thuyết. Do đó, từ văn học trung đại đến hiện đại, từ ảnh hưởng phương Đông đến ảnh hưởng phương Tây, từ thơ ca tới truyện ngắn, tiểu thuyết... thôn quê luôn là đề tài khơi nguồn cảm hứng cho nhà văn từ cổ chí kim. Việc nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị trí của đề tài này trong nền thơ ca dân tộc. Tuy nhiên, đây cũng là một công việc phức tạp cần có nhiều thời gian hơn nữa để đi sâu tìm hiểu những vấn đề liên quan đến văn học, văn hóa truyền thống dân tộc. Bởi vậy, kết quả của luận án chỉ là những hình dung ban đầu mang tính khái quát kết hợp nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề lớn. Để vấn đề được khai thác toàn diện hơn cần có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu và cụ thể từng tác giả, tác phẩm, từng giai đoạn văn học. Đề tài thôn quê có thể được nghiên cứu ở các phương thức, thể loại văn học khác nhau như thôn quê trong tác phẩm văn xuôi tự sự, so sánh thôn quê các nước vùng văn hóa chữ Hán... Vì vậy, bên cạnh những kết luận khoa học của luận án chúng tôi hy vọng sẽ có điều kiện tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu đề tài thôn quê ở những công trình tiếp theo.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Thị Nương (2013), “Vận dụng lý thuyết văn học so sánh của Henry Remak để nghiên cứu đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam và thơ trung đại Nhật Bản”, *Kỷ yếu Hội thảo: Lý thuyết phê bình văn học hiện đại (Tiếp nhận và ứng dụng)*, Nxb Đại học Vinh, tr. 275 - 284.
2. Lê Thị Nương (2014), “Chức năng xã hội của thơ trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, (Đặc biệt), tháng 4, tr.121 - 123.
3. Lê Thị Nương (2014), “Đề tài thôn quê trong thơ chữ Hán trung đại Việt Nam”, *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, (3), tr.25 - 32.
4. Lê Thị Nương (2014), “Đề tài thôn quê trong thơ Nôm trung đại Việt Nam ”, *Tạp chí Đại học Hồng Đức*, (20), tháng 7, tr.55 - 63.
5. Lê Thị Nương (2015), “Thiên nhiên và cuộc sống thôn quê trong thơ chữ Hán Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyến”, *Tạp chí Đại học Hồng Đức*, (26), tháng 10, tr.87 - 94.
6. Lê Thị Nương (2016), “Cuộc sống thôn quê trong thơ Nôm Nguyễn Trãi”, *Tạp chí văn hóa nghệ thuật*, (379), tháng 1, tr.71 - 74.
7. Lê Thị Nương (2017), “Thôn quê trong thơ trung đại ở các nước khu vực văn hóa chữ Hán”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (2), tr. 87 - 95.
8. Lê Thị Nương (2017), “Giáo dục học sinh về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên qua thơ trung đại Việt Nam - từ góc nhìn phê bình sinh thái”, *Tạp chí Giáo dục*, (Đặc biệt) tháng 10, tr. 135-137.
9. Lê Thị Nương (2017), “Không gian lao động, không gian sinh hoạt trong thơ trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (80), tháng 11, tr. 36-39.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.J. Gurêvich (1996), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, Hoàng Ngọc Hiến dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Arixtôt (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
3. Đào Duy Anh (2003), *Từ điển Hán Việt*, tái bản, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Hoài Anh (Biên dịch, chú giải) (2003), *Gia Định tam gia*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
5. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Lại Nguyên Ân - Bùi Văn Trọng Cường (2001), *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỉ XIX*, tái bản lần thứ 4, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Bảo (1999), *Nguyễn Khuyến*, Nxb Giáo dục.
8. Lê Bảo, Hà Minh Đức, Đỗ Kim Hồi... (2000), *Giảng văn văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
9. Trần Lê Bảo (2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Bùi Hạnh Cẩn (2001), *Đặng Huy Trứ - Tư tưởng và phong cách*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn*, Nxb Giáo dục.
12. Trần Văn Chánh (1993), *Từ điển Hán Việt hiện đại và cổ*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Phạm Tú Châu (1997), “Thơ thiên nhiên trong thơ chữ Hán của Lê Thánh Tông”, *Tạp chí Văn học* (8), tr.13-18.
14. Nguyễn Đông Chi (1993), *Việt Nam cổ văn học sử*, tái bản, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
15. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1977), *Thơ văn Lý Trần*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1978), *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1989), *Thơ văn Lý Trần*, tập 2 (quyển thượng), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Nguyễn Huệ Chi (1992), “Con đường giao tiếp của văn học cổ”, *Tạp chí Văn học*, (1), tr.14.



19. Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên) (1994), *Thi hào Nguyễn Khuyến - Đời và thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Huệ Chi (2013), *Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
21. Nhật Chiêu (1994), *Basho và thơ Haiku*, Nxb Văn học, Hà Nội.
22. Nhật Chiêu (2010), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, Tái bản lần thứ 5, Nxb Giáo dục Việt Nam.
23. Nguyễn Đình Chú (1985), “Nguyễn Khuyến với thời gian”, *Tạp chí Văn học*, số 4.
24. Nguyễn Đình Chú (1999), “Vấn đề văn sử triết bất phân trong văn học trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số (5), tr.38.
25. Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, Nxb Sử học, Hà Nội.
26. Phan Trần Chúc (1944), *Văn chương quốc âm về thế kỉ XIX*, Nxb Đổi mới, Hà Nội.
27. Thiệu Chửu (2002), *Hán Việt tự điển*, Tái bản, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
28. Đoàn Trung Còn (dịch) (2000), *Tứ Thư*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
29. Xuân Diệu (1959), *Ba thi hào dân tộc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
30. Xuân Diệu (2001), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Tái bản, Nxb Trẻ.
31. Gia Dũng (Biên soạn) (2009), *Hợp tuyển thơ Nguyễn Trãi*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
32. Lê Chí Dũng (2001), *Tính cách Việt Nam trong thơ Nôm luật Đường*, Nxb Văn học, Hà Nội.
33. Trần Quang Dũng (2005), *Hồng Đức quốc âm thi tập trong tiến trình thơ Nôm Đường luật Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
34. Trần Quang Dũng (2008), “Sự vận động và phát triển của thơ Nôm Đường luật theo xu hướng kế thừa, tiếp biến và sáng tạo với Đường luật Hán trên tinh thần dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
35. Trần Quang Dũng (2012), “Bức tranh thôn quê - Một dấu hiệu của xu hướng dân tộc hóa thể loại Đường luật trong “*Hồng Đức quốc âm thi tập*””, *Tạp chí khoa học xã hội và nhân văn*, số 41 (75), Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
36. Trịnh Bá Đĩnh (1994), “Tìm hiểu phong cách dân gian trong thơ Nôm

- Nguyễn Khuyến”, *Tạp chí Văn học*, (1), tr.27-30.
37. Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (Phiên âm, chú giải) (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, Nxb Văn học.
  38. Biện Minh Điền (2008), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Khuyến*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
  39. Ngô Thời Đôn (2000), *Giá trị nhân văn trong Thương Sơn thi tập của Miên Thẩm*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
  40. Hà Minh Đức (1984), *Cơ sở Lí luận văn học*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
  41. Hà Minh Đức (Chủ biên)(1993), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  42. I.X. Lixêvích (2000), *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  43. Lam Giang, Vũ Kỳ (1960), *Giải luận về Nguyễn Khuyến*, Nxb Tân Việt, Sài Gòn.
  44. Nguyễn Thạch Giang (1999), *Từ ngữ văn Nôm*, Nxb Khoa học Xã hội.
  45. Trần Văn Giàu (1996), *Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  46. Cao Huy Giu - Đào Duy Anh (Dịch, chú giải) (2009), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Văn học, Hà Nội.
  47. Đoàn Lê Giang (1997), “So sánh quan niệm văn học trong văn học cổ điển Việt Nam và Nhật Bản”, *Tạp chí Văn học*, (9), tr.53.
  48. Đoàn Lê Giang (2003), “Basho - Nguyễn Trãi - Nguyễn Du, những hồn thơ đồng điệu” *Tạp chí Văn học*, (6).
  49. Đoàn Lê Giang (2006), “Thời trung đại trong khu vực các nước văn hóa chữ Hán”, <http://www.vanhoahoc.edu.vn>
  50. Đoàn Lê Giang (2007), “Văn học trung đại Việt Nam trong bối cảnh văn học Đông Á”, *Văn học Việt Nam thế kỉ X đến thế kỉ XIX - Những vấn đề lí luận và lịch sử*, Trần Ngọc Vương chủ biên, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  51. Nguyễn Thị Bích Hải (2006), *Thi pháp thơ Đường*, Tái bản lần thứ 1, Nxb Thuận Hóa, Huế.
  52. Dương Quảng Hàm (2002), *Việt Nam văn học sử yếu*, tái bản, Nxb Hội Nhà văn
  53. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (ĐỒNG Chủ biên) (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
  54. Nguyễn Văn Hào (2012), *Văn học miền Nam lục tỉnh*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

55. Đỗ Văn Hi (1981), “Tính hàm súc trong thơ Úc Trai”, *Tạp chí Văn học*, (4).
56. Lưu Hiệp (2007), *Văn tâm điều long*, tái bản, Nxb Văn học.
57. Đỗ Đức Hiểu - Nguyễn Huệ Chi - Phùng Văn Tửu - Trần Hữu Tá (Chủ biên) (2004), *Từ điển Văn học* (Bộ mới), Nxb Thế giới.
58. Đỗ Văn Hiểu (2012), “Phê bình sinh thái - khuynh hướng nghiên cứu văn học mang tính cách tân”, *Tạp chí Phát triển Nghiên cứu và khoa học*, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, (15).
59. Đỗ Văn Hiểu (Dịch từ tiếng Trung) (2013), *Phê bình sinh thái - cội nguồn và sự phát triển*, <https://phebinhvanhoc.com.vn/>
60. Đỗ Văn Hiểu (Sơ dịch) (2016), *Văn học sinh thái và lí luận phê bình sinh thái*, <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Lyluanvanhoc/>
61. Đặng Thị Hào (1994), “Đề tài thiên nhiên và quan điểm thẩm mỹ”, *Thi hào Nguyễn Khuyến đời và thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
62. Kiều Thu Hoạch (1965), “Tìm hiểu thơ của các nhà sư Lý - Trần”, *Tạp chí Văn học*, (6), tr.64-71.
63. Hợp tuyển văn học Nhật Bản - Từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX (2010), Nxb LĐ - TTVHNN Đông Tây.
64. Lại Văn Hùng (2007), “Hoàng Đức Lương - quan niệm thi học và thơ”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (4), tr.51.
65. Lại Văn Hùng (Giới thiệu và tuyển chọn ) (2009), *Nguyễn Khuyến - tác phẩm chọn lọc*, Nxb Giáo dục.
66. Nguyễn Phạm Hùng (1996), *Văn học Lý - Trần nhìn từ thể loại*, Nxb Giáo dục.
67. Nguyễn Phạm Hùng (1999), *Văn học Việt Nam (từ thế kỉ X đến thế kỉ XX)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
68. Nguyễn Phạm Hùng (2001), *Trên hành trình văn học trung đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
69. Nguyễn Phạm Hùng (2011), *Văn học cổ điển Việt Nam tìm tòi và suy nghĩ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
70. Nguyễn Minh Huệ (2011), *Chủ đề nông thôn trong Đặng Hoàng Trung thi sao*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
71. Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
72. Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên) (1984), *Nguyễn Khuyến - Tác phẩm*, Nxb Khoa học Xã hội.

73. Trần Đình Hượu (1991), “Về ảnh hưởng nhiều mặt của Nho giáo trong văn học Việt Nam cổ cận đại”, *Tạp chí Văn học*, (3).
74. Trần Đình Hượu (1995), *Nho giáo và văn học trung cận đại Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
75. Trần Đình Hượu (2001), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (Lại Nguyên Ân biên soạn)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
76. Trần Đình Hượu (2009), “Con người Việt Nam với truyền thống văn hóa Nho giáo hóa”, <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>
77. Trần Đình Hượu, Phong Lê, Phương Lưu... (1990), *Văn học và hiện thực*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An, Hội đồng gia tộc họ Phan (2012), *Danh nhân văn hóa Đình nguyên Thám hoa Phan Thúc Trực (Kỷ yếu hội thảo)*, Nxb Khoa học Xã hội.
79. Trần Trọng Kim (2002), *Việt Nam sử lược*, Nxb Đà Nẵng.
80. Trần Trọng Kim (2012), *Nho giáo*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
81. Vũ Văn Kính (2013), *Đại Tự điển chữ Nôm*, Nxb Văn hóa Thông tin.
82. Đàm Gia Kiện (chủ biên) (1993), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
83. Đinh Thị Khang (2011), “Cảm thức về Thăng Long trong thơ chữ Hán Nguyễn Du”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (6), tr 43- 55.
84. Đinh Thị Khang (2016), *Văn học trung đại Việt Nam - Thể loại, con người, ngôn ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
85. Đào Thị Mỹ Khanh (Dịch) (2009), *Văn học cổ điển Hàn Quốc*, Nxb Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
86. Đinh Gia Khánh (Chủ biên) (1983), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Văn học, Hà Nội.
87. Đinh Gia Khánh (Chủ biên) (Tái bản lần thứ tư), (2000), *Văn học Việt Nam (thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII)*, Nxb Giáo dục.
88. Vũ Khiêu (giới thiệu) (1976), *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*, Nxb Văn học, Hà Nội.
89. Nguyễn Đức Khuông (2005), *Tác gia, tác phẩm văn học Việt Nam trong con mắt người nước ngoài*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
90. Khrapchenko.M.B (1979), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.
91. Phạm Ngọc Lan (1986), “Chất trữ tình trong thơ thiền đời Lý”, *Tạp chí văn*

- học*, số (4).
92. Nguyễn Hiến Lê (1997), *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
  93. Đặng Thanh Lê (1976), “Bản sắc thiên nhiên trong văn học Việt Nam thế kỉ XVIII”, *Tạp chí Văn học*, số (2).
  94. Đặng Thanh Lê, Hoàng Hữu Yên, Phạm Luận (1990), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  95. Đặng Thanh Lê (1992), “Nghiên cứu văn học cổ - trung đại Việt Nam trong mối quan hệ khu vực”, *Tạp chí Văn học*, (1), tr. 2.
  96. Trần Thị Hoa Lê (2006), “Hình ảnh “hồng hoang” và giọng điệu trào phúng trong thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến”, *Tạp chí Hán Nôm*, (3), tr. 23-27.
  97. Trần Thị Hoa Lê (2007), *Thơ trào phúng Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX- nửa đầu thế kỷ XX (Diện mạo và đặc điểm)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
  98. Trần Thị Hoa Lê (2010), “Sa hành đoản ca - một cách cảm nhận về đường đời của Nho sĩ Việt Nam thế kỉ XIX”, *Bản tin dạy học trong nhà trường*, Đại học Sư phạm Hà Nội, số (3).
  99. Trần Thị Hoa Lê (2011), “Hình tượng người phụ nữ trong thơ Nôm Đường luật giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX”, *Nghiên cứu Văn học*, số (9), tr.118.
  100. Mai Quốc Liên (1996), *Nguyễn Du toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội
  101. Mai Quốc Liên (Chủ biên) (2004), *Cao Bá Quát toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
  102. Mai Quốc Liên (Chủ biên) (2012), *Cao Bá Quát toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
  103. Nhóm Trà Lĩnh (1990), *Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
  104. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục
  105. Lê Nguyễn Lưu (2007), *Đường thi tuyển dịch*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
  106. Phương Lưu (1985), *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  107. Phương Lưu (1997), *Góp phần xác lập quan niệm Văn học Việt Nam trung đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

108. Phương Lưu (2005), Tuyển tập - tập 1, *Lý luận văn học cổ điển phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
109. Đặng Thai Mai (1997), “Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học” trong *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
110. Trần Thanh Mai (1990), “Nhân tố hiện thực trong thơ Miên Thẩm”, *Tạp chí Văn học*, số (10).
111. Nguyễn Đăng Na (1995), “Tư liệu về văn học Việt Nam trong thư tịch Trung Hoa cổ”, *Tạp chí Văn học*, số (5), tr. 37.
112. Nguyễn Đăng Na (2007), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
113. Nguyễn Đăng Na (chủ biên) (2010), *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
114. Đặng Việt Ngạn (sưu tầm và tuyển chọn) (2001), *Đặng Huy Trứ - Tư tưởng và nhân cách*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
115. N. Kônrát (1997), *Phương Đông và phương Tây* (Trịnh Bá Đĩnh dịch và giới thiệu), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
116. N.I. Niculiin (2000), *Văn học Việt Nam và giao lưu quốc tế*, Nxb Giáo dục.
117. Nông thôn Việt Nam trong Lịch sử (1977), Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
118. Phan Ngọc (1990), *Đỗ Phủ - Nhà thơ dân đen*, Nxb Đà Nẵng.
119. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn học, Hà Nội.
120. Phùng Hoài Ngọc (Dịch và biên soạn) (2011), *Thơ Haiku Basho - Tác phẩm và nghiên cứu*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
121. Bùi Văn Nguyên (Biên khảo, chú giải) (2003), *Thơ quốc âm Nguyễn Trãi*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
122. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), *Thơ ca Việt Nam - hình thức và thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
123. Phạm Thế Ngũ (1963), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập 2, Nxb Quốc học tùng thư.
124. Trần Thị Ánh Nguyệt - Lê Lư Oanh (2016), *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
125. Nguyễn Thị Nương (2007), “Sự vận động trong tư tưởng nghệ thuật Nguyễn Du qua những bài thơ tự thuật”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số (5).

126. Nguyễn Thị Nương (2010), *Con người Nguyễn Du qua thơ chữ Hán* (chuyên luận), Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
127. Nhiều tác giả (1997), *Lê Thánh Tông: con người và sự nghiệp*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
128. Nhiều tác giả (1998), *Hoàng đế Lê Thánh Tông, nhà chính trị tài năng, nhà văn hóa lỗi lạc, nhà thơ lớn*, NXb Khoa học xã hội, Hà Nội.
129. Nguyễn Thị Oanh (Phiên âm, dịch chú), Trần Thị Băng Thanh (Hiệu đính) (2011), *Cảm Đình thi tuyển tập*, Nxb Khoa học xã hội.
130. Hoàng Ngọc Phách - Lê Thuộc - Lê Trí Viễn (Giới thiệu, hiệu đính, chú thích) (1957), *Văn thơ Nguyễn Khuyến*, Nxb Bộ Giáo dục, Hà Nội.
131. Hoàng Phê (Chủ biên) (1994), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội - TT Từ điển học, Hà Nội.
132. Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (Biên soạn, dịch thuật) (1997), *Về thi pháp thơ Đường*, Nxb Đà Nẵng.
133. Nguyễn Khắc Phi (1998), *Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen mà lạ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
134. Nguyễn Khắc Phi (2001), *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
135. Vũ Tiên Quỳnh (Tuyển chọn và giới thiệu) (1998), *Phê bình, bình luận văn học- Lê Quý Đôn, Nguyễn Dữ, Mạc Thiên Tích, Phạm Nguyễn Du, Ngô Thì Sĩ*, Nxb Văn nghệ - Thành phố Hồ Chí Minh
136. B.L.Riptin(1974), “Mấy vấn đề nghiên cứu nền văn học trung cổ của phương Đông theo phương pháp loại hình”, *Tạp chí Văn học*, số (2).
137. Trần Trọng San (Tuyển chọn) (1997), *Thơ Đường*, Nxb Thanh Hóa.
138. Hành Đường Thoái sĩ (Tuyển chọn) (2000), *Đường thi tam bách thủ*, Nxb Hội Nhà văn.
139. Lê Văn Siêu (2006), *Văn học sử Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
140. Chu Văn Sơn (1994), “Bản sắc văn hóa và một hướng kiếm tìm trong thơ”, *Tạp chí văn học*, số (4).
141. Nguyễn Kim Sơn (1996), *Những xu hướng của Nho học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX và sự tác động của nó tới văn học*, Luận án Tiến sĩ trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
142. Nguyễn Hữu Sơn (2000), “Vị trí Đặng Huy Trứ trong nền văn học dân tộc thế kỉ XIX”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ, Huế.

143. Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh - tuyển chọn và giới thiệu (2003), *Hồ Xuân Hương về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
144. Nguyễn Hữu Sơn, Trần Đình Sử...(2010), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
145. Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn và giới thiệu, tái bản lần thứ 5) (2007), *Nguyễn Trãi - về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
146. Nguyễn Hữu Sơn (2012), “Thơ du ký của Phan Thúc Trực”, *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, bình luận văn học.<http://WWW/khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>
147. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận Thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
148. Trần Đình Sử (2001), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
149. Trần Đình Sử (2001), “Tur tưởng tự do trong truyền thống văn học cổ Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, (1), tr.17-22.
150. Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
151. Bùi Duy Tân (Chủ biên) (1976), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
152. Bùi Duy Tân (1991), *Nguyễn Bảo nhà thơ - Danh nhân văn hóa*, Nxb Văn hóa Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình.
153. Bùi Duy Tân (1997), *Giáo trình văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
154. Bùi Duy Tân (1999), *Khảo và luận một số tác gia - tác phẩm văn học trung đại*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
155. Bùi Duy Tân (2001), *Khảo và luận một số thể loại tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, tập 2, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
156. Bùi Duy Tân (Chủ biên) - Nguyễn Hữu Sơn - Phạm Đức Duật - Nguyễn Đức Dũng (2004), *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (Thế kỷ X - XIX)*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
157. Bùi Duy Tân (Chủ biên) (2009), *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến XIX*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
158. Bùi Duy Tân (2012), “Việt Nho qua một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam”, <http://WWW/khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>
159. Nguyễn Minh Tấn (1981), *Từ trong di sản - những ý kiến về văn học từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX ở nước ta*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.
160. Văn Tân (1959), *Nguyễn Khuyến - nhà thơ Việt Nam kiệt xuất*, Nxb Văn Sử



Địa, Hà Nội.

161. Lê Văn Tấn (2013), *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
162. Quách Tấn (tuyển dịch) (2001), *Thái Thuận - Lữ Đường thi*, Nxb Văn học, Hà Nội.
163. Trần Thị Băng Thanh (1987), “Thơ chữ Hán Nguyễn Khuyến: những vần thơ tâm sự”, *Tạp chí Văn học*, (3), tr.87-90.
164. Trần Thị Băng Thanh (1987), *Ngô Thì Sĩ*, Nxb Hà Nội.
165. Trần Thị Băng Thanh - Vũ Thanh (tuyển chọn và giới thiệu) (2001), *Nguyễn Bình Khiêm về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
166. Lê Huy Tiêu (chủ biên) (2007), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
167. Vũ Thanh (tuyển chọn và giới thiệu) (2007), *Nguyễn Khuyến về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
168. Vũ Thanh (2008), “Tiên sĩ giấy của Nguyễn Khuyến- Hình tượng nghệ thuật đa nghĩa”, *Tạp chí Văn học tuổi trẻ*, (10), tr.11-14.
169. Vũ Thanh (2010), “Màu sắc kì ảo trong văn học thời Li”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (9), tr.44-50.
170. Trần Ngọc Thêm (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
171. Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Tái bản lần thứ 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
172. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
173. Lã Nhâm Thìn (chủ biên) (2011), *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
174. Trần Nho Thìn (1986), “Từ những biến động trong nguyên tắc phản ánh thực tại của văn chương nhà nho đến bức tranh sinh hoạt nông thôn trong thơ Nguyễn Khuyến”, *Thi hào Nguyễn Khuyến - đời và thơ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
175. Trần Nho Thìn (1986), “Tìm hiểu nguyên tắc phản ánh thực tại trong văn chương nhà nho”, *Tạp chí Văn học*, (5), Hà Nội.
176. Trần Nho Thìn (2009), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*,

- Nxb Giáo dục, Hà Nội.
177. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  178. An Thị Thúy (2004), *Thơ viết về thôn quê trong thơ Nôm Đường luật*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
  179. Đỗ Lai Thúy (1992), *Con mắt thơ*, Nxb Lao động, Hà Nội.
  180. Đỗ Lai Thúy (2000), “Trần Đình Hượu với những khái niệm công cụ trong nghiên cứu Nho giáo”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số (6).
  181. Phan Trọng Thường, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn (Biên soạn) (2008), *Mười thế kỉ bàn về văn chương*, Nxb Đà Nẵng.
  182. Lương Duy Thứ (chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  183. Trần Thị Chung Toàn (Dịch) (2010), *Hyakunin Isshu Vườn thơ trăm hương sắc*, Nxb Thế Giới.
  184. Đào Thái Tôn (1999), *Hồ Xuân Hương - tiểu sử văn bản tiến trình huyền thoại dân gian hóa*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
  185. Quốc Trung - Văn Huân (biên dịch) (2011), *Tứ thư*, Nxb Văn hóa thông tin.
  186. Nguyễn Thanh Tùng (2005), “Vài nét về ảnh hưởng Đạo gia - Đạo giáo trong thơ ca Việt Nam giai đoạn thế kỉ X-XIV”, *Văn học so sánh, nghiên cứu và thảo luận*, (Trần Đình Sử chủ biên), Nxb Đại học Sư phạm.
  187. Nguyễn Thanh Tùng (2007), “Vài nét về văn bản và giá trị của Thương Sơn thi thoại”, *Tạp chí Hán Nôm*, số (3).
  188. Nguyễn Thanh Tùng (2010), *Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỉ X-XIX*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
  189. *Tổng tập Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm* (2015), Nxb Văn học, Hà Nội.
  190. Đoàn Thị Thu Vân (1996), *Khảo sát đặc trưng nghệ thuật thơ Thiền Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV*, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học - Nxb Văn học, Hà Nội.
  191. Đoàn Thị Thu Vân (2009), *Văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X - cuối thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  192. Lê Trí Viễn (1985), *Lịch sử văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  193. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã

hội, Hà Nội.

194. Lê Trí Viễn (1998), *Nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
195. Phạm Tuấn Vũ (2007), *Văn học trung đại Việt Nam trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
196. Trần Ngọc Vương (1998), *Văn học Việt Nam - dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
197. Trần Ngọc Vương (chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX - Những vấn đề lí luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
198. Trần Ngọc Vương (1999), *Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
199. Nguyễn Thanh Xuân (2013), *Thôn quê trong thơ Đặng Huy Trứ và Nguyễn Khuyến*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
200. Hoàng Hữu Yên (Chủ biên) (1997), *Giảng văn Văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
201. Hoàng Hữu Yên (2012), *Đọc và nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam*, in lần thứ 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
202. Lê Thu Yên (1999), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
203. Lê Thu Yên (Tuyển chọn) (2001), *Văn học trung đại Việt Nam - những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

#### **Tài liệu tiếng Anh**

204. The David Suzuki Reader, <http://books.google.com.vn/book>, p.10 - p11.

**PHỤ LỤC**  
**NHỮNG BÀI THƠ THÔN QUÊ**  
**TRONG THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**I. Thơ thời Trần**

**1. Đề dã thự (Đề thơ ở biệt thự đồng quê) - Trần Quang Khải**

<p><i>Dã thự sơ khai cảnh vật tân, Phương phi đào lý tứ thời xuân. Nhất thanh ngư địch thanh lâu nguyệt, Kỷ phiến nông soa bích lũng vân. Lộ văn dương tràng thông tử mạch, khê phân yến vĩ đoạn hồng trần. Quý thần ám địa thâm tương ngữ, Nhất đoạn phong quang khả ẩn quân.</i></p>	<p>Biệt thự ở đồng quê vừa làm xong, cảnh vật mới mẻ/ Đào lý thơm tho bốn mùa tươi tốt/ Một tiếng sáo trẻ chăn trâu làm xanh ánh trăng trên lều/ Mấy mảnh áo toi nhà nông biếc đám mây dưới lũng/ Đường quanh co như ruột đê thông với đường vùng ngoại kinh kỳ/ Khe xòe đuôi én ngăn cách đám bụi đò/ Quý thần thâm nói với nhau trong chỗ kín đáo/ Một giải phong quang này có thể làm nơi ẩn dật cho nhà người.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**2. Thiên Trường vãn vọng (Ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường) - Trần Nhân Tông**

<p><i>Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên, Bán vô bán hữu tịch dương biên. Mục đồng địch lý quy ngư tận, Bạch lộ song song phi hạ điền.</i></p>	<p>Trước xóm sau thôn tựa khói lồng, Bóng chiều dưng có lại dưng không. Mục đồng sáo vắng trâu về hết, Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**3. Giang thôn thu vọng (Ngắm cảnh thu ở xóm bên sông) - Bùi Tông Hoan**

<p><i>Phi y độc tự lập giang thiên, Thu sắc thùi tương đảo nhãn biên. Lữ nhạn hàng hàng qua biệt phố Khách phàm điểm điểm lạc tình thiên. Khê đầu Phật tự y hồng điệp, Trúc ngoại nhân gia cách đạm yên, Nhật mộ thùi tri ngưng trĩ xú, Lục vân ám dã khán phong niên. Trúc ngoại nhân gia cách đạm yên.</i></p>	<p>Khoác áo đứng một mình ở bên sông/ Ai đã đem sắc mùa thu đến ngay bên mắt/ Chim nhạn đi xa, từng hàng bay qua bên nọ/ Buồm khách từng chấm, rơi giữa trời quang/ Chùa Phật ở đầu khe dựa vào lùm lá hồng/ Nhà dân ngoài rặng trúc cách làn khói nhạt/ Ngày trở chiều ai biết nơi ta đang nhìn chăm chú/ Mây biếc che tối đồng nội, nhìn thấy cảnh được mùa.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**4. Giang thôn tức sự (Tức cảnh xóm bên sông) - Trần Quang Triều**

<p><i>Tây lân thôn hạng cách đông lân, Kê khuyến tương văn cận yếu tân. Hải yến nhật tà đề lộng ảnh, Giang hoa phong tế viễn tùy nhân.</i></p>	<p>Ngõ xóm Tây cách với xóm Đông/ Tiếng gà gáy chó sủa vọng sang nhau gần bên sông chính/ Dưới ánh trời tà, én biển là là bay giỡn bóng/ Trong làn gió nhẹ, hoa bên sông xa xa</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<i>Đạo phùng mai vũ liên vân thực, Tầm đảo tang thiên trước điệp tân. Khước tiểu ngâm ông tham thắng thưởng Ngọc kinh qui trạo dĩ chiêm tuần.</i>	hướng theo người/ Lúa gặp mưa mai, chín liền đến chân mây/ Tầm đến mùa dâu, theo lá mà đổi khác/ Buồn cười cho nhà thơ mãi ngắm cảnh đẹp/ Đi thuyền về kinh sư đã trọn tuần.
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**5. Thôn cư (Ở làng) - Nguyễn Sĩông**

<i>Thông thông xuân dĩ hạ, Thu để điều thanh mang. Thiền nguyệt di hoa ảnh, Song phong tá trúc lương. Vi kỳ nhàn đắc địa, Đối tửu túy vi hương. Hoàn xuất Hoa-tư quốc Lân kê cách đoản tường.</i>	Thấm thoát đã hết xuân sang hạ, Dưới vòm cây tiếng chim rộn rã. Ánh trăng dưới mái hiên di chuyển bóng hoa Làn gió bên cửa sổ mượn hơi mát của khóm trúc. Đánh cờ lấy thanh thời làm đắc địa, Uống rượu lấy say sưa làm quê hương. Gọi hồn mơ ra khỏi nước Hoa-tư, Là nhờ con gà hàng xóm ở bên kia bức tường thấp.
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**6. Văn cảnh (Cảnh chiều) - Mạc Đình Chi**

<i>Không thúy phù yên sắc Xuân lam phát thủy văn. Tường ô đề lạc chiếu, Dã nhật tổng quy vân. Ngư hỏa tiền loan kiến, Tiêu ca cách ngạn văn. Lữ nhan sầu lãnh lạc, Tá tửu tác vi huân.</i>	Sắc khói nổi giữa màu biếc của nền trời, Sóng nước gợn giữa màu xanh của mùa xuân. Quạ đầu tường kêu trong nắng chiều, Nhạn ngoài đồng tiễn đám mây về. Nhìn thấy lửa thuyền câu trước trũng, Nghe tiếng ca người hái củi bên kia bờ sông. Vẻ mặt lữ khách buồn ủ ê, Mượn chén rượu để say chénh choáng.
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**7. Quy hứng (Thú về) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Lão tang điệp lạc tầm phương tận, Tảo đạo hoa hương giải chính phi. Kiến thuyết tại gia bản diệc hảo, Giang Nam tuy lạc bất như quy.</i>	Cây dâu già mà lá rụng thì tầm mới hết, Lúa chiêm mà bông đã thơm thì đúng là cua đang béo. Nghe nói ở nhà nghèo vẫn thú, Giang Nam dù vui cũng không bằng về.
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**8. Vĩnh Giang nguyệt phiếm (Chơi thuyền trên sông Vĩnh Giang) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Quyết sơn nguyệt thưởng phóng châu thành, Vạn khoảnh thương mang nhất vọng bình. Thương xúy cao phàm thượng hạ, Lạo sơ lạc thủy tung hoành. Ba quang sơn sắc miêu vô tận, Khách tử hương tâm mộng bất thành.</i>	Rú Quyết trắng lên thả thuyền đi/ Muôn khoảnh mệnh mang, trông phẳng bằng/ Buôn xong các chiếc buồm giương cao, nhấp nhô/ Lướt mới về, tràn khắp nơi (ngang dọc đều có)/ Ánh lấp loé của sóng, màu xanh của núi vẽ, tả không hết được/ Nỗi buồn đất khách, lòng nhớ quê nhà, ngủ không được/ Sương mù
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<i>Vụ tán giang không thiên hướng thụ, Cúc tôn chúc bãi mỉnh xanh phanh.</i>	tan, sông vắng, trời bắt đầu hừng sáng/ Chén rượu cúc rót uống xong thì đem siêu trà ra nấu.
----------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------

**9. Yên Tử giang trung (Trên sông Yên Tử) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Xuân triều mạt mạt trướng bình xuyên, Bồ bãi hoa thâm thủy điều miên. Thôn bắc thôn nam tình cảnh hảo, Sơn quang vô hạn mãn quy thuyền.</i>	Nước thủy triều mùa xuân mênh mang, đầy ắp dòng sông bình lặng/ Cây bãi (Giống lúa đại) cây bồ (giống cây lác), hoa đậm đặc, chim biển đang ngủ/ Phía bắc, phía nam thôn xóm cảnh có nắng rất đẹp/ Sắc núi vô tận ánh vào đầy chiếc thuyền đang đi về.
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**10. Tức sự kỳ 1 (Nói sự vật trước mắt) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Xá nam xá bắc trúc biên li, Hồng liễu hoa khai dạ yến y. Man tửu nhất tôn xuân thủy tức, Giác lai sơn trúc ánh sài phi.</i>	Phía nam nhà, phía bắc nhà trúc đan chen thành hàng rào/ Màu phớt hồng hoa cỏ liễu nở, đêm yến vào nghỉ/ Rượu rùng một chén, giấc ngủ xuân đầy đủ/ Tinh dậy sắc trúc núi ánh vào cửa sài.
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**11. Đại Giang hương trung (Trong hương thơm Đại Giang) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Mãn mục yên ba hứng, Cô châu bán yếm bông. Quang đường sơ bạng thủy, Nhược trúc nộn tùy phong. Lạc nhật cao sơn tận, Hồi triều dữ hải thông. Khẩu huyền ca nhất khúc, Nhàn sát điệu ngư ông.</i>	Đầy mắt vui khói sóng, Con thuyền lẻ loi nửa khép cánh cửa bông. Cây lê đại tràn đầy ánh sáng mọc lưa thưa, dựa vào bờ nước, Cành trúc đang non uốn theo gió. Mặt trời lặn khuất sau núi cao, Nước triều về, thông với biển. Gảy đàn huyền ca một khúc, Ông chài rất thông dong.
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**12. Xuân trú (Mùa xuân, ban ngày) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Oanh hồi trúc kính nhiễu hoang trai, Tị tục sài môn trú bất khai. Oanh điệu nhất thanh xuân thủy giác, Lạc hoa vô hạn điểm thương đài.</i>	Con đường nhỏ giống tre, trúc chạy quanh co bao quanh ngôi nhà vắng vẻ/ Để tránh khách tục, cái cửa gỗ thô sơ ban ngày cũng không mở/ Một tiếng kêu của con oanh hay chim gì đó, giấc ngủ ngày xuân tỉnh hẳn/ Hoa rụng rất nhiều, đã điểm rêu xanh.
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**13. Xuân dạ dã tự (Chùa quê, đêm xuân) - Nguyễn Trung Ngạn**

<i>Hòa yên phương thảo lục thê thê, Phảng phát tăng gia trụ cách khe. Mang lý bất tri xuân kỉ hứa, Mãn đình long nhị hiểu oanh đề.</i>	Hoà với khói, cỏ thơm có màu xanh mờ mờ/ Giống như người nhà chùa trú ở cách bên kia khe/ Trong khi bận rộn không còn biết mùa xuân đã bao lâu rồi/ Đầy sân toàn nhụy hoa nhãn, sáng
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	sớm chim oanh kêu.
--	--------------------

**14. Thu nhật (Ngày thu) - Trần Nguyên Đán**

<p>Lâm lưu mao xá bán phi quynh,          Tiểu phổ thu thâm hưng chuyển thanh.          Mai tảo cúc phương hiền tử đệ,          Tùng thương trúc sấu lão công khanh.          Thụ huyền phong độ tâm nan động,          Vân tận thiên cao nhĩn tự minh.          Tây vọng yên hoa phi tích nhật,          Thuần lô tứ viễn bất cảm tình.</p>	<p>Ngôi nhà tranh bên sông khép cánh cửa ván/          Trong vườn nhỏ giữa mùa thu, cảm thấy rất          thanh thú/ Mai nở sớm, cúc đưa hương các đệ tử          đều là người hiền/ Thông xanh, trúc gầy giống như          công khanh già/ Cây rợn gió gào, lòng không lay          động/ Trời cao mây tạnh, mắt ta sáng sủa/ Trông          về tây, cảnh yên hoa đã khác xưa/ Rau thuần cá          vược, nghĩ ngợi xa xôi, mối tình khôn xiết.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**15. Nhâm Dần lục nguyệt tác (Thơ làm vào tháng sáu năm Nhâm Dần) - Trần Nguyên Đán**

<p>Niên lai hạ hạn hựu thu lâm,          Hòa cáo miêu thương hại chuyển thâm.          Tam vạn quyển thư vô dụng xứ,          Bạch đầu không phụ ái dân tâm.</p>	<p>Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu lại bị lụt,          Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều.          Đọc ba vạn cuốn sách mà thành vô dụng,          Bạc đầu luống phụ lòng thương dân.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**16. Thôn gia thú (Thú quê nhà) - Nguyễn Phi Khanh**

<p>Bão ly trúc thụ vạn điều thương,          Lão ốc cung dư cổ tự bàng.          Quá vũ trì đường oa ngữ quát,          Lạc hoa đình viện yến nê hương.          Nhân tình trạm trạm xuân giao túc,          Thế lộ mang mang ngộ thủy trường.          Tỉnh hậu xuất môn huê bộc khứ,          Phùng nhân chỉ hướng thuyết nông tang.</p>	<p>Rào tre bao quanh nhà có muôn nhánh nhọn,          Nhà cũ độ hơn một cung ở bên ngôi chùa cổ.          Mưa tạnh, ao chuôm inh ỏi tiếng ếch,          Hoa rụng, đình viện ngát hương bọt én.          Cảnh nhân tênh tênh, rượu xuân uống đầy,          Đường đời man mác, giấc ngủ kéo dài.          Tỉnh dậy ra cửa đất đầy tớ đi theo,          Gặp ai cũng chỉ nói chuyện nông tang.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**17. Thôn cư (Ở xóm) - Nguyễn Phi Khanh**

<p>Sổ duyên thư thất yếm bổng cao,          Trì thảo viên lâm mộng nhập tao.          Phú ốc sương quân thiên ngõa trọng,          Xâm môn nhập thượng bán ly cao.          Bệnh trung hoạt kế tồn linh dược,          Thân ngoại phù danh phó trọc giao.          Vạn sự vô doanh tâm tự khả,          Xuân phong mãn xé thái giao giao.</p>	<p>Vài gian nhà học khuất trong lau lách,          Cỏ cây bên ao vườn đưa vào hồn thơ.          Sương phủ trên mái nhà, trĩu nặng ngàn viên ngói,          Mặt trời lặn vào cửa, lên cao tới lưng giậu.          Khi ốm đã có vị thuốc tiên cứu chữa,          Cái danh hão ở ngoài thân đã có chén rượu đục          xóa bỏ.          Muôn việc chẳng màng, lòng tự thoải mái.          Gió xuân đầy thêm, thú biết bao nhiêu.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**18. Sơn thôn cảm hứng (Cảm hứng ở xóm núi) - Nguyễn Phi Khanh**

<p>Hư danh táp tải bạn trần ky,  Nhất phần giang sơn một thị phi.  Tàn tuyết điện cân cơ dã thổ,  Xuân phong hy phát đại than ky.  Mộng trung vãng sự nhượng tiêu lộc,  Thế thượng phù vân nhậm cầu y.  Thùy đạo giang thôn sinh kế bạc,  Tang ma nhiều ốc lục sơ phi.</p>	<p>Cái hư danh đã buộc mình vào cõi đời bụi bặm ba mươi năm,  Trở về quê cũ quên mọi chuyện thị phi ở đời.  Trùm khăn dưới tuyết tàn trên đồng ngoài đồng nội,  Hong tóc trước gió xuân bên mỏm đá lớn đầu ghềnh.  Việc cũ trong mơ, đẹp đi như câu chuyện tiêu lộc,  Cuộc đời chỉ là những cảnh phù vân mặc nó đổi thay.  Ai bảo sinh kế thôn quê đơn bạc,  Dâu gai quanh nhà màu xanh vừa đậm.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**19. Thôn cư (Chỗ ở trong xóm) - Nguyễn Phi Khanh**

<p>Tùng quân tam kính tại,  Tuế vãn bạc ngôn quy.  Bả tửu khan thu sắc,  Huê cùng bộ tịch huy.  Vân không sơn nguyệt xuất,  Thiên khoát tái hồng phi.  Hốt thính hôn chung cổ,  Hô đồng yểm trúc phi.</p>	<p>Ba luống tùng trúc còn đó,  Tuổi già tính chuyện trở về.  Cầm chén rượu ngắm sắc thu,  Mang chiếc gậy dạo bước dưới ánh chiều.  Mây quang vàng trắng ló trên núi,  Trời rộng chim hồng ngoài ải tung bay.  Bỗng nghe chuông tối ngân lên,  Gọi trẻ khép cánh phen tre.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**20. Giang thôn xuân cảnh (Cảnh xuân ở xóm bên sông) - Nguyễn Phi Khanh**

<p>Nhiều thôn xuân thụ lục thành đôi,  Nhất đôi lưu Khê bão kính hồi.  Ngạn hiệp vũ tình yên sắc bạc,  Đỗ quyền thanh cấp luyện hoa khai.</p>	<p>Cây mùa xuân quanh xóm, màu xanh dày đặc,  Một dòng suối quanh co, lầy lội đi.  Mưa tạnh, ven đê màu khói nhàn nhạt,  Tiếng đỗ quyền rộn ràng, hoa xoan đang nở.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**II. Nguyễn Trãi**

**\* Ưc Trai thi tập**

**1. Thôn xá thu chiêm (Đập vải mùa thu ở thôn xóm)**

<p>Mãn giang hà xứ hưởng đông đình,  Dạ nguyệt thiên kinh cứu khách tình.  Nhất chủng Tiêu quan chinh phụ oán,  Tổng lương lý hận nhập thu thanh.</p>	<p>Cả sông chôn nào cũng nghe tiếng thành thành/  Trăng đêm riêng kinh động lòng người làm khách  lâu ngày/ Một nỗi lòng oán của người chinh phụ  chồng ở Tiêu quan/ Thấy đều đem mối hận biệt ly  ngụ vào tiếng mùa thu.</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**2. Trại đầu xuân độ (Bến đò xuân đầu trại)**

<p>Độ đầu xuân thảo lục như in,  Xuân vũ thêm lai thủy phách thiên.  Dã kính hoang lương hành khách thiếu,</p>	<p>Cỏ xanh như khói bên xuân tươi,  Lại có mưa xuân nước vỗ trời.  Quanh quẽ đường đò thưa vắng khách,</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



<i>Cô châu trán nhật các sa miên.</i>	Con đò gói bãi suốt ngày ngơi.
---------------------------------------	--------------------------------

**3. Mộ xuân tức sự (Cuối xuân tức cảnh)**

<i>Nhàn trung tận nhật bé thư trai, Môn ngoại tàn vô tục khách lai. Đỗ vũ thanh trung xuân hướng lão, Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.</i>	Suốt ngày nhàn nhã khép phòng văn, Khách tục không ai bén mảng gần. Trong tiếng cuộc kêu xuân đã muộn, Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**4. Quy Côn Sơn chu trung cảm tác (Về Côn Sơn làm trong thuyền)**

<i>Thập niên phiêu chuyển thán bồng bình, Quy tứ dao dao nhật tự tinh. Kỷ thác mộng hồn tâm cố lý, Không tương quyết lệ tẩy tiên doanh. Bình dư cân phủ ta nan cảm, Khách lý giang sơn chỉ thử tình. Uất uất thôn hoài vô nại xứ, Thuyền song thời chắm đảo thiên minh.</i>	Mười năm phiêu dạt như cỏ bồng cánh bèo/ Ý muốn trở về ngày nào cũng nao nao (như cờ dựng trong trí)/ Bao lần gửi hồn trong mộng về làng cũ/ Mang bằng tưởng tượng huyết lệ về tẩy mộ tổ tiên/ Than ôi, sau loạn lạc làm sao cảm can được vụn búa rìu?! Trong cảnh khách này chỉ có mối tình ấy với giang sơn/ Tác lòng u uất thật khó xử/ Song cửa thuyền lay gói mãi đến sáng trời.
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**5. Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác (Sau loạn đến Côn Sơn cảm tác)**

<i>Nhất biệt gia sơn khắp thập niên, Quy lai từng cúc bán tiêu nhiên. Lâm tuyền hữu ước na kham phụ, Trần thổ đề đầu chỉ tự liên. Hương lí tài qua như mộng đảo, Can qua vị tức hạnh thân tuyền toàn. Hà thời kết ốc vân phong hạ, Cấp giản phanh trà chắm thạch miên.</i>	Từ giã quê hương vừa đúng mười năm, Nay trở về, từng cúc một nửa đã tiêu sơ. Đã hẹn với rừng suối mà sao nữ phụ, Trong cát bụi cúi đầu tự thương mình. Vừa qua làng, tưởng như chiêm bao, Chiến tranh chưa dứt, may được toàn thân. Bao giờ được làm nhà dưới núi mây, Mức nước suối nấu trà, gói lên đá mà ngủ.
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**6. Đoan Ngọ nhật (Ngày Đoan Ngọ)**

<i>Thiên trung cộng hỉ trị giai thân, Tửu phẩm xương bồ tiết vật tân. Tấn thiếp đương niên tư Vĩnh Thúc, Trầm Tương để sự thán Linh Quân. Tịch tà bất dụng ty triển tỵ, Tuỳ tục liêu vi ngải kết nhân. Nguyện bả lan thang phân tứ hải, Tòng kim tháo tuyết cự ô dân.</i>	Giữa trưa cùng vui gặp ngày đẹp trời/ Rượu xương bồ là món mới ngày tết/ Nhớ năm ấy Vĩnh Thúc đệ sớ/ Việc trầm mình dưới sông Tương đáng than cho Linh Quân/ Không dùng tờ ràng ở cánh tay để trừ tà/ Theo phong tục tằm kết cây ngải bện thành hình nhân/ Nguyện mang nước thang lan chia khắp bốn bể/ Từ nay rửa sạch cái đơ bẩn cũ cho dân.
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**7. Văn húng (Húng chiều)**

<p><i>Cùng hạng u cư khổ tịch liêu, Ô cân trúc trượng vãn tiêu diêu. Hoang thôn nhật lạc, hà thê thụ. Đã kính nhân hy, thủy một kiêu. Kim cổ vô cùng giang mạc mạc, Anh hùng hữu hận điệp tiêu tiêu. Quy lai độc băng lan can toạ, Nhất phiến băng thiềm quái bích tiêu.</i></p>	<p>Trong ngô cùng, ở nơi vắng vẻ, buồn nổi quanh hiu/ Khăn đen, gậy trúc đi dạo chơi buổi chiều/ Nơi thôn vắng, mặt trời xế, ráng đậu trên cây/ Con đường ngoài nội ít người qua lại, nước ngập cầu/ Xưa nay thời gian không cùng như sông chảy xuôi mờ mịt/ Anh hùng mang hận như tiếng gió thổi cây lá nghe vu vu/ Trở về một mình ngồi tựa lan can/ Một mảnh trăng sáng lạnh như băng treo trên nền trời biếc.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**\*Quốc âm thi tập**

<p><b>1. Ngôn chí 3</b> Am trúc hiên mai ngày tháng qua, Thị phi nào đến cõi yên hà. Bữa ăn dầu có dưa muối, Áo mặc nài chi gấm là. Nước dưỡng cho thanh địa thưởng nguyệt, Đất cày ngõ ả lạnh ương hoa. Trong khi hứng động vừa đêm tuyết, Ngâm được câu thần dặng dặng ca.</p>	<p><b>2. Ngôn chí 8</b> Túi thơ bầu rượu quản tình sông, Quẩy dụng đầm hâm mấy dặm đường. Đài Tử Lăng cao thu mát, Bè Trương Khiên nhẹ khách sang. Tầm uơm lúc nhúc, thuyền đầu bãi, Hầu chất so le, khóm cuối làng. Ngâm sách thằng chài trong thưở ấy, Tiếng trào dậy khắp Thương Lang.</p>
<p><b>3. Ngôn chí 9</b> Sang cùng khó bởi chung trời Lặn mọc làm chi cho nhọc hơi. Tả lòng thanh vị nức nác, Vun đất ải, lạnh mừng toi. Liêm, cần tiết cả tua hằng năm, Trung, hiếu niềm xưa mưa nữa rời. Con cháu chớ hiềm song nhật nguyệt, Thi thư thực ấy báu nghìn đời.</p>	<p><b>4. Ngôn chí 10</b> Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy, Có thân chớ phải lợi danh vây. Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén, Ngày vắng xem hoa bọ cây. Cây rậm chồi cành chim kết tổ, Ao quang máu ấu cá nên bày. Ít nhiều tiêu sái lòng ngoài thế, Năng một ông này đẹp thú này.</p>
<p><b>5. Ngôn chí 15</b> Am cao, am tháp đặt đòi tầng, Khấp khểnh ba làn trở lại bằng. Quét trúc bước qua lòng suối, Thường mai về đập bóng trăng. Phản du lẻo đẻo thương quê cũ, Tùng cúc bù trừ nhớ việc hằng. Một phút thanh nhàn trong thưở ấy,</p>	<p><b>6. Ngôn chí 16</b> Tham nhàn lánh đến giang san, Ngày vắng xem chơi, sách một an. Am rợp chim kêu hoa xẩy động, Song im hương tiền khói sơ tàn. Mưa thu tưới ba đường cúc, Gió xuân đưa một luồng lan. Ăn cả lộ chi thành thị nữa,</p>

Thiên kim ước đôi đũa ngọc hay chăng.	Nào đâu là chẳng đất nhà quan.
<p><b>7. Ngôn chí 20</b></p> <p>Dấu người đi là đá mòn, Đường hoa vương vất trúc luân. Cửa song dải xâm hơi nắng, Tiếng vượn vang, kêu cách non. Cây rợp tán che am mát, Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn. Rùa nằm hạc lẫn nên bày bạn, Ủ ấp cùng ta làm cái con.</p>	<p><b>8. Mạn thuật 1</b></p> <p>Ngày tháng kê, khoai những sản hằng, Tường đào ngõ mạn ngại thung thăng. Đạo ta cậy bởi chân non khoẻ, Lòng thế tin chi mặt nước bằng. Đìa cỏ được câu ngâm gió, Hiên mai, cầm chén hỏi trăng. Thè cùng viên hạc trong hai ấy, Thấy có ai han chớ đãi đàng.</p>
<p><b>9. Mạn thuật 6</b></p> <p>Đường thông thưở chống một cày, Sự thế bao nhiêu vuồn đã khuây. Bể cái trúc, hồng phân suối, Quét con am, để chứa mây. Đìa tham nguyệt hiện chẳng buông cá, Rừng tiếc chim về ngại phát cây. Dù bụi, dù tiên ai kể hỏi, Ông này đã có thú ông này.</p>	<p><b>10. Mạn thuật 11</b></p> <p>Náu về quê cũ bấy nhiêu xuân, Lẳng thẳng chưa lia lưới trần. Ở thế những hiềm qua mỡ thế, Có thân thì sá cóc chưng thân. Vườn còn thông trúc đáng năm mẩu, Câu ước công danh đôi một cần. Miệt bả, hải gai, khăn cóc, Xuềnh xoàng làm mỡ đũa thôn nhân.</p>
<p><b>11. Mạn thuật 13</b></p> <p>Quê cũ nhà ta thiếu cửa nào, Rau trong nội, cá trong ao. Cách song mai tinh hồn Cô Dịch, Kề nước cầm đũa tiếng Cửa Cao. Khách đến vườn còn hoa lạc, Thơ nên cửa thấy nguyệt vào. Cảnh thanh nhường ấy chẳng về nghĩ, Lẩn thẩn làm chi áng mạn đào?</p>	<p><b>12. Trần tình 2</b></p> <p>Vàng bạc nhà chẳng có mỡ phân, Lành thay cơm cám được no ăn. Lợn thưở đông, hằng nhờ bếp, Suốt mùa hè, kéo đắp chăn. Ác thỏ tựa thoi xem lặn mọc, Cuộc cày là thú những chồn chân. Cậy trời còn có bấy nhiêu nữa, Chi tuổi chẳng hiềm kẻ khó khăn.</p>
<b>13. Trần tình 5</b>	<b>14. Trần tình 7</b>

<p>Con cờ khoái, rượu đầy bầu, Đòi nước non, chơi quân dầu. Đạp áng mây, ôm bó củi, Ngồi bên suối, gác cần câu. Giang sơn mặt thấy nên quen thuộc, Danh lợi lòng nào ước chác cầu. Vương Chất tình cờ ta ướm hỏi, Điều phơi phới thấy tiên đâu?</p>	<p>Chén chãng lọ chước rượu La Phù, Khách đến ngâm chơi miễn có câu. Lòng một tác son, còn nhớ chúa, Tóc hai phần bạc, bởi thương thu. Khó bèn mới phải người quân tử, Mạnh gắng, thì nên kẻ trượng phu. Cày ruộng, cuộc vườn dầu hết khoẻ, Tôi Đường Ngu ở đất Đường Ngu.</p>
<p><b>15. Thuật hứng 3</b> Một cày, một cuộc thú nhà quê, Áng cúc lan xen vãi đậu kê. Khách đến chim mừng hoa xẩy động, Chè tiên nước kín nguyệt đeo về. Bá Di người rặng thanh là thú, Nhan Tử ta xem ngật ấy lè. Hễ tiếng dũ lạnh tai quân đắp, Cầu ai khen, liễn lệ ai chê.</p>	<p><b>16. Thuật hứng 6</b> Cảnh cũ non quê nhắc chốc mừng, Chiêm bao giờ đã đến trong lòng. Trà tiên, nước kín, bầu in nguyệt, Mai rụng, hoa đeo, bóng cách song. Gió nhật đưa qua trúc ỏ, Mây tuôn phủ rợp thư phòng. Thức nằm nghĩ ngợi còn mừng tượng, Lá chưa ai quét cửa thông.</p>
<p><b>17. Thuật hứng 11</b> Ruộng đôi ba khóm đất con ong, Đầy tớ hay cày kéo muôn mừng. Sự có cầu người nên nể mặt, Phận tuy rằng khó miễn yên lòng. Thu êm cửa trúc, mây phủ, Xuân tĩnh, đường hoa gấm phong. Ai có cửa thông phòng thết khách, Một ao niềng niềng mấy đòng đong.</p>	<p><b>18. Thuật hứng 15</b> Ngại ở nhân gian lưới trần, Thời nằm thôn dã miễn yên thân. Trúc mai chẳng phụ lòng quân tử, Viên hạc đà quen bạn dật dân. Hái cúc ương lan, hương bén áo, Tìm mai đạp nguyệt, tuyết xâm khăn. Đàn cầm suối, trong tai dãi, Còn một non xanh là cố nhân.</p>
<p><b>19. Thuật hứng 19</b> Chạm tự nhiên một thảo am, Dầu lòng đi Bắc liễn về Nam. Rừng thiên định, hùm nằm trực, Trái thì trai, vượn nhọc đăm. Núi lảng giềng, chim bầu bạn, Mây khách khứa, nguyệt anh tam. Tào Khê rửa ngàn tầm suối, Sạch chẳng còn một chút phàm.</p>	<p><b>20. Thuật hứng 22</b> Chạm tự nhiên, một tám lều, Qua ngày tháng, lầy đầu nhiều. Gió tiễn rèm, thay chổi quét, Trăng kè cửa kéo đèn khêu. Cơm ăn chẳng quân dưa muối, Áo mặc nài chi gấm thêu. Tựa góc cây ngồi hóng mát, Đi hui ta hãy một đi hui.</p>
<p><b>21. Thuật hứng 23</b></p>	<p><b>22. Thuật hứng 24</b></p>

<p>Bình sinh nhiễm được tật sơ cuồng,          Con cháu nhiều ngày chịu khó chùng.          La ý lấy đầu chàng sách sách,          Hùng ngư khôn kiếm phải thềm thường.          Ao quan thả gửi hai bè muống,          Đất bụt ương nhờ một luống mừng.          Còn có một lòng âu việc nước,          Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung.</p>	<p>Công danh đã được hợp về nhà,          Lành dữ âu chi thể nghị khen.          Ao cạn vớt bèo cấy muống,          Đìa thanh phát cỏ ương sen.          Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,          Thuyền chở yên hà nặng vạy then.          Bui có một lòng trung lẫn hiếu,          Mãi chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.</p>
<p><b>23. Tỵ thán 7</b>          Giàu chẳng kịp, khó còn bằng,          Danh lợi lòng đã ắt dừng dừng.          Dò trúc, xông qua làn suối,          Tìm mai, theo đạp bóng trăng.          Giang sơn bát ngát kia quê cũ,          Tùng cúc bù tri ấy cửa hàng.          Một phút thanh nhàn trong thưở ấy,          Nghìn vàng ước đổi được hay chăng ?</p>	<p><b>24. Tỵ thán 12</b>          Lọ chi tiên bụi nhọc tâm phương,          Được thú an nhàn ngày tháng trường.          Song có hoa mai, trì có nguyệt,          Án còn phiến sách, triện còn hương.          Tôi người một tiết bền bằng đá,          Biên tóc mười phần chịu những sương.          Chữ học ngày xưa quên hết dạng,          Chẳng quên có một chữ cương thường.</p>
<p><b>25. Tỵ thán 14</b>          Lều nhàn vô sự ấy lâu dài,          Nằm ở chẳng từng khuấy nhiễu ai.          Tuyết đượm trà mai câu dễ động,          Đìa in bóng nguyệt hứng thêm dài.          Quyển thi thư những màng quen mặt,          Tiếng thị phi chẳng đóng đến tai.          Chẳng thấy phồn hoa trong thưở nọ,          Ít nhiều gửi kiến càn hòe.</p>	<p><b>26. Tỵ thán 25</b>          Xin làm mỡ bộ quản giang san,          Có biết đâu là sự thế gian.          Củi hái mây, dầu trúc bùa,          Cầm đưa gió, mặc thông đàn.          Ngày xem hoa rụng chẳng cài cửa,          Tối rước chim về mưa lạc ngàn.          Gửi tính ngư tiều hai đứa lẫn,          Của ai non nước khiến ta bàn.</p>
<p><b>27. Tỵ thán 32</b>          Chùm tự nhiên, lều một gian,          Già không thay thảy tám hồng trần.          Nghìn hàng cam quýt con đời cũ,          Mấy đứa ngư tiều bậu bạn thân.          Thấy nguyệt tròn thì kẻ thán,          Nhìn hoa nở mới hay xuân.          Cày ăn, đào uống yên đời phận,          Sự thế chẳng hay đã Hán, Tần.</p>	<p><b>28. Tỵ thán 39</b>          Lấy đầu xuất xứ lợn hai bề,          Được thú làm quan mất thú quê.          Ngồi cạn ước ở làm cần cần,          Cửa quyền biếng mặc áo thê thê.          Mừng cùng viên hạc quen lòng thắm,          Đã kéo thuần lư bảo hện về.          Thông thả dầu ta ngoài thế giới,          La ngàn non nước một thẳng hề.</p>

<p><b>29. Bảo kính cảnh giới 13</b>          Phú quý thì nhiều kẻ đến chen,          Uôn đòi thế thái tính chưa quen.          Cơm ăn miễn có, dầu xoa bạc,          Áo mặc âu chi, quần cũ đen.          Khó ngặt hãy bền lòng khó ngặt,          Chè khen mưa ngại tiếng chê khen.          Ruộng nhiều quê tổ năm ba thửa,          Tạc tỉnh canh điền tự tại nhàn.</p>	<p><b>30. Bảo kính cảnh giới 31</b>          Chân mềm ngại bước dặm mây xanh,          Quê cũ tìm về cảnh cũ thanh.          Hương cách gác vân thu lạnh lạnh,          Thuyền kẻ bãi tuyết nguyệt chênh chênh.          Ôn tư là ấy yêu đường chúa,          Lỗi thác vì nơi luy bởi danh.          Bui có một niềm trung hiếu cũ,          Chẳng nằm thức dậy nẻo ba canh.</p>
<p><b>31. Bảo kính cảnh giới 38</b>          Mấy phen lần bước dặm thanh vân,          Đeo lợi làm chi luống nhọc thân.          Nhớ chúa lòng còn đơn một tác,          Âu thì tóc đã bạc mười phân.          Trì thanh cá lợi in vừng nguyệt,          Cây tĩnh chim về rợp bóng xuân.          Dầu phải dầu chằng mặc thế,          Đắp tai biếng mắng sự vân vân.</p>	<p><b>32. Bảo kính cảnh giới 43</b>          Rồi hóng mát thuở ngày trường,          Hoè lục đùn đùn tán rợp trương.          Thạch lự hiên còn phun thức đỏ,          Hồng liên trì đã tịn mùi hương.          Lao xao chợ cá làng ngư phủ,          Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.          Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,          Dân giàu đủ khắp đòi phương.</p>

### III. Nguyễn Bảo

<p><b>1. Tuế mộ thuật hoài (Nỗi lòng cuối năm)</b>          Mạc mạc vân sơn nhập mộng đa,          Mỗi phùng tuế án bội tư gia.          Mãn tiền phong vật tri tâm thiếu,          Huống phục lưu niên mấn dĩ hoa.</p>	<p>Mây nơi núi nhà thường chập chờn trong giấc          mộng,          Cứ mỗi lần vào cuối năm, lại nhớ nhà da diết.          Cảnh vật ai cũng thấy, nhưng nỗi lòng thì biết          người biết,          Huống gì năm tháng trôi qua, mái đầu bạc dần.</p>
<p><b>2. Xuân nhật tức sự (Tả cảnh ngày xuân)</b>          Dã tự tiêu điều ký sở duyên,          Nhập xuân phong cảnh khước du nhiên.          Vinh khô tùy ý giai tiền thảo,          Nông đạm đa tình thụ ngoại yên.          Bán tích bán phi nan chủng địa,          Bát hoàn bất noãn dụ hoa thiên.          Ứng thư sàng thượng văn đề quyết,          Dục phỏng thôn ông học dưỡng điền.</p>	<p>Cảnh ngôi chùa hiu quạnh giữa cánh đồng, có          vài gian nhà dựng ké vào/ Cảnh đã chuyển          sang xuân mà vẫn thấy buồn thiu/ Đám cỏ          mọc trước thềm, tươi héo thì tùy ý/ Làn khói          thoảng ngoài cây, đậm nhạt khéo đa tình/ Dờ          tốt dờ xấu, đất khó trồng trọt/ Khi ấm khi lạnh,          trời sẽ đẹp dần/ Ngôi ôm sách trên giường,          nghe chim bò cóc kêu/ Muốn vào thăm ông          già trong thôn hỏi về việc làm ruộng.</p>
<p><b>3. Trùng Mai thôn xuân vãn (Chiều)</b></p>	<p>Mờ mịt mây che, mưa bay phân phát/ Nhà</p>

<p><b><i>xuân ở thôn Trùng Mại)</i></b>  <i>Âm vân mạc mạc vũ phi phi,      Bình trĩ khu ngư trước đoán y.      Ấu phụ thì qua xâm hiểu khứ,      Lão cô sừ đậu hướng bô quy.      Ly biên ế ế giá miêu trướng,      Thảo lý thanh thanh vu diệp hy.      Trướng đắc điền viên chân lạc thú,      Tuy phi hành bí diệp vong ky.</i></p>	<p>nông mình mặc áo cộc, tay cầm cày giục trâu/      Nàng dâu trẻ gieo giống hạt dưa, sáng đi      sớm/ Mẹ chồng già xới củ nướng đỗ, chiều về      muộn/ Ngọn mía mơn mớn bên giậu tre/      Luống khoai xanh xanh sau đám cỏ/ Chỉ      mong được cảnh vui thú ruộng vườn như vậy/      Tuy không gặp cảnh ngất nghèo, chứ nếu      gặp, cũng có thể quên đời được.</p>
<p><b><i>4. Xuân vũ (Mưa xuân)</i></b>  <i>Mạn thiên mạc mạc noãn vân đê,      Bái trạch hân quan phát dục thì.      Lạp hậu lai mâu tương một độc,      Hạn nhiều nghiêu xác dĩ như chi.      Nhất niên hưu ứng tuy vương tỉnh,      Cửu thổ hoan truyền cập ngã ti (tư).      Tị thị dân hòa thần tích phúc,      Ngư kỳ gia hỷ báo cừ tri.</i></p>	<p>Đầy trời mây âm trĩu mờ trôi,      Mưa móc vui nhìn sự nảy chồi.      Lúa tựa che bê sau tháng chạp,      Đất như bôi mỡ lúc mưa rơi.      Chín châu dân thỏa lòng mong ước,      Một vụ vua đi nhớ chẳng thôi.      Từ đó hài hòa ban phúc âm,      Cờ bay trước gió báo tin vui.</p>
<p><b><i>5. Hỉ vũ (Mừng mưa)</i></b>  <i>Bán dạ khinh lôi khởi trập uyên,      Khu vân quyển vũ tị trung thiên.      Tiêu tiêu song ngoại sơ minh trúc,      Hoạt hoạt thiềm tiền dĩ hưởng truyền.      Tức tẩy viêm phân thanh tứ dã,      Hiểu khan tân lục dạng bình điền.      Bằng thùy đắc phụ thiên đình tấu,      Đa thiểu thần công biến hải nhiên.</i></p>	<p>Sấm động khua rông dậy nửa đêm,      Giữa trời mây cuốn đuổi mây đen.      Lao xao trúc múa ngoài song sổ,      Cuồn cuộn khe vang trước mái thềm.      Đồng nội mát trong, oi bức hết,      Ruộng nương phẳng rợn, sắc xanh thêm.      Nhờ ai dâng sớ lên trời thế,      Thần diệu kỳ công tưới khắp miền.</p>
<p><b><i>6. Thu lâm (Mưa dầm mùa thu)</i></b>  <i>Bán dạ hà nhân khởi Át (A) Hương,      Đảo phiên lôi vũ tẩy cang dương.      Nhiều đường bỏ tí oa thanh loạn,      Mãn viện ngô đồng khách mộng lương.      Nam mẫu lãng khan thiên khoáng lục,      Tây trừ vân đãi vạn đôi hoàng.      Nhĩ biên doanh đắc cùng diêm ngữ,</i></p>	<p>Thần sấm đang đêm dậy bất đồ,      Tuôn mưa rưới mát đất cang khô.      Éch kêu ao rộn quanh bờ cỏ,      Khách mộng sân nhà rợp bóng ngô.      Nam mẫu xanh tươi làn sóng biếc,      Tây trừ vàng sáng áng mây gò.      Bên tai âm tiếng người cùng khổ,      Từ cõi mây xanh ân thấm cho.</p>

<i>Vân Hán thâm ân cách bỉ thương.</i>	
----------------------------------------	--

#### IV. Thái Thuận

<p><b>1. Hoàng giang tức sự (Đề thơ tức cảnh ở bến Hoàng Giang)</b>  <i>Mao xá nhân yên lý,          Cô chu tiểu bạc thì.          Thôn đồng tam tứ bối,          Duyên thủy mạch bành kỳ.</i></p>	<p>Nhà tranh trong làn khói tỏa,          Thuyền cô lúc tạm đậu lại.          Trẻ quê ba bốn tốp,          Lăn theo bên sông tìm bắt cua cáy.</p>
<p><b>2. Muộn giang</b>  <i>Bình phố thừa triều thượng,          Nông dân sản hiếu canh.          Hát ngư phi bạch điệu,          Phong ngoại lưỡng tam thanh.</i></p>	<p>Nơi bãi phẳng, nhân lúc nước triều dâng,          Nhà nông vội lo cày từ lúc mửng sáng.          Hết trâu làm cho cò trắng giật mình bay,          Vài ba tiếng vang xa ra ngoài gió.</p>
<p><b>3. Giang thôn hiếu phát</b>  <i>Kê thanh hà xử thị ngư gia,          Yên thủy mang mang nguyệt ảnh tà.          Nhất trận địch hoa thu vạn lý,          Bạch âu sơ kiến nhượng bình sa.</i></p>	<p>Gà gáy nơi nào là nhà chài lưới ?          Khói nước mờ mờ ánh trăng tà.          Một trận gió thổi hoa lau, thu ngàn dặm.          Cò trắng mới thấy lúc nhúc ngoài bãi cát.</p>
<p><b>4. Giang thôn tức sự</b>  <i>Noãn triều bán lạc hiếu phong vi,          Cá cá sa âu hướng bối phi.          Giang thượng thiên quy hà xử sở,          Hàn yên lãnh vũ nhất thôi y.</i></p>	<p>Nước triều ấm rút phân nửa gió sớm thổi nhẹ,          Đoàn sa âu con nào con nấy hướng vào lưng nhau          mà bay.          Trên sông trời về xứ nào,          Khói lạnh mưa lạnh một chiếc áo toi.</p>
<p><b>5. Hoàng giang tức cảnh</b>  <i>An ba giang thượng hạo vô cùng,          Vạn lý càn khôn tuý nhĩn trung.          Chiếu dã đặng minh gia viễn cận,          Mạn thiên triều trưởng thủy tây đông.          Phu hà ảnh lý cô chu nguyệt,          Âu lộ sa biên nhất địch phong.          Khách chằm dạ thâm phương tựu thủy,          Tam canh phi mộng đảo Thiên cung.</i></p>	<p>Sóng yên, sông trông rộng vô cùng,          Trời đất ngàn muôn dặm đều thu vào đôi mắt say          đắm.          Vùng quê đèn sáng, nhìn thấy nhà lớp xa, lớp gần.          Khắp trời nước triều nhẩy ngập cả đông cả tây.          Trong bóng lau lách, trăng soi con thuyền mò côi,          Bên bãi cò le, gió thổi tiếng địch (sáo) đơn chiếc.          Đêm khuya, trên gối khách vừa chợp mắt ngủ,          Giác mộng lúc canh ba đã bay đến cung trời.</p>

#### V. Hồng Đức quốc âm thi tập

<p><b>1. Vịnh nhất canh</b>          Tập tễnh trời vừa mọc đầu tinh,          Ban khi trông một mới thu canh,</p>	<p><b>2. Vịnh nhị canh</b>          Vắng gần xa, khách vắng lai,          Khúc rông canh đã chuyển sang hai.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



<p>Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc, Sườn núi chim gù ẩn lá xanh. Tuần điếm kìa ai khua mỡ cá, Dâng hương, kể nợ nện chày kinh. Nhà Nam, nhà Bắc đều no mặt, Lùng lẩy cùng ca khúc thái bình.</p>	<p>Lầu treo cung nguyệt, người êm giấc, Đường quanh nhà thôn, cửa chặt cài. Cảnh vật chòm chòm bay lửa đóm, Cỏ hoa gốc gốc đượm hương trời. Có người đắc thú trong khi ấy, Đoản địch còn xong thốt mái ngoài.</p>
<p><b>3. Vịnh ngũ canh</b> Canh chầy đèn hạnh lâm dâm, Xao xác lậu canh trống điểm năm. Nguyệt đầu non treo chéch chéch, Sương mặt đất ướt đầm đầm. Rừng kia bố cốc còn khua giống, Làng nợ nông phu đã thức nằm. Bóng ác rạng đông, trời đã sáng, Tiếng gà sôi nổi, tiếng hàn châm.</p>	<p><b>4. Lại vịnh nắng mùa hè</b> Gọi vịt từ nghe ở ngọn tre Mới hay tiết đã báo sang hè, Nước nông sừng sực đầu rô trối, Ngày nắng chang chang lười chó lè. Cuốc cuốc, cuốc hăng khua mỡ cuốc, Ve ve, ve lại gáy cầm ve. Mai lành còn có thu đông nữa, Nhưng thế còn ai chịu được e?</p>
<p><b>5. Sơn thị tình lam (Chợ cạnh núi lúc tạnh mù)</b> Non mở bình phong tám bức vây, Chợ quê ngày tạnh lục in cây. Cá tươi xâu liểu người về gấp, Rượu chín nồng hoa khách ở chầy. Điểm nợ cò còn quán gió, Lều kia rèm đã cuốn mây. Ông nào thổi địch thanh toi tá? Cưỡi hạc bay về ngàn núi tây.</p>	<p><b>6. Ngự thôn tịch chiếu (Ánh chiếu rọi vào xóm chài lưới)</b> Lục xục bên giang bảy tám nhà, Trời thâm bóng ác dãi tha la, Chan chan thuyền đỗ đầu ghềnh liểu, San sát chài phơi cuối vụng hoa. Pha khói chim về cây điểm phẩn, Thoáng dòng cá hớp nước tuôn là. Có người đợi nguyệt chèo khoan gác, Nước Thương Lương một tiếng ca.</p>
<p><b>7. Tiến Trung thôn tục (Tục thôn Tiến Trung)</b> Cửa che lều, khói nắng mưa, Tục hây hây, lễ đón đưa. Cày thuở ruộng thu êm cỏ lục, Ca khi bóng nguyệt quuyến mai thừa. Người còn thói hậu, đời còn hậu, Nhà có kho thừa, thóc có thừa. Phủ trị biết chi là sở trọng? Bảo rằng “Nhân nghĩa ấy làm sơ”.</p>	<p><b>8. Trà Thượng sa cư (Ở bãi cát Trà Thượng)</b> Lẻ thè năm ba nhà khắp đồi, Cuốc cày sá tiếc trận rào thôi. Bủa chài cuối bãi thuyền đôi chiếc, Hái củi đầu non búa kẻ đôi. Cá được cất tươi giương thế hứng, Thơ ngâm đòi trận thỏa khi rồi. Ê a khách đến trà ba chén, Cam quýt đầy vườn ấy những tôi.</p>
<p><b>9. Đan hà hiếu vọng (Buổi sáng trông ráng mây đỏ)</b></p>	<p><b>10. Vịnh người kiếm cá</b> Pha lê muôn khám thức lom om,</p>

<p>Trước đông rờ thoáng ngàn tiên, Ban tối cây lồng khuất cửa thiên. Lẻ tẻ đầu non người quẩy củi, Lao xao cuối bãi khách về thuyền. Mỡ vang cốc cốc bên kia bến, Chuông đóng coong coong mái nọ chiền. Năm thức hồng vân, kia đế sở, Thân sơ hương hỏa có nhân duyên.</p>	<p>Xảy thấy thẳng chài đứng đáy nom. Manh áo quàng, mang lụp xụp, Quai chèo xách, đứng lom khom. Ngư hà vẩy đuôi chúi ần, Âu lộ hay cơ ngó nhòm. Có kẻ làm ơn nheo nhèo mách; Kia kia Phạm Lãi mái kia mom.</p>
<p><b>11. Vịnh người hái củi</b> Tư bề ngần ngật bóng non om, Sớm thấy người tiêu đã tới nom. Phong nguyệt một đò mang lếch thếch, Yên hà đôi bó quảy khom khom. Ca Di khúc đã, khoan chân dạng, Non Thạch cò thôi, chống củi nhòm. Có thưở xa trông vàng ác xé, Đé chân nheo nhéo đứng đầu mom.</p>	<p><b>12. Vịnh người đi cày</b> Năm canh bố cốc tiếng kêu om, Leo leo canh phu sớm đã nom. Gió ngàn xanh, xoay nón lếch, Mưa núi lục, cúi lưng khom. Lều Nam Dương đã khoan chân đứng, Non Phú Xuân qua cát mặt nhòm. Tác đất, tác vàng yêu bấy tá. Mồ hôi dòn dọi thưở đầu mom.</p>
<p><b>13. Vịnh người chẵn trâu</b> Đầu ngàn, êu êu cỏ xanh om, Thả thả, chẵn chẵn, ít lại nom. Mũi ghé lui chân đứng nhay, U trâu vịn cật ngồi khom. Vang địch trúc lao xao hỏi, Mãng ca sừng ngấp ghé nhòm. ...(Có) thưở về hoà khi hái củi, Chẳng ngờ ác đã mái kia mom.</p>	<p><b>14. Họa bài người kiếm cá</b> Thuyền ai chiếc bé tiếng đà om, Thấy lũ thẳng chài đứng vịnh nom. Nửa tấm áo toi che lùn cùn. Một cần câu trúc uốn khom khom. Ngư hà song viết ngày hằng đủ, Bạng duật đôi co thể ngại nhòm. Chờ thưở nguồn Đào tiên lại gặp, Cùng nhau cặn kẻ thưở đầu mom</p>
<p><b>15. Họa bài người hái củi</b> Đầu non đã tạnh khói còn om, Mấy gã tiêu phu đã sớm nom. Nửa bó yên hà mang đùng đình, Đôi bên phong nguyệt quảy lom khom. Trời Nghiêu, ngày Thuấn mình ăn ở, Đỉnh Thạch non Thai mặt ngược nhòm. Ước thấy Mãi Thần mà thử hỏi: "Rằng xưa gặp chúa mé nào mom?"</p>	<p><b>16. Họa bài người đi cày</b> Ruộng xanh, nước biếc ngát lom om, Xê xé canh phu đã tới nom. Đổi Vũ tẩm mưa tai nhấp nhấp Nội Châu cuốc nguyệt cật khom khom. Cày Y cúi đỡ dân Thương ngóng. Lều Cát nằm lui chúa Hán nhòm. Có thưở nông rồi khi việc giã, Đèo heo hóng mát ở ngoài mom.</p>
<p><b>17. Họa bài người chẵn trâu</b></p>	<p><b>18. Tír thú tương thoại</b></p>

<p>Ngày còn sớm, chưa xay om, Gã mục dè chân đã tới nom. Bạn xúm nội bằng, cười khặc khặc, Trâu về ngõ hẹp, cỡi khom khom. Tiếng ca Nịnh Thích kê tai ngóng, Khúc địch Hoàn Y nghển cổ nhòm. Còn có nơi nào vui thú nữa: Gái trai cùng họp một đầu mom.</p>	<p>Đêm rượu, ngày rồi, họp bốn người, Cùng bày sở thú bảo nhau chơi. Con trâu tở béo, cơm người trắng, Đon củi người nhiều, cá tở tươi. Gặp thuở thái bình, người mến tở, Chứa lòng ưu ái tở cùng người Cấp cầm, con Tuyết tình cờ đến, Bỏ nón, lụi chân khặc khặc cười.</p>
<p><b>19. Vịnh người đánh cá</b> Nẻo đầu kể bốn thú nhàn cư, Song viết ai bằng song viết ngư ? Tám bức giang sơn thu vẹn tám, Tư mùa phong cảnh đủ hòa tư. Dong thuyền đợi tiên Tô tử, Nêm chèo ca khúc Sở từ. Nọ nọ Bàn Khê công nghiệp cả. Xuân thu lần kể tám mươi dư.</p>	<p><b>20. Vịnh người hái củi</b> Một rìu, một búa của hôm chiều, Song viết ai bằng song viết tiêu ? Lần nguyệt pha sương, ngày tháng Thuần, Tìm thông, hỏi quế, nước non Nghiêu. Mây che đầu, ngàn tầng tán, Suối vang tai, chín chập thiều. Khùng khinh ăn nằm đời thánh chúa, Làm chi lần kể sự tiền triều.</p>
<p><b>21. Vịnh người đi cày</b> Một cày, một cuốc, phận đà đành, Song viết ai bằng song viết canh? Diệt, vất, tay cầm quyền tướng sủy, Thừa lư thóc chứa lộc công khanh. Công A hành đến trời biếc. Tiết Tử Lãng còn núi xanh. Ngoài ấy có nơi hơn thú nữa, Ruộng lành dãi được giống nhà lành.</p>	<p><b>22. Vịnh người chẵn trâu</b> Nẻo ra thì có phu đồng bộc, Song viết ai bằng song viết mục? Nhật nguyệt đôi vàng tám nón nan, Giang san ngàn dặm một rò trúc, Sách xưa Hề, Thích thấy còn truyền, Đời thịnh Thuần, Nghiêu mừng ấy phúc, Lục lối tự nhiên sinh sản nhiều, Thái bình tay vỗ ca đời khúc.</p>
<p><b>23. Vịnh thuyền người đánh cá</b> Năm hồ chiếm được chốn câu chài, Biếng thốt Cô Tô cũ có đài. Mũi rách dập dềnh năm bảy chiếc, Chèo cùn nổi nắm một đôi đai. Tiệc vậy tứ hữu từng quen bén, Cần đổi tam công tiếc chẳng hoài. Phong nguyệt ít nhiều song viết đủ, Khứng đâu vợ bậy, khứng cho ai ?</p>	<p><b>24. Lại vịnh thuyền người đánh cá I</b> Bốn mùa song viết một thuyền chài, Sớm chốn giang hồ tối nguyệt đài. Tay giữ tơ vàng ngờ ấy chiếu, Lưng đeo tuyết trắng ngỡ rằng đai. Hằng yên tính phận đời Nghiêu, Thuần. Khứng đổi hiên thường đám cúc mai. Mấy tướng trung hưng đều mạnh mẽ, Chẳng hay phò vạc ấy công ai?</p>
<p><b>25. Lại vịnh thuyền người đánh cá II</b></p>	

<p>Ngày hằng cuối bãi đỗ phơi chài, Ra rá nhàn qua thảng tiêu, đài. Nước ngược, xuôi dòng, màng chực rón, Rượu ngon, lạt đôi, quán liêu đài. Thẳng lèo buồm vượt giương chèo quế, Sập cửa mui nằm mãi giấc hòe. xuất xử đòi thì đều phải đạo, Trong đời há có mấy làm ai.</p>	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

#### IV. Nguyễn Bình Khiêm

##### \* Bạch Vân am thi tập

<p><b>1. Tân quán ngụ hứng (Ngụ hứng quán Trung Tân), bài 1</b> <i>Sổ chuyên mao ốc phủ giang tân, Các đăc nhàn trung tự tại thân. Môn ngoại duệ cư vô tục khách, Khê biên tập võng hữu ngư nhân. Hải thiên vụ tẩy khan hồng nhật, Sơn dã hoa khai tích diễm xuân. Minh nguyệt thanh phong tùy xír hữu, Sinh nhai tiệnt túc bất vi bần.</i></p>	<p>Vài gian nhà lợp gianh trông ra bến sông, Ai nấy đều được tự tại trong cảnh nhàn. Kẻ áo chùng đi ngoài cổng, không người phàm tục, Quăng lưới bên khe có làng chài, Bể trời khi khí mù tan hết, thấy mặt trời hồng, Núi, đồng hoa nở, tiếc cảnh xuân đẹp. Trăng thanh gió mát, nơi nào cũng sẵn, Cảnh sống tạm đủ, không đến nỗi nghèo khó.</p>
<p><b>2. Tân quán ngụ hứng (Ngụ hứng quán Trung Tân), bài 2</b> <i>Hư thất hồn vô bán điếm ai, Sài môn tận nhật bạng giang khai. Ngư chu vãn hướng ngư Khê bạc, Dã tẩu hương tùy dã khách lai. Loạn thế cầu toàn tri hữu hạnh Nguy thời hoành tế quý phi tài. Thừa nhàn khước tá đông phong lực, Lưu thủ xuân quang nhập thọ bôi.</i></p>	<p>Nhà trống thực không có lấy một hạt bụi/ Cánh cửa sài bên bờ sông mở suốt ngày/ Thuyền chài chiều đến lại trở về đậu bến chài/ Nơi thôn ỏ, mùi hương theo khách đồng quê đến/ Thời loạn lạc thân tạm được an toàn, biết rằng thế là may mắn/ Lúc gian nguy cứu giúp khắp mọi người, thẹn mình không có tài/ Nhân lúc nhàn lại mượn sức của gió đông/ Giữ lại ánh sáng mùa xuân để đưa vào chén rượu thọ.</p>
<p><b>3. Tân quán ngụ hứng (Ngụ hứng quán Trung Tân), bài 8</b> <i>Nhàn cư biệt chiếm tiêu càn khôn Tân quán, Vân am Khê ngoại thôn Lương đệ giang phong lai chắm diệm, Ảnh di sơn nguyệt thượng cầm tôn.</i></p>	<p>Sống cảnh nhàn, ta chiếm riêng một vùng nhỏ trời đất/ quán Trung Tân, am Bạch Vân thuộc xóm ở ngoài con ngòi nhỏ/ Gió mát từ sông thổi qua chỗ chiếu gỏi/ Ánh trăng từ trên núi chiếu vào đàn và chén/ Thong dong trên đời đã có sẵn thú điền viên/ Già ốm, thẹn với sự tôn trọng tuổi</p>

<p><i>Ưu du tự hữu điền viên lạc, Lão bệnh tâm vô xỉ đức tôn. Thực đắc đình tiền mai số cá, Hảo tương thanh bạch dị nhi tôn.</i></p>	<p>cao, đức lớn của người đời/ Trông được mấy gốc mai trước sân nhà/ Hãy đem sự thanh bạch để lại cho con cháu.</p>
<p><b>4. Tân quán ngụ hứng (Ngụ hứng quán Trung Tân), bài 11</b> <i>Mang mang thiên địa nhất cừ lư. Tiểu ngã đài đầu nụy ốc cư. Khê điều văn hoàn tri tảo mộ, Giang hồ tiến thoái nghiệm doanh hư. Đan biểu lậu hạng bản nhi lạc, Yên lãng biển chu hứng hữu dư. Bình khiển hưng trung vô hệ lụy, Lão lai tự tiểu thái dung sơ.</i></p>	<p>Một mái lều tranh giữa trời đất mênh mang/ Cười ta ngừng đầu lên là đưng phải mái nhà thấp/ Chim đầu khe qua lại cho biết ngày sớm tối/ Nhìn nước sông hồ lên xuống nghiệm được sự đầy vơi/ Gió com bầu nước trong căn nhà tòi tàn nơi ngõ hẻm, nghèo mà vẫn vui/ Khói sóng và chiếc thuyền con, hứng thú có thừa/ Giữ bình thản trong lòng thì không một chút vương lụy/ Tuổi già tới, tự cười mình quá lười biếng, thô phác.</p>
<p><b>5. Tân quán ngụ hứng (Ngụ hứng quán Trung Tân), bài 29</b> <i>Hà tất thiên sơn vạn lí tâm, Nhất am vân thủy túc tri âm. Đình tiền tu trúc thiên lưu tiết, Song ngoại hàn mai nguyệt chiếu tâm. Tận nhật ca ngư hoành dã độ, Số thanh đề điều chuyển xuân âm. Giá ban dục thức hiêu nhiên lạc, Nhạn thủ nhàn trung cổ hựu kim.</i></p>	<p>Cần gì phải đi tìm ở ngoài nghìn non muôn dặm/ Chỉ một am mây nước này cũng đủ làm bạn tri âm/ Bụi tre già trước sân, trời còn lưu đốt cứng/ Mai lạnh ngoài cửa sổ, trăng soi tác lòng/ Suốt ngày vang tiếng hát ông chài trên con thuyền neo ngang nơi bến đò quê/ Vài tiếng chim hót lay chuyển bóng mùa xuân/ Trong chốn ấy muốn biết thú vui nhàn nhã/ Hãy nhận biết cảnh nhàn xưa với nay đều như thế.</p>
<p><b>6. Tân quán ngụ hứng, bài 37</b> <i>Cổ gia nhập vọng ức thuần lô, Khê bạn hành ngâm mịch tửu đồ. Thi tá oanh hoa thiên thủ hữu, Phong lâm kỉ án nhất trần vô. Lối nhân tối ái tư vi mỹ, Lân đức tông tri tất bất cô. Hương ẩm niên niên hương lão tại, Tương suy hương quý cộng hoan hô.</i></p>	<p>Nhìn về quê nhà lại nhớ món rau thuần gọi cá vược/ Đạo ngâm thơ trên bờ suối nhìn bạn rượu/ Thi tứ về hoa và chim sấn có nghìn bài/ Gió lọt vào án sách và ghé dựa không có một hạt bụi/ Yêu nhất cách sống có lòng nhân, đó chính là điều tốt đẹp/ Vốn biết người có đức thì không đơn độc, ắt có láng giềng/ Trong các cuộc họp hương ẩm hàng năm, có mặt các cụ già làng/ Sẽ suy tôn những bậc cao tuổi trong làng và cùng vui mừng với nhau.</p>
<p><b>7. Tân quán ngụ hứng, bài 42</b> <i>Bán am biệt chiếm tiểu càn khôn,</i></p>	<p>Nửa am riêng chiếm một vùng trời đất nhỏ, Ở bên ngoài hoàn toàn không có tiếng ngựa xe</p>

<p><i>Thử ngoại hồn vô xa mã hôn. Hành khách vấn tân tri dã độ, Tà dương vấn địch giác ngư thôn. Xuân giang tùy khúc ba thiên khoảnh, Thu dạ khuy liêm nguyệt nhất ngân. Lão thạch nham u nhân phục tĩnh, Giác ban hảo cảnh dĩ thùi ngôn.</i></p>	<p>ồn ào. Người khách qua đường hỏi bên đò, biết đây là bến vùng quê. Chiều xuống, nghe sáo nổi lên, biết là xóm chài. Sông tiết xuân, các khúc có nghìn khoảnh sóng, Đêm thu, một vầng trăng bạc nhòm vào trong rèm. Vách đá già nua âm u, người lại yên tĩnh, Nơi cảnh đẹp thế này, biết nói cho ai hay.</p>
<p><b>8. Tân quán ngụ hứng, bài 45</b> <i>Trọc thế phiền hiêu khăng tự ô, Điền viên thủ chuyết lão khu khu. Bạch sinh hư thất dư nhàn hữu, Thụy yểm sài môn thất sự vô. Hoa lạc điệu đề xuân cánh hảo, Thi cuồng tửu sừ nhật như ngu. Phùng nhân nhược vấn thùi vi bạn, Phong nguyệt song thanh dĩ ngã câu.</i></p>	<p>Đời vẫn đục, ồn ào, há chịu tự làm bản mình/ Tuổi già khur khur giữ lấy sự vụng về của mình ở nơi ruộng vườn/ Tự mình sống trong mái nhà thanh bạch, có thừa thú nhàn/ Nằm ngủ đóng cửa sài, suốt ngày tuyệt không có lấy một việc/ Hoa rụng, chim kêu, cảnh mùa xuân càng đẹp/ Thơ ngâm tràn, rượu say khướt, cả ngày như ngây dại/ Gặp người ví hỏi ai là bạn/ Gió mát trăng thanh, cả hai cùng là bạn của ta.</p>
<p><b>9. Tân quán ngụ hứng, bài 46</b> <i>Biệt chiếm viên trì nhất mẫu dư, Nhàn trung ngô diệp ái ngô lư. Hương phong bất loạn tùng hoa lão, Minh nguyệt trường lưu trúc ảnh sơ. Khách đáo huê hồ thì vấn tửu, Song hư ản kỉ nhật quan thư. Dục tri sinh ý vô cùng xứ, Nhận thủ đình tiền thảo bất trì.</i></p>	<p>Dành riêng một vùng ao và vườn hơn một mẫu/ Trong cảnh nhàn ta cũng yêu mến ngôi nhà nhỏ của ta/ Gió thơm không dứt đưa hương hoa tùng già/ Trăng sáng giữ mãi bóng trúc lưa thưa/ Khách đến thường mang bầu ra hỏi rượu/ Trước cửa sổ vắng, ngòi ghé tựa ghé, hàng ngày xem sách/ Muốn biết rõ chỗ vô cùng của ý sinh sôi/ Hằng cứ để cỏ mọc trước sân đừng có cắt/</p>
<p><b>10. Tân quán ngụ hứng, bài 53</b> <i>Tằng kí hư quan tải quá đông, Khê biên tiểu trúc bạn ngư ông. Bôi phù quế ảnh tam thu nguyệt, Y nhạ hà hương cứu hạ phong. Dã độ cô chu phương thảo ngoại, Ngư thôn đoản địch tịch dương trung. Thế gian thùi vị vô công đạo, Đảo lão phương tri bạch phát công.</i></p>	<p>Từng nhớ lại lúc nghỉ việc quan, đi xe về phía đông, Dựng nhà bên bờ khe, kết bạn với ngư ông. Chén rượu ánh lên bóng trăng tháng chín, Áo thấm mùi hương của sen trước gió tháng sáu. Một chiếc thuyền con lẻ loi bên bến đò vắng, ngoài vùng cỏ thơm, Tiếng sáo ngân ở xóm thuyền chài, trong bóng tà dương. Trên thế gian này ai bảo là không có con đường chung? Đến tuổi già mới biết những ông đầu bạc.</p>
<p><b>11. Tân quán ngụ hứng, bài 54</b></p>	<p>Gậy trúc, hài cỏ, vài quyển sách/ Thú sinh nhai</p>

<p><i>Trúc trượng mang hài số quyển thư, Sinh nhai thử ngoại cánh vô dư. Phanh trà nhật khán qua yên hạc, Tẩy nghiên thời quan thôn mặc ngư. Khê nguyệt phiếm chu ca yếu điệu, Tùng phong kinh chắm ngọa tiêu sơ. Chỉ duy suy tán nan vi dụng, Khởi vị kê tuyên lạc ẩn cư.</i></p>	<p>ngoài thứ đó ra không có gì khác/ Hằng ngày khi nấu ấm trà, xem chim hạc bay qua làn khói/ Lúc rửa nghiên xem cá đớp nước mực/ Thả thuyền trên suối trắng, cất lời ca êm ả/ Tựa gối góc tùng gió thổi, nằm trong cảnh thanh thoát/ Chỉ vì mình phải bệnh suy yếu và tàn mạn mà khó dùng cho đời/ Há rằng vì vui thích cảnh ẩn cư nơi khe suối/</p>
<p><b>12. Bạch Vân am ngụ hứng (Ngụ hứng am Bạch Vân), bài 84</b> <i>Cổ viên quy khứ lộ phi xa, Biệt cấu tân đình bạng thủy nha. Mãn viện u hoa lưu túc điệu, Nhất lâu thực sắc quả tình hà. Đảo song hồng nhật thiên biên cận, Bài thất thanh sơn vũ hậu đa. Phú quý công danh đô thị mộng, Cổ kim lai vãng kỉ hi nga.</i></p>	<p>Trở về vườn cũ lối không xa/ Dụng riêng một ngôi đình mới bên dòng nước/ Hoa rợp bóng khắp viện giữ chân chim đến ngủ/ Một lầu ngập ánh sáng như treo rắng chiều trong treo/ Mặt trời hồng rơi vào song cửa sổ (thấy) chân trời gần/ Mở cánh cửa chính, sau cơn mưa (thấy) thêm nhiều núi xanh/ Giàu sang công danh đều là mộng/ Xưa qua nay lại có mấy chốc nào?/</p>
<p><b>13. Bạch Vân am ngụ hứng (Ngụ hứng am Bạch Vân), bài 85</b> <i>Bán y thôn thị bán nhân hương, Trung hữu trì viên nhất mẫu cường. Am quán trường nhàn xuân bất lão Giang san nhập họa bút sinh hương. Thanh lưu tá hưởng cầm thanh nhuận, Cổ mộc lưu âm khách mộng lương, Thặng tử hư văn thiên vị táng, Chí kim hạnh đắc bộc thu dương.</i></p>	<p>Một bên quê chợ một bên làng/ Hơn mẫu vườn ao cũng rảnh rang/ Am quán thư nhàn xuân thắm mãi/ Giang sơn như họa bút sinh hương/ Mượn tiếng vang của dòng sông trong treo làm cho tiếng đàn thêm nhuần/ Giữ lại bóng cỏ thụ để làm cho giấc mộng của khách được mát mẻ/ Rất mừng trời chưa làm mất nền văn này/ Đến nay may được đem phơi trước ánh nắng mùa thu.</p>
<p><b>14. Bạch Vân am ngụ hứng (Ngụ hứng am Bạch Vân), bài 86</b> <i>Giang quán đặng lâm nhật hướng tà, Thừa nhàn bả tửu thính ngư ca. Bán thiên lương đệ thanh phong hảo, Lưỡng ngạn tình thêm lục thụ đa. Hứng kịch dã tình thiên ái cúc, Túy nùng lão nhân dị sinh hoa. Há thời tái đồ Đường, Ngụ trị,</i></p>	<p>Tới quán bên sông lúc mặt trời xế bóng/ Nhân lúc nhàn, cầm chén rượu, nghe tiếng hát làng chài/ Hơi lạnh từ lưng trời đưa lại, luồng gió mát mẻ/ Hai bờ sông, trời trong tạnh thấy thêm nhiều cây cối xanh tốt/ Lúc hứng trào lên, mối tình quê chỉ ưa riêng cúc/ Khi say khướt, mắt già lão dễ đồ đom đóm/ Bao giờ lại được trông thấy cảnh trị bình như thời Đường, thời Ngụ/ Cả trời đất lại thái hòa y nguyên như cũ.</p>

<i>Y cữu kiên khôn nhất thái hòa.</i>	
<p><b>15. Loạn hậu ức Cao Xá hữu nhân</b> (<i>Sau loạn, nhớ người bạn ở Cao Xá, 2</i>)</p> <p><i>Tự tiểu điền viên lão bệnh thân, Ngư hà vi lữ điều vi lân. Thủy biên mao ốc than thanh cận, Trúc ngoại sài môn nguyệt sắc tân. Kì nhật trước lai tiêu cửu hạ, Tửu niên túy bả lạc dư xuân. Hưu luân hành dĩ tùy thanh trọc, Đạo đại phương năng hỗn thế trần.</i></p>	<p>Tự cười ta một thân già ốm nơi ruộng vườn/ Cá tôm làm bạn, chim chóc làm hàng xóm/ Ngôi nhà tranh bên mé nước, tiếng nước chảy gấp nghe gần cận/ Cửa sài bên ngoài khóm trúc màu trắng mới mẻ/ Cuộc cờ hàng ngày có nước hay, quên cả tiết ngày hè/ Rượu ủ lâu năm đã say, vui nốt những vẻ xuân dư lại/ Thôi đừng bàn chuyện làm quan hay về nghỉ tùy theo đời trong hay đục/ Bạc đạo cao đức trọng mới có thể hòa đồng trong cõi trần/</p>
<p><b>16. Cầm hứng, bài 3</b></p> <p><i>Tân quán xuân thâm túy tự nê, Đông phong xuy khởi, cương phù lê. Sổ thanh đề điều hàn thôn ngoại, Nhất điệp biên chu nguyệt độ tê. Nùng áp khô hoa hồng vũ tế, Khinh niêm dã thảo bạch vân đề. Sinh nhai cá cá đô vong liễu, Duy hữu thi nang thủ trọng huê.</i></p>	<p>Cuối xuân say mềm ở quán Trung Tân/ Gió đông thổi tới gượng chống cây gậy gỗ lê/ Máy tiếng chim hót mé ngoài thôn lạnh/ Một chiếc thuyền con phía tây bến trăng/ Nồng nàn tưới tắm hoa bên khe, mưa hồng phơ phất/ Nhẹ dính cỏ nội, mây trắng sà xuống thấp/ Mọi kẻ sinh nhai đều quên hết/ Chỉ có túi thơ trĩu nặng trong tay.</p>
<p><b>17. Vấn ngư giả (Hỏi người đánh cá)</b></p> <p><i>Triều hải biên chu ngư giả thù, Sinh nhai nhất lập nhất soa y Thủy thôn sa cận âu vi lữ, Giang quốc thu cao lô chính phi. Đoản địch thanh phong nhàn xír lộng, Cô phàm minh nguyệt túy trung quy. Đào nguyên vãng sự y nhiên tại, Tần Tấn hưng vong thị khước phi?</i></p>	<p>Một lá thuyền nhỏ nổi trên biển hồ, ông lão đánh cá là ai/ Sinh nhai chỉ một cái nón lá, một cái áo toi/ Xóm chài gần bãi cát, lầy chim âu làm bạn/ Sông nước về cuối thu, mùa cá vược đang béo/ Trong gió mát, sáo ngắn thổi chơi lúc nhàn rồi/ Dưới trăng sáng, buồm lẻ trở về trong khi say/ Chuyện cũ suối Hoa Đào đến nay vẫn còn đó/ Cuộc hưng vong của nhà Tần, nhà Tấn là phải hay là trái?/</p>
<p><b>18. Ngụ hứng bài 2</b></p> <p><i>Nhất hồ biệt chiếm tiểu càn khôn, Bán mẫu phương trì ngũ mẫu viên. Nguyệt quán Vân Am xuân cánh hảo, Cá trung thù thức hữu tuyên ôn.</i></p>	<p>Chiếm riêng một bầu trời nhỏ, Có nửa mẫu ao vuông và năm mẫu vườn. Quán tắm ánh trăng, Vân Am mùa xuân càng đẹp, Ở trong chốn này, ai biết rằng có dòng suối ấm.</p>
<p><b>19. Tự thuật, bài 1</b></p> <p><i>Lạc xã quy khai ngũ mẫu viên,</i></p>	<p>Mở ra năm mẫu vườn quê làm Lạc xã/ Núi xanh, nước chảy vẫn hết như cũ/ Bên hoa, trăng tỏ mời</p>



<p><i>Thanh sơn lưu thủy khắp y nhiên. Bàng hoa minh nguyệt yêu ngâm hứng, Nhiều trúc thanh phong bạn túy miên. Tĩnh xư định tri nhân giả thọ, Toàn chi phương kiến đạo di kiên. Cầu toàn loạn thế chân đa hạnh, Vưu hạnh tư văn vị lão thiên.</i></p>	<p>ngâm vịnh/ Quanh hàng tre, gió mát làm bạn với giấc ngủ say/ Trong chôn tĩnh lặng, biết rằng người có lòng nhân thì được thọ/ Dúi vào mới hay đạo càng bền chắc/ Trong thời loạn được an toàn tính mệnh thật là nhiều may mắn/ Càng may là nền văn này trời chưa làm mất.</p>
<p><b>20. Lạp nguyệt thi (Tiết tháng Chạp)</b> <i>Sương uy vị tễ tuyết hoa thi, Chính thị nghiêm ngưng ứng lạp thi. Báo lạp hưởng thần truy cổ lễ, Lao nông hưu vụ tập tiền quy. Xâm lãng hàn sắc tùng thiên cán, Lậu tiết xuân quang mai nhất chi. Hảo bả quỳnh tương lai hiến thọ, Nhân uân thụ khí mẫn phương chi.</i></p>	<p>Sương lạnh chưa tan, hoa tuyết bay/ Đây chính là thời gian rét buốt ứng vào tháng Chạp/ Việc cúng tế bách thần vào tháng Chạp là noi theo lễ cũ/ Nhà nông vất vả được nghỉ ngơi cũng theo đúng quy định xưa/ Rừng tùng nghìn cây bị khí rét lán át/ Một nhánh hoa mai đã tiết lộ tin xuân/ Hãy cầm chén rượu quỳnh tương dâng lên mừng thọ/ Khí lành nồng đượm tràn đầy chén thơm.</p>
<p><b>21. Trừ tịch thi (Đêm trừ tịch)</b> <i>Tảo tri âm phục tất dương thư, Tuế sự viên thành thử tịch trừ. Khước quý xư huyền tân trúc bộc, Niêm phù gia hoá cừ đào thư. Hàn uy thu liễm lạp tài khí, Noãn khí khai đoan xuân dĩ sơ. Thặng hi thái bình thời tiết hảo, Minh triêu thụ khí mẫn kham dư.</i></p>	<p>Sớm thấy rõ khí âm co lại thì khí dương ắt đuổi ra/ Thế là công việc một năm hoàn thành được đánh dấu với buổi tối này/ Khắp mọi nơi vang lên tiếng pháo nổ để xua đuổi ma quỷ/ Các nhà đều dán câu đối mới thay câu đối cũ/ Tháng Chạp vừa qua, rét đậm đã dứt/ Xuân vừa về, khí ấm bắt đầu đến/ Vui mừng biết bao, thời tiết đẹp trong vận hội thái bình/ Sớm mai, khí tốt lành sẽ tràn ngập trời đất/</p>
<p><b>22. Xuân nhật ngẫu thành thi (Ngày xuân tình cờ làm thơ)</b> <i>Ngoại khước phù danh cánh ngoại thân, Ngẫu lai dư hạ lạc dư xuân. Thanh phô trì thảo ngâm hoài túc, Hồng nhập liên hoa túy sắc tân. Mãn tọa cảm kì nhàn độ nhật, Nhất thiên quang cảnh lão tùy nhân. Truyền gia thả hỉ thi thư tại, Thức đặc gia bản đạo vị bản.</i></p>	<p>Gạt bỏ phù danh, nhất là những thứ bên ngoài bản thân mình/ Tình cờ gặp buổi dư nhàn thì lại vui với xuân còn lại/ Màu xanh phô trên cỏ bên ao, đủ cho hồn thơ/ Màu hồng lan vào hoa sen, vẻ đẹp làm say lòng người thêm mới mẻ/ Đàn và cờ đầy chỗ ngồi, trải qua những ngày rỗi rãi/ Một trời đầy cảnh sắc tươi sáng nhưng tuổi già đã đeo đuổi theo người/ Vẫn mừng là còn có thi thư truyền nghiệp nhà/ Mới biết được rằng nhà nghèo nhưng đạo chưa nghèo/</p>
<p><b>23. Ngụ hứng, 4</b></p>	<p>Công danh như một con thuyền rồng, chẳng buộc</p>

<p>Công danh bất hệ nhất hư chu,          Liêu hướng điền viên, mịch thắng du.          Tài cúc đình tiền vô tục khách,          Cán y khê ngoại hữu thanh lưu.          Nho quan tự tín đa thân ngộ,          Đình thực thùy năng vị quốc mưu.          Tất cánh dục cầu ngô lạc xứ,          Tri ngô hậu lạc tại tiên ưu.</p>	<p>vào đầu/ Hãy hướng về vườn ruộng mà tìm thú          ngao du thắng cảnh/ Trồng cúc ở trước sân,          không có khách tục đến/ Giặt áo ở ngoài khe, sẵn          có dòng nước trong/ Đội mũ nhà Nho, tự biết tâm          thân mắc nhiều làm lỡ/ Ăn bằng vạc, ai có thể vì          nước mưu toan/ Rút cục (ai) muốn tìm cái chỗ vui          của ta/ Thì cần biết rằng ta “vui sau thiên hạ, lo          trước thiên hạ”/</p>
<p><b>24. Khiển hứng, bài 2</b>          Mao am ả ước bạch vân gian,          Môn ngoại xuân lai hải ngoại san.          Đậu phạn canh lê bản tự lạc,          Thăng xu xích bộ lễ vi nhàn.          Trùng huê thi khách cung ngâm hứng,          Thi bả xuân phong thượng túy nhan.          Cơ sự cơ tâm đô khước liễu,          Tào Lưu thắng phụ bất tương quan.</p>	<p>Ngôi quán lợp gianh thấp thoáng trong khoảng          mây trắng/ Xuân về ngoài cổng, núi ngoài khơi/          Cơm đậu, canh rau lê, nghèo nhưng tự thấy vui/          Đi đứng cứ chỉ theo khuôn phép của lễ mà thấy          thanh nhàn/ Lại đãi khách thơ tìm hứng ngâm          thơ/ Thè đem gió xuân thổi lên khuôn mặt khách          say/ Những sự khéo léo, cái tâm trí sảo, thảy đều          vứt bỏ/ Họ Tào, họ Lưu, ai thắng ai thua cũng          không liên quan gì đến mình.</p>
<p><b>25. Nhân thôn</b>          Tổng tổng lâm lâm sinh chí phồn,          Sở cư xứ xứ hữu hương thôn.          Hào hoa hấp nhĩ tĩ lân hội,          Nhân hậu y nhiên mỹ tục tồn.          Tác tức tư đào Nghiêu nhật nguyệt,          Âu ca cộng lạc Thuấn kiên khôn.          Thái bình tể tướng ư tư hiển,          Quan cái tình xu diệu lý môn.</p>	<p>Nuộm nượp sum suê sinh sản ra rất đông đúc/          Nơi nơi có người ở là có xóm làng/ Hào hoa tập          hợp, xóm giềng kề bên nhau/ Nhân hậu vẫn thế,          phong tục tốt đẹp còn nguyên/ Làm và nghỉ cùng          thoải mái trong ngày tháng đời Nghiêu/ Hò và          hát cùng vui vẻ trong trời đất đời Thuấn/ Quan tể          tướng đời thái bình mở mày mở mặt ở đó/ Mũ          lông đi nhanh như sao, rực sáng cổng làng/</p>
<p><b>26. Ngụ hứng, 10</b>          Mịch đắc thôn khê địa nhất triền,          Nhàn lai ngô diệp lạc ngô thiên.          Hiểu lâm thái phó sương niêm lí,          Dạ phiếm ngư kì nguyệt mãn thuyền.          Động tĩnh tự tri kì hữu toán,          Quyển thư thùy vị điếu vô quyền.          Kí ngôn từ các hồng lâu khách,          Mạc bả sênh ca quát túy miên.</p>	<p>Tìm được một miếng đất ở cạnh con khe trong          làng/ Khi thanh nhàn ta cũng vui với tính tự          nhiên của ta/ Buổi sáng đến vườn rau, sương          dính vào dép/ Ban đêm chơi ở ghènh xóm chài,          trăng rọi đầy thuyền/ Lúc động lúc tĩnh, tự biết          đánh cờ cũng có trò liệu/ Khi cuốn khi mở, ai          bảo câu cá không có quyền biến/ Nhắn gửi khách          nơi gác tía lầu hồng/ Chớ đem tiếng sênh tiếng          hát khuấy động giấc ngủ say của ta/</p>
<p><b>27. Giang lâu thu nhật vãn vọng (Chiều</b></p>	<p>Trước lầu bên sông, (trời) thu vạn dặm,</p>

<p><b>thu trên lầu bên sông trông về phía xa)</b>  <i>Giang lâu thu vạn lý,  Mộ sắc chính hi vi.  Vũ tễ thiên phong tại,  Thiên không nhất nhận phi.  Hàn thôn yên bạc bạc,  Viễn ngạn thụ y y.  Thuần thái xuất nê hoạt,  Lô ngư thượng điệu phi.  Quy xà tàng thạch quật,  Âu lộ phiếm đài ki.  Dã tự sơ văn khánh,  Sài môn dĩ yểm phi.  Tương dung tâm dữ cảnh,  Tự thích lạc vong ki.  Hành chỉ vô khiên nệ,  Tiêu dao nhậm khứ quy.  Sơn ông song lập kích,  Khê tẩu nhất suy y.  Chỉ yếu đắc lạc tản,  Hà lao thuyết thị phi.  Cùng thông giai hữu mệnh,  Huru quái sự đa vi.</i></p>	<p>Sắc chiều đang mờ tỏ nhạt nhòa.  Mưa tạnh, ngàn ngọn núi xuất hiện,  Trời quang, một cánh nhận bay ngang.  Thôn lạnh, khói bàng bạc,  Bờ xa, hàng cây mềm mại phát phơ.  Rau rút vươn cao trên ruộng bùn, non mơn mớn,  Cá vược nơi vụng câu béo tươi ngon.  Rùa rắn núp dưới hốc đá,  Cò vạc bông bênh chốn đài câu rêu phủ.  Nơi chùa quê vừa vắng tiếng khánh,  Cổng sài đã khép cánh cửa ngoài.  Tâm và cảnh dung hòa cùng nhau,  Tự thấy thích hợp nên vui quên cả đời.  Tham gia việc đời hay về nghỉ không để hoàn  cảnh trời buộc,  Tiêu dao mặc ý đi về.  Ông già trong núi đi đôi giày lán bóng,  Ông lão bên suối khoác chiếc áo to.  Chỉ cầu được vui về nhàn tản,  Đâu nhọc sức nói chuyện thị phi.  Cùng hay thông đều đã có mệnh,  Chớ lạ rằng trong đời nhiều việc trái ngang.</p>
<p><b>28. Ngẫu thành (Ngẫu nhiên thành thơ)</b>  <i>Nhãm nhiễm niên du lục thập cường,  Lão lai tự tiểu thái sơ cuồng.  Giang sơn thu sắc quan tình bạc,  Môn quán xuân phong khách mộng  lượng.  Sĩ dữ kiều hoa tranh thế thái,  Hảo đồng văn cúc bạn u hương.  Yên thôn tịch ngoại thù gia địch,  Túy ý cao lâu lộng tịch dương.</i></p>	<p>Dần dà trôi, tuổi nay đã ngoài sáu mươi,  Tuổi già đến, tự cười mình quá ư lảm cẩm.  Non sông thu sắc, tình người làm quan đơn bạc,  Cổng quán gió xuân, mộng khách mát lành.  Thẹn cùng với hoa đua ganh sắc đẹp,  Hãy cùng cúc muện làm bạn với mùi thơm thắm  kín.  Ngoài thôn buổi chiều khói bay lên, nhà ai thổi  sáo?  Say đứng trên lầu cao ngắm bóng xế chiều tà.</p>
<p><b>29. Trung Tân quán ngụ hứng (Quán  Trung Tân ngụ hứng)</b>  <i>Thần lâm Tân quán thượng,</i></p>	<p>Buổi sáng sớm đến quán Trung Tân,  Buổi chiều về bên khe Tuyết.  Tiếng địch xóm chài ngân trong nắng chiều,</p>

<p><i>Vãn hướng Tuyết khe biên. Tàn chiếu ngư thôn địch, Thanh phong dã độ thuyền. Nhàn trung tiêu nhật nguyệt, Ngâm ngoại trực vân yên. Vô hạn xuân phong hảo, Kim niên thắng tích niên.</i></p>	<p>Gió mát thổi qua chiếc thuyền trên bến đò quê. Thanh nhàn qua ngày tháng, Ngâm thơ, tâm ý ruổi theo khói mây. Gió xuân hòa dịu vô cùng, Năm nay đẹp hơn năm trước.</p>
<p><b>30. Trùng tu Trung Tân quán (Trùng tu quán Trung Tân)</b> <i>Trùng cấu mao trai bạng thủy thôn, Trúc vi lan hạm, thạch vi môn. Cá trung tự hữu điền viên lạc, Thử ngoại nhi vô xa mã huyên. Thố tẩu ô phi nhàn nhật nguyệt, Phục lai Cấu vãng tiểu càn khôn. Thiên thì nhân sự tương chung thủy, Chí đạo uyên nguyên khởi dị ngôn.</i></p>	<p>Dựng lại trai phòng lợp cỏ gianh, cạnh xóm bên sông nước, Trúc làm lan can, đá làm cổng. Trong nơi này có thú vui ruộng vườn, Ngoài chốn này không có tiếng ngựa xe huyên náo. Thỏ chạy quạ bay, ngày tháng thanh nhàn, Quê Cầu qua, quê Phục đến, một trời đất nhỏ. Thiên thời, nhân sự cùng qua rồi trở lại, Đạo cùng tốt rất sâu xa, há dễ nói cho tường tận.</p>
<p><b>31. Trung Tân quán trì (Xem ao ở quán Trung Tân)</b> <i>Giám khai trì bán mẫu, Cảnh chiếm nhất hồ trung. Khê thụ đê hàm ảnh, Giang hoa cận diệu hồng. Ba tâm lai kiểu nguyệt, Thủy diện đệ lương phong. Vân ảnh nùng hoàn đạm, Thiên tâm sắc thị không. Chu lưu trí giả nhạo, Nhuận trạch nho chi công. Thù Tứ uyên nguyên viễn, Quan Mân mạch lạc thông. Thùy tri lan đảo hậu, Chương đắc bách xuyên đông.</i></p>	<p>Nửa mẫu ao như tấm gương, Cảnh chiếm một khoảng trong bầu trời đất. Cây sà xuống khe ngâm bóng dưới nước, Hoa và sông gần nhau in ánh màu hồng. Trong lòng sóng, trăng sáng mới hiện, Trên mặt nước gió mát thoảng qua. Bóng mây khi đậm khi nhạt, Lòng trời có cũng là không. Nước chảy khắp nơi khiến cho kẻ trí vui thích, Thắm nhuần mọi vật là công của nhà nho. Sông Thù, sông Tứ nguồn sâu và xa dài, Dòng mạch học phái đất Quan và đất Mân thông suốt. Ai biết rằng sau khi sóng lạt, Có thể chặn được cả trăm sông chảy về đông.</p>

**\* Bạch Vân quốc ngữ thi tập**

<p><b>1. Thơ Nôm, bài 3</b> Giàu ba bữa, khó hai niêu,</p>	<p><b>2. Thơ Nôm, bài 8</b> Thấy dặm thanh vân bước ngại chen,</p>
----------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------

<p>An phận thì hơn hết mọi điều.          Khát uống chè mai, hơi ngọt ngọt,          Sốt kẻ hiên nguyệt, gió hiu hiu.          Giang sơn tám bức là tranh vẽ,          Hoa cỏ tư mùa ấy gấm thêu.          Thông thả hôm khuya nằm, sớm thức,          Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu.</p>	<p>Được nhàn, ta sá dưỡng thân nhàn.          Ba gian am quán lòng hằng mến,          Đòi chốn sơn hà mặt đã quen.          Thanh vắng thú quê dầu bao nả,          Dữ lành miệng thế mặc chê khen.          Mai kia chữa dễ thu nên muộn,          Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.</p>
<p><b>3. Thơ Nôm, bài 12</b>          Trãi gian nguy đã mấy phen,          Thân nhàn phúc lại được về nhàn.          Niềm xưa trung ái thề chẳng phụ,          Cảnh cũ điền viên thú đã quen.          Ba quyển đồ thư thu nặng túi,          Một thuyền phong nguyệt chở đầy then.          Trời cũng biết nơi lành dữ,          Họa phúc chẳng dung cái tóc chen.</p>	<p><b>4. Thơ Nôm, bài 22</b>          Cội lọ vàng, mai lọ đen,          Dài dùm đà mặc của tự nhiên.          Sôi măng trúc đắng, mềm thay thịt,          Đắp áo sô to, lạnh kéo chiên.          Bạn có cá tôm dầu được thú,          Cửa chẳng xe ngựa bởi không quyền.          Ngày ngày tiêu sái nhàn vô sự,          Tuy chữa là tiên ấy ắt tiên.</p>
<p><b>5. Thơ Nôm, bài 26</b>          Ất chẳng từng phụ lộc triều quan,          Lại được về nhàn dưỡng tuổi nhàn.          Nước tuyết hâm trà dưới bếp,          Bút hoa điểm sách trên am.          Nương song ngày tiếc mùi hương lọt,          Nỗi chén đêm âu bóng quế tan.          Đến chốn nào, vui chốn ấy,          Dầu ta tự tại có ai han.</p>	<p><b>6. Thơ Nôm, bài 32</b>          Tóc đã thưa, răng đã mòn,          Việc nhà đã phó mặc dâu con.          Bàn cờ cuộc rượu vầy hoa trúc,          Bó củi cần câu chốn nước non.          Nhàn được thú vui hay bao nả,          Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon.          Chín mươi thì kể xuân đã muộn,          Xuân ấy qua thì xuân khác còn.</p>
<p><b>7. Thơ Nôm, bài 33</b>          Láy chẳng ai cấm, mặc ai dùm,          Hễ của tự nhiên, ấy của chung.          Non nước có mùi lòng khách chứa,          Trúc mai làm bạn hứng thơ nồng.          Chốn điền viên cũ dầu thông thả,          Đạo thánh hiền xưa luống chốc mong.          Song nhật chó rằng đã hổ,          Đến đâu thì cũng có xuân phong.</p>	<p><b>8. Thơ Nôm, bài 36</b>          Cỏ hoa xuân đến cũng đầm hâm          Thu muộn ai hay trúc có thơm.          Thềm nữ phụ canh cua róc,          Lạnh đà quen đắp ổ rom          Cửa ta còn để hai kho sách,          Ổn chúa chẳng quên một bữa com.          Có thuở lên lầu ngồi đợi nguyệt,          Một mình uống lại một mình kham.</p>
<p><b>9. Thơ Nôm, bài 38</b>          Tính thơ đại cũ hầy còn đeo,</p>	<p><b>10. Thơ Nôm, bài 40</b>          Hễ của tự nhiên có ít nhiều,</p>

<p>Nẻo đờc nhàn thì kéo có nhiều.          Bên nguyệt thuyền kẻ hai bãi mía,          Am mây cửa khép một cần nêu.          Cá tôm hôm chác bên kia bên,          Củi đờc ngày mua mé nọ đèo.          Khách đến hỏi nào song viết,          Nữa rằng còn một túi thơ treo.</p>	<p>Một kho tạo hóa cũng chia đều.          Hương đầy tiệc khách hoa khi rụng,          Hứng dẫy vườn xuân chim thuở kêu.          Án cũ cùng xem ba quyển sách,          Song thưa ngơi nghỉ một con lều.          Non xanh nước biếc xưa là hẹn,          Ngẫm nghĩ đời khi chữa bấy nhiêu.</p>
<p><b>11. Thơ Nôm, bài 41</b>          Thức dậy tay còn sách chứa buồng,          Khách nào thăm hỏi sự phao tuông.          Bếp chè hâm đã, xôi măng trúc,          Nương cỏ cày thôi, vãi hạt muông.          Cửa vắng ngựa xe không quá đứ,          Cơm no tôm cá kéo thềm thuông.          Sơn tăng chèo khách xui người bấy,          Sơ nguyệt kinh kinh đã giống chuông.</p>	<p><b>12. Thơ Nôm, bài 55</b>          Chòm tự nhiên lều một căn,          Quét không thay thảy bụi hồng trần.          Nghìn hàng cam quýt, con đòi cũ,          Máy đĩa ngư tiêu, bầu bạn thân.          Thấy nguyệt tròn thì kẻ thảng,          Nhìn hoa nở mới hay xuân.</p>
<p><b>13. Thơ Nôm, bài 57</b>          Ruộng thì hai khóm đất con ong,          Thầy tớ ta cùng kéo muông mòng.          Thì có cầu người nên để mặt,          Danh tuy là khó miễn yên lòng.          Thu êm cửa trúc, hồng vân phủ,          Xuân tịnh đường hoa, tía gấm phong.          Hầu lấy của chi mà thết khách,          Một ao niềng niềng mấy đòng đong.</p>	<p><b>14. Thơ Nôm, bài 79</b>          Một mai, một cuốc, một cần câu,          Thơ thần dầu ai vui thú nào.          Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,          Người khôn, người đến chốn lao xao.          Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,          Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.          Rượu đến cội cây ta sẽ uống,          Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.</p>
<p><b>15. Thơ Nôm, bài 122</b>          Dấu cảnh quê hương nhật chóc mòng,          Chiêm bao ngờ đã tới non sông.          Trà sôi nước cạn bầu in nguyệt,          Mai lộng hoa sai bóng cách song.          Gió lật đưa qua trúc ỏ,          Mây tuôn phủ rợp thư phòng.          Thức nằm nghĩ ngơi còn mừng tượng,          Ra hãy then cài ém cửa thông.</p>	<p><b>16. Thơ Nôm, bài 124</b>          Thuyền phong nguyệt gánh yên hà,          Vẹn lấy đành làm của cải ta.          Cây tịnh chim về xanh loáng khói,          Đìa thanh cá lội nước tuôn là.          Han chữ cũ ba thằng trẻ,          Chực am không một mục già.          Bui có một niềm châu nhớ chúa,          Hay bao màng...</p>
<p><b>17. Thơ Nôm, bài 127</b>          Lẻ thẽ bên sông bấy tám nhà,</p>	<p><b>18. Thơ Nôm, bài 128</b>          No bữa hôm, đủ bữa mai,</p>

<p>Thú nhàn mừng thấy bạn ngâm nga          Thơ nên ngồi đợi vừng đan quế,          Rượu chúc han tìm ngõ Hạnh Hoa.          Lục ý tiếng thanh đêm tựa ngọc,          Lan châu chèo vỹ nước bằng là.          Ít nhiều ngày tháng qua thì chớ,          Tiêu sái ta thìn vẹn chí ta.</p>	<p>Gấm lâu chẳng đã thú nhà vui.          Ruộng năm, bảy khóm trồng cây lúa,          Tằm chín, mười nong để giống ngài.          Kho ngọc mời khuyên nhà hạp mặt,          Quyển vàng giảng giải đạo làm người.          Thấy câu khuyên thiện nhà hằng chứa,          Chữ thận đeo mình kéo lụy đời.</p>
<p><b>19. Thơ Nôm, bài 149</b>          Người gồng gánh, kẻ làm than,          Ta biết so ta kẻ thực nhàn.          Đường lợi khá theo thị tỉnh,          Cảnh thanh chiếm hết giang san.          Ngắm chơi đã trải miền thôn dã,          Hóng mát từng vui chốn thạch bàn.          Một cỏ hoa đều đủ được,          Rất vời thông thả cõi trần gian.</p>	

### V. Ngô Thì Sĩ

<p><b>1. Viên cư I</b>  <i>Yên ảnh hoà vân nhập thụ thâm,          Đề cru nhiều loạn bất thành âm.          Hoa khai hoa tạ đông tây thụ,          Vân khứ vân lai viễn cận lâm.          Cổ quốc thuần lô cao sĩ tú,          Hoang viên từng cúc cổ nhân tâm.          Khách lai vi đạo hàn huyên sự,          Cộng hưởng lan can phách án ngâm.</i></p>	<p>Bóng khói cùng mây lẫn khóm cây,          Vịt kêu xao xác rộn ràng bày.          Đông tây hai phía hoa tàn nở,          Rừng núi gần xa mây tiếp bay.          Cá vược rau thuần lòng ẩn sĩ,          Vườn hoang từng cúc ý xưa nay.          Khách thăm chẳng kể câu tâm sự,          Cùng gõ bàn ngâm, nhịp phách tay.          (Khắc Mai dịch)</p>
<p><b>2. Viên cư II</b>  <i>Thôn cao tịch địa tiểu viên khai,          Hạ thái đông qua thủ thứ tài.          Khẩu các kỹ tầng nhai khách đáo,          Khao môn hoàn hữu cái tăng lai.          Tỉnh vô tuyên dẫn thu đông hác,          Địa nhữ nhân cư quát diều giai.          Thôn tí hoá thì tri phạn thực,          Thông thông hoa ngoại đới yên hồi.</i></p>	<p>Hẻo lánh bìa thôn một mảnh vườn,          Đông hè đắp đổi quả rau ương.          Tầng phen gõ cửa khách thành thị,          Đồi lúc thăm nhà tăng bốn phương.          Giếng cạn thu đông nguồn mạch thiếu,          Đất vui dân xóm bưởi cam vàng.          U già réo gọi hay cơm chín,          Từ khóm hoa về sương khói vương.          (Khắc Mai dịch)</p>
<p><b>3. Trừ tịch tức sự (Đêm trừ tịch)</b></p>	<p>Đóng dả hồi chuông vọng cách bờ,</p>

<p>Tục đoạn thùy thôi cách ngạn chung,          Vũ tà, yên đạm, dạ mông lung.          Đào phù, du hoá, tuế thời ký,          Dung điệp, trúc tiêu, phong tục thông.          Vạn lý tinh quan tiêu trường xứ,          Tam canh ám chuyển vãng lai phong.          Chỉ kỳ đức dĩ niên câu trường,          Khẳng sự cuồng ca đập đập hồng.</p>	<p>Mênh mang, mưa chéch, khói đêm mờ.          Gõ đào, lửa liễu ghi năm tháng,          Nêu trúc, cảnh đa phong tục xưa.          Lặng ngắm trường, tiêu nơi vạn dặm,          Âm thầm gió chuyển giữa canh ba.          Chỉ cầu đức, tuổi cùng cao mãi,          Dẫm đập muôn hồng vang giọng ca.          (Trần Thị Băng Thanh dịch)</p>
<p><b>4. Thu nhật thôn cư tức sự (Ngày thu ở thôn quê)</b>          Viễn phố thu thâm quá tận hoa,          Bạch vân nhàn bặt dã nhân gia.          Phong phiêu trì ảnh long tôn hý,          Nhật dăng liêm tu yến tử tà.          Kiện bộc canh hoàn xuyên mạch giải,          Tiểu đồng mục khứ hiệp sương nha.          Sơ song tĩnh kỹ hồn vô sự,          Sở quyển Đường thi nhất trận trà.</p>	<p>Trong vườn, thu đã muộn, hoa tàn hết cả,          Mây trắng lửng lơ cạnh nhà người dân quê.          Gió thoảng trên ao tre non rợn bóng,          Ánh mặt lay động tua rèm, như cánh én bay là là (mặt đất).          Người thợ cày khô đi cày về xách xâu cua béo,          Trẻ nhỏ đi chăn trâu quen với những con ác là, con sáo.          Song thưa, ghé tĩnh, không có việc gì,          Mấy quyển thơ Đường, một chén trà.</p>
<p><b>5. Thư xuân (Viết về mùa xuân)</b>          Vân đạm, phong sơ, nhật chuyển liêu,          Đoạn yên như lữ chức kê kiêu.          Liên thôn thảo sắc cảm thanh ngoại,          Chiết liễu thùy gia sủng đoán tiêu.</p>	<p>Mây nhạt, gió nhẹ, ngày chuyển sang cảnh buồn vắng/          Khói dứt đoạn như tơ dệt trên chiếc cầu bắc qua suối/          Cỏ biếc thôn liền thôn, tiếng chim ngoài xa/          Sáo ngân nhà ai thổi khúc chiết liễu.</p>
<p><b>6. Tức cảnh (Tức cảnh)</b>          Nhân gia nhất thốc bạng thanh kê,          Tam nguyệt đông phong liễu nhất đề.          Ma tình hữu nhân cam lục nghị,          Tang thôn hà xứ hương hoàng kê.          Khiếp đào hoa hạ oanh thanh nhuyển,          Lưu thủy kiều biên điệp phách mê.          Xuân cảnh thiên nùng ngâm hứng loạn,          Thôi sao bất giác tịch dương tề.</p>	<p>Một mái nhà ai bên khe suối trong/          Vào tháng ba, gió đông thổi, liễu phơ phát trên đê/          Giếng gai có người làm lữ kiến đến say/          Thôn dâu nơi nào vọng đến tiếng gà vàng gáy/          Dưới đóa hoa đào e lệ, tiếng chim oanh uyển chuyển/          Bên cầu nước chảy, hồn bướm mơ màng/          Cảnh xuân nồng nàn khiến thi hứng dào dạt/          Thôi sao mãi, không biết mặt trời đã ngã về tây.</p>
<p><b>7. Du Thiên Long tự (Chơi chùa Thiên Long)</b>          Cảnh sắc tiên minh thảo thụ phồn,          Lâu đài yểm ánh bạng sơn môn.          Lâm thanh loạn ứng chung thanh tế,</p>	<p>Cảnh sắc sáng tươi, cây cỏ xanh tốt,          Lâu gác tháp thoáng bên cạnh ngôi chùa núi.          Tiếng rừng ồn ào, tiếng chuông nho nhỏ,          Nước suối chảy tràn, nước giếng âm áp.</p>



<p><i>Giản thủy sần thông tình thủy ôn. Bách bộ cầm sinh suy trúc lạc, Nhất xoang mục địch hướng tùng hiên. Phổng tảng tịch mịch tri hà xứ, Mãn viện đào hoa tiếu bất ngôn.</i></p>	<p>Tiếng chim ca như trăm bộ sênh thổi bên rậu trúc, Một khúc sáo trẻ trâu hòa cùng tiếng thông reo bên hiên. Hỏi sư, chùa vắng vẻ không biết đi đâu, Khắp viện hoa đào cười không nói.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

### VII. Trịnh Hoài Đức

<p><b>1. Loạn hậu quy (Trở về sau loạn)</b> <i>Chiêu an kỳ sạ quải Nặc ánh tự hồi hương Phệ quyển kinh tinh dạ, Đề nha não tịch dương. Hảo hoa hư diễm trị, Cổ kiếm lẫm hoa quang Tam ngữ đông lân tẩu, Hành khiêu thái đại lương.</i></p>	<p>Cờ chiêu an vừa mới treo, Dấu hình bóng tự về quê. Chó sủa kinh động đêm sao, Quạ kêu ồn bóng chiều. Hoa trau chuốt sắc đẹp hoài công, Kiếm cổ lạnh hào quang. Dăm ba ông già láng giềng phía đông, Đi đường gánh rau thay lương thực.</p>
<p><b>2. Mai Khâu vãn thiếu (Gò Cây Mai chiều hôm nhìn ra xa)</b> <i>Mai khâu vãn thương lược đông phong, Nhất vọng tiêu nhiên nhã bất cùng. Thôn xá chảm khê yên thụ ngoại, Mục đồng hoành địch thảo nguyên trung. Nguu tương giải ngọt quy cao lũng, Nha dĩ từ giao tập mậu tùng. Trù trưởng minh vân thiên miểu miểu, Trù trì vô ngữ ý ngô đồng.</i></p>	<p>Chiều hôm lên gò Cây Mai hứng gió phương Đông/ Trông ra cảnh vật tịch mịch, tầm mắt không cùng/ Nhà cửa thôn xóm gói đầu bên khe ngoài cây và khói/ Trẻ chăn trâu cầm ngang ống sáo thổi trong đồng cỏ/ Trâu sắp cỡi ách trở về giồng cao/ Quạ đã rời bãi đến tụ họp ở lùm cây um tùm/ Mây giăng âm đạm trên bầu trời thăm thăm/ Ta bồi hồi im lặng tựa vào cây ngô đồng.</p>
<p><b>3. Long Tịch thôn cư tạp vịnh kỳ (Tạp vịnh về cảnh thôn quê Long Tịch)</b> <i>I. Học đồng sương lý hồng kiều khứ, Điếu tẩu yên lãng thủy hử ca. Thôn lạc sinh nhai cần thiếu phụ, Thiền tiền yêu nguyệt giản miên hoa. II. Địa chảm thần hôn Nam Bắc thị, Môn nghinh triều tịch khứ lai chu. Dạ thâm phong quá hoa song hạ, Tào tán thư thanh bạng thủy lưu.</i></p>	<p>I. Trong sương, học trò nhỏ đi theo lối cầu cong/ Khói tỏa, ông lão câu, hát trên bến nước/ Thiếu phụ thôn quê, sinh nhai cần mẫn/ Trước thềm chờ trăng sáng, chọn nhật hoa bông/ II. Chỗ ở gói liền chợ Bắc, Nam, đôi phiến chiều, sáng/ Cửa đón thuyền qua lại, hai chiều nước rặc nước lên/ Đêm khuya gió qua cửa sổ hoa/Ồn ào tiếng đọc sách hòa cùng tiếng nước chảy/</p>
<p><b>4. Giang thôn hiếu thị (Chợ buổi sáng)</b></p>	<p>Ruộng lác bờ rau rậm vòng quanh bến sông/</p>

<p><b>thôn bên sông)</b>  <i>Bồ điền liễu ngạn nhiều giang cao,  Thôn xá mao khư mộc sạn cao.  Thôn tẩu than tiền phi tuyết lạp,  Đồ nhi tế nhục cổ sưng đao.  Lãng yên ngư sản mê tân độ,  Đái vụ tiêu lai thấp uẩn bào.  Hữu khách cư nhiên đăn lũng đoạn,  Xung hàn bất tất ẩm thuận giao.</i></p>	<p>Nhà cỏ, lều chợ bằng tranh, nhà kho bằng gỗ cao/ Ông già thôn quê đội nón xòe tiền ra/ Đồ tế xẻo thịt vung dao sắc/ Rạch ngói, nhà chài chưa tìm ra bển mới/ Người kiếm củi trở về, mù thấm ướt áo bông hơi cũ trở màu vàng cam/ Có khách vẫn cứ đi lên giồng/ Xông pha gió rét bắt tất phải uống rượu ngon.</p>
<p><b>5. Điền gia thu vũ (Mưa thu với người làm ruộng)</b>  <i>Hoà đạo ly ly thảo thụ thu,  Điền gia tam ngữ khúc giang lưu.  Nhĩ sinh thử hắc thanh thiên tế,  Vũ túc đài hoàng hoạt vị thu.  Phá khối hàn thồi huê bạn nhận,  Triêm nê tĩnh tẩy lũng đầu ngư.  Huê hồ nghĩ khánh phong niên trạch,  Thoa lạp nông phu phổng tửu chu.</i></p>	<p>Cỏ cây hiu hắt, đồng lúa bời bời/ Bên dải sông quanh co, có năm ba nhà làm ruộng/ Tiếng mưa nhè nhẹ, lúa nếp đen lại nảy mầm non/ Giọt mưa đầm đìa, lớp rêu vàng còn đương ướt mặt/ Nhận nắp bờ ruộng, có mưa khối đất vỡ, bị rét bay lên/ Trâu nằm đầu ghềnh, gặp mưa bùn lấm trút, trơn tru như tắm/ Quay bầu, muốn ăn mừng chiêm được mùa/ Mấy bác làm ruộng đội nón khoác áo toại tìm đến thuyền bán rượu.</p>
<p><b>6. Lộc động tiêu ca (Tiếng hát ông tiêu ở Hồ Nai)</b>  <i>Phong phi tiêu phát bạch bà bà,  Lộc động sơn trung suất tính ca.  Dã điệu thanh tòng khảm thụ chấn,  Thôn xoang vận dữ lưu tuyền hòa.  Vân phi hữu ý lưu liên cửu,  Hạc thị tri âm quyển luyến đa.  Nhật mộ quy lai lão phụ vấn,  Vi ngôn tăng kiến Tấn đồng đà.</i></p>	<p>Gió thổi tung mái tóc trắng phau phau của ông tiêu/ Hát hồn nhiên trong núi ở Hồ Nai/ Điệu quê tiếng theo nhịp chặt cây chấn động/ Vận hòa cùng tiếng suối chảy/ Mây không phải là hữu ý mà lưu niên mãi/ Hạc là tri âm quyển luyến nhiều/ Trời tối về nhà bà vợ hỏi/ Nói là từng thấy con lạc đà đồng đờn Tấn.</p>
<p><b>7. Chu thổ sừ vân (Đất đỏ bừa trong mây)</b>  <i>Trần Biên chu thổ hải chi tru?  Phá hiếu sừ vân mục tử trừ.  Xích huyện hôn mai lê đãi tận,  Hắc lô vu uế tịch tương chu.  Vũ nhiều sơn giản thần khai yển.  Thảo dụ xuân đề văn phóng ngư.  Vạn khoảnh yên hà thu thập túc,</i></p>	<p>Trần Biên có bãi đất son, liền ngay ven bể/ Trong đám mây mờ mịt, mới tảng sáng đã có hàng lũ người bừa/ Gần đô thị, những đám um tùm cuốc cày hầu hết/ Đất đen xầu biết bao rậm rạp, khai phá gần xong/ Mưa nhiều, khe núi nước đầy, sáng đi tháo đập/ Xuân tới bờ đê cỏ tốt, chiều đến chặn trâu/ Sương khói một màu muôn mảnh rộng, san sửa vừa xong/ Bừa vác</p>

<i>Quy lai sơ nguyệt hạ kiên đầu.</i>	trên vai, đi về nhà dưới bóng trăng mới mọc.
<p><b>8. Quất xã táo ti (Làng Quất thơm tơ)</b></p> <p><i>Quất xã nhân giai sự chức nhâm, Táo ti phụ nữ các gia tâm. Tam bồn xuất tự phiên hương kiển, Song trợ tần yêm chân lũ câm. Niểu niểu yên hà xuy hỏa sắc, Tào tào phong vũ chuyển xa âm. Hậu phi hóa bị tầm tang phụ, Tảo hội hoàng nghi hiển dã thâm.</i></p>	Dân làng Quất dệt lụa nái vẫn chuyên nghề/ Các phụ nữ thơm tơ, ai ai cũng đều hết sức/ Ba nồi thơm lần ra môi, trở mẻ kén nõn thơm tho/ Đôi đũa nhúng xuống luôn tay, kéo sợi tơ vàng sặc sỡ/ Mầu lửa bốc lên cuộn cuộn làn khói/ Tiếng xe quay chuyển gió rào rào như mưa/ Bà hậu phi chăm việc tầm tang, dân đã thấm nhuần đức hóa/ Chính tay những nười đàn bà dệt lụa ấy sẽ thêu những bức tranh ca tụng để tỏ lòng thành dâng bậc chí tôn.
<p><b>9. Ngư tân sơn thị (Phiên chợ núi bên cá)</b></p> <p><i>Thủy ái sơn bình chướng thủy hương, Dung âm tế phé thị triền lương. Điền cảm liệt thú sung Tùng tứ, Tì hiện tăng ngư mãn Trúc phường. Mãi tửu tiêu qui cô điểm tịch, Chiêm niên nông phân bốc đình hoang. Chu xa hạnh miễn ưu cường đạo, Lâm tẩu anh hùng nhậm chức phương.</i></p>	Núi xanh biếc như bình phong chắn ngang vùng nước/ Bóng đa che rợp, chợ búa mẽ thay/ Chim muông được, chợ Tùng bày bán đầy rẫy/ Đặng đó nhiều cá hén, phố Trúc hàng dẫy bán ngỗng ngang/ Các bác tiêu mua rượu xong đã về hết, quán rượu lại vắng/ Máy nhà nông đi bó đã trở lại nhà rồi, đình thầy bó bỏ không/ Không xảy ra trộm cắp, xe thuyền đi lại khỏi phải lo âu/ Vì đã có các anh hùng địa phương giữ tròn chức vụ.
<p><b>10. Tiên phố giang thôn (Làng bên sông ở bến Tiên)</b></p> <p><i>Tiên phố phù sa khảm bích giang, Yêu tiêu thôn lạc kiến song song. Đản nam sát vãng triêu khu ngạc, Loa nữ phi xoa dạ cảnh long. Hộ ngoại phàm xuyên phàn phố liễu, Độ đầu nhân hoán hệ tân song. Kiêm thu bạng duật ngư ông lợi, Đái túy hoành bông trúc địch xoang.</i></p>	Bãi Tiên, sông biếc đắp phù sa, Khói tan, thấy hai thôn xóm song song. Trai làng sáng dăng lưới đuổi cá sấu, Gái quê đêm khoác áo toi cảnh giới rờng. Phía ngoài nhà buồm xuyên qua khóm liễu rào bên, Đầu bến đỏ người gọi, buộc thuyền mới. Ngư ông gồm thu cái lợi trai cò, Ngà say thuyền quay ngang thổi sáo trúc.
<p><b>11. Tân Kinh thần mục (Sớm chẵn trâu ở Tân Kinh)</b></p> <p><i>Lạc nguyệt đề ô não cửu ai Tân Kinh mục tử trực tương lai. Địch xuy lô quản xâm yên tổ,</i></p>	Trăng lặn quạ kêu náo động khắp cõi đất, Tân Kinh trẻ chẵn trâu đuổi tới. Sáo bằng ống sậy thổi tiếng vút lên mây, Trâu dẫn lên đá tới khuỷu sông. Cỏ tốt, ruộng bằng phẳng, có thể săn cáo,

<p><i>Ngưu đạp vân căn nhập thủy ôi. Thảo dụ bình điền hồ khả lập, Tang âm lục dã lộ kham môi. Phong niên tiểu ngạo Hy Hoàng thế, Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.</i></p>	<p>Bóng cây dâu, đồng biếc, cò có thể đậu. Năm được mùa cười ngạo đời Hy Hoàng, Không cời áo tơ say nằm bên bụi hoa.</p>
<p><b>12. Trấn Định xuân canh (Cày mùa xuân ở Trấn Định)</b> <i>Trấn Định xuân hồi biển ngạn nhai, Dân xu nam mẫu lực tương giai. Quán thông hồ thi điền trung hức, Lê phá đào hoa vũ hậu cai. Mục địch bối hoành ngưu trạc trạc, Tiêu ca thanh họa điều hài hài. Đương gia lão đại cung canh chức, Quỹ hương tang âm xuất tiểu oa.</i></p>	<p>Trấn Định xuân về khắp bên bờ, Dân kéo ra ruộng phía nam cùng nhau ra sức. Tươi thông mương máng trong ruộng, Sau mưa xuân cày lật rễ cây. Trẻ chăn trâu sáo ngang lưng, trâu béo tốt, Tiếng hát người kiếm củi hài hòa với tiếng chim. Những người lớn trong nhà lo việc cày ruộng đệt vải, Đưa trẻ ra khỏi bóng dâu, mang cơm ra đồng.</p>
<p><b>13. Tắc Khái qua điền (Ruộng dưa ở Tắc Khái)</b> <i>Y lâm vi tụ dã nhân gia, Tắc Khái sơn điền tận nghệ qua. Dương tùy hoành đề phan khổ đế, Long can áp vũ thổ hoàng hoa, Phọc thân kiến ách tham viên dừu, Thích khẩu vô ky nhàn lộ nha. Trường ái miên miên kế diệt chước, Đông Lãng sự nghiệp mãn thiên nhai.</i></p>	<p>Nhà người dân dựa vào rừng tụ tập, Ruộng núi ở Tắc Khái đều trồng dưa. Đê như ruột đê nằm ngang, rễ đắng bò lan, Đất như gan rỗng mưa tưới nở ra hoa vàng. Vượn khi tham ăn nên mắc vào dây trời, Cò quạ ăn cho thích khẩu không bị ràng buộc. Thích nhất là cứ mãi ra quả dưa đệt dưa gang, Sự nghiệp của Đông Lãng mở khắp chân trời.</p>
<p><b>14. Ngao châu mộ cảnh (Cảnh buổi tối ở bãi ngao)</b> <i>Ngao Châu tế hải tiếp hầu kỳ, Liễn diễm giang thôn nhập thúy vi. Võng sái liễu đêm ngư uyển vãn, Can thu vi ngạn điều tà huy. Giải điều nhục giáp tàng phong sấu, Bạng thổ thai châu vọng nguyệt phi. Cực phổ hà nhân thanh khoản nãi, Thương Lang nhất khúc thấu sài phi.</i></p>	<p>Bãi ngao giáp biển tiếp với đất liền, Thôn bên sông đẹp rợp bóng cây xanh. Lưới phơi trên đê liễu, chài chiều tối, Cần thu lại bờ lau, câu ánh mặt trời tà. Cua nép mai tránh gió nên trông gầy, Trai nhả châu trong bụng dưới trăng trông thấy béo. Cuối bến người nào tiếng khoan thai, Một khúc Thương Lang lọt vào cửa sài.</p>
<p><b>15. Chiêu Thái tình yên (Khói lúc trời</b></p>	<p>Phủ Phước Long chỉ núi này là cao,</p>

<p><b>tạnh ở núi Châu Thới)</b>  <i>Phước Long duy thị thử sơn cao,  Nhật xuất tình yên hoạt tự cao.  Phạt mộc tiêu mê tầm kính túc,  Đái vân hạc thấp biệt chi mao.  Lạc hoa vụ tán điền thu đậu,  Hương truật liêm huyền quán mĩ giao.  Ly tự tùy đồng phi vị khái,  Giai tiên hiến quả quy thanh nao.</i></p>	<p>Mặt trời mọc khói mù lúc trời tạnh tron như mờ.  Ông tiêu dẫn cây lạc đường tìm lối tắt,  Chở mây hạc ướt, một chiếc lông tung bay.  Hoa rụng mù tan ruộng thu hoạch đậu,  Lúa thơm, rèm treo quán bán rượu.  Theo tiêu đồng đến chùa chân núi, cửa chưa  mở,  Trước thềm con vượn xanh quý dâng quả.</p>
<p><b>16. Vồng thị ngư đăng (Đèn chài ở chợ Lưới Rê)</b>  <i>Tiệt lưu tăng vồng kết thôn khư,  Giang thị hàn đăng dạ nghiệp ngư.  Quang xạ lang viên kinh mộng diệu,  Ảnh trầm đào lãng trạc tiềm ngư.  Diệt minh tinh hỏa nhiên hồng thụ,  Thiểm thước pha lê bá bích cừ.  Tương đối sâu miên sương chính mẫn,  Cựu minh âu lữ quán đồng cư.</i></p>	<p>Lưới đỏ chặn ngang dòng tạo nên chợ làng/  Chợ sông đèn lạnh đêm làm nghề đánh cá/ Ánh  sáng chiếu vào vườn cau làm chim đang ngủ sợ  hãi/ Bóng chìm dưới sóng đào làm cá nhảy vọt  lên/ Cây đỏ cháy từng đóm sáng lập lòe/ Ngòi  biếc tỏa ánh pha lê lấp lánh/ Đèn gói giắc sâu  sương đang trút dày/ Chim le le bạn có hẹn cũ  quen ở chung với nhau.</p>
<p><b>17. Mỹ Tho dạ vũ (Mưa đêm ở Mỹ Tho)</b>  <i>Trạc anh xướng bãi nguyệt trầm tây,  Tiêu tích Tho giang vũ chính thê.  Hòe thị trào đôi du giáp quán,  Tông kiều vân ủng thạch ngư nê.  Quang hàn liễu phó ngư thuyền hỏa,  Thanh thấp mai thành thú trại bê.  Vạn khoảnh minh triều trình hợp đĩnh,  Tang Lâm vô sự đảo kiên tê.</i></p>	<p>Hát xong khúc “giặt dải mũ” thì trăng lặn trời  Tây/ Sông Mỹ Tho đêm mưa lạnh lẽo/ Chợ Hòe  nước triều lên, dòn chuỗi quả du thành đóng/  Cầu Tông mây phủ kín, che con trâu đá lấm  bùn/ Lửa thuyền đánh cá bên liễu, bóng sáng  lạnh lùng/ Trống vọng gác thành mai, tiếng kêu  bình bịch/ Sáng sớm trông thấy lúa nở đồng to  khắp đồng ruộng/ Không cần phải như vua  Thành Thang cầu đảo ở rừng Tang Lâm.</p>

### VIII. Cao Bá Quát

<p><b>1. Để gia (Về đến nhà)</b>  <i>Song mấn tiêu tiêu bất tự tri,  Hương thôn chỉ điểm thị quy kỳ.  Mộc miên điểm lý sương thu tảo,  Thiên mã hồ biên nhật thương trì.  Lân hữu hốt phùng kinh sắc vấn,  Mẫu thân sạ kiến hỷ giao bi.  Bình sinh đa nạn kim trường hối,</i></p>	<p>Mái tóc đã bơ phờ rôi mà vẫn không biết/ Nay là  lúc được về trông thấy làng xóm/ Đây là điểm  Cây Gạo, sương đã tan rồi/ Kia là hồ Ngựa Trời,  vàng ô đang lên chậm/ Bạn hàng xóm bất thành  linh gặp nhau, sừng sốt hỏi thăm dòn dập/ Mẹ già  chợt trông thấy con, mừng mừng tủi tủi/ Trước  nay đã trải nhiều hoạn nạn rồi, từ đây xin chừa/  Đối với người nhà không dám nhắc đến chữ “biệt</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<i>Úy hướng gia nhân ngữ biệt ly.</i>	ly” nữa.
<p><b>2. Hiểu quá Hương giang (Buổi sáng, qua sông Hương)</b></p> <p><i>Vạn chương như bốn nghìn lục điện, Trường giang như kiếm lập thanh thiên. Sổ hàng ngư đỉnh liên thanh trạo, Lưỡng cá sa cầm khuấy túc miên. Trần lộ du du song quyện nhãn, Viễn tình hao hao nhất qui tiên. Kiều đầu xa mã phi ngô sự, Phả ái nam phong giác chẩm biên.</i></p>	<p>Muôn dãy núi như chạy vòng quanh khu ruộng xanh mướt/ Dòng sông dài như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh/ Mấy dãy thuyền chài không ngớt tiếng hò khoan đưa mái chèo/ Hai con chim trên bãi đứng co chân ngủ/ Đường trần dằng dặc, đôi con mắt đã mỏi/ Tình xa man mác, một roi ngựa trở về/ Xe ngựa qua cầu, không phải là việc ta nghĩ đến/ Chỉ thích trước luồng gió nam, thành thoi nằm gổ lên chiếc gối sừng.</p>
<p><b>3. Ngũ phong thập vũ tuế phong nhưong (Mưa thuận gió hòa năm được mùa)</b></p> <p><i>Phong vũ nhân thời chí, Hoàng tâm khánh tuế nhưong. Ngũ phương điền trĩ tú, Thập lý đạo hoa hương. Lưỡng độ kiêm tuần chí, Tam tình kế nguyệt thường. Thám huyền ca phụ vật, Họa thủy hội dăng trường. Năm thực đồng thiên lý, Phong hanh biến bát hoang. Số duy thiên địa phối, Hảo tự Tất, Cơ chương. Tốn nhị tầng chiêm tín, Lâm tam hợp chung tương. Điền trù nông phụ ủy, Hoạch cốc mãn thương sương.</i></p>	<p>Gió mưa đến theo thời, Lòng vua mừng năm được mùa. Năm phương lúa mướt rậm, Mười dặm hoa lúa thơm. Cứ hai mươi ngày có hai lần mưa, Hàng tháng đều được đền đáp ba tình. Gảy dây (đàn) ca hát về sự tốt tươi của vạn vật, Vẽ tranh quang cảnh được mùa. Lúa chín cả nghìn dặm, Được mùa khắp tám miền hoang vu. Số chi do trời đất phối hợp, Điềm tốt từ sao Tất, sao Cơ hiện rõ. Que Tốn Nhị từng bói được, Mưa phùn ba ngày hợp với cánh đồng rộng. Nhà nông được an ủi về việc ruộng nương, Thu hoạch lúa đầy kho, bò.</p>
<p><b>4. Sơn cư tảo khởi (Dậy sớm ở núi)</b></p> <p><i>Kết mao lâm lộc gian, Hoàng diệp một nhân tích. Nguyệt lạc thụ tinh hy, Thiên hàn thu thủy bích.</i></p>	<p>Nhà tranh chốn sườn núi, Lá vàng ngập dấu chân. Trăng lặn, sao thưa, trời sáng, Trời lạnh nước thu biếc.</p>
<p><b>5. Đoan công phé kiêu (Chiếc cầu bở của Đoan Công)</b></p>	<p>Đoạn sông lấp dưới chân đê có chiếc cầu gãy, Người đi đường chỉ cho (nên) nhận ra triều đại</p>

<p>Đê hạ tàn giang hữu đoạn kiều, Hành nhân chỉ điểm nhận tiền triều. Cổ lai vu một tri hà cực, Ngạn thảo vô danh độc tự kiều.</p>	<p>trước. Xưa nay cảnh hoang vu chìm lắng đâu biết hết, Chỉ có cỏ dại bên bờ mãi thướt tha.</p>
<p><b>6. Viễn tự minh hà (Ráng chiều rực núi xa)</b> Giang thiên không thoát mộ minh minh, Tứ hợp cao đê trúc thụ bình. Dao vọng tây biên hồng nhất lũ, Cô hà vi ánh viễn phong thanh.</p>	<p>Trời nước mênh mông, hoàng hôn buông lờ mờ/ Bốn phía nhấp nhô, khóm tre già nghìn cây che chắn/ Trông vời phía tây ửng hồng một dải/ Chỉ còn dáng chiều tỏa ánh nhọt nhạt nơi đỉnh non xa xanh xanh.</p>
<p><b>7. Cô thôn tịch chiếu (Xóm lẻ chiều buông)</b> Sắt sắt vi phong mạc mạc yên, Tịch dương bán quách đạm hàm nghiên. Nhất song thê điều thiên can trúc, Lưỡng cá quy ngư vạn lãng điền.</p>	<p>Vi vu gió nhẹ khói mịt mờ, Nửa xóm chiều tà ngậm vẻ tươi. Một đôi chim đậu giữa muôn cành trúc, Hai chú trâu về trên đồng ruộng mênh mông.</p>
<p><b>8. Tân viên vũ hậu (Vườn cau sau cơn mưa)</b> Tạc dạ sương hoa tự trĩ diêm, Hiểu lai hốt tác vũ tiêm tiêm. Khoái khan tán tảo vân thu hậu, Nhất bán tân viên dững ngọc thiềm.</p>	<p>Đêm trước hoa sương tựa như muối kết tụ lại, Sáng ra bỗng thành mưa lát phát. Mây tan mưa tạnh trông tươi mát, Nửa vườn cau đọng (vũng) nước tựa vàng trắng.</p>
<p><b>9. Thử mẫu phong sơ (Gió nhẹ thổi qua ruộng lúa)</b> Giang biên bối ý nhất sừ thanh, Tiểu chỉ thiên huê thúy lãng sinh. Kiến thuyết lãnh phong thường tác vũ, Trì đường hoàn hữu vọng vân tình.</p>	<p>Đứng bên sông tựa lưng vào chiếc bừa, Cười chỉ nghìn thửa ruộng gọn sóng biếc xanh. Nghe nói thường có mưa khi gió lạnh, Chồn ao đầm vẫn còn cái thú ngóng mây trời.</p>
<p><b>10. Nhĩ phó tảo hồng (Chim hồng ban sớm ở bến sông Nhĩ)</b> Giang hồ vạn lý đạo lương thiên, Khả phục đồ nam dục ký tiên. Tuế mộ cố hương nhân vị chí, Ngọc kiều quy lộ chi phong yên.</p>	<p>Muôn dặm sông hồ đầy trời thóc lúa, Lại tính chuyện về Nam toan gửi thư. Cuối năm quê cũ người chưa về đến, Cầu ngọc lối về chỉ thấy khói bay.</p>
<p><b>11. Đào Xuyên mộ chủ (Tiếng chày đêm ở Đào Xuyên)</b> Bắc thôn dao dạ chủ thanh đa, Vấn đạo tân hồi sở thập gia. Sầu lý hữu nhân lai thính thử,</p>	<p>Nhiều tiếng chày đêm vọng từ thôn Bắc, Nghe nói vài mươi nhà mới trở về. Có kẻ ôm sầu đến nghe tiếng chày vọng đó, Khiến lòng họ nhớ quê nhà ở nơi xa.</p>

<i>Vi cừ chuyển ức cố viên xa.</i>	
<p><b>12. Khúc đê dạ liệt (Đi săn trên đoạn đê cong)</b></p> <p><i>Đông trì tây tẩu vị tăng lao, Mãn dã hồ li để tị đào. Dạ dạ trường đê tam bách khúc, Giao nhân lãn khán cố Tiêu Tào.</i></p>	<p>Chạy đông chạy tây vất vả chưa từng thấy, Đầy đồng chồn cáo trốn đi đâu? Đêm đêm (đi săn trên) đê dài ba trăm khúc, Khiến người thăm nghĩ chuyện ông Tiêu, ông Tào thuở xưa.</p>
<p><b>13. Giang điểm túy miên (Say ngủ ở điểm sông)</b></p> <p><i>Nhất bôi túy ý mộ kiều phong, Dã tự thê lương giang điểm không. Sương lộ mãn thân miên bất khởi, Tòng quân đả phá ngũ canh chung.</i></p>	<p>Một chén say (ngôi) tựa chiếc cầu lúc chiều hôm lộng gió/ Ngôi chùa giữa đồng vắng lặng, điểm canh bên sông trống không/ Sương móc phủ đầy mình, ngủ không dậy/ Nhờ bác (mà ta) chẳng wướng bận tiếng chuông suốt năm canh.</p>
<p><b>14. Hiều lũng quán phu (Người tát nước buổi sớm trên đồng)</b></p> <p><i>Vạn lý song cao tấn thủ khiên, Phúc hiều, thần chiến, đoán thoa xuyên. Bách tâm phá thảo trường đê mạch, Ngũ xích tân ương thượng bạn điền.</i></p>	<p>Trong sương mù tay kéo đôi gàu thoăn thoắt, Bụng đói, môi run, thân mang chiếc áo toại ngắn. Hàng trăm tâm cỏ vừa phá dọc bờ đê dài, Năm thước mạ mới gieo ở đám ruộng bờ trên.</p>
<p><b>15. Mộ kiều quy nữ (Cô gái đi về trên cầu lúc chiều tối)</b></p> <p><i>Tư lương hàn khổ vị đương ky, Khang hột như châu khước điển y. Phong lộ quá kiều hồn bất ác, Ý môn ưng hữu vọng nùng quy.</i></p>	<p>Lo lắng rét khổ chưa bằng đói, Tắm cảm đất như châu, đành cầm cố áo (mà mua). Trong sương gió qua cầu, không hề hay trời rét, (Vi) có người đang tựa cửa ngóng trông nàng về.</p>
<p><b>16. Thôn cơ vãn cảnh (Cảnh chiều ở thôn quê)</b></p> <p><i>Ly ngoại nhân yên, trúc ngoại âm, Thung ca thanh yết, trạo ca thâm. Truy du khách chí phân thư khán, Tức sự thi thành bão tất ngâm. Hương thủy mộ trào sinh thiển lại, Trần sơn hồi chiếu đạm không lâm. Huân phong đa dĩ nhàn phương tiện, Xuy khởi cô liêm nhất bán tâm.</i></p>	<p>Ngoài bờ giậu có khói bếp, ngoài rặng tre có bóng râm/ Tiếng hát già gạo vừa dứt, tiếng hò chèo đò lại vắng vắng tới/ Có khách xa đến chơi, chia sách cùng đọc/ Làm xong thơ tức sự bỏ gói ngồi ngâm/ Nước thủy triều ở sông Hương xuống, bãi cát ngập nông/ Cảnh rừng vắng trên Hòn Chén, nắng chiều đã lạt/ Gió nồm thường giúp người ta mọi sự thoải mái/ Đã thổi cuốn bức rèm treo làm cho lòng ta cùng nhẹ đi một nửa.</p>
<p><b>17. Tương đao cố hương (Sắp về đến)</b></p>	<p>Cây gạo cao cao kia,</p>



<p><b>quê nhà)</b>  <i>Cao cao mọc miền thụ,  Cổ cán hà thanh sớ!  Thiều thiều vọng thử bang,  Quyết hữu cao nhân lư.  Trúc mật phủ dư kính,  Thảo phong nhiều tiền trờ.  Bích chiếu hí tiêm lân,  Lục đằng tú gia sớ.  Y tích truyền kinh xứ,  Yến tức thú hữu dư!  Thanh nhàn duy thủ chuyết,  Ngô khế tại huyền hư.  Tự bão khuê tổ thượng,  Cánh vi khâu hác cư.  Tuế cửu vị quy khứ,  Chỉ ưng úy giản thụ.  Tiêu tiêu hoàn đảo thử,  Mạch mạch đục hà như?  Tổ tâm kỳ bất phụ,  Lai giả khả truy dư.</i></p>	<p>Gốc già mà ngọn thanh đẹp sao!  Xa xa trông vào trong làng,  Nơi có nhà bậc cao nhân ở.  Tre rậm che kín lối đi,  Cỏ tốt mọc quanh trước thềm.  Cá tung tăng lội trong ao nước biếc,  Lúa tốt xanh um khắp chốn ruộng đồng.  Đây xưa kia là nơi dạy học,  Nghỉ ngơi thú vị vô cùng.  Thanh nhàn cam phận vụng về,  Chí hướng của ta là ở nơi hư không xa tấp.  Từ khi ôm ấp chí hướng cầm ngọc khuê đeo dây  ấn,  Mới xa rời nơi gò hang.  Đã lâu năm chưa về,  Chỉ vì sợ mệnh lệnh nhà vua.  Bơ phờ nay lại về đây,  Ấm ức không biết nghĩ sao.  Ước ao không phụ tấm lòng xưa,  May ra sau này có thể không lỡ nữa.</p>
<p><b>18. Tương vũ hí tác (Sắp mưa viết chơi)</b>  <i>Tàn thiên cao khiểu mộ giang thiên,  Thiên khí khinh âm tác tiểu nghiên.  Tây nhật bán trầm vân tự bạng,  Nam phong hốt lãnh điện như tiên.  Nhất thanh oa tử xao tùng mãng,  Vạn điểm thanh đình sớng dã yên.  Điền tử quy lai hà thái hỷ!  Đồn đề liệu lý hạ phong niên.</i></p>	<p>Tiếng ve cuối mùa vút cao hòa vào khoảng trời  sông ban chiều/ Khí trời dịu nhẹ làm cho cảnh  vật thêm xinh đẹp/ Mặt trời phía tây lặn còn một  nửa, đám mây tựa hình con trai/ Gió nam chợt  thổi lạnh, tia chớp trông giống chiếc roi da/ Tiếng  ếch kêu vang rung bụi rậm/ Muôn đóm chuồn  chuồn nhón như bay trong làn khói ngoài đồng/  Lão nông phu trở về, hớn hờ làm sao/ (Có) chân  giò lợn chuẩn bị mừng năm được mùa.</p>
<p><b>19. An Phong dã quán ngẫu hứng (Ngẫu  hưng nơi quán giữa đồng An Phong)</b>  <i>Cổ mộc âm sâm cổ đạo bàng,  Sổ duyên dã túc quả ngâm nang.  Thôn hoàn vãn thị yên thường hợp,  Dã tiếp dao sơn sắc chuyển trường.</i></p>	<p>Những cây cổ thụ sum suê im mát ở bên vệ đường  cũ/ Vài nhánh cũng đủ cho mình treo túi thơ rồi/  Làng xóm bao quanh chợ búa, nên mây khói  thường hợp không tan/ Đồng nội tiếp với non xa,  nên sắc màu chuyển thành trùng điệp/ Cảnh ngày  dài thì tiếng ve kêu như tiếng đàn hòa theo tiếng</p>

<p><i>Vĩnh trú thiên cầm y đoán trúc, Cao phong mạch lãng tẩu hàn đường. Tam niên cứu quán từng du địa, Thử cảnh khan lai tự vị thường.</i></p>	<p>xào xạc của những bụi tre thấp/ Luồng gió cao thì sóng lúa lại dọn chạy ven bờ đầy sương/ Đạo chơi chôn này quen biết lâu đã ba năm/ Mà cảnh này xem ra lạ mắt như chưa từng thấy.</p>
<p><b>20. Dã hành (Bài hành chốn quê)</b> <i>Dã khí huân chưng thử vị lan, Lộ nhân chỉ thuyết dã nhân gian. Đạo huê sách sách lô hoa trận, Đậu lũng lân lân bạch điệp ban. Xúc nhiệt mỗi phùng ngư ngạo suyễn, Kinh phong diêu tiển diêu phi hoàn. Bối y độc lập thương xuân mộ, Thân thể vô cùng phủ ngưỡng gian.</i></p>	<p>Hơi quê hừng hực nắng chưa giảm, Người qua đường chỉ trở bảo rằng dân quê gian khổ. Trận gió hoa lau rì rào lay ruộng lúa, Cánh bướm trắng dập dờn trên luống đậu. Mỗi lần gặp trời nóng trâu nằm thở hổn hển, Sợ gió, chim từ xa muốn bay về. Khoác áo trên vai một mình đứng xót xa xuân muộn, Thân thể vô định trong cuộc đời ngắn ngủi.</p>
<p><b>21. Quy cổ trạch (Về nhà cũ)</b> <i>Sấm nhiên kiến hương khúc, Tài hân nãi tài bồn. Thị hạng hữu cư nhân, Trúc mộc ái liên thôn. Y lộ đạt thâm kính, Cao thanh khẩu sài môn. Lân nhụ tế diện khuỵ, Quần khuyến tranh táo huyền. Tọa định giải y xuất, Tiển túc thiệp hoang viên. Khô trì tạp suy liễu, Khích tường xuyên thụ căn. Ta dư tạm ly cách, Do niệm như mộng hôn. Đỉnh đỉnh bách niên sự, Hình dịch phục hà ngôn. Tri thức kiến ngã tiếu, Ác thủ do đệ côn. Thân thích tạp lai tán, Khoản khúc tự hàn huyền. Cảm tạ thân song nhục, Bất khí thượng tư tồn.</i></p>	<p>Bỗng chốc thấy làng xóm, Vừa mừng vừa chạy. Chợ búa đường sá đều có người, Tre pheo cây cối sum suê khắp làng. Mình theo đường cũ đi sâu thẳng vào ngõ, Gõ cổng lên tiếng gọi mở. Bọn trẻ hàng xóm che mặt nghiêng ngó, Bầy chó thì tranh nhau sủa inh ỏi. Mình vào nhà ngồi yên cõi áo, Đi chân không dạo quanh vườn hoang. Thấy ao khô lẩn lộn những thứ rau dừ rau ngổ tàn lụi, Tường nhà thì rễ cây xoi thủng. Than ôi! Ta chỉ tạm xa nhà, Nay về coi như trong giấc mộng. Việc đời trong khoảng trăm năm đi quá nhanh, Mình bị công việc sai khiến còn nói gì nữa! Những người quen biết thấy mình cười hỏi, Cầm tay còn xưng anh xưng em như ngày xưa. Những bà con thân thích thì tấp nập viếng thăm, Hàn huyền trò chuyện. Cảm động mà đội ơn nhất là thấy song thân cũng đều đến thăm,</p>

<p><i>Ly biệt thường nhân tình, Hữu trợ cố sở đôn.</i></p>	<p>Tỏ lòng gắn bó thương nhớ con. Sự ly biệt là thường tình của đời người, Lòng đôn hậu người xưa hay giúp đỡ nhau.</p>
<p><b>22. Văn dịch (Nghe tiếng sáo thổi)</b> <i>Giang đầu hiểu nhật trạo ca mang, Giang biên tà nhật địch thanh trường. Địch thanh nhiều chăm tể như ngữ, Khách tử mộng trung quy cố hương.</i></p>	<p>Đầu sông sáng sớm rộn ràng tiếng hát chèo đò, Bên sông chiều xế sáo ngân xa. Tiếng sáo quẩn quanh bên gối như giọng tí tì, Trong mơ khách trở về quê nhà.</p>
<p><b>23. Phó Nam cung, xuất giao môn biệt chư đệ tử (Đi thi Hội, ra đến cổng làng từ biệt các học trò)</b> <i>Du du từ cố quốc, Mạn mạn hướng trường lộ. Xuất giao thiên vi lương, Hành sắc đới sơ vũ. Đệ tử tổng ngã hành, Tương tùy bất nhẫn trụ. Khởi thị nhi nữ tình, Yểm diện lệ như vũ. Ức ngã tích niên du, Dĩ vi phù danh ngô. Thử biệt hựu an chi? Vãng sự không hồi thủ. Nhập thế hữu văn chương, Đào danh hà sở mộ? Đa tạ chư thiếu niên, Luyện ngã độc an thủ?</i></p>	<p>Rười rượi rời quê nhà, Thăm thẳm dặm đường xa. Khỏi làng trời thấy lạnh, Lát phát hạt mưa sa. Học trò tiễn ta đi, Vương vấn nặng tình chi. Nào phải là nhi nữ, Bưng mặt khóc như ri. Nhớ những chuyến đi xưa, Đã bị phù danh lừa. Nay lại đi đâu nhi? Việc cũ như còn mơ. Văn chương đời đã có, Ham gì nữa danh thừa. Tạ lòng các bạn nhỏ, Ta có gì đáng ưa? (Tố Hữu dịch)</p>
<p><b>24. Hàn dạ tức sự (Đêm lạnh tức sự)</b> <i>Hồi phong xuy quyện chẩm, Sốc khí bội thê nhiên. Xuyết tịch giao nô phú. Phân khâm tá khách miên. Hương sầu duy phạm dạ, Thân sự dục qua niên. Mạc tác du du tưởng, Thư không tiểu vị biên.</i></p>	<p>Gió quẩn thổi vào gối, Người mới, rét căm căm. Lấy chiếu sai nhỏ đắp, Chia chăn để khách nằm. Buồn nhớ quê tới sáng, Tính việc chừng sang năm. Nghĩ viễn vông chi nữa? Viết "bóng" chẳng quen làm. (Tố Hữu dịch)</p>

<p><b>25. Kiến bắc nhân lai nhân thoại cố hương tiêu tức</b>  Mạch mạch tương khan thức lệ ngân,  Nôm nôm bất yếm thoại hương thôn.  Lão thân kiện tại liên nhi cách,  Trĩ tử hoan lai hỉ phụ tôn.  Cựu thảo tự trần đòi phé lộc,  Tiểu mai vô lại khoá tu viên.  Trường đình bất cố vân thiên viễn,  Xuân tận thủy chiêu vị tử hồ.</p>	<p>Tần ngần vừa nhìn nhau vừa gạt nước mắt,  Rì rầm nói chẳng hết chuyện trong làng.  Cha mẹ già còn sống khỏe, thương con xa cách,  Lũ trẻ vui mừng cha còn sống.  Bản thảo cũ bám bụi chất đống trong bờ rách,  Cây mai con cũng cố ngoi lên vượt bức tường dài.  Nơi trường đình ngoảnh nhìn phía Bắc, trời mây  xa thăm,  Xuân hết rồi, nào ai gọi hồn người chưa chết?</p>
<p><b>26. Nguyên triều (Buổi sớm đầu năm)</b>  Hao hao giác giác kê sơ minh,  Thùy gia bộc trúc sậu phát thanh.  Khai phi dẫn vọng ái thanh hiếu,  Tế vũ như tuyền hi nhân hành.  Tục tình bốc tuế chiêm nhân ngữ,  Ngã diệc khai môn thí diên trử.  Sổ hàng nhi nữ huyễn tân y,  Lan thủ ủng tiền tương nhĩ nhữ.  Tự nghi tự giải tự thương lượng,  Tam ích bất lai thùy ngã dĩ ?</p>	<p>Eo eo óc óc gà mới gáy,  Nhà ai pháo trúc chọt nổ giòn.  Mở cửa ngóng trời trong buổi sớm,  Mưa bay như bụi ít người đi.  Thói thường bói tuổi xem người nói,  Ta cũng mở cửa thử đứng lâu.  Vài hàng cô gái khoe áo mới,  Chặn tay lấy mút chuyện trò vui.  Tự ngờ tự giải tự bàn bạc,  Ba điều ích không đến, ai với ta?</p>
<p><b>27. Thu dạ độc toạ tức sự</b>  Minh nguyệt nhập tiền hiên,  Cô ả khuy thanh tôn.  U nhân ái dạ toạ,  Tương đối diệc vong ngôn.  Khởi lập miện không vũ,  Nhân chi thiệp nhàn viên.  Tức tức hậu trùng ngữ,  Thu thu giang điệu huyên.  Minh cư đạm độc thích,  U thường diệu tự luân.  Bạc chúc sấn lương dạ,  Úy ngã cơ lưu hồn.</p>	<p>Trăng sáng lọt hiên trước,  Bóng nghiêng bầu rượu nhòm.  Người buồn thích đêm vắng,  Ngồi lặng đối trăng sông.  Đứng dậy nhìn trời đất,  Tiện bước dạo quanh vườn.  Trùng tới mùa, ran rì,  Chim bên sông véo von.  Riêng thích ở nơi vắng,  Tự vui trong cảnh buồn.  Nhân đêm thanh nhấp chén,  Yên ủi nỗi cô đơn.  (Khuông Hữu Dụng dịch)</p>
<p><b>28. Đồng Lạng Giang thú Phạm Thúc Minh Bảo Lộc lệnh cát sự bạt mộ</b></p>	<p><b>Cùng các ông thái thú Lạng Giang Phạm Thúc Minh, ông huyện lệnh Bảo Lộc cát sự bạt buổi</b></p>

<p><b>phiếm Xương Giang túy trung túng bút, kỳ tứ.</b>  <i>Đặng hỏa vi quang nhiều lục đê,  Tiểu nhi tranh xướng Bạch đồng đê.  Sử quân giải tác hồi ba vũ,  Tiện đảo hoa biên dã bất mê.</i></p>	<p><b>chiều trên thành Xương Giang, phóng bút làm trong lúc say.</b>  Ánh đèn lấp lánh quanh con đê màu xanh cỏ,  Bọn trẻ con thi nhau hát bài đồng dao Bạch đồng đê.  Khiến anh thôi múa chèo quên quay về,  Liên đến bên hoa cũng chẳng mê muội đâu.</p>
<p><b>29. Hiểu khởi đề thi (Sáng dậy đề thơ), kỳ nhất.</b>  <i>Hiểu lai phong lộ thanh,  Thế trùng yết di hương.  Nhân hiêu thượng vị khởi,  Thu khí chính tiêu sáng.  Trúc tang ái dao chiêm,  Trạm nhiên đặng tâm tương.  Duệ lý lộng viên quang,  Tư yên tương u thương.  Học tử kỳ tảo lai,  Khả dĩ duyệt ngô đảng.</i></p>	<p>Sáng sớm gió và sương móc trong mát,  Côn trùng dưới thềm đã lặng tiếng.  Tiếng người ồn ào vẫn chưa nổi lên,  Hơi thu đang lúc mát mẻ quạnh hiu.  Xa xa trông thấy tre, dâu xanh tốt,  Trong lẳng lẳng lẳng sạch không tâm tưởng.  Lê dệp ra chơi với cảnh vườn,  Tại đây sẽ lẳng lẳng thương ngoạn.  Những mong học trò đến sớm,  Để bọn ta cùng nhau vui vầy.</p>
<p><b>30. Hiểu tế (Buổi sớm tạnh trời)</b>  <i>Ly lạc triêu lai tịnh,  Viên thặng vũ hậu giai.  Bất từ song bệnh nhãn,  Cánh trước tiểu mang hài.  Thảo mộc nguyên xuân khí,  Vân yên độc khách hoài.  Vô nhân giác liêu tịch,  Ngâm khiếu thị sinh nhai.</i></p>	<p>Rào giậu sớm mai sạch sẽ,  Ruộng vườn sau mưa đẹp đẽ.  Không ngại hai con mắt kém,  Vẫn cứ đi đôi hài cỏ nhỏ.  Cây cỏ còn vẹn hơi xuân,  Khói mây ấy riêng lòng khách.  Không có người biết cảnh vắng lặng,  Ngâm nga chính là kẻ sinh nhai.</p>
<p><b>31. Kiêu thái (Tươi rau)</b>  <i>Thái giá y phong điệp,  Tu nô cấp dạ tuyền.  Thanh ba từ cấp cảnh,  Lương nguyệt tại song kiên.  Hương khúc thiên dư lý,  Thôn gia nhị khoảnh điền.  Lương thời quy vị đắc,  Hồi thủ ý mang nhiên.</i></p>	<p>Giàn rau dựa vào bức tường đầy gió,  Kẻ nô bộc có râu gánh nước suối ban đêm.  Làn sóng trong veo từ biệt sợi dây kéo nước gấp,  Vàng trắng mát ở bãi bên vai.  Quê hương hơn nghìn dặm,  Nhà nơi thôn xóm có hai đám ruộng.  Dịp tốt, chưa về được,  Ngoảnh đầu lại, ý mịt mờ.</p>

<p><b>32. Trừ dạ (Đêm cuối năm)</b>  <i>Hốt hốt niên tương tận,  Yêm yêm dạ độc trì.  Tục tình phương hiến táo,  Bắc khách dục mai thi.  Phong vật quá thời đi,  Gia hương tác mộng nghi.  Mãn thành hoa tỵ phát,  Xuân vũ cánh vô ty.</i></p>	<p>Mau chóng, năm sắp hết,  Chậm chậm, riêng đêm từ từ.  Theo thói tục đang cúng đưa ông táo,  Khách Bắc muốn chôn thơ.  Phong vật trải thời gian đã khác,  Mộng quê nhà ngẩn ngơ.  Khấp thành hoa cứ nở,  Mưa xuân không thiên vị ai.</p>
<p><b>33. Viên trung tán bộ (Đạo bước trong vườn)</b>  <i>Duyệt lý tà dương đạm,  Tuần giai tế vũ linh.  Viên quang đẽ mạc mạc,  Sơn sắc viễn minh minh.  Ngưu bói miên cù dục,  Trường đầu ngữ tích linh.  Phùng nhân thuyết nông phố,  Như tại cố hương thanh.</i></p>	<p>Đạo bước vừa lúc bóng chiều đã nhạt,  Ven thêm gặp mưa nhỏ mới sa.  Cảnh vườn mịt mờ thấp thòai,  Sắc núi âm đạm xa xăm.  Chim sáo ngủ trên lưng trâu,  Chim chìa vôi kêu đầu vách.  Còn mình gặp người thì nói chuyện vườn ruộng,  Không khác gì lắng nghe chuyện lúc ở quê nhà.</p>

### IX. Phan Thúc Trực

<p><b>1. Xuân nhật khóa thực vụ miên (Ngày xuân dạy trồng khoai, trồng bông)</b>  <i>Dã vụ kham trợ cốc,  Mộc miên khả tài y.  Dân sinh các cần thực,  Nhật dụng thành sở tư.  Ngã hữu vụ miên điền,  Tiên thê thường canh trị.  Kim yên kí thất ngẫu,  Thùy vi doanh gia tư.  Ngã phi học nông phố,  Lao khổ diệc đương tri.  Cập xuân nãi bá thực,  Đương hạ nhưng trích qui.  Miên hoa kí bạch bạch,  Vu mạn diệc lũy lũy.  Đăng bàn khả gián phạn,</i></p>	<p>Khoai có thể trợ giúp cho thóc gạo,  Bông có thể dệt thành áo quần.  Người dân khắp nơi đều chăm chỉ trồng trọt,  Quả thật là nguồn dùng hằng ngày.  Ta cũng có thửa ruộng trồng bông, trồng khoai,  Sinh thời vợ vẫn trồng trọt.  Ngày nay vợ đã mất,  Ai là người lo việc chi dùng trong nhà.  Ta vốn không được học làm ruộng,  Cũng phải biết công việc vất vả gian nan.  Kịp thì gieo hạt bông và đặt dây khoai,  Đến hè thì hái mang về.  Hoa bông trắng ngần ngần,  Dây củ nức nủ khoai.  Đặt lên mâm có thể độn với cơm,  Dệt thành vải có thể thay tơ lụa.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p><i>Chức bố kham đương ti. Phi thị cạnh tiểu lợi, Liêu dĩ miễn hàn cơ. Ký ngôn hoàn liêu tử, Vô đồ nhật du hy.</i></p>	<p>Chẳng phải cạnh tranh chút lợi nhỏ, Mà tránh được đói rét. Nhấn gửi các chàng công tử quần là áo lượt, Chớ chỉ tháng ngày vui chơi.</p>
<p><b>2. Hạ liêu (Nước lụt mùa hè)</b> <i>Hạ hành thu lệnh vũ vi tai, Phá khối khuynh bồn trận trận lai. Thủy ngân thử hồi phiêu tử mạch, Giang thành hà xir tống hoàng mai. Lưu hành thiên số nguyên vô định, Cơ căn nhân tình đại khả ai. Do thị lưỡng kỳ đàm thủy ứng, Sử quan chấp bút thượng linh đài.</i></p>	<p>Mùa hè mà theo thời tiết mùa thu, mưa đã gây tai ương/ Từng trận từng trận, mưa đổ tường nghiêng chậu/ Nước chảy tràn bờ, lúa má bị cuốn phăng/ Thành bên sông không có chỗ nào không ngập/ Số trời vận hành vốn không cố định/ Thương cho nhân tình sẽ cơ cực khó khăn/ Người ta còn nói cả hai kỳ sẽ có điềm lành/ Sử quan khi chấp bút nên theo tâm mình để viết.</p>
<p><b>3. Vũ tình ngãi mạch (Tạnh mưa gặt lúa)</b> <i>Nhất thiên thu khổ vũ, Ngãi mạch đồng gia đình. Bất úy điền huê thấp, Phiên hân nhật sắc tình. Biền chi phi ngã sự, Gian khổ vạn nhân canh. Chỉ niệm thành gia kế, Na kham điệu nội tình.</i></p>	<p>Cả bầu trời đã hết mưa gió, Gặt lúa đốc thúc gia đình trong nhà. Không sợ thừa ruộng trũng thấp, Trái lại mừng sắc trời đã hửng. Làm ăn chai sạm vốn không phải việc của ta, Công việc gian khổ đó là của vạn dân cày. Chỉ nghĩ nay thành kế sinh nhai của gia đình, Mới thấu hiểu thêm sự vất vả của vợ.</p>
<p><b>4. Cự phong kí sự (Ghi chép ngày mưa bão)</b> <i>Nhất trận cuồng phong quyển địa lai, Xuy sa tẩu thạch thanh như lôi. Quan dân lư xá tận khuynh đảo, Diên cập tự quán tính đình đài. Bắc phong kí tức đông phong phát, Trào thủy trường ích đông minh khai. Diên hải cư dân bị họa khóc, Đa hữu phiêu nịch thành khả ai. Thử phương chi dân hữu hà tội, Thùy vô trắc đất anh vu hoài. Tuy nhiên phủ chung thái tất phục, Liên triều tế sắc hoát âm mai.</i></p>	<p>Một trận gió lớn cuốn theo bụi đất/ Cát bay, đá lăn, tiếng ầm ầm như sấm/ Tất cả nhà dân và quan sảnh đều nghiêng đổ/ Kể cả chùa quán lẫn đình đài/ Gió bắc vừa ngừng, gió đông nổi lên/ Thủy triều dâng trào mở ra bề đông/ Cư dân ven biển bị thiệt hại nặng/ Phản nhiều chết đuối bị trôi thật đáng thương/ Dân ở nơi đây có tội tình gì/ Ai người thương xót vương bận trong lòng/ Tuy nhiên, qua cơn bão cực, trời lại sáng/ Sớm ra trời tạnh, bụi mù tan hết.</p>

<p><b>5. Sơ viên sừ sấp bá chư tiểu thái nhân đề</b> (<i>Bừa cỏ vườn gieo các loại rau, nhân làm một bài thơ</i>)</p> <p><i>Bán mẫu thôn cư tích, Tam khu khích địa phì. Thảo thái sừ thổ tịnh, Sơ thái mẫn viên thì. Đĩnh trực lang bài thụ, Già lan trúc sấp li. Nhân công sơ hạ nhật, Thiên trạch hảo thừa thì. Thông ngải tề trầu diệp, Vu biểu cạnh phát chi. Khai mao khan đại toán, Tích giáp kiến hồ tuy. Khởi thị niên cơ dụng, Phi ưu địa lợi di. Thử trung hoài lạc sự, Tùy tại kiến sinh cơ. Thực thái ninh chiêu quá, Đặng bàn chính sở nghi. Trị sinh quan phận sự, An ngộ thả thê trì. Tự hữu độc thư thú, Hà tầm đồng bất khuy.</i></p>	<p>Mảnh đất nửa mẫu ở nơi hẻo lánh của thôn, Bừa dọn sạch cỏ vườn rau. Rau xanh trồng khắp vườn, Cau trồng thành đứng thẳng. Hàng rào trồng thêm trúc, Người làm tranh thủ ngày rỗi việc. Ơn trời mưa đúng lúc, nhân đó mà trồng trọt, Hành cải đều đưa chen lá. Khoai bầu đều đâm nhanh, Mở lớp rạ xem củ tỏi to. Tách hạt thấy rau cải cúc, Há rằng chỉ để dùng trong năm đói. Mà không phải lo bỏ sót hoa lợi của đất, Trong đó còn mang niềm vui, Tùy chỗ mà thấy cái cơ của sự sống. Ăn rau lẽ nào không mời khách, Mưu sống liên quan đến phận sự của ta. Yên với cảnh ngộ hãy ở lại lâu, Lại tự có cái thú đọc sách. Việc gì phải thẹn thùng khi đích thân trông coi việc đồng áng/</p>
<p><b>6. Mộ hính (Buổi chiều hính làm thơ)</b> <i>Cực mục thu quynh tứ bất câm, Du du nhật mộ bích vân âm. Long giang thủy bắc thiên thôn ám, Di lạc sơn tây vạn thụ thâm. Cận áp tần tần văn phệ khuyển, Liêu thiên nhất nhất sở quy cầm, Đặng lâm dĩ thị tư thần phụ, Đặng đãi cao bằng tự hảo âm.</i></p>	<p>Mỏi mắt trông ra cánh đồng mùa thu nghĩ miên man/ Vời vợi chiều về đám mây biếc tối sẫm/ Sông Long giang chảy từ phương bắc, muôn xóm mờ mờ/ Núi Di Lạc nằm ở phía tây vạn thôn thăm thẳm/ Tiếng chó sủa làng bên chốc chốc vọng lại/ Bầu trời mênh mông, vài đàn chim nối nhau bay về tổ/ Đã hẹn “đặng cao” sớm nay lại phụ ước/ Đợi người bạn cao minh tới nối họa bài thơ hay/</p>
<p><b>7. Cư nhân giao điệt (Xem trò giao điệt)</b> <i>Sơ xuân lai nông sự,</i></p>	<p>Đầu xuân chưa có việc nông tang, Ở khắp làng quê mọi người vui chơi.</p>



<p><i>Lư lí khả hi du.</i>  <i>Nhật khai giao điệt trường,</i>  <i>Kích cổ tập dững phu.</i>  <i>Nhân nhân các sính lực,</i>  <i>Giốc nghệ vô thiếu hru.</i>  <i>Lõa y tự dững dực,</i>  <i>Giai thành tráng đại khu.</i>  <i>Vãng lai hà tiếp tạt,</i>  <i>Thắng phụ phân tu du.</i>  <i>Tuy vân sự du hí,</i>  <i>Vinh nhục giao tương thù.</i>  <i>Thị vị huyết khí dững,</i>  <i>Sở tranh quân tử vô.</i></p>	<p>Một ngày mở hội chơi trò “giao điệt”,  Đánh trống tập hợp các trai tráng khỏe mạnh.  Mọi người ai cũng thích khoe sức lực,  Ganh đua chẳng nghỉ ngơi.  Cởi trần tự chạy nhảy,  Tất cả thân thể đều tráng kiện.  Đi lại sao lại nhanh đến thế,  Thắng thua chỉ phân trong chốc lát.  Tuy nói việc du chơi,  Sự vinh nhục gây thù oán nhau.  Đó gọi là huyết khí của kẻ mạnh,  Người quân tử không tranh giành.</p>
<p><b>8. Khổ vũ (Mưa gió)</b>  <i>Hằng vũ lâm đông mạnh,</i>  <i>Điền gia động oán tư.</i>  <i>Nê đồ hành giác hoạt,</i>  <i>Hòa giá nạp do trì.</i>  <i>Hảo mộng tàn ca chắm,</i>  <i>U cư xác yểm phi,</i>  <i>Hà như văn tế sắc,</i>  <i>Quan giá hương đông truy.</i></p>	<p>Mưa gió thường tới vào tháng mạnh đông/  Nhà nông ai cũng oán thán/ Đường sá lầy lội  đi cảm thấy trơn/ Lúa má thu hoạch vẫn còn  chậm/ Trong mơ nhiều lần tiếng ca vọng tới  bên gối/ Nơi ở hẻo lánh thường khép cửa/  Sao bằng nghe tin sắc trời hừng/ Đi xem  trồng lúa ở mảnh ruộng mới vỡ phía đông.</p>
<p><b>9. Văn tình khẩu hào (Bài thơ chiều nắng)</b>  <i>Sổ nhật thiên âm vũ,</i>  <i>Tân tình ngẫu xuất môn.</i>  <i>Phong huy thiên thụ bá,</i>  <i>Vân hiệp vạn sơn bôn.</i>  <i>Mục địch văn thâm hạng,</i>  <i>Tiêu ca mẫn viễn thôn.</i>  <i>Du nhân vô biệt nhữ,</i>  <i>Do tự lập hoàng hôn.</i></p>	<p>Mấy ngày liền trời âm u, mưa giăng mắc/  Mới hửng lên ngẫu nhiên muốn ra ngoài  chơi/ Gió phát, nhìn cây nghiêng ngã lay/  Mây cấp vạn non vùn vụt chạy đi/ Tiếng sáo  mục đồng ngân trong ngõ thẳm/ Khúc hát  tiêu phu vang khắp thôn xa/ Du khách chẳng  có điều gì vương bận/ Đứng ngắm hoàng hôn  trong ánh chiều tà.</p>
<p><b>10. Lưu tức Diễn Châu thành (Nghỉ đêm ở thành Diễn Châu)</b>  <i>Ly gia tài nhất dạ,</i>  <i>Lưu tức Diễn Châu thành.</i>  <i>Tương khứ bất tương viễn.</i>  <i>Y y hoài thổ tình.</i></p>	<p>Xa nhà mới một đêm,  Nghỉ lại thành Diễn Châu.  Mới đi chưa xa mấy,  Mà nỗi nhớ quê triền miên.</p>

<p><b>11. Lãng Diên xã tân thứ (Đỗ thuyên tại xã Lãng Diên)</b>  <i>Lãng Diên giang thứ tận phù cư,          Bán thị thương nhân bán thị ngư.          Mạn ý sơn yêu vi bình chướng,          Biệt tòng thủy diện lập thôn khư.          Dạ thâm minh diệt thiên đặng lý,          Thu liệu phù trâm nhất liệu dư.          Nhất nhật đặng trình lai thử địa,          Quốc danh ngư lạc cánh hà như.</i></p>	<p>Bến sông Lãng Diên đa phần dân sống trên sông nước/ Một nửa là người chài lưới, nửa là người buôn bán/ Dựa hồ vào eo núi làm bức bình chắn/ Trên mặt nước, lập riêng một làng/ Ban đêm ngàn ngọn đèn lấp loáng/ Lúc nào cũng lênh đèn, không chi trong lũ mùa thu/ Theo lịch trình, một ngày tới đất ấy/ Đặt tên là “Ngư lạc” không biết có được không?</p>
<p><b>12. Quá Tào Xuyên tức cảnh chi tác (Làm thơ tức cảnh khi qua đất sông Tào)</b>  <i>Ngã lai thang mộc địa,          Nhất nhật quá Tào khê.          Thụ ngoại tình đề điểu,          Thôn tiền ngộ xướng kê.          Chiến tranh không thụ sách,          Cư chi bán uyên đề.          Vấn tục khâm tiền bối,          Thanh thiên kiến thủ đề.</i></p>	<p>Ta tới đất thang mộc,          Một hôm qua khe Tào.          Mưa tạnh, ngoài khóm cây tiếng chim hót,          Trước thôn gà gáy trưa.          Chiến tranh chi còn trở lại rào chắn,          Dân sống dọc theo ven đê.          Hỏi phong tục khâm phục bậc tiền bối,          Trong sử sách còn thấy bút tích đề.</p>
<p><b>13. Tàn đông khách ngụ thư hoài (Sắp hết đông ở nơi đất khách làm thư bày tỏ nỗi lòng)</b>  <i>Khách Thái thù hương áp,          Phùng đông cảm tuệ thần.          Giao nguyên thê nhật sắc,          Thảo thụ khiếp sương uy.          Ân oán tùy nhân ý,          Giao du phi cữu tri.          Du du hành văn luật,          Vũ thủy hữu dư tư.</i></p>	<p>Làm khách ở đất Thái Xá, không phải làng mình,          Gặp lúc mùa đông đến cảm xúc năm tháng sắp hết.          Đồng nội sắc trời thê lương,          Cây cỏ khiếp sương giá.          Chuyện ân oán tùy theo ý từng người,          Muốn giao tiếp chẳng có người quen biết cũ.          Vội vội nỗi lòng làm bài thơ chiều,          Nghĩ nhiều về con sông Vũ.</p>
<p><b>14. Đông thập nhị nguyệt đốc gia nô thực mạch (Tháng 12, mùa đông, đốc thúc gia nhân trong nhà trồng lúa)</b>  <i>Gia hữu hiền thê nhiệm khổ tân,          Thung dung tự ngã tín nhàn thân.          Tâm thường nhật dụng vô đa lự,</i></p>	<p>Nhà có vợ hiền, gánh vác việc nặng nhọc/          Minh ta ung dung, tấm thân thật nhàn nhã/ Vật dụng trong nhà thường ngày chẳng phải lo lắng nhiều/ Ruộng đồng cây cày vát vả, bắt tất phải tự làm/ Bổng chốc phải chia lia, khiến lòng ta buồn khổ/ Việc cày cấy từ này</p>

<p><i>Gian khổ điền công bất tất thân. Cao lí vô đoan thành cảm khái, Mạch huê tầng thử đồng canh vân. Khả lân thủ nghiên thân lỗi tử, Bất cập phu canh phụ diệp nhân.</i></p>	<p>phải trông nom/ Thương thay chỉ quen tay nghiên bút, phải đích thân cầm cày bừa/ Lại chẳng bằng được người chồng đi cày, vợ mang cơm.</p>
<p><b>15. Vãn vọng (Ngắm buổi chiều)</b> <i>Hạ sơ khí hậu dị xuân ôn, Hữu khách thừa lương vãn ý môn. Hồng nhật dư quan đê viễn chướng, Xích hà tán ảnh xạ thiên thôn. Thử hồi vọng nhân phiến thành tường, Kỷ hứa sàu trường tại bất ngôn. Độc thị ưu du quan vật tính, Thiên biên sở điệu chính phi phiên.</i></p>	<p>Đầu hè khí hậu khác hẳn với mùa xuân ấm áp/ Có người khách chiều tà tựa cửa hóng mát/ Ánh mặt trời còn sót lại chiếu lên rặng núi xa xa/ Ráng chiều đỏ tản bóng chiều xuống ngàn làng/ Lúc này xa ngắm lại thấy thương nhớ/ Bao nỗi đau lòng chẳng nói nên lời/ Riêng chỉ muốn du chơi ngắm nhìn muôn vật/ Bên trời vài cánh chim bay lượn.</p>
<p><b>16. Trung thu</b> <i>Nguyệt đảo tam thu bạch, Phong lai bán dạ thanh. Chiếu hoài đồng thượng hướng, Xuy diện liễu biên sinh. Hà Hán bất cải sắc, Giang sơn vô hạn tình, Bất hiềm châu lộ thấp, Độc tọa đảo thiên minh.</i></p>	<p>Vào thu trăng sáng tỏ, Gió mát lúc đêm khuya. Trăng trên cây ngô đồng chiếu vào lòng, Gió bên rặng liễu thổi vờn mặt. Sắc màu trên sông Ngân Hà chẳng thay đổi, Tình cảm với non sông là vô hạn. Chẳng kể gì giọt sương ướt át, Một mình ngồi đến sáng bình minh.</p>

### X. Đặng Huy Trứ

<p><b>1. Kiến lão ông dài than (Thấy ông lão vác than)</b> <i>Bạch phát cân trung mẫn, Kim ô bối thượng huyền. Chỉ duyên sinh kế cấp, Cần khổ bất tri niên.</i></p>	<p>Tóc trắng đầy trong khăn, Vàng đen đê trĩu lưng. Chỉ vì sinh kế quẫn, Nhọc nhằn quên tháng năm.</p>
<p><b>2. Điền xá thân quang (Ánh ban mai trên đồng)</b> <i>Nhật nhật sinh nhai kế tại dân, Đang nhân tảo thực điểm canh thân. Phải nhiên nông sự đa mang hậu, Cấp thử triêu dương vi xuất thân. Ảnh lực canh phu tương nhân diện, Bàn tung bạch xán chính niêm thân.</i></p>	<p>Việc làm ăn hàng ngày tính từ giờ dần, Lên đèn lúc tờ mờ sáng để ăn. Việc nông lại vào lúc bận nhất, Phải ra đồng cho kịp lúc mặt trời mọc. Thợ cày nhận nhau qua bóng, Hạt cơm trắng vừa ăn còn dính trên môi. Điềm vui là lúa sai bông,</p>

<p><i>Hào chiêm báo hi hoa liên đóa, Tranh thuyết kim niên thủ bách huân.</i></p>	<p>Cùng kháo nhau năm nay sẽ thu trăm cót thóc.</p>
<p><b>3. Tình thiên thái hiện (Trời tạnh mò hén)</b>  <i>Cùng lu hạ mộ cấp mưu sinh,      Thái hiện thiên nghi hạ nhật tình.      Nhân lữ ngư hà thường xuất một,      Vật đồng bạng cấp nhất hư doanh.      Nê sa mạc quán cầu đa đắc,      Lê hoắc tương tu hợp hữu tình.      Vi luận xác hôi tư thể dụng,      Nhõn tiền cô thí nhất bôi canh.</i></p>	<p>Dân cùng nhà khó hồi há kiếm ăn,      Đi mò hén trông vào ngày hè tạnh ráo.      Người cùng tôm cá khi lặn khi nổi,      Vật với trai sò lúc đầy lúc vơi.      Quản gì bùn hay cát lấm láp,      Miễn là được một mẻ trai đầy.      Cùng rau dưa thành món ăn thú vị.      Chưa kể vò nung lên làm nhiều việc cho đời,      Trước mắt hãy làm một bát canh đã.</p>
<p><b>4. Lão ông biên trúc (Ông già đan đồ tre)</b>  <i>Nhân gia nhật dụng ái viên hoàng,      Dã tẩu sinh nhai thử nhất phương.      Tập vĩ xuyên kinh tâm tượng xảo,      Công kiên như khúc cốt cân cương.      Vũ phong tường bích kham già tế,      Thúc tức sự cơ lợi bá dương.      Cánh hữu đề khuông ân ký chúc,      “Tâm miên sơ khởi, nữ công mang”.</i></p>	<p>Vật dụng trong nhà thích nhất là đồ tre/      Ông lão quê lấy nghề này làm sinh kế/      Nan nào đan dọc ken ngang trí nghĩ ra thật      giỏi/ Nắn cứng uốn cong gân cốt thật là      khôe/ Có tấm phen bức vách che gió chắn      mưa/ Có sàng có nia để sàng sảy thóc gạo/      Lại một o đeo giỏ đến thiết tha nhắc/ “Tâm      nhà cháu mới dậy, bận túi bụi”.</p>
<p><b>5. Cấp tuyền quán thái (Mức nước tưới rau)</b>  <i>Lão phổ xuân dung thái nhất viên,      Tư gia lão quán mạc hiềm phiền.      Thần hôn mi giải tâm kiêm lực,      Vũ lộ quân chiêm diệp đảo căn.      Trúc hữu tương lân hoa tác bạn,      Lô nhi tiệm trưởng giới sinh tôn.      Tha thần hạnh bất di phong phi,      Khuông phủ tài kham đáp chủ ân.</i></p>	<p>Ông lão với mảnh vườn trồng rau xuân,      Tự xách nước chẳng hề mệt nhọc.      Sớm chiều để cả tâm trí sức lực vào,      Thay mưa móc thấm nhuần từ lá đến rễ.      Trúc là láng giềng hoa là bạn,      Mầm lau lớn dần thì cải cũng sinh con cháu.      Mai ngày khi hái mong không bỏ sót cọng,      Đầy rổ đầy nôi mới đáp đền được ơn chủ.</p>
<p><b>6. Canh phu giáo độ (Thợ cày vực nghé)</b>  <i>Đồng cốc tiên nghiêm thượng vị thuận,      Giáo tha ninh yếm ngẫu canh tần.      Lão ngưu kiện tự tương lang bối,      Đoãn dẫn trường tiên biến thấp chân.      Bộc bối đốn vong nông sự khổ,      Huy quăng tới hi tính linh tuần.</i></p>	<p>Nghé sừng mới nhú từ chuồng ra, bị buộc      ách vào nên chưa quen/ Trâu già, nghé khỏe      cùng nương tựa vào nhau/ Chiếc thùng      ngắn, chiếc roi dài trong tay dẫn đi khắp      chân ruộng lầy/ Phanh trần lưng ra là quên      ngay cái khổ của công việc nhà nông/ Vung      cánh tay lên, mừng nhất là tính trâu khôn và</p>

<p><i>Bỉ cương thử đại vô nhân nhật, Phì nộn tòng kim chính cập thân.</i></p>	<p>lành/ Con này năm nghỉ, con khác thay luôn, không để một ngày nào rồi/ Xong việc, nay chính là lúc phải kịp vỗ cho béo.</p>
<p><b>7. Tang phụ tự tằm (Người đàn bà chăn tằm)</b> <i>Tằm phát phân mang kế tại y, Mỗi tòng tự dưỡng thận vi cơ. Nhất khuông, nhất bạc thân kiêm lí, Tam khởi, tam miên hậu bất vi. Ti vị li bồn tiên vấn giá, Dũng tài xuất kiến tạm sung ky. Nhược phi tang phụ tân cần thậm, Năng bạch hà do thượng đắc ky.</i></p>	<p>Công việc trông buồng tằm bận rộn là để lo toan việc áo quần/ Mỗi lần cho tằm ăn, người phụ nữ phải rất thận trọng, tỉ mỉ/ Một giỏ, một nong đều đích thân phải làm cả/ Ba thức ba ngủ cùng với nong tằm không làm gì khác được/ (Vắt vả là thế) nhưng khi tơ chưa ra khỏi nôi đã phải tắt tả chạy đi hỏi giá/ Nhộng vừa ra khỏi kén, tạm dừng khi thiếu thức ăn/ Không có sự cần cù vắt vả của người chăn tằm thì lụa làm sao lên khung được.</p>
<p><b>8. Lạo tiết công ngư (Mùa lụt đánh cá)</b> <i>Tiết giới thu đông vũ lạo thân, Ngư tòng nhập xứ tận ngư nhân. Thâm uyên kết vông lai ngân khoái, Bình địa sinh ba được cảm lân. Hà lý, giang lư ưng bắt lậu, Điền kê, thủy thiện diệc kham trân. Diêm mai tạm thí điều canh thú, Phủ dục thê nhi, ngưỡng sự thân.</i></p>	<p>Tiết thu đông gặp lúc mưa lụt, Cá vào khắp nơi, ai cũng thành ngư dân cả. Nơi vực sâu, chăng lưới cá bạc tới, Nơi nước lặng thì làm sóng nổi lên, cá nhảy vảy như gấm/ Cá chép, cá mè ở sông, ở ngòi, đừng để sót/ Éch, lươn cũng là thứ quý/ Nhờ bàn tay khéo pha chế, nấu với mơ muối/ Dưới thì nuôi vợ con, trên thì thờ phụng cha mẹ.</p>
<p><b>9. Hiền sĩ khai lâm (Làng hiền sĩ mở rừng)</b> <i>Hiền sĩ sơn cư kế tại xuân, Khai lâm cập thử tuế hoa tân. Minh la chấp nhuệ phù gia lão, Phì phệ hương giao báỉ thổ thân. Kỳ phúc tảo tri tân thán lợi, Nhuong tai bắt phạ hổ lang sân. Nhân yên trừ mật xung tư áp, Duy hữu tiêu kha tự tại thân.</i></p>	<p>Kể sinh nhai làng hiền sĩ ở miền núi trông vào mùa xuân/ Mở rừng đúng vào đầu năm mới/ Chiêng khua, xiên nhọn theo chân các cụ già/ Lợn béo, rượu thơm đem cúng thần/ Cầu phúc xin sớm có nguồn lợi về than củi/ Khẩn xin tránh tai ương, không lo hổ giặc giữ/ Khen cho làng này, người đông đúc/ Là chỉ nhờ vào chiếc rìu luôn giắt bên mình</p>
<p><b>10. Dư đài trợ táng (Khiêng đòn giúp đám tang)</b> <i>Hồ thổ chun tình thuộc tỉnh lư, Tổ duy đan triệu tống quy cư.</i></p>	<p>Tình đồng loại, nghĩa xóm làng/ Mản trắng, phướn đỏ tiễn đưa về nơi yên nghỉ cuối cùng/ Bước đi đã thành quy củ, bước cùng bước, dừng cùng dừng/ Đường bằng phẳng</p>

<p><i>Nhân giai bộ lý thành quy củ, Địa hữu bình pha thất yển trư. Sĩ bất hàm mai quân lệnh tức, Táng năng tận lễ tử tâm thư. Lân hương tiếp nhượng quan như đở, Đệ nhất âm công cánh nhượng cừ.</i></p>	<p>hay mấp mô cũng tránh những vũng nước/ Không ngậm tằm mà im phăng phắc như có quân lệnh rất nghiêm/ Việc chôn cất vẹn tròn theo đúng lễ nghĩa, con cái thư thái trong lòng/ Làng bên, xóm giềng đến xem đông nghịt/ Công của người khiêng đòn là nhất, há chịu nhượng ai.</p>
<p><b>11. Tế táo hoang phần (Tảo mộ hoang)</b> <i>Vô nhân tỉnh thị trửn thành hoang, Tế, táo tông lai tuế sự thường. Thảo mộc sam trửn triêu hạ sáp, Sinh tư điệ hiển văn thiêu hương. Đồng tâm tổng thị liên khô cốt, Dị báo nguyên phi vọng ê tang. Địa hạ trần nhân tăng thức phú, Sinh tiền tổ phụ diệc lân tường.</i></p>	<p>Không người thăm viếng, thành ra mộ hoang/ Từ nay phải cúng tế, quét dọn như thường lệ/ Buổi sáng vác cuốc ra giẫy sạch cỏ/ Buổi chiều biện cỗ xôi, miếng thịt, đốt nén hương lên/ Một lòng chỉ thương năm xương khô chứ đâu mong sự đền đáp/ Ai nằm dưới mộ có biết chăng? Sinh thời, ông cha ta cũng là hàng xóm với nhau.</p>
<p><b>12. Nguyệt khuy thung thương (Trăng nhòm cảnh già gạo)</b> <i>Nhật sự điề tang, dạ bạn thung, Ca thanh cao xứ nguyệt quang dung. Lưu oanh đích lịch gia gia đối, Cổ thổ bồi hồi viễn viễn phong. Chữ cữu giao tình ưng mạc luận, Vũ nghệ thanh hứng tận kham cung. Cộng ngôn bách lý trường vô dạng, Cường kiện, tiên nga cánh hảo phùng.</i></p>	<p>Ngày lo cày ruộng, chăn tằm, đêm đến vây quanh cối gạo/ Tiếng hò vút lên cao hòa với ánh trăng/ Chày khoa vang vọng mọi nhà, thánh thót như tiếng oanh/ Trăng ngập ngừng trên núi như còn muốn quay lại/ Bàn chi đến cuộc giao duyên bên cối giã/ Hãy nghe khúc “Nghê thường” thanh nhã âm hưởng biết bao!/ Điều nói, đường xa trăm dặm có ngại gì/ Chỉ mong khỏe mạnh để gặp lại những tiên nga.</p>
<p><b>13. Trừ tịch thượng tiêu (Đêm ba mươi trông cây nêu)</b> <i>Tịch ác, nghênh hoan thử nhất tiêu, Gia gia tề thượng trúc vi tiêu. Thời cùng, quân tử tâm do trực, Lạp tận, ma vương thủ dĩ kiêu. Lược thực quý tương qua thất nhật, Bái niên nhân cộng khánh tam triêu. Tương duyên quốc tục do lai cừ, Vị tất can đầu tức thắng yêu.</i></p>	<p>Trừ điều ác, đón niềm vui cùng một đêm nay/ Nhà nào nhà nấy đều dựng cây tre lên làm cây nêu/ Lúc cùng, người quân tử lòng vẫn thẳng/ Cuối chạp ma vương tất bị bêu đầu/ Bảy ngày tới, bảy quỷ tha hồ cướp mà ăn/ Người thì chỉ chúc tết nhau ba ngày thôi/ Phong tục nước ta truyền lại từ xưa như thế/ Chứ một cây sào vị tất thắng nổi lũ yêu ma/</p>

<p><b>14. Thu đại thủy (Lụt mùa thu)</b>  <i>Điều đình triều xuyên Chiêu Bạch kiều,  Hành chu mộc bạc Yên Sơn yêu.  Điền mê giới hạn nan tâm kệ,  Lộ thất tiền trình tạm phóng tiêu.  Đình dẫn ngư hà thành tiểu hác,  Đê nhân lậu nghị quyết tu điều.  Vi dân phụ mẫu hà như giả?  Khúc học Công Tôn, khước ủy Nghiêu.</i></p>	<p>Sáng đi thuyền câu xuyên qua cầu Chiêu Bạch/ Chiều đáp thuyền khách đậu bên núi Yên/ Ruộng không còn trông thấy bờ, khó tìm ra mớ/ Đường ngập cả lối đi phải cắm cây làm dấu/ Sân thành ao nhỏ, tôm cá kéo đến/ Đê do mối đục, vỡ một đoạn dài/ Làm cha mẹ dân, phải thế nào đây?! Theo tà đạo của Công Tôn và bỏ đạo Nghiêu ư?</p>
<p><b>15. Đồi phạt (Trước bát cơm)</b>  <i>Đề mẽ vi khu khởi thảo lai,  Thánh quân bất khí đầu sao tài.  Kinh sừ mạc nại phong sương khổ,  Học thực nguyên vô thủy hạn tai.  Tự thị cao chi sung nhĩ bổng,  Thùy tương khẩu phúc phí dân tài.  Canh phu diệp phụ tương đề tỉnh,  Thường tận toan tân thủy đắc lai.</i></p>	<p>Thân ta hèn mọn như hạt cỏ dại mọc từ chỗ đồng hoang/ Nhưng bậc thánh quân thì không vứt bỏ cái tài kém cỏi nhỏ mọn/ Cày trên sách vở, chẳng phải chịu cái khổ của gió sương/ Trông trượt bằng việc học không hề biết đến hạn hán, thủy tai/ Thế mà lấy mồ hôi, nước mắt của người làm bổng lộc cho mình/ Lẽ nào vì cái lỗ miệng, cái bụng của mình làm uổng phí của cải của dân sao?! Người thợ cày, chị thợ cấy luôn nhắc nhở: Ném bao đặng cay mới có bát cơm này.</p>
<p><b>16. Quan giá (Thăm lúa)</b>  <i>Tảo phóng thu điền bộ thảo lai,  Hương thôn truyền đạo sứ quân lai.  Nông nhân khoản khúc tranh tiên đạo,  Dã lão tân phân hỷ hậu bồi.  Phủ tự vô năng tầm phụ mẫu,  Hoan nghênh đảo xứ hữu anh hài.  Giao nguyên nhất vọng giai thanh tú,  Lạo tận hòa hưng bất thậm lai.</i></p>	<p>Từ sáng sớm lội qua những bãi cỏ hoang đến thăm đồng vụ thu/ Thôn xóm khát nhau là có quan trên về/ Dân cày khẩn khoản tranh nhau dẫn lối/ Bô lão thì mừng rồi rít đi theo sau/ Không có tài chặn dân, nghĩ thẹn cho chức phận làm “cha mẹ” dân/ Khắp nơi con trẻ đều vui mừng reo đón/ Nhìn ra cánh đồng lúa đều xanh tốt/ Sau trận lụt, lúa lại bứng lên, không tai hại gì lắm.</p>
<p><b>17. Dã hứng (Cảm hứng nơi thôn dã)</b>  <i>Nhàn lai túng bộ Mã giang lân,  Bích thủy thanh sơn như cổ nhân.  Lạo hậu đàm hoa lãng ảnh động,  Vũ dư lam sắc họa đồ tân,  Nhai đàm hạng thuyết tri phong tục,  Mục xướng tiều ca tẩy thổ trần,</i></p>	<p>Được lúc thư nhàn, tạm thả gót dạo chơi trên bờ sông Mã/ Non xanh nước biếc như người bạn cũ/ Sau cơn lụt, bóng hoa ấu trong đầm lay động/ Mưa tan, sắc núi như bức tranh mới mẻ/ Câu chuyện, lời bàn trên đường, trong ngõ xóm cho biết phong tục của dân/ Tiếng hát của chú mục đồng và bác</p>

<i>Huống thị điền viên thanh nhất sắc, Thu trung biệt chiêm thập phần xuân.</i>	tiêu phu rửa sạch bụi trần/ Huống chi ruộng vườn lại xanh một màu/ Trong mùa thu mà vẻ xuân như đã chiêm mười phần rồi.
<b>18. Ngư chu mộ hỏa (Lửa chài trong đêm)</b> <i>Nhất đĩnh sinh nhai đông phục tây, Giang thôn xír xír mộ nhiên tê. Dịch lô tùng tạp hồn vô dạ, Võng cổ tân phân tự bất mê. Tinh tú trảm phù ba thượng hạ, Ngư hà xuất một ảnh cao đề. Hung trung băng thán hà do đảo, Độc bả thanh quang đối lộ ê.</i>	Một chiếc thuyền để sinh sống hết đi về đông lại về tây/ Xóm chài trên sông về đêm đâu cũng đốt lửa/ Giữa lau sậy rậm rạp thấy như không có đêm/ Lưới vó dằng dịt mà không lẫn lộn/ Sao trời chìm nổi theo sóng duyềnh lên hay hạ xuống/ Tôm cá nhảy, lặn, bóng lúc cao lúc thấp/ Những rôi ren trong cuộc thế đâu có đến trong lòng/ Chi mang ánh sáng trong xanh nhìn đám cò, đám vạc.
<b>19. Phong tổng trạo ca (Gió đưa tiếng hò chèo đò)</b> <i>Bồ nguyên, Đỉnh độ khứ lai trình, Phong dẫn cao ca tổng trạo hành. Khoản nãi nhất thanh như hữu ước, Phong gia thập bát tự đa tình. Thiên chung hồ đáp xao tân nguyệt, Mục địch tương yêu lộng vãn tình. Giác đắc giang hồ nhiều lạc thú, Thừa sà hà tất phỏng Quân Bình.</i>	Trên nguồn sông Bồ, bến Đỉnh, con đò qua lại đưa khách sang sông/ Giọng hò vút lên, gió đưa theo mái chèo/ Một tiếng hò khoan nghe như lời ước hẹn/ Mà gì gió xem ra cũng là giống đa tình/ Đây đó, chuông chùa vang vọng làm rung động mảnh trăng non/ Sáo mục đồng véo von như trêu ghẹo ánh chiều/ Thì ra, trên sông nước cũng có nhiều thú vui/ Hà tất phải cưỡi bè ản dật theo ông Quân Bình.
<b>20. Cự phong (Bão lớn)</b> <i>Thiên công thái tạt thử phương dân, Bạt ngược tài thư cự mẫu sân. Nộ khí chiết dương tây hựu bắc, Bi thanh bành báis tuất nhi dần. Khủng ư ấu chủ nghi công nhật, Mê tự Đô quân nạp lộc thần. Khởi thị sơn hà tiêu tụy thậm, Cánh đa quai dị độc phong trần.</i>	Trời xanh sao lại quá ghét dân cày/ Hận vừa thư thì báo tố lại gằm thét/ Nộ khí bật lên, dập xuống hết phía Tây lại đến phía Bắc/ Bi thanh lan tràn từ giờ tuất đến giờ dần/ Nỗi sợ như ngày ấu chúa bị nạn e khó cứu nổi/ Lòng rói bời như lúc ông Thuấn vào trong rừng rậm rạp giữa đêm mưa gió/ Trông ra, ôi non sông sao tiêu tụy quá vậy! Bao điều bất hạnh ập đến nền xã tắc.

**XI. Nguyễn Khuyến****\* Thơ chữ Hán**

<b>1. Bồ Vệ kiều hoài cổ (Trên cầu Bồ Vệ, nhớ chuyện xưa)</b> <i>Thư hương thủy thạch lâm tuyền địa,</i>	Làng này là đất có đủ suối rừng, non nước/ Chính là chốn mũ áo, lễ nhạc của triều trước/ Ruộng bờ nay không bóng người chỉ
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



<p><i>Tiền đại u quan lễ nhạc đình.  Đông đánh vô nhân mi lộc ngọc,  Nguyên điền hữu vũ thủ miêu thanh.  Bá vương hưng phế đấng nhân sự,  Kim cổ vãng lai nhân thế tình.  Trù trưởng kiêu đầu tảo diệu vọng,  Vân yên thụ tế nhất cảm thanh.</i></p>	<p>có hươu nai nằm/ Đồng ruộng được mưa,  lúa mạ đều xanh tốt/ Sự nghiệp bá vương  thịnh rồi suy, là chuyện gác ngoài tai/ Xưa  nay qua lại là tình người đời/ Đứng đầu cầu  nhìn ra xa, lòng buồn man mác/ Trong đám  cây lẫn mây mù, vắng một tiếng chim kêu/</p>
<p><b>2. Bùi viên cựu trạch ca (Bài ca nhà cũ ở  xứ vườn Bùi)</b>  <i>Bùi Viên ngô cựu trạch ,  Tứ thập niên kim nhật phú quy lai.  Tùng tùng, cúc cúc, mai mai,  Phiêu nhiên hữu khâu, hác, lâm, tuyền chi dật  thú.  Bành Trạch tế cảm ngâm cựu cú,  Ôn công tôn tửu lạc dư xuân .  Đông phong hồi thủ lệ triêm cân,  Điều mang tế, thương hải tang điền kinh kỷ độ.  Quân mạc thán Lỗ hầu chi bất ngộ,  Bằng tăng bạch phát phục hà vi.  Qui khứ lai hề, hồ bất quy?</i></p>	<p>Vườn Bùi, nơi nhà cũ của ta,  Đã bốn mươi năm, nay mới lại trở về .  Này tùng, này cúc, này mai,  Phơi phới, có cái dật thú núi, khe, rừng, suối.  Bành Trạch gầy đàn không dây, ngâm câu  thơ cũ,  Ôn Công nâng chén rượu vui với tuổi xuân thừa.  Ngoảnh đầu nhìn ngọn gió đông, giọt lệ  đầm khăn,  Trong khoảng mênh mông, trải bao cuộc  nương dâu, bãi bể.  Người đừng than không gặp được Lỗ hầu,  Tóc bạc bù xù còn biết làm gì.  Đi về đi thôi, sao không về đi?</p>
<p><b>3. Mạn hứng</b>  <i>Đô môn nhất xuất tại quy điền,  Bản bệnh niên lai độc tự liên.  Song nhật ám di hồng ảnh cận,  Trúc phong bất nhượng bạch đầu tiên.  Bố wơn nô lão tri hòa cước,  Địch cốc nhân hồi dẫn đầu niên.  Thừa hứng chỉ duy tôn tửu thích,  Nam sơn bằng diếu chính du nhiên.</i></p>	<p>Ra khỏi cửa kinh đô liền trở về đồng ruộng/  Lâu nay riêng tự thương mình đã ốm, lại  nghèo/ Trước cửa sổ, mặt trời lặng lẽ đưa  bóng nắng lại gần/ Trên ngọn tre, làn gió  không nhường cho đầu bạc trước/ Người lão  nông gieo mạ hiểu biết chân ruộng tốt xấu/  Kẻ đơng thóc về kẻ tuổi đầu nhiều ít/ Lúc  hứng chỉ có chén rượu là thích thú/ Lòng  phơi phới ngòi nhìn núi Nam sơn.</p>
<p><b>4. Bài muện I</b>  <i>Nam sơn viễn viễn hiểu lời mình,  Tự hướng nhân gian tố bất bình.  Nhất xuất điện quang thiên hữu thuấn,  Tài qua phong tín trúc vô thanh.  Bộn gian thử tổ sân nùng đạm,</i></p>	<p>Ở mạn núi Nam sơn, xa xa có tiếng sấm ra buổi  sớm/ Tựa hồ như hướng về nhân gian, tố cáo nỗi  bất bình/ Điện lóe ra một tia sáng, tưởng như trời  chớp mắt/ Con gió qua rồi, tre lại im lặng không  có tiếng nữa/ Trong chậu, ông chuột kêu ca thức  ăn mặn nhạt/ Ngoài nội, anh chàng cưu ghen với</p>

<p><i>Dã ngoại cưu phu đố vũ tình. Trì tửu cách ly đối lân tâu, Hà phương sách sách thoại tang canh.</i></p>	<p>nắng mưa/ O bên này giậu cầm chén mời ông già hàng xóm/ Nói chuyện tràn về trồng dâu cấy lúa, thế mà lại hay.</p>
<p><b>5. Xuân nhật hữu cảm (Cảm nghĩ ngày xuân)</b> <i>Xuân phong, xuân vũ, nhất sơn cô, Trù trưởng kim ngô phi cố ngô. Hàm tị hữu thư, hà đốt đốt, Tửu tuy vô phẫu diệc ô ô. Động dao bạch ngân, nha tương lạc, Tữ tước hoàng ngư, nhục vị thù. Tạc nhật văn la phù trượng khởi, Tiền cảm dĩ dĩ áp nhân khu.</i></p>	<p>Ngày xuân mưa gió, một ngọn núi vẫn đứng chờ vợ/ Ngao ngán cho ta ngày nay không như ta ngày trước/ Phong bì có thư cẩn thận rồi, chi phải viết chữ “đốt đốt”/ Rượu không có hũ gỗ, cũng cứ hát “ô ô”/ Trên lợi, những chiếc răng lung lay sắp rụng/ Miếng thịt bò còn nhai được, chưa thấy gì khác/ Hôm nọ nghe cồng làng, cũng vác gậy đứng dậy/ Cùng người trong làng đi khua chim/</p>
<p><b>6. Hạ nhật ngẫu thành I (Ngày hè, ngẫu thành I)</b> <i>Dư qui ngũ lục tái, Sở cư thất gian đường. Tây nam trì thủy thanh, Phủ kiến ngư dương dương. Đông Bắc ly trúc đa, Sơn khai thần khí lương. Phù cùng tứ xuất nhập, Bằng ki tùy đề ngang. Thừa hứng triếp tưng ẩm, Nhất ẩm lũy thập trường. Thản thử tân cốc cam, Kiêm chi viên thái hương. Mệnh nhi thủ thư độc, Du du tư Toại - Hoàng.</i></p>	<p>Ta về nghỉ đã năm sáu năm, Nơi ở có ngôi nhà bảy gian. Phía tây nam có ao nước trong, Cúi nhìn đàn cá bơi lội thung thăng. Phía đông bắc có bờ tre rậm, Mở cửa sổ ra khí giới buổi sáng mát mẻ. Chống gậy tha hồ đi ra đi vào, Tựa ghế ngồi muốn thấp muốn cao tùy ý. Cao hứng lên rót rượu uống tràn, Mỗi lần uống hàng mấy chục chén. Phương chi gạo mới ngon cơm, Lại thêm rau vườn thơm thơm. Sai con lấy sách ra đọc, Xa xôi nghĩ đến đời Toại Nhân, Hoàng Đế.</p>
<p><b>7. Nhâm Dần hạ nhật (Mùa hè năm Nhâm Dần)</b> <i>Kim hạ khổ thái nhiệt, Thảo khô trạch diệc kiệt. Ích chi dĩ tây phong, Hà vật bất mỹ diệt. Thản dư bệnh thả bản,</i></p>	<p>Mùa hè này khổ vì nóng nực quá, Cỏ khô, ao đầm cũng cạn. Hơn nữa lại có gió tây, Vật gì mà chẳng tàn tạ. Huống chi ta đã ốm lại nghèo, Tuổi tác đã gần kề miệng lỗ. Giếng không phải không có nước trong,</p>

<p><i>Hành niên cận khâu huyết. Tĩnh phi vô thanh tuyền, Âm chi đồ hãn huyết. Phạn phi vô canh hoà, Thực chi bất khả yết. Khoả trình như bất cung, Cô lập nhược khổ tiết. Ta thử bách ly phùng, Hồ vi hựu thiết thiết.</i></p>	<p>Nhưng uống vào chỉ thêm vã mồ hôi. Cơm không phải không có canh chan, Nhưng ăn vào không thể nuốt trôi được. Cởi trần ra thì tưởng như người khiếm nhã, Đứng một mình thì như người giữ khổ tiết. Than ôi! đã gặp phải lúc rắc rối trăm chiều, Sao lại còn khe khát với nhau thế này nữa!</p>
<p><b>8. Thu vũ (Mưa thu)</b> <i>Bán yếm sài phi tọa vãn thu, Phong phong vũ vũ sử nhân sâu. Tần châm cự ứng dao tương tận, Mỗi khùng đề điền cốc bất thu. Tham thụ bất tri hề tử tức, Ái sơ đa vị sắt bồn đầu. Tiền trình thán tức đồ nê thậm, Nễ kính u hoàng hệ điều chu.</i></p>	<p>Cuối thu, ngồi bên cửa sài hé mở/ Gió gió, mưa mưa làm dạ thêm sầu/ Rượu ngon trong vò cũ, rót mãi đã cạn/ Lúa cấy ở ruộng thấp, sợ lại mất không/ Ngủ say đến nỗi chuột nhắt gặm chân mà không biết/ Thích chải lược chỉ vì đầu lấm chấy bò/ Than thở vì con đường phía trước quá bùn lầy/ Chỉ còn biết buộc thuyền câu vào bụi tre trong ngõ tối.</p>
<p><b>9. Vịnh An Lão sơn (Vịnh núi An Lão)</b> <i>Phiêu diêu hồng đào vạn khoảnh gian, Y y phàm thế thương thanh sơn. Quyền a hữu thị nhân thanh oán, Cổ tự vô tăng thảo sắc nhân. Thụ ẩm khe đầu ngư độc ngọa, Vân thâm nhật mộ điều tri hoàn. Đề thi chí khủng vô giai cú, Độc lập sơn đầu thạch vị san.</i></p>	<p>Trong muôn lớp sóng hồng đào dạt/ Cánh buồm phấp phồng hướng lên núi xanh/ Góc núi họp chợ, tiếng người huyên náo/ Chùa cổ không sư, cỏ cây vắng lặng/ Dưới bóng cây đầu khe, con trâu nằm một mình/ Từ trong đám mây thăm thăm buổi chiều, chim trở về tổ/ Muốn đề thơ, chỉ sợ chưa có câu hay/ Tầng đá chơ vơ đầu non vẫn chưa đẽo phẳng.</p>
<p><b>10. Ưc Long Đới sơn II (Nhớ núi Long Đới II)</b> <i>Cận lai suy bệnh bất tham thiền, Hồi ức tiền du tiệc sáng nhiên. Cổ tự tứ lân duy mộc thạch, Hàn tăng nhất tháp cộng vân yên. Kỷ tầng trúc ảnh nghi vô lộ, Hữu khách tang gian lập đãi thuyền. Dã lão vị tri chung hưởng ngộ, Phóng ngư sơn lộc ngộ tùng miên.</i></p>	<p>Gần đây đau yếu không lên thăm cảnh chùa/ Nhớ cuộc đi chơi trước lòng lại bụi ngùi/ Chùa cổ bốn bên chỉ có đá và cây/ Sư nghèo một giường lẫn cùng mây với khói/ Bóng trúc dày mấy tầng, tưởng như không có lối đi/ Ở giữa bãi dâu, có khách đang đứng chờ thuyền/ Ông già quê chưa biết chuông ngộ đã khua/ Còn thả trâu chân núi, nằm ngủ dưới cây thông.</p>

<p><b>11. Xuân nhật I (Ngày xuân I)</b>  <i>Sương khí mông lung mẫn địa phi,  Thần quang phiêu hốt hận hy vi.  Viên kim quất hạch do tàng giáp,  Bồn thủy tiên hoa vị giải y.  Hiểu trích u hoàng như tự khắp,  Dạ minh độc hạch tự an quy.  Uý hàn lãn dục thôi y khởi,  Môn ngoại thường khai khách diệc hy.</i></p>	<p>Là là mặt đất lớp sương sa,  Ánh sáng ban mai vẫn mập mờ.  Hạt quất ngoài vườn chờ nứt vỏ,  Giò tiên trong chậu chứa bung hoa.  Đầm đĩa lệ sớm cành tre rủ,  Lạc lũng canh khuya tiếng hạch qua.  Âm chỗ chẳng buồn tung áo dây,  Cửa ngoài vẫn mở, khách chùng thưa.  (Nguyễn Văn Tú dịch)</p>
<p><b>12. Xuân nhật II (Ngày xuân II)</b>  <i>Ly trúc hoành tà bán vũ âm,  Đằng sàng tỷ ỷ toạ xuân thâm.  Lân đồng thân khởi độc tam tự,  Phi điều ngẫu qua di nhất âm.  Thi đảo cùng thời vô tục cốt,  Sự nhân tuý hậu hữu hùng tâm.  Lão hưu mạc hận tân bằng thiếu,  Bành Trạch tương tri chỉ tổ cầm.</i></p>	<p>Tre giầu ngả chênh chênh, trời nửa mưa nửa  u ám/ Trước cảnh xuân, ngồi kê cà trên  chiếc giường mây/ Trẻ con hàng xóm đây,  học sách Tam tự kinh/ Chim chọt bay qua  còn kêu vắng lại một tiếng/ Thơ làm lúc cùng  khí cốt không tục/ Khi say làm việc, tâm hồn  càng hăng/ Tuổi già về nghỉ chớ lo ít bạn/  Ông Bành Trạch xưa chỉ thân với một cây đàn  không dây.</p>
<p><b>13. Xuân hính (Hính xuân)</b>  <i>Đông song độc chúc tọa xuân hàn,  Tiểu túc tân tài lộ vị can.  Hà xír cô hồng thê dã thụ,  Vô cùng thúy thảo nhập giang can.  Âm vân vị áp thiên sơn họa,  Cức bút vi thành nhất tự nan.  Hốt ức trấp niên du lãm xír,  Thử thời hoài bão vị vi khoan.</i></p>	<p>Ngồi uống rượu một mình bên cửa sổ phía  đông trong tiết xuân gió lạnh/ Khóm cúc nhỏ  mới trồng, sương hãy chưa khô/ Con chim  hồng lẻ loi ở chốn nào về, đậu trên cây ngoài  nội/ Cỏ xanh môn môn ngút mắt, trái tới tận bờ  sông/ Mây mù che lấp được đường nét như vẽ  của ngàn núi non/ Bút gai viết lách cũng khó,  tuy chỉ là một chữ/ Bỗng nhớ đến những nơi  du lãm thuở hai mươi năm ấy/ Những điều  hoài bão thuở ấy chưa phải không còn da diết/</p>
<p><b>14. Túc sự (Túc sự)</b>  <i>Độc tọa bắc song thượng,  Nhật vũ hà thê thê.  Hàn đa tân cốc vãn,  Vân trọng viễn sơn đê.  Tám nhuận tường sinh nhĩ,  Oanh vu tửu đảo tề.  Bất tri xuân sắc đạm,  Nhất điều lược sơn tề.</i></p>	<p>Ngồi một mình ở cửa sổ phía bắc,  Ngày nào cũng mưa lạnh lẽo làm sao!  Rét nhiều nên lúa mới bị muện,  Mây dày núi xa như thấp xuống.  Nước mưa ngấm lâu bức tường đã mọc tai,  Rượu uống vào quanh co xuống đến tận rốn.  Không biết màu xuân đã lạt,  Một con chim bay vượt qua phía tây núi.</p>

<p><b>15. Sơ hạ (Đầu mùa hè)</b>  Tạc dạ trì biên sinh nộn hà,  Thần song bất giác hạ sơ qua.  Bán không phong dẫn diên ngâm dịch,  Kỷ xứ chi tàng ương lộng ca.  Áp phụ tương tranh ngôn ngữ tục,  Lân quan bất mị tính tình đa.  Du nhiên phù trượng dục thừa hứng,  Mãn nhõn trần ai nại nhĩ hà?</p>	<p>Đêm qua, bên ao búp sen đã nhú/ Buổi sáng  bên cửa sổ bất giác đã chớm sang hè/ Lung  trời, gió đưa tiếng sáo điều vắng tới/ Đây đó,  khuất trong cành cây chim chóc riu ran/ Mấy  bà nhà quê cãi nhau, lời qua tiếng lại tục tĩu/  Bác hàng xóm góa vợ không ngủ được, trong  lòng bao nỗi ngổn ngang/ Muốn nhân hứng  lâng lâng chống gậy dạo chơi/ Nhưng đầy  mắt là bụi bặm biết làm sao được.</p>
<p><b>16. Hạ nhật tân tình (Ngày hè, mới tạnh mưa)</b>  Kỷ đắc tân tình nhất khái phi,  Vân gian dung dữ xuất hoàng y.  Lão tâm ái tảo, miên tương khởi,  Tân cốc hàm huyền, phúc tiệp phi.  Mục thụ hoành tiên khu độc quá,  Lân ông phù trượng khán diên quy.  Bắc song độc tọa thêm bôi tửu,  Hà xứ hàn nha triệt đồ phi.</p>	<p>Mừng được trời mới hửng nắng, vội mở cửa ra/  Thấy trên mây lững thững hiện ra bóng áo vàng/  Tầm già thích khô ráo, đương ngủ sắp trở dậy/  Lúa mới ngâm hơi ẩm, đong đong dần dần  mắm ra/ Chú bé chăn trâu cầm ngang chiếc roi  xua nghé đi qua/ Ông già bên xóm chống gậy đi  thăm ruộng trở về/ Một mình ngồi bên cửa sổ  hương bác, uống thêm chén rượu/ Chỉ thấy  chiếc quạt ở đâu tha rẽ cây bay qua.</p>
<p><b>17. Hỷ vũ II (Mừng mưa II)</b>  Tây phong bất vũ, vũ chi hà,  Đắc vũ nam phong đắc hựu đa.  Khổ nhiệt phi khâm đương địa lại,  Ái lương thừa lựu cúc thiên hòa.  Du du thảo mộc hữu sinh sắc,  Hốt hốt sơn lâm vô túc kha.  Diên bộc quy lai đạo hòa hảo,  Thủ trì giải cấu quả đài soa.</p>	<p>Gió tây không mưa, mưa làm sao được!  Gió nồm đưa mưa tới thì mưa lại nhiều.  Khổ vì nóng, phan áo để đón gió,  Thích uống mát, bác ống máng để hứng mưa.  Cây cỏ mượt mà tràn đầy sức sống,  Núi rừng bỗng nhiên không còn ủ ê.  Người làm ở ngoài đồng về nói chuyện lúa tốt,  Tay thì cầm giỏ cua, mình khoác áo toi./</p>
<p><b>18. Hạ nhật (Ngày hè)</b>  Khinh phong nộn thử hạ chi sơ,  Đại tuý cuồng ngâm độc hữu dư.  Thị phụ thừa bàn cung thực lệ,  Diên ông phát cấu mại tiên ngư.  Túc tinh sạ khởi nhất văn trĩ,  Cựu cú vị vong tảo kiểm thư.  Bồng tất thử gian dung lão bệnh,  Thê thê trần lộ cánh hà như?</p>	<p>Đầu mùa hè, gió nhẹ, nắng còn yếu/ Riêng có  mình ta say tí lại ngâm vang/ Bà hàng bung  mâm đem biếu vải chín/ Ông thợ cày dóc đó  bán cho ta cá tươi/ con say rượu chột tỉnh dậy  đã nghe chim trĩ gáy/ Câu cũ chưa quên,  nhưng cũng luôn luôn giờ sách ra xem/ Ở đây  nhà tranh, phen nửa đủ vui cho tuổi già yếu/  Không biết cứ tất tả trên đường đời mãi rồi ra  thế nào?</p>

<p><b>19. Hạ nhật vãn điều (Ngắm chiều hè)</b>  <i>Tứ nguyệt sơ hồi thử khí nùng,  Nhất thanh đề điều lục âm trung.  Gia nhân sái cốc tranh đào vũ,  Phụ nữ dăng tà nghệ hộ phong.  Nguyên tháp tham thiên quy diệp vãn,  Vân âm phúc nhật ảnh do hồng.  Bách niên dịch dịch thủy vô sự,  Tán phát thừa lương độc nãi ông.</i></p>	<p>Mới đầu tháng tư, khí trời đã nóng nực/ Một tiếng chim hót trong lùm cây xanh/ Người nhà phơi lúa tranh nhau chạy mưa/ Đàn bà nuôi tằm tìm cách chắn gió/ Ruộng lầy, người đi làm tham buổi về muộn/ Mây khói che mặt trời vẫn còn rạng ánh hồng/ Cuộc đời tất cả đều tui bụi, có ai là người rồi việc/ Xoa tóc hóng mát, chỉ độc có ông lão này.</p>
<p><b>20. Thu lạo (Lượ mùa thu)</b>  <i>Vô đoan thu lạo trướng pha đường,  Thu vũ, thu phong thu khí lương.  Dã đĩnh một cao tam xích thiên,  Viên sơ bại diệp nhất phân hoang.  Nhiều đình xách thực nga khuy úng,  Tỵ tháp đầu can khuyến thượng sàng.  Thụy khởi đông phong sàu độc tọa,  Kim hà diểu diểu vọng thiên phương.</i></p>	<p>Bỗng dưng lượ thu dăng lên ngập hết ao bờ/ Mưa thu, gió thu làm cho khí thu mát mẻ/ Thuyền đi ngoài đồng, nước lút con sào, nơi nông cũng ba thước/ Vườn rau nát cả lá, bỏ hoang mất một phần/ Con ngỗng tìm ăn quanh sân, ngó đầu vào vại/ Con chó tránh ướt tìm khô, nhảy lên cả giường/ Ngủ dậy, buồn ngồi một mình với gió đông/ Xa xa khắp mọi phía chỉ thấy một màu lau lách.</p>
<p><b>21. Tiểu viên I (Vườn nhỏ I)</b>  <i>Hà xứ huân phong nhập thảo đường,  Đông song thủy giác mộng hồn lương.  Lan tùng diệp chiến hương quy tụ,  Trà uyển quang dao ảnh thượng lương.  Nhiều thế thiềm tranh kính lạp nghĩ,  Cách chi tước tứ bộ thiên lang.  Tiểu viên diệp hữu vô cùng thú,  Bằng kỳ trầm ngâm độc tị lường.</i></p>	<p>Gió ấm từ nơi nào thổi vào nhà tranh/ Ngủ dậy bên cửa sổ phía đông, hồn mộng mát mẻ/ Khóm lan, lá xô sát nhau, đưa mùi hương vào tay áo/ Chén trà rọi bóng, sáng lóng lánh trên xà nhà/ Bên thềm, con cóc đớp con kiến đang vác hạt gạo/ Cành cây bên cạnh, chim sẻ rình con bọ ngựa đang bắt ve/ Vườn nhỏ cũng có thú vị vô cùng/ Trầm ngâm ngồi tựa ghé, một mình suy nghĩ.</p>
<p><b>22. Tiểu viên II (Vườn nhỏ II)</b>  <i>Lang thụ sâm si trúc ảnh tà,  Viên tiền tương đối nhỡn trung hoa.  Đồ thư dăng các tân vãn thiếu,  Nhi phụ liên tường tục thoại đa.  Đắc vũ kinh phong nan túng diệp,  Tọa phong thiển thủy bất thành ba.  Cận lai bão úng tiêu lao thậm,  Tao thủ tây phong nãi nhĩ hà?</i></p>	<p>Rặng cau nhấp nhô, bóng tre chênh chéch/ Giáp mặt nhìn vườn, mắt thấy mờ nhoen/ Cát trên gác, sách vở không còn mấy quyển mới/ Bên kia vách, người mẹ ru con điệu dân ca/ Cành cây trĩu mưa, khó đung đưa lá/ Làn nước nông sò không gợn thành sóng/ Gàn đây ôm vò rượu mà người mệt nhọc/ Vò đầu, bút tóc trước gió tây biết làm thế nào đây?</p>

<p><b>23. Điền gia tự thuật (Nhà nông tự thuật)</b>  <i>Thượng hoàng băng nãi hã,  Hát kim lịch ngũ khảo.  Nhàn cư sĩ tổ xan,  Nhi thực diệc cầu bão.  Sở dĩ điền nhĩ điền,  Duy thị bảo ngô bảo.  Thâm canh dĩ khởi thổ,  Dị nâu dĩ trừ thảo.  Phân chi trạch như cao,  Vân chi tĩnh như tảo.  Trú dạ bất hoàng hư,  Tâm lực vô di xảo.  Do lự thiên vũ lâm,  Do lự hà thủy tảo.  Phát bao úy phong nghịch,  Lập miêu khủng hạn cáo.  Hạnh nhi tứ thời điều,  Phương vọng tân cốc hảo.  An tri tân cốc hảo,  Hữu vị thạc thử giáo.  Miễn tai tận đương vi,  Cơ hàn bất khả bảo.</i></p>	<p>Vua cha băng hà thì ta cáo lão,  Tới nay đã trải năm lần xét công.  Ở rồi thì xấu hổ về nổi ngồi ăn không,  Mà ăn cũng cần được no bụng.  Cho nên ta cày ruộng của ta,  chỉ là bấu cái vật bấu của ta.  Cày sâu để xới đất,  Bừa kỹ để trừ cỏ.  Bón phân cho đất thêm màu,  Làm cỏ cho đất sạch sẽ.  Ngày đêm không kịp nghỉ ngơi,  Tâm lực khôn khéo bao nhiêu dốc ra hết.  Còn lo nổi trời mưa dầm,  Còn lo nổi nước sông lên sớm.  Lúa trở đòng sợ gặp trái gió,  Khi đâm bông sợ bị nắng khô.  May mà được bốn mùa điều hòa,  Mới mong lúa mới được tốt.  Nào hay lúa mới tốt,  Lại bị nạn chuột cắn.  Hãy cố gắng làm hết phận sự mình,  Khó mà giữ được khỏi đói rét.</p>
<p><b>24. Hung niên I (Năm mất mùa I)</b>  <i>Vũ đã hàn song nhất bán khai,  Thôi khâm khởi tọa trưởng nhiên hoài.  Đàn văn lân phụ kỳ tân mạch,  Bất kiến thôn ông tổng cựu bồi.  Cổ quốc sơn hà chân thâm đạm,  Tha hương hồng nhận tối bi ai.  Niên cơ, khước quái thi thi giả,  Hà xứ phần gian yếm tức lai.</i></p>	<p>Mưa tạt vào cửa sổ lạnh lẽo, mở hé nửa  chùng/ Tung chắn ngồi dậy, dạ những bồi  hồi/ Chỉ nghe thấy tiếng mụ hàng xóm cầu  đào lúa mới/ Không thấy ông lão trong làng  đưa thứ rượu cũ đến/ Trông vơi non nước cũ  thật là thâm đạm/ Lũ chim hồng, nhận lạc  loài nơi tha hương rất là đau thương/ Năm  đói, nhưng lạ thay có kẻ nét mặt vẫn hớn hờ/  Chả biết nó về từ nơi cồn mả nào mà đến/</p>
<p><b>25. Điền gia tức sợ ngâm (Chuyện nhà  người nông phu)</b>  <i>Cách gia điền xá ông,  Gia trung phu, phụ, tử.</i></p>	<p>Hàng xóm có một nhà làm ruộng,  Nhà gồm có chồng, vợ và con.  Con thì vừa ngốc vừa ngây,  Vợ đã lảm mồm lại còn ác.</p>

<p> <i>Kỳ tử ngại thả si,          Kỳ phụ ngao nhi chi.          Chung nhật vô dụng tâm,          Duy kỳ lợi thị thị.          Kỳ ông lực câu hác,          Dĩ cung phụ, tử nhĩ.          Nhất nhật điền gian hồi,          Phụ nhân bất đắc ý.          Cháp trượng trượng kỳ phu,          Phu cụ tẩu lân lý.          Cháp trượng phụ trực chi,          Đông tây vô bất chí          Tử kiến tâm mang nhiên,          Đoạt trượng cập mẫu tí.          Mẫu thống vô nại hà,          Xả phụ nhi chi tử.          Cháp tử khiên tử qui,          Cáo sư thỉnh sự trị.          Sư chất tận diên mặt,          Đồ tiểu nan phần thị.          Ai tai nhất gia trung,          Hà dĩ chí như thử.          Phụ tử, phu phụ gian,          Khởi bất thức luân lý.          Chỉ vi ý thực mưu,          Sở dĩ sinh đồ kị.</i> </p>	<p>         Cả ngày không chú ý làm ăn,          Chỉ có nhăm nhăm vào điều lợi.          Chồng gia sức lặn lội trong lạch, ngoài ngòi.          Để kiếm cái ăn cho vợ, cho con.          Một hôm, chồng ở ngoài ruộng về,          Chị vợ có điều không vừa ý.          Liền vác gậy đánh người chồng,          Chồng sợ chạy sang hàng xóm.          Vợ cầm gậy đuổi theo,          Không đâu là không sục tới.          Con thấy thế vội vã,          Giật gậy phang vào tay mẹ.          Mẹ đau không biết làm thế nào,          Buông chồng mà đuổi theo con.          Bất lấy con giắt về,          Mách với thầy, nhờ thầy trị tội.          Thầy hỏi hết đầu đuôi,          Chỉ cười mà khó bề phân xử.          Thương thay trong một nhà,          Làm sao lại đến nỗi thế?          Giữa cha con, vợ chồng,          Họ há không biết gì đạo lý.          Chỉ vì chuyện áo cơm,          Mà sinh ra ghét bỏ nhau.       </p>
<p> <b>26. Xuân húng (Húng xuân)</b>  <i>Ngô niên ngũ thập lục chi niên,          Hàn vũ vi phi nhị nguyệt thiên.          Túy đảo ngữ ngôn vô khúc bộ,          Lão lai bì cốt hữu sơn xuyên.          Cô hồng hoảng hốt quá trì ảnh,          Bạc mộ mộng lung phù trúc yên.          Phú quý chỉ kim phi ngã phận,          Bất phùng ngọt tọa nhất đòi nhiên.</i> </p>	<p>         Tuổi ta là tuổi năm mươi sáu,          Mưa lạnh lất phất, trời đang tháng hai.          Say khướt nói năng không còn mạch lạc,          Già rồi, xương da nhăn nheo, lồi lõm như          núi với sông.          Bóng chim hồng cô đơn thấp thoáng qua ao,          Khói chiều mơ màng trôi trên ngọn trúc.          Ngày nay, giàu sang đâu phải ở phần ta,          Cho nên ngồi ngất ngưỡng một mình cũng          chẳng hề gì.       </p>



<p><b>27. Dạ muộn (Nỗi buồn ban đêm)</b>  <i>Quyện chằm bồi hồi độc khái phi,  Nam phong chàng trước tiện phi y.  Âm vân mạc mạc quần phong minh,  Tà ảnh thiêu thiêu tiểu nguyệt quy.  Tửu thực vũ lưu song quốc tặng,  Kính u dạ tận nhất huỳnh phi.  Bàng nhân mạc tiểu sơ dung thậm,  Thập ngũ niên tiền dĩ tức kỳ.</i></p>	<p>Mệt mỏi trên gối, bồi hồi một mình dậy mở cửa/  Gió nam thộc vào thổi bay tà áo/ Mây đen mù mịt, rặng núi sẫm đen/ Bóng chéch xa xa, mảnh trăng sắp lặn/  Rượu ngấm, mưa để lại cho đôi ếch/ Ngõ tối, đêm tàn sót lại một con đom đóm bay/  Người ngoài chớ cười ta quá lười nhác/ Từ mười lăm năm trước, ta đã nghỉ ngơi rồi.</p>
<p><b>28. Tức sự</b>  <i>Độc tọa bắc song thượng,  Nhật vũ hà thê thê.  Hàn đả tân cốc vãn,  Vân trọng viễn sơn đề.  Tảm nhuận tường sinh nhĩ,  Oanh vu tửu đảo tề.  Bất tri xuân sắc đạm,  Nhất điệu lược sơn tề (tây).</i></p>	<p>Ngồi một mình ở cửa sổ phía bắc,  Ngày nào cũng mưa, lạnh lẽo làm sao.  Rét nhiều nên lúa mới chín muộn,  Mây dày núi xa như thấp xuống.  Nước mưa ngấm lâu, bức tường đã mọc tai,  Rượu uống vào quanh co xuống đến tận rốn.  Không biết màu xuân đã nhạt,  Một con chim bay vượt qua phía tây núi.</p>
<p><b>29. Hỷ vũ 1 (Mừng mưa - 1)</b>  <i>Tạc dạ sầu phong hữu lạn tinh,  Điện quanh bất phát vô lô đình.  Bất tri cao vũ lai hà tự?  Khởi vọng sa điền nãi nhĩ thanh.  Chiêm ngưỡng thiên công phương cộ cộ,  Chuyển di huyền hóa tuyết minh minh.  Dân chi sở hỉ ngô chi hỉ,  Thả học Nhiêm ông ký thử đình.</i></p>	<p>Đêm qua, gió xào xạc buồn, có sao lấp láy/  Không có chớp giạt cũng không có sấm ran/  Chẳng hiểu trận mưa rào từ đâu/ Trờ dậy nhìn ruộng nương lại xanh như vậy/  Sức trời đáng phục, thật là mạnh mẽ/ Tạo hóa đổi thay, rất mực nhiệm màu/  Điều dân mừng cũng là điều ta mừng đó/ Hãy học “Ông râu dài” ghi lại về cái đình này.</p>
<p><b>30. Thu nhiệt (Mùa thu trời nóng)</b>  <i>Dĩ quá trùng dương khí thượng ôn,  Hàm bôi tận nhật ý sài môn.  Lục hoàn thủy đới nghi tương thúc,  Thanh nhiễm thiên y bất kiến ngân.  Phong thử thường như ngũ lục nguyệt,  Vũ lôi viễn nhập lưỡng tam thôn.  Quy lai toại ngã điền viên thú,  Thế sự tao đầu tiểu bất ngôn.</i></p>	<p>Đã qua tết Trùng dương mà khí trời còn nóng/  Suốt ngày chỉ ngồi tựa cửa sài uống rượu/  Dòng nước biếc vẩy quanh như cái đai thắt lại/  Da trời xanh ngắt như chiếc áo không thấy vết khô/  Nắng gió vẫn như ngày tháng Năm tháng Sáu/  Tuy có mưa sấm nhưng ở tận mấy làng xa/  Về nghỉ là được thoả cái thú điền viên của ta/  Còn mọi việc trên đời, có nghe thấy cũng chỉ gãi đầu mỉm cười không nói/</p>

<p><b>31. Thu vũ (Mưa thu)</b>  <i>Nhất chẩm đòi nhiên thụ khởi trì,      Bất tri thu vũ đã sài phi.      Tân hành đới thấp thiếu nhan sắc,      Phấn thiết vô thanh thù thị phi.      Thị tửu chỉ duy hoàng cúc đạo,      Từ quan bất úy bạch âu nghi.      Cận văn tân trưởng thêm đường thủy,      Túy bāi hô đồng phát điệu ky.</i></p>	<p>Ngủ một giấc mê mệt, trở dậy muộn/ Không biết mưa thu đập vào cửa sài/ Những nhánh non đắm nước, kém phần môn mơn/ Chim khướu không hót, lấy ai bẻ bai/ Mê rượu, chỉ thích có cúc vàng, nếp hương/ Từ quan về, chẳng sợ chim âu trắng ngờ vực/ Gần đây, nghe tin nước lên, tràn cả vào ao/ Uống rượu xong, gọi trẻ dọn hòn đá ngồi câu.</p>
<p><b>32. Quan hoạch (Xem gặt)</b>  <i>Thử khí viêm chưng hạ nhật trường,      Nho gia điền sự thái phân mang.      Mỗi sấu hữu túc đa sinh nhiệt,      Hựu khủng vô hoà thả phạp lương.      Tân phạn kiêm thu liên bản cốc,      Dữu khuân chỉ tại cập kiên tường.      Thế gian vạn sự năng như nguyện,      Phong dục doanh môn túc mãn đường.</i></p>	<p>Ngày hạ chang chang nắng kéo dài,      Nhà nho mùa đến việc bồi bồi.      Đã e có thóc, nhà thêm nóng,      Lại sợ không lương, bụng đói hoài.      Tiếc củi, rơm thường vơ tận gốc,      Dọn kho, tường thấp chỉ ngang vai.      Việc đời nếu cứ mong mà được,      Thì thóc đầy nhà, gió khắp nơi.      (Đỗ Ngọc Toại dịch)</p>
<p><b>33. Hung niên - II (Năm mất mùa - II)</b>  <i>Hạn thậm đông tiền cốc bất thu,      Thê phong kim hạ lãnh như thu.      Phiền gian thặng chúc tăng xan vị,      Ứng để lưu phôi khảng tuý vô.      Quốc vận nhược vi gia vận ách,      Đại nhân ung tác thử nhân hô.      Mạc thán tâm thường cơ ngã thậm,      Thì cùng phương thị kiến chân ngô.</i></p>	<p>Vụ đông trước vì đại hạn nên mùa đã mất/ Vụ hạ này lại gió rét, lạnh như mùa thu/ Cháo thừa ở bãi tha ma đã từng ăn chưa/ Rượu sót ở đáy hũ có thềm uống không/ Ví phỏng vận nước cũng bị tai ách như vận nhà/ Thì những hạng “ông lớn” đều đáng gọi là “ông lợn” cả/ Đói kém chỉ là việc tầm thường, đừng than vãn lắm/ Chỉ đến lúc cùng, mới thấy được cái bản sắc của ta.</p>

## \* Thơ chữ Nôm

<p><b>1. Lên lão</b>      Ông chẳng hay ông tuổi đã già,      Năm lăm ông cũng lão đây mà.      Anh em làng xóm xin mời cả,      Giò bánh, trâu heo cũng gọi là.      Chú Đáo bên làng lên với tớ,      Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.      Bây giờ đến bậc ăn dung nhĩ,      Có rượu thời ông chống gậy ra.</p>	<p><b>2. Khai bút</b>      Ình ịch đêm qua trông các làng,      Ai ai mà chẳng rước xuân sang.      Rượu ngon nhấp giọng đưa vài chén,      Bút mới xô tay thử một hàng.      Ngoài lũy nhấp nhô cò cộ tổng,      Cách ao lệt đệt pháo thầy Nhang.      Một năm một tuổi, trời cho tớ,      Tuổi tớ trời cho, tớ lại càng...</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p><b>3. Chôn quê</b>          Năm nay cày cấy vẫn chân thua,          Chiêm mất đặng chiêm, mùa mất mùa.          Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,          Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.          Sớm trưa đưa muối cho qua bữa,          Chợ búa trâu cau chẳng dám mua.          Tàn tiện thế mà không khá nài,          Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho.</p>	<p><b>4. Vịnh lụt</b>          Tỵ trước Tỵ này chục lẻ ba,          Thuận dòng nước cũ lại bao la.          Bóng thuyền thấp thoáng giời trên vách,          Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.          Bắc bậc người còn chờ chúa đến,          Đóng bè ta phải rước vua ra.          Sửa sang việc nước cho yên ổn,          Trời đã sinh ta ắt có ta.</p>
<p><b>5. Nước lụt Hà Nam</b>          Quai Mễ Thanh Liêm đã lở rồi,          Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi.          Gạo dăm ba bát cơ còn kém,          Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.          Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng.          Chiếc thuyền len lỏi bóng trăng trôi.          Đi đâu cũng thấy người ta nói,          Mười chín năm nay lại cát bồi.</p>	<p><b>6. Đến chơi nhà bác Đặng</b>          Gậy men ngõ rậm dạo đường quai,          Quá bước lên nhà bác Đặng chơi.          Một lũ tóc râu ai tuổi tác,          Nửa phần làng xóm đã thay đời.          Trâu gà gốc bụi phì hơi nắng,          Chó nhỏ bên ao cắn tiếng người.          Ngửa mặt ông kia chơi mới khỏe,          Suốt hôm một sáo thổi lưng trời.</p>
<p><b>7. Nhớ núi Đọi I</b>          Hai mươi năm cũ đã lên đây,          Phong cảnh nhà chiền vẫn chửa khuây.          Chiếc bóng lưng trời am các quạnh,          Mảnh bia thưở trước bể dâu đầy.          Li ti nghìn xóm quanh ba mặt,          Lớ nhớ muôn ông lẩn một thầy.          Nghĩ lại bực cho dòng nước chảy,          Đi đâu mà chảy cả đêm ngày.</p>	<p><b>8. Nhớ núi Đọi II</b>          Già yếu xa xôi bấy đến nay,          Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay.          Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,          Sư cụ nằm chung với khói mây.          Dặm thế, ngõ đầu tầng trúc ấy,          Thuyền ai khách đọi bén dâu đây?          Chuông xưa vắng tiếng người không biết,          Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.</p>
<p><b>9. Chợ Đổng</b>          Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đổng,          Năm nay chợ họp có đông không?          Dở trời, mưa bụi còn hơi rét,          Ném rượu, tường đình được mấy ông?          Hàng quán người về nghe xao xác,          Nợ nần năm hết hỏi lung tung.          Dăm ba ngày nữa tin xuân tới,          Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.</p>	<p><b>10. Thu ẩm</b>          Năm gian nhà cỏ thấp le te,          Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.          Lung giậu phát phơ màu khói nhạt,          Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.          Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?          Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.          Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy,          Độ năm ba chén đã say nhè.</p>

<p><b>11. Thu vịnh</b>  Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,  Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.  Nước biếc trông như tầng khói phủ,  Song thưa để mặc bóng trăng vào.  Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,  Một tiếng trên không ngỗng nước nào?  Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,  Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.</p>	<p><b>12. Thu điếu</b>  Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,  Cá đâu đớp động dưới chân bèo.</p>
<p><b>13. Bạn đến chơi nhà</b>  Đã bấy lâu nay bác tới nhà,  Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.  Ao sâu nước cả, khôn chài cá,  Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.  Cải chửa ra cây, cà mới nụ,  Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.  Đầu trò tiếp khách, trầu không có,  Bác đến chơi đây ta với ta.</p>	<p><b>14. Lự hỏi thăm bạn</b>  Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,  Lự lội năm nay bác ở đâu?  Mấy ổ lợn con rày lớn, bé?  Vài gian nếp cái nếp nông, sâu?  Phận thua, suy tính càng thêm thiệt,  Tuổi cả, chơi bời hoạ sống lâu.  Em cũng chẳng no mà chẳng đói,  Thung thăng chiếc lá, rượu lưng bầu.</p>